

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN
BẾN BÀI VẠN TÀI SÀI GÒN
(STP.JSC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÀI VẠN TÀI SÀI GÒN

Tên viết tắt: TPS

Địa chỉ trụ sở chính: 720, Quốc lộ 1A, khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP.HCM

Điện thoại: 028 37161333

Fax: 028 37160891

Website: stp@benbaivantaisaigon.com.vn

Loại thông tin công bố:

Định kỳ 24h 72h Theo yêu cầu Khác

Nội dung thông tin công bố:

Công ty CP Bến bãi Vạn tài Sài Gòn, mã chứng khoán: TPS xin công bố với Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội về Biên bản và Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2021.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 19/5/2021 tại đường dẫn <http://benbaivantaisaigon.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố./.

TPHCM, ngày 19 tháng 05 năm 2021

Đại diện doanh nghiệp

(Chữ ký, họ tên và đóng dấu)



Trần Hiếu

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN
BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN
(STP.JSC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21./NQ-ĐHDCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 5 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn;

Căn cứ nội dung chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Căn cứ biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 19 tháng 5 năm 2021.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Báo cáo số 08/BC-HĐQT ngày 23/4/2021 của Ban điều hành Công ty về Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

a) Các chỉ tiêu thực hiện năm 2020		
- Doanh thu	:	42.100.359.706 đồng.
- Lợi nhuận trước thuế	:	17.944.220.293 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế	:	15.380.246.851 đồng.
- Nộp ngân sách	:	4.628.838.551 đồng.
- Tiền lương bình quân		11.340.000 đồng/ng/tháng.
+ Người lao động	:	10.660.000 đồng/ng/tháng.
+ Người quản lý doanh nghiệp	:	35.870.000 đồng/ng/tháng.
b) Kế hoạch kinh doanh năm 2021		
- Doanh thu	:	43.785.000.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế	:	17.964.011.037 đồng



- Lợi nhuận sau thuế	:	14.271.208.000 đồng
- Nộp ngân sách	:	7.060.000.000 đồng.
- Tiền lương bình quân		11.520.000 đồng/ng/tháng.
+ Người lao động	:	10.660.000 đồng/ng/tháng.
+ Người quản lý doanh nghiệp	:	36.000.000 đồng/ng/tháng.
c) Kế hoạch đầu tư năm 2021		25.875.325.000 đồng.
d) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 cho phù hợp với tình hình thực tế.		

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Báo cáo số 09/BC-HĐQT ngày 23/4/2021 của Ban điều hành Công ty về tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ III (2016-2020) và phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ IV (2021-2025).

Điều 3. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Báo cáo số 10/BC-HĐQT ngày 23/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty về Báo cáo kết quả thực hiện đầu tư năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

Điều 4. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Báo cáo số 11/BC-HĐQT ngày 23/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty về Báo cáo kết quả thực hiện Đầu tư nhiệm kỳ III (2016-2020) và phương hướng nhiệm kỳ IV (2021-2025).

Điều 5. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Báo cáo số 13/BC-HĐQT ngày 23/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty về Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2020.

Điều 6. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Báo cáo số 14/BC-HĐQT ngày 23/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty về Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Nhiệm kỳ III (2016-2021) và phương hướng nhiệm kỳ IV(2021-2026).

Điều 7. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Báo cáo ngày 31/3/2021 của Ban kiểm soát Công ty về Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020.

Điều 8. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Báo cáo ngày 31/3/2021 của Ban kiểm soát Công ty về Báo cáo của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021.

Điều 9. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua tờ trình 20/TTr-STP ngày 06/5/2021 của Hội đồng quản trị về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Điều 10. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Tờ trình 12/TTr-STP ngày 23/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thông qua Hồ sơ Đề xuất dự án của Dự án: “Mở rộng Bến xe An Sương”.

Điều 11. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Tờ trình số 15/TTr-HĐQT ngày 23/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty về Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020, tổng quỹ lương, thù lao thành viên HĐQT, Ban KS, phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ kế hoạch năm 2021 và một số vấn đề khác.

11.1. Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2020:

Tổng Doanh thu	:	42.100.359.706 đồng
Lợi nhuận trước thuế:	:	17.944.220.293 đồng
Lợi nhuận sau thuế (LNPP)	:	15.380.246.851 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển (5%)	:	769.012.342 đồng
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi, trong đó:	:	3.261.960.000 đồng
+ Quỹ khen thưởng	:	815.490.000 đồng
+ Quỹ phúc lợi	:	2.446.470.000 đồng
- Quỹ Thưởng HĐQT, Ban KS, Ban điều hành Công ty	:	152.804.500 đồng
Lợi nhuận năm 2020 còn lại sau trích lập quỹ, chia cổ tức	:	1.196.470.009 đồng
Lợi nhuận năm trước còn lại	:	4.193.364.051 đồng
Tổng lợi nhuận còn để lại	:	5.389.834.060 đồng
+ Chia cổ tức	:	20%/VDL
+ Chi trả cổ tức bằng tiền	:	10.000.000.000 đồng
<p><i>Căn cứ theo nghị quyết số 32/NQ-HĐQT ngày 18/12/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty đã thực hiện chốt danh sách cổ đông tại ngày 31/12/2020 chi tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền với tỉ lệ 15%/VDL tương đương</i></p>		

7.500.000.000 đồng.

11.2. Dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:

Tổng Doanh thu	:	43.785.000.000 đồng
Lợi nhuận trước thuế:	:	17.964.011.037 đồng
Lợi nhuận sau thuế (LNPP)	:	14.271.208.000 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển	:	Trích 5% lợi nhuận phân phối
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	Trích 03 tháng lương bình quân thực hiện của NLĐ nếu lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn lợi nhuận kế hoạch.
- Thưởng HĐQT, Ban KS, Ban điều hành Công ty	:	Trích 1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách nếu lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn lợi nhuận kế hoạch.
Tỷ lệ chia cổ tức năm 2021	:	Dự kiến từ 10% - 20%/VĐL

11.3. Dự kiến Tổng quỹ lương năm 2021:

Tổng Doanh thu	:	43.785.000.000 đồng
Lợi nhuận sau thuế (LNPP)	:	14.271.208.000 đồng
Tổng quỹ lương của Công ty	:	14.889.120.000 đồng
- Quỹ lương Người quản lý công ty	:	1.585.440.000 đồng
- Quỹ lương Người lao động	:	13.303.680.000 đồng
- Tổng thù lao thành viên HĐQT, Ban KS	:	530.400.000 đồng

11.4. Mức thù lao thành viên HĐQT, Ban KS năm 2021:

Chủ tịch HĐQT	:	9.000.000 đồng/người/tháng
---------------	---	----------------------------

Thành viên Hội đồng quản trị	:	6.400.000 đồng/người/tháng
Thành viên Ban kiểm soát	:	4.800.000 đồng/người/tháng

11.5. Quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty năm 2021:

Trích 1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người quản lý Công ty chuyên trách nếu lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn lợi nhuận kế hoạch (theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐ-TBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016).

11.6. Về lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021: Chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

Điều 12. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Tờ trình số 16/TTr-HĐQT ngày 23/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và ban hành Điều lệ Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Tờ trình số 17/TTr-HĐQT ngày 23/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty về việc Miễn nhiệm Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2016 – 2021), thông qua danh sách ứng viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Nhiệm kỳ IV (2021-2026).

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông thống nhất Thông qua kết quả bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty Nhiệm kỳ IV (2021-2026):

• **Thành viên Hội đồng quản trị :**

1. Ông Ngô Quang Trung
2. Ông Nguyễn Xuân Điền
3. Ông Trần Hiếu
4. Bà Lê Thuý Hằng
5. Bà Phan Thị Trang

• **Thành viên Ban Kiểm soát :**

1. Bà Lê Thị Thanh Thuận
2. Bà Nguyễn Vũ Anh Thư
3. Ông Võ Văn Đức

Điều 15. Hội đồng quản trị và ban kiểm soát bầu Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát của Công ty Nhiệm kỳ IV (2021-2026):

1. Ông Ngô Quang Trung - Chủ tịch HĐQT
2. Bà Lê Thị Thanh Thuận - Trưởng Ban kiểm soát Công ty

Điều 16. Giao Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn tổ chức triển khai thực hiện các nội dung tại Nghị quyết này và báo cáo tình hình thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông kỳ tới.

Điều 17. Điều khoản thi hành

17.1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn được lập, công bố và thống nhất thông qua trước toàn thể cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 vào lúc 10 giờ 45 phút ngày 19 tháng 5 năm 2021.

17.2. Giao Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và đăng tải trên Website của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (www.benbaivantaisaigon.com.vn) theo quy định của pháp luật về công bố thông tin. Ban kiểm soát có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

17.3. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban, đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn chịu trách nhiệm và thi hành Nghị quyết này theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Nơi nhận:

- UBCKNN, SGDCCKHN (để b/c);
- Tổng Công ty Samco (để b/c);
- CBT trên Website Cty;
- TV.HĐQT, Ban TGD Cty;
- BKS Cty, Cổ đông;
- Đảng ủy, CD, ĐTN Cty;
- Các Phòng ban, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT(01b).N.17.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Ngô Quang Trung

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2021

**BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN**

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn
- Trụ sở chính : 720, Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, phường Thạnh Lộc, Quận 12, TPHCM
- Điện thoại : (028) 3716 1587 Fax: (028) 3716 0891
- Mã số doanh nghiệp : Số 0301114089 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/05/2006, cấp thay đổi lần thứ X ngày 18/03/2019
- Thời gian : 08 giờ 30 ngày 19 tháng 05 năm 2021
- Địa điểm : 720, Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, phường Thạnh Lộc, Quận 12, TPHCM

PHẦN 1: GIỚI THIỆU – KHAI MẠC CUỘC HỌP

1. Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu

Bà Lê Thị Thanh Thuận – Trình bày Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu:

- Tổng số cổ đông mời tham dự theo hình thức trực tuyến: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày **22/04/2021**, sở hữu **5.000.000** cổ phần có quyền biểu quyết của CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn.
- Lúc 8 giờ 20 phút , số lượng đại biểu tham dự Đại hội theo hình thức trực tuyến gồm 26 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 4.612.465 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 92,25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn.

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của CTCP Bến bãi Vận tải Sài Gòn đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

2. Thông báo danh sách chủ tọa đoàn

Nhân sự Đoàn chủ tọa như sau:

- Ông Ngô Quang Trung – Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa
- Ông Trần Hiếu – Thành viên HĐQT – Thành viên

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua nhân sự Đoàn chủ tọa.

3. Chủ tọa giới thiệu Thư ký Đại hội gồm:

- Bà Phạm Phương Nhã - Thư ký HĐQT
- Bà Diệp Lâm Mỹ Ngọc - TP. TCHC

4. Đại hội biểu quyết thông qua danh sách Ban kiểm phiếu:

Nhân sự Ban kiểm phiếu như sau:

- Ông Phạm Đình Đài – Trưởng Ban kiểm phiếu
- Ông Trịnh Tuấn Hùng – Thành viên Ban kiểm phiếu
- Ông Châu Hoàng Long – Thành viên Ban kiểm phiếu

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua nhân sự Ban kiểm phiếu.

5. Thông qua Chương trình Đại hội

Ông Trần Hiếu – Chủ tọa đoàn trình bày nội dung chương trình tại Đại hội.

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua Chương trình Đại hội.

6. Thông qua Quy chế làm việc và Quy chế bầu cử tại Đại hội

Ông Trần Hiếu – Thành viên đoàn Chủ tọa trình bày Quy chế làm việc và Quy chế bầu cử tại Đại hội.

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua Quy chế làm việc và Quy chế bầu cử tại Đại hội.

PHẦN 2: NỘI DUNG ĐẠI HỘI

Đại hội nghe trình bày những nội dung sau:

Nội dung 01: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

Người trình bày: Bà Lê Thúy Hằng – Thành viên HĐQT

Nội dung 02: Thông qua báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ III (2016-2020) và phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ IV (2021-2025).

Người trình bày: Bà Lê Thúy Hằng – Thành viên HĐQT

Nội dung 03: Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện đầu tư năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

Người trình bày: Ông Trần Hiếu – Thành viên HĐQT

Nội dung 04: Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện Đầu tư nhiệm kỳ III (2016-2020) và phương hướng nhiệm kỳ IV (2021-2025)

Người trình bày: Ông Trần Hiếu – Thành viên HĐQT

Nội dung 05: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2020

Người trình bày: Ông Nguyễn Xuân Điền – Thành viên HĐQT

Nội dung 06: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Nhiệm kỳ III (2016-2021) và phương hướng nhiệm kỳ IV(2021-2026)

Người trình bày: Ông Trần Hiếu – Thành viên HĐQT

Nội dung 07: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020.

Người trình bày: Bà Lê Thị Thanh Thuận – Trưởng BKS

Nội dung 08: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021.

Người trình bày: Bà Lê Thị Thanh Thuận – Trưởng BKS

Nội dung 09: Thông qua tờ trình Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Người trình bày: Bà Lê Thúy Hằng – Thành viên HĐQT

Nội dung 10: Thông qua Hồ sơ Đề xuất dự án của Dự án: “Mở rộng Bến xe An Sương”.

Người trình bày: Ông Trần Hiếu – Thành viên HĐQT

Nội dung 11: Thông qua Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020, tổng quỹ lương, thù lao thành viên HĐQT, Ban KS, phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ kế hoạch năm 2021 và một số vấn đề khác.

Người trình bày: Bà Lê Thúy Hằng – Thành viên HĐQT

Nội dung 12: Thông qua tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và ban hành Điều lệ Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.

Người trình bày: Bà Lê Thúy Hằng – Thành viên HĐQT

Nội dung 13: Thông qua tờ trình về việc Miễn nhiệm Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2016 – 2021), thông qua danh sách ứng viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Nhiệm kỳ IV (2021-2026).

Người trình bày: Ông Nguyễn Xuân Điền – Thành viên HĐQT

PHẦN 3: THẢO LUẬN

Sau khi nghe Ban lãnh đạo Công ty trình bày các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông, không có đại biểu nào nêu câu hỏi thảo luận đến đoàn chủ tịch

PHẦN 4: BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG

Tổng số phiếu phát ra: 28 đại diện cho 4.623.427 CP, chiếm 100,0000% Tính trên số CP biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu thu về: 28 đại diện cho 4.623.427 CP, chiếm 100 % Tính trên số CP biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không thu về: 0 đại diện cho 0 CP, chiếm 0 % Tính trên số CP biểu quyết dự họp.

Nội dung 01: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021:

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 28 - Số cổ phần: 4.623.427 CP - Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp

Số phiếu không tán thành: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Số phiếu không ý kiến: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Số phiếu không hợp lệ: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

Nội dung 02: Thông qua Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ III (2016-2020) và phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ IV (2021-2025).

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 28 - Số cổ phần: 4.623.427 - Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp

Số phiếu không tán thành: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Số phiếu không ý kiến: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Số phiếu không hợp lệ: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ III (2016-2020) và phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ IV (2021-2025).

Nội dung 03: Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện đầu tư năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 28 - Số cổ phần: 4.623.427 - Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Báo cáo kết quả thực hiện đầu tư năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

Nội dung 04: Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện Đầu tư nhiệm kỳ III (2016-2020) và phương hướng nhiệm kỳ IV (2021-2025)

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 28 - Số cổ phần: 4.623.427 - Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Báo cáo kết quả thực hiện Đầu tư nhiệm kỳ III (2016-2020) và phương hướng nhiệm kỳ IV (2021-2025).

Nội dung 05: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2020.

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 28 - Số cổ phần: 4.623.427 - Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2020.

Nội dung 06: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Nhiệm kỳ III (2016-2021) và phương hướng nhiệm kỳ IV(2021-2026)

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 28 - Số cổ phần: 4.623.427 - Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Số phiếu không ý kiến: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Số phiếu không hợp lệ: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Nhiệm kỳ III (2016-2021) và phương hướng nhiệm kỳ IV(2021-2026).

Nội dung 07: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020.

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 28 - Số cổ phần: 4.623.427 - Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp

Số phiếu không tán thành: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Số phiếu không ý kiến: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Số phiếu không hợp lệ: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020.

Nội dung 08: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 28 - Số cổ phần: 4.623.427 - Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp

Số phiếu không tán thành: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Số phiếu không ý kiến: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Số phiếu không hợp lệ: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021.

Nội dung 09: Thông qua tờ trình Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 28 - Số cổ phần: 4.623.427 - Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp

Số phiếu không tán thành: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Số phiếu không ý kiến: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Số phiếu không hợp lệ: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Tờ trình Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Nội dung 10: Thông qua Hồ sơ Đề xuất dự án của Dự án: “Mở rộng Bến xe An Sương”.

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 28	- Số cổ phần: 4.623.427	- Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Hồ sơ Đề xuất dự án của Dự án: “Mở rộng Bến xe An Sương”.

Nội dung 11: Thông qua Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020, tổng quỹ lương, thù lao thành viên HĐQT, Ban KS, phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ kế hoạch năm 2021 và một số vấn đề khác.

11.1. Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2020:

Tổng Doanh thu	:	42.100.359.706 đồng
Lợi nhuận trước thuế:	:	17.944.220.293 đồng
Lợi nhuận sau thuế (LNPP)	:	15.380.246.851 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển (5%)	:	769.012.342 đồng
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi, trong đó:	:	3.261.960.000 đồng
+ Quỹ khen thưởng	:	815.490.000 đồng
+ Quỹ phúc lợi	:	2.446.470.000 đồng
- Quỹ Thưởng HĐQT, Ban KS, Ban điều hành Công ty	:	152.804.500 Đồng
Lợi nhuận năm 2020 còn lại sau trích lập quỹ, chia cổ tức	:	1.196.470.009 đồng
Lợi nhuận năm trước còn lại	:	4.193.364.051 đồng
Tổng lợi nhuận còn để lại	:	5.389.834.060 đồng
+ Chia cổ tức	:	20%/VĐL
+ Chi trả cổ tức bằng tiền	:	10.000.000.000 đồng
<p><i>Căn cứ theo nghị quyết số 32/NQ-HĐQT ngày 18/12/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty đã thực hiện chốt danh sách cổ đông tại ngày 31/12/2020 chi tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền với tỉ lệ 15%/VĐL tương đương 7.500.000.000 đồng.</i></p>		

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 28 - Số cổ phần: 4.623.427 - Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp
 Số phiếu không tán thành: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
 Số phiếu không ý kiến: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
 Số phiếu không hợp lệ: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

11.2. Dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:

Tổng Doanh thu	:	43.785.000.000 đồng
Lợi nhuận trước thuế:	:	17.964.011.037 đồng
Lợi nhuận sau thuế (LNPP)	:	14.271.208.000 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển	:	Trích 5% lợi nhuận phân phối
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	Trích 03 tháng lương bình quân thực hiện của NLĐ nếu lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn lợi nhuận kế hoạch.
- Thương HDQT, Ban KS, Ban điều hành Công ty	:	Trích 1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách nếu lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn lợi nhuận kế hoạch.
Tỷ lệ chia cổ tức năm 2021	:	Dự kiến từ 10% - 20%/VĐL

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 28 - Số cổ phần: 4.623.427 - Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp
 Số phiếu không tán thành: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
 Số phiếu không ý kiến: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
 Số phiếu không hợp lệ: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

11.3. Dự kiến Tổng quỹ lương năm 2021:

Tổng Doanh thu	:	43.785.000.000 đồng
Lợi nhuận sau thuế (LNPP)	:	14.271.208.000 đồng
Tổng quỹ lương của Công ty	:	14.889.120.000 đồng

- Quỹ lương Người quản lý công ty	:	1.585.440.000 đồng
- Quỹ lương Người lao động	:	13.303.680.000 đồng
- Tổng thù lao thành viên HĐQT, Ban KS	:	530.400.000 đồng

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 28 - Số cổ phần: 4.623.427 - Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

11.4. Mức thù lao thành viên HĐQT, Ban KS năm 2021:

Chủ tịch HĐQT	:	9.000.000 đồng/người/tháng
Thành viên Hội đồng quản trị	:	6.400.000 đồng/người/tháng
Thành viên Ban kiểm soát	:	4.800.000 đồng/người/tháng

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 28 - Số cổ phần: 4.623.427 - Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

11.5. Quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty năm 2021:

Trích 1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người quản lý Công ty chuyên trách nếu lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn lợi nhuận kế hoạch (theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐ-TBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016).

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 28 - Số cổ phần: 4.623.427 - Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Số phiếu không hợp lệ: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

11.6. Về lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021:

Chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 28 - Số cổ phần: 4.623.427 - Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp

Số phiếu không tán thành: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Số phiếu không ý kiến: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Số phiếu không hợp lệ: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020, tổng quỹ lương, thù lao thành viên HĐQT, Ban KS, phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ kế hoạch năm 2021 và một số vấn đề khác.

Nội dung 12: Thông qua tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và ban hành Điều lệ Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 28 - Số cổ phần: 4.623.427 - Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp

Số phiếu không tán thành: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Số phiếu không ý kiến: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Số phiếu không hợp lệ: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và ban hành Điều lệ Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.

Nội dung 13: Thông qua Tờ trình về việc Miễn nhiệm Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2016 – 2021), thông qua danh sách ứng viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Nhiệm kỳ IV (2021-2026)..

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 28 - Số cổ phần: 4.623.427 - Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp

Số phiếu không tán thành: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Số phiếu không ý kiến: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Số phiếu không hợp lệ: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Tờ trình về việc Miễn nhiệm Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2016 – 2021), thông qua danh sách ứng viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Nhiệm kỳ IV (2021-2026).

**PHẦN 5: CÔNG BỐ KẾT QUẢ BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN KIỂM SOÁT CỦA CÔNG TY NHIỆM KỶ IV (2021-2026)**

Đại hội đã bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát công ty nhiệm kỳ 2021 – 2026 theo phương thức bầu dồn phiếu. Kết quả bầu như sau:

a) Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Tỷ lệ phiếu bầu/Tổng số phiếu có quyền bầu cử có mặt tại đại hội	Ghi chú
1.	Ông Ngô Quang Trung	99.9348 %	
2.	Ông Nguyễn Xuân Điền	99.4726 %	
3.	Ông Trần Hiếu	100.3268 %	
4.	Bà Lê Thuý Hằng	100.9066 %	
5.	Bà Phan Thị Trang	99.3591 %	

b) Ban Kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Tỷ lệ phiếu bầu/Tổng số phiếu có quyền bầu cử có mặt tại đại hội	Ghi chú
1.	Bà Lê Thị Thanh Thuận	100.2011 %	
2.	Bà Nguyễn Vũ Anh Thư	99.9173 %	
3.	Ông Nguyễn Văn Đức	99.8816 %	

**PHẦN 6: CÔNG BỐ KẾT QUẢ BẦU CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỶ 2021 - 2026**

Công bố kết quả bầu Chủ tịch HĐQT và Trưởng Ban Kiểm soát Công ty:

- Ông Ngô Quang Trung – được bầu làm Chủ tịch HĐQT
- Bà Lê Thị Thanh Thuận – được bầu làm Trưởng BKS
- Ông Trần Hiếu – được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc

PHẦN 7: THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT CUỘC HỌP

Bà Phạm Phương Nhã - Thư ký Đại hội đọc Biên bản và Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Đại hội biểu quyết thông qua toàn văn Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 với tỷ lệ 99.98% số phiếu tán thành.

Đại hội biểu quyết thông qua toàn văn dự thảo Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 với tỷ lệ 99.98% số phiếu tán thành.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của CTCP Bến bãi vận tải Sài Gòn kết thúc vào lúc 11 giờ 00 phút ngày 19/05/2021.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2021

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Phạm Phương Nhã

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Ngô Quang Trung



Hạt nhân phát triển - Chất lượng là ưu tiên
ISO 9001:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BẢI VẠN TÀI SÀI GÒN

Địa chỉ: 720 Quốc Lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

MSDN: 0301114089 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/5/2006, thay đổi lần 8 ngày 08/10/2016

ĐT: (028) 3716 1333 Fax: (028) 3716 0891 Website: www.benbaivantaisaigon.com.vn

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 (Bắt đầu lúc 08h30 ngày 19 tháng 05 năm 2021)

Thời gian	Nội dung
Trước 8:30	<ul style="list-style-type: none">Cổ đông đăng nhập tham dự trực tuyến.
8:30 – 9:00	<p>Khai mạc Đại hội:</p> <ul style="list-style-type: none">Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội;Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và Chủ tọa;Chủ tọa giới thiệu Đoàn chủ tọa, chỉ định Ban thư ký;Chủ tọa giới thiệu Ban Kiểm tra tư cách đại biểu, Ban kiểm phiếu và xin Đại hội biểu quyết;Thông qua Quy chế làm việc; Quy chế bầu cử;Thông qua chương trình Đại hội.
9:00 – 9:30	<p>Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc, Ban kiểm soát trình bày các Báo cáo sau:</p> <ul style="list-style-type: none">Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương hướng năm 2021;Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ III (2016-2020) và phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ IV (2021-2025);Báo cáo kết quả thực hiện đầu tư năm 2020 và Kế hoạch đầu tư năm 2021;Báo cáo kết quả thực hiện đầu tư nhiệm kỳ III (2016-2020) và Phương hướng nhiệm kỳ IV (2021-2025);Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 Phương hướng 2021;Báo cáo tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2021 và Phương hướng nhiệm kỳ 2021-2026;Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020;Báo cáo của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021;

9:30 – 10:00	<p>Các tờ trình Đại hội</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã qua kiểm toán; • Tờ trình thông qua hồ sơ đề xuất dự án mở rộng bến xe An Suong; • Về việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020, tổng quỹ lương, thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ kế hoạch năm 2021 và một số vấn đề khác; • Tờ trình Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; • Tờ trình miễn nhiệm Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2016-2021), thông qua danh sách ứng viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Nhiệm kỳ IV (2021-2026); • Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
10:00 – 10:20	Đại hội thảo luận
10:20 – 10:30	Hướng dẫn biểu quyết, tiến hành biểu quyết.
10:30 – 10:45	Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết.
10:45 – 10:50	Hướng dẫn bầu cử, tiến hành bầu cử.
10:50 – 11:10	Đại hội giải lao, ban kiểm phiếu làm việc.
11:10 – 11:15	Ban kiểm phiếu Công bố kết quả kiểm phiếu bầu cử.
11:15 – 11:30	<ul style="list-style-type: none"> • Ra mắt Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Nhiệm kỳ IV 2021-2026. • Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Nhiệm kỳ IV 2021-2026 họp phiên đầu tiên.
11:30 – 11:45	<p>Ban Thư Ký đọc dự thảo Biên bản họp và Nghị quyết ĐHCĐ; Đại hội biểu quyết thông qua nội dung Biên bản họp và Nghị quyết ĐHCĐ.</p>
11:45	Tuyên bố bế mạc Đại Hội.

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; và các văn bản dưới Luật kèm theo;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Điều lệ Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

Điều 1. Mục đích:

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên của Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các nghị quyết của ĐHĐCĐ thể hiện ý chí thống nhất của ĐHĐCĐ, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi

- **Đối tượng áp dụng:** Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) của cổ đông đang sở hữu cổ phiếu Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn và khách mời tham dự ĐHĐCĐ thường niên Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.



Điều 3. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

- Công ty : Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)
- Hệ thống livestream : Hệ thống phát sóng video cuộc họp ĐHĐCĐ trực tiếp cuộc họp ĐHĐCĐ trên website www.ezgsm.fpts.com và www.youtube.com

Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết¹.
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ triệu tập lần hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

Điều 5. Đại biểu tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Tất cả cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 22/04/2021 đều có quyền tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến thông qua Hệ

¹ Khoản 1 Điều 18 Điều lệ Công ty

thống bỏ phiếu điện tử. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

- Khi tham dự trực tuyến, đại biểu lưu ý:
- Yêu cầu kỹ thuật: Cổ đông cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ máy vi tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet).
- Cách thức thực hiện: Đại biểu truy cập đường dẫn, đăng nhập theo các thông tin được cung cấp quy định để tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử.

Điều 6. Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (*trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý*).

Điều 7. Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

- Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập.
- Đoàn chủ tọa gồm 02 người, bao gồm 01 Chủ tọa và 01 Thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập hoặc chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa Đại hội. Cụ thể như sau:

STT	Tên thành viên	Chức vụ
1	Ngô Quang Trung	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Trần Hiếu	Thành viên Hội đồng quản trị

- Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa Đại hội theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp.
- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.

Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
- Điều khiển Đại Hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại Hội thông qua.
- Phân công, giới thiệu đại diện thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát Công ty trình bày các báo cáo tại Đại hội;
- Giới thiệu thành phần Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết;
- Giới thiệu thành phần Ban chủ tọa để Đại hội biểu quyết (nếu có);
- Hướng dẫn Đại Hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại Hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại Hội.
- Trả lời và ghi nhận những vấn đề thuộc nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua;
- Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại Hội.
- Phê chuẩn, ban hành các văn bản, kết quả, biên bản, nghị quyết của Đại hội sau khi kết thúc Đại hội.
- Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

Điều 8. Ban kiểm tra tư cách đại biểu

- Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 02 người, bao gồm 01 Trưởng ban và 01 thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình. Ban kiểm tra tư cách đại biểu do Chủ tọa giới thiệu cụ thể như sau::

STT	Tên thành viên	Chức vụ
1	Lê Thị Thanh Thuận	Trưởng BKS
2	Nguyễn Tuấn Hùng	Q. giám đốc BX N.T.Ga

- Nhiệm vụ:
- Nhận giấy tờ của cổ đông (nếu phát sinh), đối chiếu kiểm tra tính hợp lệ của cổ đông tham dự trực tuyến.
- Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi ĐHĐCĐ chính thức tiến hành.
- Phối hợp với Ban kiểm phiếu để hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát biểu quyết.

- Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi ĐHĐCĐ chính thức tiến hành.
- Phối hợp với Ban kiểm phiếu để hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát biểu quyết.

Điều 9. Ban Thư ký Đại hội:

- Ban thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Chủ tọa chỉ định, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa. Ban Thư ký do Chủ tọa giới thiệu cụ thể như sau:

STT	Tên thành viên	Ghi chú
1	Phạm Phương Nhã	Thư ký HDQT
2	Diệp Lâm Mỹ Ngọc	TP. TCHC.

- Nhiệm vụ:
 - Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tọa quyết định;
 - Ghi chép Biên bản họp ĐHĐCĐ một cách đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại Hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại Hội.
 - Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo Biên bản họp Đại Hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại Hội.

Điều 10. Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa giới thiệu gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên.
- Ban kiểm phiếu bao gồm:

STT	Tên thành viên	Ghi chú
1	Phạm Đình Đài	Tổ trưởng
2	Trịnh Tuấn Hùng	Thành viên
3	Châu Hoàng Long	Thành viên

- Nhiệm vụ:
 - Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

- Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội.
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Điều 11. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung ĐHĐCD;
- Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận;
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định như sau:
- Đại biểu có thể đặt câu hỏi tại mục Thảo luận trong giao diện tham dự đại hội trực tuyến tại đường link: www.ezgsm.fpts.com.vn hoặc gửi email (chỉ chấp nhận email gửi do đại biểu đã đăng ký) về địa chỉ: thukyhdt@benbaivantaisaigon.com.vn (trước giờ thảo luận).
- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung câu hỏi của Đại biểu và chuyển lên cho Chủ tọa.

2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của Đại biểu, chủ tọa hoặc thành viên do chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến Đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

Điều 12. Thảo luận, biểu quyết tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCD thảo luận và biểu quyết công khai. Đại biểu có thể bỏ phiếu bằng cách bỏ phiếu bỏ phiếu điện tử tại đường link: www.ezgsm.fpts.com.vn

2. Bỏ phiếu điện tử:

- Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:
- Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
- Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

- Cách thức bỏ phiếu bầu cử (quy định cụ thể tại quy chế bầu cử)
- Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:
 - Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.
 - Trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.
 - Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.
- Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể như sau:
 - Các nội dung biểu quyết lần thứ 01 (gồm Chương trình Đại hội; Quy chế hướng dẫn tham gia họp ĐHDCĐ trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử Quy chế làm việc tại Đại hội; Quy chế bầu cử; thông qua Chủ tọa đoàn, Ban kiểm phiếu) Đại biểu thực hiện biểu quyết từ 10h00 ngày 17/05/2021 đến trước khi Đại hội thông qua các nội dung biểu quyết 01.
 - Các nội dung biểu quyết lần thứ 02 (gồm các Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc; các Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị; các Báo cáo của Ban Kiểm Soát và thông qua nội dung các Tờ trình của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát tại Đại hội): Đại biểu thực hiện biểu quyết từ 10h00 ngày 17/05/2021 đến trước khi Đại hội thông qua các nội dung biểu quyết 02.
 - Nội dung Bầu cử: Đại biểu thực hiện bầu cử từ 10h00 ngày 17/05/2021 đến trước khi Chủ tọa thông qua các nội dung bầu cử.
 - Các nội dung biểu quyết lần thứ 03 (Thông qua Biên bản và Nghị quyết đại hội): Đại biểu thực hiện biểu quyết từ 10h00 ngày 17/05/2021 đến trước khi Đại hội thông qua các nội dung biểu quyết 03.
 - Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài

tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

3. Thể lệ biểu quyết:

Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 22/04/2021) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: 5.000.000 cổ phần tương đương với 5.000.000 quyền biểu quyết. Đối với hình thức biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người được ủy quyền dự họp tại cuộc họp ĐHĐCĐ, quyết định sẽ được thông qua khi có từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1 Điều 20 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Lưu ý:

- Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).
- Cổ đông/ đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

4. Ghi nhận kết quả biểu quyết/bầu cử

- Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 13. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được Thư ký Đại Hội ghi vào Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại Hội.

Điều 14. Thi hành Quy chế

Quy chế tổ chức này được đọc công khai trước Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021 và có hiệu lực thi hành ngay khi Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn biểu quyết thông qua.

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGÔ QUANG TRUNG



Số: *27*/QC-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 5 năm 2021

**QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN
NHIỆM KỲ 2021 – 2026**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2020;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.

Ban Kiểm phiếu Đại hội công bố Quy chế đề cử, ứng cử bầu Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn như sau:

I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHCĐ : Đại hội cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

II. Chủ tọa tại đại hội:

Chủ tọa tại đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT và BKS;
- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu;
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có)



III. Quy chế đề cử, ứng cử HĐQT

- Số lượng thành viên HĐQT: 5 người
- Nhiệm kỳ: 2021- 2026
- Số lượng ứng cử viên HĐQT tối đa: không hạn chế

1. Quyền đề cử, ứng cử HĐQT: (theo Điều 24 Điều lệ công ty)

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên.

Ứng cử viên được đề cử phải có đủ các tiêu chuẩn nêu tại mục 2 dưới đây.

Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

2. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị:

Ứng cử viên tham gia HĐQT phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây (theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14, Nghị định 155/2020/ND-CP):

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14);
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
- Không được là người có quan hệ gia đình (vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng) của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.
- Thành viên Hội đồng quản trị công ty chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT của tối đa 05 công ty khác.

IV. Quy chế đề cử ứng cử Ban kiểm soát:

- Số lượng Kiểm soát viên 03 người
- Nhiệm kỳ: 2021 - 2026
- Số lượng ứng cử viên BKS tối đa: không hạn chế

1. Quyền đề cử, ứng cử: (theo Điều 40 Điều lệ công ty)

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 35% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 35% đến dưới 65% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Ứng cử viên được đề cử phải có đủ các tiêu chuẩn nêu tại mục 2 dưới đây.

Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

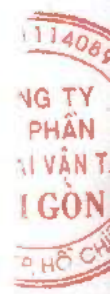
2. Tiêu chuẩn ứng cử thành viên Ban Kiểm Soát:

Ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây (theo Điều 169 của Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14, Nghị định 155/2020/ND-CP):

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14;
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Không được là người có quan hệ gia đình (vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng) của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ, của người đại diện phần vốn doanh nghiệp tại công ty mẹ và tại Công ty.
- Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
- Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty; hoặc là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

V. Nguyên tắc bầu cử:

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Mỗi lần bầu cử, một đại biểu cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu.



- Ban kiểm phiếu do chủ tọa đoàn đề cử và được đại hội thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

VI. Phương thức bầu cử:

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (Theo khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14)
- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT/BKS.
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- Đại biểu tham dự trực tuyến truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và tiến hành lại việc bầu cử của mình (lưu ý Đại biểu thực hiện bỏ phiếu trong thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể ở Quy chế làm việc).
- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn: Đại biểu tham dự truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện lại việc bầu cử của mình (lưu ý Đại biểu thực hiện bỏ phiếu trong thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể ở quy chế làm việc).

VII. Phiếu bầu cử

1. Nội dung của Phiếu bầu cử

- Phiếu bầu cử (phiếu bầu) là **Phiếu bầu cử trực tuyến**

Trong trường hợp, cổ đông thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.

VIII. Thực hiện bầu cử và xác định kết quả

1. Bỏ phiếu và Kiểm phiếu

- Cách ghi Phiếu bầu cử:
 - Đại biểu bầu số ứng cử viên tối đa bằng số thành viên cần bầu.
 - Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc chia đều toàn bộ số phiếu cho các ứng cử viên, đại biểu đánh dấu vào ô "**Bầu dồn đều phiếu**" của các ứng cử viên tương ứng.
 - Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho từng ứng cử viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô "**Số phiếu bầu**" của các ứng cử viên tương ứng.
- Trong trường hợp có sự sai sót, cổ đông có thể thay đổi kết quả bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả bầu cử); bao gồm cả kết quả bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.
- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, hệ thống sẽ tự ghi nhận kết quả kiểm phiếu.

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ tọa giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).
- Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

2. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên (Theo Điều 148 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14)

- Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

IX. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên:

- Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

X. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào HĐQT, BKS:

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT và BKS bao gồm:

- Đơn xin ứng cử/đề cử để bầu vào HĐQT và BKS (theo mẫu)
- Sơ yếu lý lịch (theo mẫu)
- Bản sao các giấy tờ sau: CMND/CCCD/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú
- Các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hoá và trình độ chuyên môn (nếu có)
- Giấy xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/ nhóm cổ đông thỏa mãn điều kiện đề cử như trong điều lệ công ty quy định.
- Người đề cử vào HĐQT và BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

Hồ sơ xin gửi về Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn trước 16h00 ngày 16/05/2021 theo địa chỉ sau:

Văn phòng Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn

Địa chỉ : 720 Quốc Lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3 716 1587

- Fax: (028) 3 716 0891

Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021 - 2026

Trên đây là toàn bộ quy chế ứng cử đề cử thành viên đề bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn kính trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua.

Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được Đại hội cổ đông thông qua.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGÔ QUANG TRUNG

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN
 TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN
BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN
(STP.JSC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08 / BC-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO
TỔNG KẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SẢN XUẤT
KINH DOANH NĂM 2020 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Phần I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TỔNG KẾT NĂM 2020

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

Việc triển khai thực hiện Nghị định số 10/2020/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải đã tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp khai thác tuyến cố định, xe buýt, xe taxi và công tác quản lý chặt chẽ hơn để chống “xe dù, bến cóc”; đồng thời cải cách các thủ tục hành chính, áp dụng ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý phương tiện cũng tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bộ GTVT đã điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thêm các tuyến Vận tải hành khách cố định liên tỉnh đường bộ tại hai bến xe. Vì vậy, nhu cầu mở thêm tuyến và đưa xe vào hoạt động tại hai bến xe có chiều hướng tăng nhẹ. Tuy nhiên, việc quy hoạch chi tiết tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh đường bộ toàn quốc đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 chưa phù hợp với nhu cầu đi lại của người dân nên khi có nhu cầu doanh nghiệp vận tải đăng ký khai thác tuyến không được mà phải chờ bổ sung vào quy hoạch.

Luôn được sự quan tâm chỉ đạo và hỗ trợ thường xuyên của các phòng, ban chức năng cũng như lãnh đạo của Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Công ty và chính quyền địa phương, đã tạo điều kiện để Công ty cũng cố và phát triển.

Dịch Covid-19 bùng phát từ đầu năm 2020 và tái bùng phát vào tháng 7/2020, tuy đang được kiểm soát nhưng luôn có nguy cơ bùng phát trở lại, ảnh hưởng mạnh đến nền kinh tế, xã hội tác động lớn đến nhiều ngành nghề dịch vụ, trong đó có dịch vụ vận tải hành khách. Các quy định hạn chế đi lại kéo dài làm giảm nhu cầu đi lại của hành khách, các đơn vị vận tải giảm số chuyến hoạt động ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh chung của các đơn vị vận tải và Bến xe khách. Sản lượng hành khách liên tỉnh qua bến và lượt xe khách xuất bến tại Bến xe An Sương và Bến xe Ngã tư ga đều giảm so với kế hoạch làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Trước tình hình đó, trong tháng 9/2020 Công ty đã điều chỉnh kế

hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty do ảnh hưởng của yếu tố khách quan.

Hàng không giá rẻ ngày một phát triển; Cạnh tranh không công bằng “xe dù”, “bến cóc”, các phương tiện vận tải hoạt động như tuyến cố định nhưng lách luật dưới hình thức xe hợp đồng, các loại hình vận tải ứng dụng công nghệ đang tạo ra mâu thuẫn rất gay gắt với xe kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định và gây mất trật tự, an toàn và ùn tắc giao thông ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Những khó khăn lớn nêu trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, với sự quan tâm hỗ trợ của Tổng Công ty và cơ quan chức năng cùng với Ban lãnh đạo và CBCNV Công ty đã đoàn kết, luôn quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020 đã đề ra.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020:

1. Về Sản xuất kinh doanh:

1.1 Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện Năm 2019	Kế Hoạch Năm 2020	TH Năm 2020	So sánh (%)	
						TH 2020 KH 2020	TH 2020 TH 2019
	A	B	1	1	2	4=2/1	5=3/1
A	SẢN LƯỢNG						
I	Xe khách liên tỉnh						
1	Xe xuất bến	lượt	205.409	132.238	151.210	114,3	73,6
2	Hành khách qua bến	lượt	1.615.349	731.005	877.663	120,1	54,3
II	Phương tiện lưu đậu	lượt	282.128	244.439	245.395	100,4	87,0
III	Xe buýt						
1	Xe xuất bến	lượt	640.391	475.109	479.392	100,9	74,9
2	HK nội tỉnh qua bến	lượt	18.047.804	13.886.942	13.417.879	96,6	74,3
B	TỔNG DOANH THU	1000đ	47.557.859	39.934.000	42.100.356	105,4	88,5
C	TỔNG CHI PHÍ	1000đ	25.163.378	25.002.706	24.156.139	96,6	95,9
D	LỢI NHUẬN						
1	Trước thuế	1000đ	22.394.480	14.931.294	17.944.220	120,2	80,1
2	Sau thuế	1000đ	17.779.173	11.845.035	15.380.247	129,8	86,5
E	NỢP NGÂN SÁCH	1000đ	8.599.017	5.458.159	4.628.838	84,8	53,8
1	Thuế GTGT	1000đ	3.149.380	1.591.900	1.641.310	103,1	52,1
2	Thuế TNDN	1000đ	4.615.306	3.086.259	2.563.973	83,1	55,6
3	Thuế khác (thuế đất, MB, TNCN)	1000đ	834.331	780.000	423.555	54,3	50,8
F	THU NHẬP BÌNH QUÂN	1000đ	12.660	11.880	12.350	104,0	97,6

1.2. Công tác khai thác vận tải và Kinh doanh dịch vụ.

Về công tác xe khách tuyến cố định: Hiện nay, xe khách tuyến cố định hoạt động tại hai Bến xe như sau: Tại Bến xe An Sương: Tổng số xe đang hoạt động là 635 xe (tăng 32 xe so với năm 2019), 78 đơn vị vận tải (tăng 10 ĐV so với năm 2019), khai thác trên 65 tuyến (tăng 9 tuyến so với năm 2019). Tại Bến xe Ngã Tư Ga: Tổng số xe đang hoạt động là 331 xe (tăng 36 giảm 20 so với năm 2019), 74 đơn vị vận tải (tăng 4 giảm 1 so với năm 2019), khai thác trên 75 tuyến (tăng 9 giảm 4 so với năm 2019).

Đợt dịch Covid-19 vào tháng 4/2020, Công ty đã tổ chức việc tạm dừng hoạt động vận tải tại hai bến xe từ ngày 01/4/2020 đến ngày 23/4/2020 theo chỉ đạo tại Công văn số 1204/UBND-TH ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ. Đợt dịch Covid-19 lần 2 vào tháng 7/2020, thực hiện theo văn bản số 8935/SGTVT-VTĐB ngày 27/7/2020 của Sở GTVT Tp Hồ Chí Minh, Công ty tạm dừng hoạt động khai thác của các phương tiện vận tải hành khách đi/đến thành phố Đà Nẵng từ cuối tháng 7 và khôi phục lại từ đầu tháng 9/2020 theo Công văn số 8777/BGTVT-VT ngày 06/9/2020 của Bộ Giao thông vận tải. Công ty đã thực hiện tốt công tác báo cáo đến Sở GTVT, Tổng Công ty tình hình tại Công ty về công tác phòng, chống dịch bệnh viêm Corvid 19, sản lượng vận tải tuyến cố định trong thời gian dịch bệnh, thực hiện việc hỗ trợ các Đơn vị vận tải giảm phí dịch vụ tại hai Bến xe trong thời gian dịch bệnh Covid 19. Tuy nhiên, hai đợt dịch Covid-19 đã làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty, sản lượng hành khách liên tỉnh qua bến và lượt xe khách xuất bến tại Bến xe An Sương và Bến xe Ngã tư ga đều giảm so với kế hoạch, ảnh hưởng đến các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2020. Do đó, Công ty đã thực hiện điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020.

Tham gia lễ xuất quân phục vụ vận tải hành khách trong dịp tết Nguyên đán Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020 tại Bến xe Miền Tây. Bến xe An Sương và Bến xe Ngã Tư Ga luôn bám sát, chủ động xây dựng kế hoạch, thực hiện tốt công tác phục vụ hành khách đặc biệt trong dịp cao điểm lễ tết như: Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020, lễ 30/4 – 1/5, Lễ Quốc Khánh 2/9, đảm bảo công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19, ANTT, PCCN, VSMT trong suốt thời gian phục vụ hành khách không bị ứ đọng tại bến và không xảy ra ùn tắc giao thông trong khu vực. Kết quả Công ty được UBNDTP khen thưởng "Công ty đã có thành tích xuất sắc trong công tác tổ chức, chăm lo Tết Nguyên Đán Canh Tý năm 2020".

Công ty thường xuyên tuyên truyền và phổ biến đến các Doanh nghiệp vận tải về việc thực hiện đúng các quy định của Pháp luật về hoạt động vận tải. Thường xuyên rà soát tình hình hoạt động và làm việc với các đơn vị vận tải để cùng tháo gỡ khó khăn; Phối hợp với các đơn vị vận tải thường xuyên nhắc nhở nhân viên không ngừng nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ lịch sự, nhã nhặn

đảm bảo an toàn cho hành khách trong quá trình vận chuyển. Tăng cường công tác kiểm tra phương tiện theo các quy định của cơ quan quản lý tuyến, tuyệt đối không cho các xe không đủ điều kiện xuất bến; Phối hợp Thanh tra Sở Giao thông Vận tải kiểm tra việc thực hiện thể lệ vận tải của các đơn vị nhà xe; Làm việc với các đơn vị vận tải về việc xe chạy không đúng biểu đồ giờ, thường xuyên bỏ tải chuyến, không đưa xe vào bến hoạt động; Xử lý các xe cố tình vi phạm.

Thực hiện việc ký kết lại tất cả các hợp đồng thương mại năm 2020 với các đối tác, khách hàng đang tham gia kinh doanh tại hai Bến xe, điều chỉnh đơn giá dịch vụ cho phù hợp với tình hình và điều kiện của 02 bến xe. Ký kết hợp đồng với đơn vị trúng thầu các điểm kinh doanh dịch vụ tại hai bến xe.

Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 542/QĐ-BGTVT ngày 03/4/2020 về việc công bố điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chi tiết mạng lưới tuyến VIIIK cố định liên tỉnh đường bộ toàn quốc đến năm 2020 định hướng đến năm 2030 của Bộ GTVT và văn bản số 12558/BGTVT-VT ngày 08/12/2020. Theo đó, BX An Sương được quy hoạch 103 tuyến với lưu lượng 35.555 chuyến/tháng, tại Bến xe Ngã tư Ga được quy hoạch 173 tuyến với lưu lượng 16,341 chuyến/tháng. Song song đó, Hai bến xe cũng đã làm việc với các đơn vị vận tải về việc mở tuyến mới, không có trong quy hoạch.

Triển khai các giải pháp nâng cao dịch vụ chăm sóc khách hàng như: Tổ chức khảo sát sự hài lòng của khách hàng, qua đó đã nắm bắt được các phản ánh của khách hàng về chất lượng dịch vụ đồng thời đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng; Thường xuyên kiểm tra đảm bảo công tác Vệ sinh môi trường, Phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh thực phẩm; Ký hợp đồng mua Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc.

Tại Bến xe Ngã Tư Ga, đã sắp xếp lại các điểm kinh doanh dịch vụ chuẩn bị cho việc triển khai xây dựng “nhà dịch vụ hỗ trợ”, tổ chức phân khu các khu vực tác nghiệp để các phương tiện vận tải ra vào, lưu đậu hợp lý hơn, phát triển thêm nhiều tuyến xe chất lượng cao, thu hút nhiều khách hàng tiềm năng vào bến tham gia khai thác.

1.3. Công tác tài chính:

Tình hình tài chính rõ ràng, minh bạch, chi trả lương, thưởng cho CBCNV theo đúng quy chế; Nộp tờ khai thuế quyết toán thuế năm 2019, thuế hàng quý 2020 về thuế TNDN, TNCN cho các cơ quan có liên quan đúng thời hạn quy định, hoàn tất việc nộp thuế theo biên bản kiểm tra của Cục thuế Tp.HCM từ năm 2010-2017. Lập báo cáo tài chính Quý 1, 06 tháng đầu năm 2020.

Công ty Kiểm toán AIC VN, Ban Kiểm soát Công ty đã thực hiện kiểm tra, giám sát kiểm toán BCTC năm 2019 và các hoạt động Sản xuất kinh doanh năm 2019; Ký hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính 2020 với Công ty Kiểm toán AIC VN.

Triển khai việc phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông thường niên 2020. Thực hiện việc chi trả cổ tức đợt 1 và đợt 2 cho cổ

đồng năm 2019 là 14% và đang làm thủ tục điều chỉnh tỷ lệ chia cổ tức năm 2019 là 20%.

Lập báo cáo định kỳ tình hình sử dụng vốn huy động sau khi phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ thực hiện Dự án đầu tư nâng cấp Bến xe An Sương, Báo cáo giám sát Tài chính của đại diện vốn Tổng Công ty.

Công bố thông tin định kỳ đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về Báo cáo tài chính năm 2019 đã được công ty kiểm toán AIC kiểm toán và báo cáo thường niên năm 2019.

Tiếp Đoàn Kiểm toán nhà nước chuyên ngành V kiểm toán BCTC 2005-2006 về hồ sơ quyết toán chuyển thể giai đoạn nhà nước sang Công ty cổ phần. Thực hiện báo cáo công tác rà soát hồ sơ Quyết toán chuyển thể doanh nghiệp theo yêu cầu của UBND TP và nộp báo cáo rà soát về Chi cục Tài chính Doanh Nghiệp.

Thực hiện việc kết nối với nhà cung cấp hoá đơn điện tử trên hệ thống phần mềm Bravo chuẩn bị áp dụng từ năm 2021.

1.4. Công tác đầu tư dự án, xây dựng công trình.

*** Dự án Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1)**

Dự án đã được khởi công từ ngày 05/8/2019, đến nay đã hoàn thành và đưa vào sử dụng giai đoạn đầu (03 tầng dưới nhà điều hành và các hạng mục phụ trợ) và bàn giao cho các đơn vị khai thác sử dụng.

*** Dự án Mở rộng Bến xe An Sương (4,8 ha)**

Công ty đã phối hợp với Phòng Tài nguyên môi trường huyện Hóc Môn và Ủy Ban nhân dân xã Bà Điểm thực hiện xong công tác điều tra xã hội học các hộ dân trong phạm vi dự án. Công ty đang phối hợp với Phòng Tài nguyên môi trường huyện Hóc Môn xây dựng kế hoạch thu hồi đất trình Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn phê duyệt làm căn cứ triển khai thực hiện.

Tuy nhiên, hồ sơ dự án đầu tư được lập năm 2013, đến thời điểm hiện tại không còn phù hợp. Do đó, để có căn cứ tiếp tục triển khai thực hiện dự án, cần thiết phải đánh giá lại các nội dung của dự án như: Quy mô và hình thức đầu tư xây dựng; Phương án thiết kế; Dự kiến thời gian thực hiện; Phân kỳ đầu tư; Sơ bộ tổng mức đầu tư, phương án huy động vốn; khả năng hoàn vốn, trả nợ vốn vay (nếu có sử dụng vốn vay); Xác định hiệu quả kinh tế xã hội và đánh giá tác động của dự án.....

Do đó, Hội đồng quản trị thống nhất chấp thuận thuê đơn vị tư vấn lập Đề xuất dự án nhằm đánh giá lại các nội dung của dự án "Mở rộng bến xe An Sương" trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua làm căn cứ triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

Công ty đang triển khai lập đề xuất dự án nhằm đánh giá lại các nội dung của dự án, dự kiến trình thông qua tại đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.

*** Các công tác xây dựng cơ bản khác:**

Thực hiện đầu tư nâng cấp, cải tạo sửa chữa các hạng mục công trình tại hai bến xe nhằm cải thiện chất lượng cơ sở hạ tầng, đáp ứng quy chuẩn bến xe khách.

+ *Tại bến xe Ngã tư Ga:* Thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư công trình Nhà dịch vụ hỗ trợ; Duy tu hệ thống thoát nước; Cải tạo sửa chữa căn tin, kho hàng; Bảo trì hệ thống điện; Lắp đặt phần mềm quản lý xe ra vào bến.

+ *Tại bến xe An Suông:* Lắp đặt quầy vé nhà điều hành, Cài đặt phần mềm quản lý xe ra vào bến; Chinh trang văn phòng làm việc; Lắp mái che đường dẫn hành khách vào nhà ga; Chinh trang khu vực công ra vào.

1.5. Công tác hành chính, nhân sự, pháp chế:

- Về Công tác hành chính:

Tổ chức thành công Hội nghị Đảng bộ Công ty lần VI, nhiệm kỳ (2020-2025), Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020; Hội nghị tổng kết công tác xây dựng Đảng, SXKD năm 2019, 6 tháng đầu năm 2020 và Hội nghị Đại biểu người lao động năm 2020, qua đó đánh giá được các mặt tích cực và chỉ ra những hạn chế để có giải pháp phương hướng thực hiện nhiệm vụ, đăng ký thi đua năm 2020.

Quá trình kinh doanh của Công ty hoạt động đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng thông qua việc duy trì và liên tục cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015; quy trình tác nghiệp chuẩn SOP; Tổ chức đánh giá nội bộ định kỳ, kiểm tra việc khắc phục những điểm cần lưu ý trong lần đánh giá kỳ trước của Công ty TUV NORD.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành như: áp dụng phần mềm mới ra vào bến (có sự kết nối giữa cổng vào ra và phòng điều độ) nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý đồng thời kết nối truyền tải dữ liệu về Tổng Cục đường bộ theo quy định; việc áp dụng thay thế các camera analog sang camera IP Feac Detect trong nhà ga tại Bến xe nhằm đảm bảo công tác an ninh trật tự trong bến xe.

Công ty đã tổ chức Hội nghị đối thoại định kỳ hàng quý theo quy định với đại diện người sử dụng lao động giúp cho người sử dụng lao động và người lao động hiểu nhau hơn, thông cảm và chia sẻ thông tin để cùng nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Phát động phong trào Sáng kiến, giải pháp mới. Đến nay đã có 8 sáng kiến đã đăng ký, xét và công nhận các đề tài sáng kiến giải pháp mới năm 2020, trong đó đã có 3 đề tài được công nhận.

Ký kết lại hợp đồng thu gom chất thải nguy hại và hợp đồng thu gom chất thải thông thường năm 2020, bảo trì hệ thống xử lý nước thải tại Bến xe Ngã Tư Ga. Chinh trang, vệ sinh, sắp xếp khu vực chứa chất thải nguy hại.

Trong thời gian qua, trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, Ban chỉ đạo đã triển khai thực hiện việc ứng phó dịch bệnh Covid-19 cũng như

triển khai đến các đơn vị, phòng ban về việc tăng cường phòng, ứng phó do dịch bệnh gây ra.

- Về công tác nhân sự:

Hiện nay, tổng số lao động là 106 người, Công ty có 3 lao động có trình độ Thạc sĩ, 30 lao động có trình độ Đại học. Điều này giúp đảm bảo cho bộ máy quản lý và cơ chế làm việc của lao động có trình độ chuyên môn luôn được đảm bảo.

Thực hiện việc điều chỉnh mức lương cơ bản theo mức lương tối thiểu vùng theo quy định của Pháp luật. Thực hiện việc nâng bậc lương hằng năm theo đúng quy định, quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty.

Hoàn thành công tác thẩm định Quỹ lương thực hiện 2019 và kế hoạch 2020 theo đúng quy định của Công ty và quy định của Pháp luật hiện hành; Điều chỉnh mức lương cơ bản theo mức lương tối thiểu vùng theo đúng quy định của Pháp luật; Nâng bậc lương hằng năm theo đúng quy định, quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty.

- Về công tác pháp chế:

Công tác pháp chế đã từng bước hoàn thiện khung pháp lý cho các hoạt động của Công ty: Đẩy nhanh việc thực hiện kế hoạch rà soát, sửa đổi và xây dựng mới các văn bản quản lý nội bộ của Công ty như việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các Quy chế của Công ty trong năm 2020; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty. Rà soát Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể, Giao ước thi đua 2020. Bên cạnh đó, đã tiến hành tập hợp, nghiên cứu các văn bản pháp lý quan trọng có liên quan và tác động nhiều mặt đến hoạt động của Công ty như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư; Luật Đầu thầu; Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (DN) và đánh giá tác động của những luật này đến hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như công tác quản trị của Công ty. Hoàn thành dự thảo các Quy chế công tác văn thư, Quy chế bí mật.

Tiếp tục theo dõi kết quả phản hồi của Sở Tài Nguyên môi trường TPIICM về thực hiện thủ tục ký lại PLHD thuê đất tại BXNTG; điều chỉnh Giấy Chứng nhận QSDĐ tại BXAS sau khi bàn giao đất phục vụ xây dựng hầm chui An Suong.

Ban hành mục tiêu chất lượng ISO năm 2020.

Thực hiện báo cáo kết quả công khai tài sản cán bộ chủ chốt theo quy định.

- Công tác đào tạo:

Triển khai đào tạo nguồn nhân lực theo kế hoạch đề ra, nhất là đối với cán bộ diện quy hoạch, mạnh dạn đổi mới trong việc bố trí, luân chuyển cán bộ, nhân viên phù hợp với năng lực, sở trường công tác nhằm đáp ứng tốt yêu cầu SXKD của Công ty. Hiện nay, có 01 nhân sự đang học Thạc sĩ, 02 nhân sự đang học Đại học, 3 nhân sự đang học Trung cấp chính trị.

Tổ chức tập huấn công tác Phòng cháy chữa cháy – Thoát hiểm thoát nạn; Huấn luyện, đào tạo An toàn vệ sinh lao động định kỳ cho người lao động theo quy định tại Nghị định 44/2016/NĐ-CP cho toàn thể Cán bộ công nhân viên và các

điểm kinh doanh dịch vụ tại hai bến xe; Tổ chức cho nhân viên bảo vệ học nghiệp vụ bảo vệ do CA Tp tổ chức.

1.6. Một số công tác quan trọng khác.

Công tác an toàn trật tự và an ninh chính trị nhìn chung đảm bảo tốt không để xảy ra sự việc phức tạp nào tại hai bến xe, đặc biệt trong các dịp Lễ tết. Thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương trong các đợt cao điểm chống biểu tình gây rối tụ tập đông người.

Đời sống người lao động được cải thiện, phong trào văn hóa, thể thao được duy trì thường xuyên tạo sự giao lưu gắn kết trong nội bộ Công ty, sự thi đua trong CBCNV và không khí vui vẻ, đoàn kết cùng nhau luôn phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ như: Quan tâm chăm lo Tết Nguyên đán Canh Tý 2020 cho người lao động, phối hợp cùng Công đoàn và Đoàn thanh niên chuẩn bị quà tết tổ chức thăm hỏi, chăm lo các đối tượng chính sách, gia đình khó khăn, hợp mặt cán bộ hưu trí. Thực hiện các quyền lợi của Người lao động theo Thỏa ước lao động năm 2020 như: Khám sức khỏe định kỳ; Mua Bảo hiểm tai nạn cá nhân; Trang bị áo đi mưa; Trang bị Bảo hộ lao động đầy đủ May đo đồng phục, tổ chức tham quan nghỉ mát tại SaPa; Tổ chức hợp mặt và tiệc liên hoan truyền thống giữa các chị em nữ CBCNV nhân ngày phụ nữ Việt Nam 20/10; tặng quà cho con CBCNV nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6.

Về công tác xã hội, đến nay Công ty đã đóng góp 95 triệu đồng, bao gồm: Hỗ trợ kinh phí tổ chức các hoạt động công tác xã hội Tết Canh Tý 2020, Ủng hộ người nghèo phường thanh lộc; Ủng hộ chương trình xã hội tập trung Tổng Cty năm 2020; Hỗ trợ chương trình "Cùng công nhân vượt khó" của Tổng công ty; Ủng hộ bảo lũ.

III. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Những mặt làm được:

Duy trì mối đoàn kết nội bộ, tạo sự đồng thuận nhất trí cao, nhờ đó việc triển khai các chủ trương, Nghị quyết đều được thuận lợi. Công ty đã cụ thể hóa chi tiết và triển khai kịp thời các kế hoạch, nhiệm vụ được Tổng công ty giao; Thực hiện đầy đủ các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 và Nghị quyết Hội đồng quản trị.

Ban Chỉ đạo về phòng, chống dịch bệnh Covid-19, Đoàn thể, CBCNV đã phối hợp thực hiện nghiêm túc, triển khai kịp thời, quyết liệt, đồng bộ ứng phó kịp thời trước tình hình dịch bệnh Viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của Virus Corona (Covid-19) gây ra. CBCNV đã thể hiện sự bình tĩnh, chủ động cùng Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh tham gia phòng, chống dịch bệnh; đoàn kết, chia sẻ, hỗ trợ lẫn nhau vượt qua khó khăn.

Với sự năng động, sáng tạo và quyết liệt của Ban Điều hành Công ty và sự đồng lòng nhất trí của Hội Đồng Quản trị và tập thể CBCNV đã lãnh đạo thực hiện các biện pháp phát triển trong kinh doanh, phát triển thêm nhiều tuyến xe khách liên tỉnh mới, từng bước đưa các tuyến xe khách chất lượng cao vào bên hoạt động,

không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ hành khách, bố trí hợp lý và khai thác có hiệu quả mặt bằng bến bãi, dịch vụ quảng cáo cũng như các dịch vụ khác tại Hai bến xe. Từ đó duy trì ổn định tình hình SXKD, góp phần hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2020. Doanh thu năm 2020 đạt 105,4% so với kế hoạch năm 2020. Lợi nhuận trước thuế năm 2020 đạt 120,2% so với kế hoạch năm 2020.

Lãnh đạo Công ty phát triển toàn diện đồng đều các mặt như: ANTT, PCCC, ATVSLĐ, bảo vệ môi trường, công tác xây dựng Đảng, Đoàn thanh niên, Công đoàn cũng như chăm lo tốt cho người lao động và đóng góp công tác xã hội. Công ty đã được UBNDTP, Tổng Công ty khen thưởng "Công ty đã có thành tích xuất sắc trong công tác tổ chức, chăm lo Tết Nguyên Đán Canh Tý năm 2020"; Tổng Công ty khen thưởng "tập thể đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2015-2019; "tập thể đã có thành tích trong Công tác ATVSLĐ-PCCN năm 2019. Bến xe Ngã tư ga được Ủy ban nhân dân Quận 12 khen tặng là đơn vị 2 năm liền (2018, 2019) đạt tiêu chuẩn văn hoá; khen tặng " đơn vị đạt chuẩn phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá giai đoạn 2000-2020". Bến xe An Sương được Ủy Ban Nhân Dân Xã Bà Điểm đã có thành tích tiêu biểu trong công tác phối hợp thực hiện phong trào toàn dân BVITQ năm 2019; Ủy Ban Nhân Dân Huyện Hóc Môn Công nhận Danh hiệu Đơn Vị đạt chuẩn trong phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa 09 năm (2011-2019)".

Những kết quả đạt được nêu trên của Công ty là nhờ luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ, định hướng phát triển từ Tổng Công ty, Sở Giao thông vận tải và chính quyền địa phương, cùng với sự chỉ đạo kịp thời, hiệu quả và đoàn kết nhất trí của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty tạo động lực và sức mạnh cho tập thể cán bộ công nhân viên Công ty nỗ lực, cố gắng trong công tác thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 đã đề ra.

2. Những khó khăn hạn chế:

- Công tác Quyết toán chuyển thể giai đoạn Công ty Nhà nước sang Công ty Cổ phần: Các phòng ban, đơn vị vẫn tích cực liên hệ cơ quan Sở ngành để giải quyết nhưng đến nay chưa thực hiện xong do phía đối tác là Ủy ban nhân dân Quận 12 chưa nhận bàn giao, còn kiến nghị lên Thành phố xin ý kiến.

Phần II

MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH TRONG NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2021.

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH NĂM 2021:

Dịch Covid-19 tuy đang được Chính phủ kiểm soát nhưng luôn có nguy cơ bùng phát trở lại; bên cạnh đó, thiên tai, mưa lũ hàng năm tại các tỉnh Miền Trung diễn biến khó lường ảnh hưởng rất lớn đến lượng xe, khách trên các tuyến đi, đến các tỉnh Miền Bắc, Miền Trung, Tây Nguyên.

Việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành tại Hai bến xe giúp giảm áp lực về nhân lực cũng như kiểm soát chặt chẽ tại các bộ phận.

Các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải ngày càng chặt chẽ, tuy nhiên việc thực thi còn chưa triệt để, đồng bộ, tạo nên vấn đề cạnh tranh không lành mạnh giữa các Doanh nghiệp làm ăn bài bản và các nhà xe tư nhân, xe dù làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của Công ty.

Bên cạnh sự gia tăng của các loại hình vận tải như: hàng không, đặc biệt là hàng không giá rẻ, tàu hoả, phương tiện cá nhân,... thì sự cạnh tranh không lành mạnh của tình trạng “xe dù” “bến cóc”, ít nhiều làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của hai bến xe với các tuyến có cự ly dài.

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2021:

1. Bám sát thực hiện thành công những định hướng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã đề ra. Duy trì và phát triển kinh doanh có hiệu quả, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu do Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ III đề ra. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ IV (2021 – 2026).

2. Tiếp tục triển khai dự án mở rộng Bến xe An Sương (4,8 ha), theo Nghị quyết HĐQT Công ty. Chính trang cơ sở hạ tầng bến bãi thu hút các Doanh nghiệp vận tải vào bến.

3. Xây dựng và phối hợp các Doanh nghiệp vận tải triển khai thực hiện tốt kế hoạch phục vụ hành khách trong đợt cao điểm Lễ, Tết.

4. Sử dụng vốn hiệu quả, tập trung thực hành tiết kiệm chống lãng phí, nâng cao hiệu quả quản lý của doanh nghiệp, quản lý chi phí theo từng chỉ tiêu được phê duyệt trong kế hoạch.

5. Chú trọng công tác phòng chống dịch Covid 19, thường xuyên phối hợp cùng các đơn vị vận tải trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải, các dịch vụ phục vụ hành khách tại hai bến đảm bảo ANTT, VSIP, PCCN..., tiếp tục triển khai việc nâng chất lượng dịch vụ tại bến xe theo chỉ đạo của Tổng Công ty.

6. Áp dụng Công nghệ thông tin vào công tác quản lý điều hành một cách triệt để có hiệu quả.

7. Tổ chức đào tạo nâng cao chất lượng trình độ đội ngũ Cán bộ Công nhân viên đảm bảo yêu cầu công việc, tổ chức sắp xếp lại bộ máy đảm bảo hoạt động hiệu quả.

8. Phân đấu hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2021, đạt tập thể lao động xuất sắc. Tiếp tục giữ vững danh hiệu hai Bến xe trực thuộc là Bến xe văn hoá.

III. CHỈ TIÊU:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2021
1	Doanh thu	1000đ	43.785.000
2	Lợi nhuận trước thuế	1000đ	17.964.000

3	Lợi nhuận sau thuế	1000đ	14.271.000
4	Nộp ngân sách	1000đ	7.060.000
5	Tiền lương bình quân tháng		
	- Tiền lương bình quân người lao động	1000đ	10.660
	- Tiền lương bình quân VCQL chuyên trách	1000đ	36.000
6	Thu nhập bình quân	1000đ	12.530

2. Kế hoạch Đầu tư 2021: Dự trù kinh phí năm 2021 là 25.875.325.000 đồng.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh:

Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt công tác phục vụ hành khách đặc biệt trong các dịp cao điểm lễ tết tại Bến xe Ngã Tư Ga và Bến xe An Suông như: Tết Dương Lịch, Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021, lễ Giỗ tổ Hùng Vương, lễ 30/4 – 1/5, lễ 2/9 đảm bảo tình hình ANTT, PCCN, VSMT.

Thương thảo, tổ chức ký kết lại hợp đồng với các khách hàng, cải tạo lại một số điểm kinh doanh, tận dụng mặt bằng để cung cấp thêm nhiều dịch vụ phục vụ cho khách hàng.

Phát triển thêm nhiều tuyến xe khách liên tỉnh mới, tăng cường thông tin đến các doanh nghiệp về quy hoạch tuyến phê duyệt theo Quyết định số 542/QĐ-BGTVT ngày 03/4/2020 và văn bản số 5960/BGTVT-VT ngày 18/6/2020 về việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chi tiết tuyến VTHK cố định liên tỉnh đường bộ toàn quốc đến năm 2020 định hướng đến năm 2030 của Bộ GTVT, từ đó mời gọi các đơn vị tham gia khai thác tuyến, đẩy mạnh hoạt động tìm kiếm đối tác chiến lược. Thường xuyên rà soát, cập nhật luồng tuyến theo quy hoạch, công bố công khai trên website của Công ty nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng trong việc tiếp cận thông tin về quy hoạch luồng tuyến. Tăng cường công tác tìm kiếm, phát triển tuyến mới, đơn vị mới. Theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ các đơn vị vận tải hoàn thiện hồ sơ mở tuyến.

Tiếp tục triển khai công tác tuyên truyền nâng cao ý thức phòng chống dịch bệnh Covid-19 cho CBCNV, nhà xe, lái xe và hành khách trong bến. Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở, xử lý các trường hợp không chấp hành các biện pháp phòng chống dịch.

Tiếp tục thực hiện tốt và tuyên truyền đến các đơn vị vận tải đang hoạt động tại Bến xe cùng thực hiện tốt các quy định của nhà nước về quản lý hoạt động vận tải.

Tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ hành khách, trong đó tập trung việc đào tạo kỹ năng giao tiếp ứng xử, xây dựng thái độ phục vụ của CBCNV văn minh lịch sự, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hành khách, duy trì, tăng cường mối quan

hệ chặt chẽ với khách hàng, đáp ứng kịp thời các yêu cầu khách hàng đặc biệt là các khách hàng lớn, lâu năm. Cải tiến lề lối làm việc, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các Đơn vị vận tải.

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tiêu cực; Thực hiện tốt việc công khai, dân chủ minh bạch hóa tất cả các hoạt động của Công ty; Tiến hành kiểm tra giám sát định kỳ công tác quản lý tại các đơn vị sớm phát hiện các tồn tại từ đó đề ra các biện pháp khắc phục hiệu quả.

2. Công tác tài chính:

Đảm bảo dòng tiền sẵn sàng cho việc triển khai cải tạo sửa chữa tại Bến xe Ngã tư ga.

Thực hiện đúng công tác kế toán tài chính và kiểm tra tài chính định kỳ theo quy định, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước.

Tăng cường công tác quản lý tài chính, kiểm soát nội bộ, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, chấp hành nghiêm quy định chế độ quản lý tài chính, thực hiện và tuân thủ các quy định của nhà nước, nội quy, quy chế của Tổng Công ty, Công ty trong công tác kinh doanh và quản lý điều hành. Chú trọng phân tích đánh giá tình hình tài chính một cách nhanh chóng chính xác kịp thời để có kế hoạch triển khai phù hợp.

Tăng cường quản lý, bảo toàn và nâng cao hiệu quả đồng vốn, đảm bảo quyền lợi và lợi ích pháp của Công ty, cổ đông và người lao động

Thực hiện đầy đủ các quy định đối với Công ty đại chúng đã lên sàn UPCOM theo luật chứng khoán, phát huy việc giao dịch cổ phiếu, quảng bá rộng rãi đến nhà đầu tư và tăng khả năng huy động vốn.

3. Công tác đầu tư:

Tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng các dự án công trình theo kế hoạch đã đề ra nhằm chỉnh trang, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật bến bãi khang trang sạch đẹp đảm bảo quy chuẩn quốc gia về bến xe khách:

• Dự án Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1)

Lập báo cáo quyết toán, kiểm toán báo cáo quyết toán công trình. Hoàn tất các thủ tục thanh lý hợp đồng với các đơn vị liên quan.

• Dự án Mở rộng Bến xe An Sương 4,8 ha

Tiếp tục phối hợp với Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Hóc Môn xây dựng hoàn thiện Kế hoạch thu hồi đất trình Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn phê duyệt làm căn cứ triển khai thực hiện.

Hoàn thiện hồ sơ Đề xuất dự án trình Hội đồng quản trị và đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua làm căn cứ triển khai bước tiếp theo.

• Các công tác khác

Tiếp tục thực hiện đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp chất lượng cơ sở hạ tầng hai Bến xe.

Tại Bến xe Ngã tư Ga: Triển khai xây dựng Khu nhà dịch vụ hỗ trợ theo quy hoạch được duyệt; Xây dựng hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải; Cải tạo, nâng cấp Dây phòng điều hành; Mở dải phân cách trên quốc lộ 1A trước cổng ra BX Ngã tư ga; Bảo trì hệ thống điện, chống sét, cấp thoát nước, sửa chữa thường xuyên khu văn phòng làm việc, khu dịch vụ, di dời nhà xe cán bộ nhân viên tạo quảng trường thông thoáng trước nhà ga; Tại Bến xe An Sương: Nâng cấp mặt bãi; Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí khu vực sảnh chờ; Bảo trì các hạng mục công trình hiện hữu của bến xe; Bảo trì hệ thống PCCC, chống sét; Trang trí khu vực nhà ga hành khách; Lắp dựng nhà kho; Sơn kẻ mặt đường sân bãi phân luồng giao thông ..

4. Công tác nhân sự - đào tạo:

Rà soát đánh giá và bổ sung cán bộ quy hoạch theo đúng quy định và triển khai đào tạo nguồn nhân lực theo kế hoạch đề ra. Tiếp tục thực hiện công tác đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng vào việc đào tạo nghiệp vụ và các kỹ năng mềm, đào tạo tin học cho người lao động.

Mạnh dạn đổi mới trong việc bố trí, luân chuyển cán bộ, nhân viên phù hợp với năng lực, sở trường công tác nhằm đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Tạo điều kiện tốt nhất để người lao động phát huy tối đa khả năng, năng lực công hiến. Quan tâm cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động.

5. Công tác hành chính:

Tổ chức thành công các Hội nghị, Đại hội quan trọng năm 2021 như: Tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ IV (2021 - 2026). Hội Nghị người lao động và đối thoại định kỳ tại nơi làm việc; Hội nghị Tổng kết công tác xây dựng Đảng và Sản xuất kinh doanh,

Tiếp tục quản lý điều hành theo tiêu chuẩn Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015; Quy trình tác nghiệp chuẩn SOP". Xây dựng Văn hóa Doanh nghiệp, kết nối thương hiệu với Tổng Công ty.

Tiếp tục rà soát sửa đổi bổ sung các quy chế quy định của Công ty, các quy trình quản lý, các quy trình tác nghiệp đảm bảo chặt chẽ, đồng bộ và hiệu quả, phù hợp với pháp luật và tình hình thực tế tại Công ty như: Điều lệ công ty, Quy Chế Trả lương trả thưởng, Nội quy lao động,....

Tiếp tục theo dõi liên hệ các cơ quan, ban ngành để hoàn thành công tác bàn giao chỉ phí đền bù, giải tỏa xây dựng Bến xe Ngã Tư Ga; Thực hiện thủ tục ký lại PLHD thuê đất tại BXNTG; Theo dõi thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Bến xe An Sương (điều chỉnh giảm theo Quyết định thu hồi đất của UBND Huyện Hóc Môn về Dự án Hàm chui Bến xe An Sương).

Áp dụng có hiệu quả các phần mềm vào các quy trình tác nghiệp để nâng cao năng suất lao động; Cung cấp đầy đủ thông tin cho hành khách về luồng tuyến, giờ khởi hành của các chuyến xe, loại xe, quy hoạch tuyến, khai trương tuyến mới,.. trên website của Công ty.

Tăng cường công tác giữ gìn an ninh trật tự, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường trong toàn Công ty; Đảm bảo tuyệt đối an toàn tính mạng và tài sản cho hành khách và khách hàng.

Nghiêm túc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, gắn trách nhiệm của lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị trong việc triển khai các nhiệm vụ SXKD đảm bảo hoạt động đồng đều và hiệu quả. Đồng thời, phát huy trí tuệ tập thể trong điều hành tổ chức.

Phát động các phong trào thi đua và tổ chức thực hiện tốt trên các lĩnh vực, thực hành tiết kiệm, khuyến khích phát huy sáng kiến cải tiến, giải pháp, hợp lý hóa SXKD tạo động lực thúc đẩy SXKD đạt hiệu quả. Phần đầu có ít nhất 6 sáng kiến hoặc giải pháp và ít nhất 3 chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

Tiếp tục tích cực tham gia công tác An sinh xã hội, đóng góp các quỹ tài trợ do địa phương và Tổng Công ty phát động.

Phần III

CÁC KIẾN NGHỊ

Tiếp tục kiểm tra chấn chỉnh các vi phạm trong hoạt động vận tải, tình trạng xe dù trá hình bằng hình thức hợp đồng, đón trả khách không đúng quy định, không thực hiện đúng biểu đồ chạy xe.

Cơ quan quản lý tuyến xem xét cho bổ sung các tuyến có nhu cầu vào trong bảng quy hoạch tuyến hàng năm tạo điều kiện để các Đơn vị vận tải đăng ký khai thác các tuyến Vận tải hành khách tuyến cố định theo Nghị định số 10/2020/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải./..

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các phòng ban, đơn vị;
- Lưu: VT, PTTT(01b).N.5.

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN HIẾU

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN
 TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN
BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN
(STP.JSC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09.../BC-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
SẢN XUẤT KINH DOANH NHIỆM KỶ III (2016-2020)
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NHIỆM KỶ IV (2021-2025)

Phần I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
SẢN XUẤT KINH DOANH NHIỆM KỶ III (2016-2020)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XII với sự chỉ đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ nền kinh tế Việt Nam đã từng bước phục hồi. Tốc độ tăng trưởng cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới, nền kinh tế Việt Nam có thêm một năm khởi sắc với tăng trưởng cao và kinh tế vĩ mô nhìn chung ổn định. Tuy nhiên, Ở ngành vận tải, Do biến động giá xăng dầu thế giới nên giá xăng dầu trong nước cũng thường xuyên tăng giảm. Việc tăng giảm giá xăng dầu nhỏ giọt, làm cho các đơn vị kinh doanh vận tải rất bị động trong việc kê khai giá cước để phù hợp với giá xăng dầu.

Thực hiện Nghị Quyết Đại hội Đảng bộ Tổng Công ty với các mục tiêu trong nhiệm kỳ 2015-2020 là xây dựng Tổng Công ty phát triển nhanh và bền vững, khẳng định thương hiệu SAMCO trong nước và khu vực, tạo ra những đột phá trong lĩnh vực Công nghiệp, Cơ khí giao thông vận tải, đặc biệt là lĩnh vực Công nghiệp hỗ trợ. Nâng cao năng lực cạnh tranh, năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và dịch vụ, thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, đóng góp cho sự phát triển của thành phố và cả nước.

Việc triển khai thực hiện Nghị định số 10/2020/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải đã tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp khai thác tuyến cố định, xe buýt, xe taxi và công tác quản lý chặt chẽ hơn để chống “xe dù, bến cóc”; đồng thời cải cách các thủ tục hành

chính, áp dụng ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý phương tiện cũng tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chính phủ và Ủy ban An Toàn giao thông quốc gia tiếp tục chỉ đạo siết chặt quản lý vận tải và nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải, kiểm soát tải trọng xe. Bộ GTVT tiếp tục tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động vận tải tại các DNVT và các doanh nghiệp Bến xe khách, tạo điều kiện cho đa số các đơn vị cũng cố lại hoạt động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Ngành giao thông vận tải siết chặt quản lý vận tải, nâng cao chất lượng dịch vụ, đặc biệt là việc kiểm tra tải trọng xe trên phạm vi toàn quốc; chi phí đầu vào của ngành vận tải liên tục tăng, đặc biệt là nhiên liệu làm cho các đơn vị có quy mô nhỏ, tổ chức chưa hợp lý, chưa kịp thời chuyển đổi gặp không ít khó khăn. Phí sử dụng đường bộ, các trạm thu phí BOT trên đường gia tăng. Khó khăn lớn nhất là nhiều doanh nghiệp vận tải khi tham gia giao thông trên 100% tuyến đường BOT nhưng vẫn phải nộp phí bảo trì đường bộ theo đầu phương tiện “phí chồng lên phí”. Mức thu phí tăng cao cũng tác động rất lớn đến giá thành vận tải từ đó ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của các Doanh nghiệp vận tải làm ảnh hưởng đến lượng phương tiện vào bến xe hoạt động.

Bộ GTVT đã điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thêm các tuyến Vận tải hành khách cố định liên tỉnh đường bộ tại hai bến xe. Vì vậy, nhu cầu mở thêm tuyến và đưa xe vào hoạt động tại hai bến xe có chiều hướng tăng nhẹ, góp phần tăng các chỉ tiêu SXKD của Công ty. Tuy nhiên, việc quy hoạch chi tiết tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh đường bộ toàn quốc đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 chưa phù hợp với nhu cầu đi lại của người dân nên khi có nhu cầu doanh nghiệp vận tải đăng ký khai thác tuyến không được mà phải chờ bổ sung vào quy hoạch.

Hiện nay các doanh nghiệp vận tải có thương hiệu chất lượng dịch vụ tốt đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng đã thay thế dần các doanh nghiệp truyền thống quy mô nhỏ lẻ, năng lực hạn chế, chất lượng dịch vụ không được nâng cao.

Hàng không giá rẻ ngày một phát triển; Cạnh tranh không công bằng “xe dù”, “bến cóc”, các phương tiện vận tải hoạt động như tuyến cố định nhưng lách luật dưới hình thức xe hợp đồng, các loại hình vận tải ứng dụng công nghệ đang tạo ra mâu thuẫn rất gay gắt với xe kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định và gây mất trật tự, an toàn và ùn tắc giao thông ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2019, Công ty triển khai thi công Dự án Đầu tư nâng cấp Bến xe An Sương, mặt bằng kinh doanh tại Bến xe An Sương được thu hồi phục vụ triển khai thi công dự án. Vì vậy, kết quả kinh doanh tại Bến xe An Sương ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh chung của Công ty.

Trong năm 2020, hai đợt dịch Covid-19 vào tháng 4 và tháng 7, Công ty đã tổ chức việc tạm dừng hoạt động vận tải tại hai bến xe trong tháng 4/2020 và tạm dừng

hoạt động khai thác của các phương tiện vận tải hành khách đi/đến thành phố Đà Nẵng tháng 8/2020 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ đã làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty, sản lượng hành khách liên tỉnh qua bến và lượt xe khách xuất bến tại Bến xe An Sương và Bến xe Ngã tư ga đều giảm so với kế hoạch, ảnh hưởng đến các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2020.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2016-2020.

1. Về Sản xuất kinh doanh:

1.1. Các chỉ tiêu SXKD:

a. Các chỉ tiêu thực hiện về tài chính:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện giai đoạn 2016-2020					Thực hiện 5 năm	Tỷ lệ tăng trưởng (%)					
			2016	2017	2018	2019	2020		2016-2020	TH2017 TH2016	TH2018 TH2017	TH2019 TH2018	TH2020 TH2019	TTBO 2016-- 2020
1	Doanh thu (có miễn tiền thuế đất)	trồng	-	-	51.021	-	-							
	Doanh thu (Ko có miễn tiền thuế đất)	trồng	35.423	40.882	46.899	47.558	42.100	212.862	15	15	1	-11	5	
2	Lợi nhuận trước thuế (có miễn tiền thuế đất)	trồng	-	-	25.506	-	-							
	Lợi nhuận trước thuế (Ko có miễn tiền thuế đất)	trồng	9.594	15.058	21.384	22.394	17.944	86.375	56,95	42	5	-20	21	
3	Nộp ngân sách	trồng	7.508	7.714	9.451	8.699	4.629	37.902	3	23	-8	-47	-7	
4	Thu nhập bình quân	trồng	10,3	11,7	12,9	12,7	12,35		13	11	-2	-2	5	
5	Tỷ lệ chia cổ tức	%	18	20	40	20	20		11	100	-50	-	15	

- Trong giai đoạn 2016-2019, nhìn chung, Công ty đều hoàn thành vượt mức kế hoạch các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, tốc độ phát triển năm sau đều cao hơn năm trước. Tuy nhiên, trong năm 2020, do ảnh hưởng của các đợt dịch Covid -19 và việc triển khai thực hiện dự án Bến xe an Sương, mặt bằng kinh doanh được thu hồi phục vụ cho việc thi công dự án đã làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh chung của Công ty.

- Tỷ lệ tăng trưởng bình quân doanh thu giai đoạn 2016-2020 là 5%.

- Tỷ lệ tăng trưởng bình quân Lợi nhuận trước thuế giai đoạn 2016-2020 là 21%

- Tỷ lệ tăng trưởng bình quân Thu nhập giai đoạn 2016-2020 là 5 %. Đã tạo được thu nhập ổn định cho CBCNV yên tâm tiếp tục cống hiến đóng góp xây dựng Công ty ngày càng phát triển ổn định bền vững.

- Tỷ lệ chia cổ tức các năm đều không thấp hơn 18%, tỷ lệ chia cổ tức đều vượt ít nhất 2% so với mục tiêu đề ra tại Đại hội Cổ Đông tổng kết nhiệm kỳ III (2016 - 2020). Đặc biệt năm 2018 tỷ lệ chia cổ tức 40%.

b. Các chỉ tiêu về Sản lượng:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện					Thực hiện 5 năm	Tỷ lệ tăng trưởng (%)				
			2016	2017	2018	2019	2020		TH2017 TH2016	TH2018 TH2017	TH2019 TH2018	TH2020 TH2019	TTBQ 2016- 2020
1	Xe khách LT xuất bến	Lượt	168.039	179.191	192.223	205.409	151.210	896.072	7	7	7	-26	-1
2	Hành khách LT qua bến	Lượt	1.271.361	1.421.382	1.580.576	1.615.349	877.663	6.766.331	12	11	2	-46	-5
3	Phương tiện lưu đậu	Lượt	263.505	284.469	289.434	282.128	245.395	1.364.931	8	2	-3	-13	-1
4	Xe buýt xuất bến	Lượt	654.713	649.143	689.122	640.391	479.392	3.112.761	-1	6	-7	-25	-7
5	Hành khách nội tỉnh qua bến	Lượt	18.040.432	18.088.639	19.387.689	18.047.804	13.417.879	86.982.443	0	7	-7	-26	-6

Trong giai đoạn 2016-2019, sản lượng lượt xe và hành khách qua bến đều tăng rõ theo hàng năm. Tuy nhiên, trong năm 2020, do ảnh hưởng của các đợt dịch Covid-19 đã làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty, sản lượng hành khách liên tỉnh qua bến và lượt xe khách xuất bến tại Bến xe An Sương và Bến xe Ngã tư ga đều giảm so với cùng kỳ. Sản lượng xe khách xuất bến giảm 26% so với năm 2019, sản lượng hành khách qua bến giảm 46% so với năm 2019.

1.2. Kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020:

Hàng năm, Công ty đều tham gia lễ xuất quân phục vụ vận tải hành khách trong các dịp Tết Nguyên đán. Thực hiện tốt công tác phục vụ hành khách đặc biệt trong dịp cao điểm lễ tết như: Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán, lễ Giỗ tổ Hùng Vương, lễ 30/4 – 1/5, lễ Quốc khánh 02/9. Bến xe An Sương và Bến xe Ngã Tư Ga luôn bám sát tình hình vận tải hành khách tại hai Bến xe, đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường trong suốt thời gian phục vụ hành khách, đảm bảo tốt về an ninh trật tự, hành khách không bị ứ đọng tại bến và không xảy ra ùn tắc giao thông trong khu vực. Từ năm 2016-2020, hàng năm, Công ty đều được Sở Giao thông vận tải thành phố khen tặng hoàn thành tốt công tác phục vụ hành khách dịp Tết Nguyên đán.

Đề xuất về quy hoạch tuyến VIIKLT giai đoạn 2015-2020 gửi đến Vụ Vận tải, Tổng cục đường bộ Việt Nam, Viện chiến lược và phát triển GTVT, Sở GTVT Tp.HCM, Trung tâm nghiên cứu và phát triển GTVT Tp.HCM. Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 542/QĐ-BGTVT ngày 03/4/2020 về việc công bố điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chi tiết mạng lưới tuyến VIHK cố định liên tỉnh đường bộ toàn quốc đến năm 2020 định hướng đến năm 2030 của Bộ GTVT và văn bản số 12558/BGTVT-VT ngày 08/12/2020. Theo đó, BX An Sương được quy hoạch 103 tuyến với lưu lượng 35.555 chuyến/tháng, tại Bến xe Ngã tư Ga được quy hoạch 173

tuyến với lưu lượng 16,341 chuyến/tháng. Song song đó, Hai bến xe cũng đã làm việc với các đơn vị vận tải về việc mở tuyến mới, không có trong quy hoạch.

Hiện nay, xe khách tuyến cố định hoạt động tại hai Bến xe như sau: Tại Bến xe An Sương: Tổng số xe đang hoạt động là 635 xe, 78 đơn vị vận tải, khai thác trên 65 tuyến. Tại Bến xe Ngã Tư Ga: Tổng số xe đang hoạt động là 331 xe, 74 đơn vị vận tải, khai thác trên 75 tuyến.

Hai Bến xe trực thuộc Công ty đã được Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định công bố đạt chuẩn bến xe khách loại 2 từ tháng 9/2016 đến tháng 9/2021 theo Thông tư 49 và Thông tư 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ GTVT.

Thường xuyên rà soát tình hình hoạt động và làm việc với các đơn vị vận tải để cùng tháo gỡ khó khăn; Phối hợp với các đơn vị vận tải thường xuyên nhắc nhở nhân viên không ngừng nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ lịch sự, nhã nhặn đảm bảo an toàn cho hành khách trong quá trình vận chuyển. Tăng cường công tác kiểm tra phương tiện theo các quy định của cơ quan quản lý tuyến; tuyệt đối không cho các xe không đủ điều kiện xuất bến; Phối hợp Thanh tra Sở Giao thông Vận tải kiểm tra việc thực hiện thể lệ vận tải của các đơn vị nhà xe; Làm việc với các đơn vị vận tải về việc xe chạy không đúng biểu đồ giờ, thường xuyên bỏ tải chuyển, không đưa xe vào bến hoạt động; Xử lý các xe cố tình vi phạm; Tổ chức giải toả, không ùn tắc tại hai bến xe tạo mỹ quan đô thị trong và ngoài khu vực bến.

Đợt dịch Covid-19 vào tháng 4/2020, Công ty đã tổ chức việc tạm dừng hoạt động vận tải tại hai bến xe từ ngày 01/4/2020 đến ngày 23/4/2020 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Đợt dịch Covid-19 lần 2 vào tháng 7/2020, Công ty tạm dừng hoạt động khai thác của các phương tiện vận tải hành khách đi/đến thành phố Đà Nẵng từ cuối tháng 7 và khôi phục lại từ đầu tháng 9/2020. Công ty đã thực hiện tốt công tác báo cáo đến Sở GTVT, Tổng Công ty tình hình tại Công ty về công tác phòng, chống dịch bệnh viêm Corvid 19, sản lượng vận tải tuyến cố định trong thời gian dịch bệnh, thực hiện việc hỗ trợ các Đơn vị vận tải giảm phí dịch vụ tại hai Bến xe trong thời gian dịch bệnh Covid 19. Tuy nhiên, hai đợt dịch Covid-19 đã làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty, sản lượng hành khách liên tỉnh qua bến và lượt xe khách xuất bến tại Bến xe An Sương và Bến xe Ngã tư ga đều giảm so với kế hoạch, ảnh hưởng đến các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2020. Do đó, Công ty đã thực hiện điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020.

Công ty đã phối hợp với Trung tâm Quản lý Giao thông Công cộng tổ chức đi dời trạm xe buýt phía trước công vào của Bến xe Ngã tư ga nhằm đảm bảo an toàn giao thông khi xe vào bến hoạt động.

Tiến hành kiểm tra giám sát định kỳ công tác quản lý tại hai bến xe sớm phát hiện các tồn tại từ đó đề ra các biện pháp khắc phục hiệu quả như kiểm tra nội bộ việc triển khai thực hiện các quy trình: Quy trình ký kết và thực hiện hợp đồng khoán kinh doanh dịch vụ và việc thực hiện các quy định về thể lệ vận tải; Quy trình thu

phí dịch vụ xe ra vào bến; Quy trình văn thư lưu trữ và soạn thảo văn bản tại hai Bến xe.

Triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải hành khách như: Đầu tư cải tạo, chỉnh trang sửa chữa nhà ga, bến xe, bến đỗ; bố trí cây xanh, quạt máy, hệ thống chiếu sáng hai bến xe; đưa vào sử dụng các công trình tiện ích công cộng như nhà vệ sinh miễn phí, phòng chờ hút thuốc cho hành khách, cải thiện điều kiện làm việc cho CBCNV, trang bị ghế trong khu vực phòng chờ cho hành khách thay thế ghế cũ; lắp đặt thêm hệ thống camera phủ tất cả các khu vực tại hai bến xe nhằm thuận tiện trong công tác điều hành vận tải, tăng cường đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh bến bãi; tổ chức khảo sát sự hài lòng của khách hàng, qua đó đã nắm bắt được các phản ánh của khách hàng về chất lượng dịch vụ đồng thời đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng, cải thiện công tác vệ sinh môi trường; thường xuyên kiểm tra đảm bảo công tác Vệ sinh môi trường, Phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh thực phẩm; phối hợp với các đơn vị vận tải thường xuyên nhắc nhở nhân viên không ngừng nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ lịch sự, nhã nhặn đảm bảo an toàn cho hành khách trong quá trình vận chuyển. Tại Bến xe Ngã Tư Ga, đã sắp xếp lại các điểm kinh doanh dịch vụ chuẩn bị cho việc triển khai xây dựng “nhà dịch vụ hỗ trợ”, tổ chức phân khu các khu vực tác nghiệp để các phương tiện vận tải ra vào, lưu đậu hợp lý hơn, phát triển thêm nhiều tuyến xe chất lượng cao, thu hút nhiều khách hàng tiềm năng vào bến tham gia khai thác.

Năm 2016, Tổ chức đấu thầu quyền kinh doanh dịch vụ tại Bến xe An Sương và tháng 12/2019 Tổ chức đấu thầu quyền kinh doanh dịch vụ tại Bến xe An Sương và Bến xe Ngã Tư ga nhằm quản lý, khai thác hiệu quả mặt bằng các điểm kinh doanh dịch vụ tại hai bến xe, tìm kiếm được các đối tác có năng lực tài chính, có khả năng tổ chức khai thác dịch vụ phục vụ vận tải chuyên nghiệp nhằm nâng cao chất lượng phục vụ hành khách tại hai Bến xe, đảm bảo an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường qua đó tăng doanh thu và nâng cao hình ảnh của Công ty.

2. Công tác quản lý tài chính:

Công tác quản lý tài chính, kế toán được đánh giá theo các nội dung chủ yếu sau:

a. Quản lý tài sản:

Công ty thực hiện ghi chép, phản ánh các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí theo quy định của chế độ kế toán và các văn bản hướng dẫn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nguồn thu chủ yếu là doanh thu xe qua bến, xe tải, xe buýt ra vào bến, còn lại là doanh thu khai thác kinh doanh dịch vụ, kho, thu tiền điện, nước...). Đơn vị mở sổ chi tiết theo dõi các khoản doanh thu, thu nhập phát sinh trong năm theo quy định.

Công ty áp dụng bảng giá dịch vụ xe ra, vào bến xe theo quy định tại Quyết định 74/2011/QĐ-UBND ngày 16/11/2011 của UBND TP, áp dụng phần mềm quản

lý xe ra vào bến.

Công ty ý thức trong việc chấp hành nghiêm các chế độ chính sách qui định về quản lý tài chính. Quản lý tốt nguồn thu – chi của đơn vị, đảm bảo thu đúng, thu đủ, kịp thời và chính xác. Thực hành tiết kiệm chi phí và đảm bảo nguyên tắc chi tiêu. Quản lý tốt các khoản nợ phải thu – phải trả và có đối chiếu xác nhận vào cuối mỗi năm. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, chấp hành nghiêm luật quản lý thuế, Luật lao động, Luật Bảo hiểm Xã hội, Luật thống kê,... Chấp hành tốt chế độ báo cáo đối với các cơ quan quản lý Nhà nước và Tổng Công ty.

Kiểm tra và thực hiện tốt công tác quản lý tiền mặt, tiền ngân hàng và các khoản tiền gửi có kỳ hạn, quản lý công tác tài chính chặt chẽ. Thực hiện việc kiểm tra chặt chẽ các khoản chi phí sửa chữa, xây dựng cơ bản, dự án của Công ty. Thực hiện tốt công tác quản lý tài sản và công cụ dụng cụ theo đúng qui định.

Thực hiện kê khai, quyết toán và nộp vào ngân sách Nhà nước các loại thuế theo đúng qui định. Hoàn tất việc nộp thuế theo biên bản kiểm tra của Cục thuế Tp.HCM từ năm 2010-2017.

Hoàn thành việc đăng ký Công ty đại chúng với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, đăng ký chứng khoán tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, đăng ký giao dịch cổ phiếu tại thị trường giao dịch chứng khoán Upcom của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Thực hiện các nghiệp vụ công tác chứng khoán, thực hiện công tác chi trả cổ tức theo nghị quyết ĐIIĐCD, báo cáo tình hình sử dụng vốn định kỳ do phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ. Thực hiện tốt công tác công bố thông tin theo qui định, thực hiện lập báo cáo thường niên hàng năm.

Công ty Hoàn thành việc áp dụng phần mềm kế toán Bravo trong quản lý tài chính góp phần nâng cao công tác kiểm tra giám sát đảm bảo minh bạch an toàn và điều hành một cách có hiệu quả hoạt động của Công ty.

Công ty đã tích cực phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước và đã hoàn thành công tác hoàn tiền thuế đất tại hai Bến xe. Cục thuế Thành phố đã ban hành Quyết định số 940/QĐ-CT ngày 04/4/2018 về việc miễn tiền thuế đất cho Bến xe Ngã Tư Ga và Quyết định số 941/QĐ-CT ngày 04/4/2018 về việc miễn tiền thuế đất cho Bến xe An Sương. Chi cục thuế Quận 12 đã ban hành Quyết định số 2407/QĐ-CCT ngày 18/5/2018 về việc hoàn thuế đối với Bến xe Ngã Tư Ga. Chi cục thuế Hóc Môn đã ban hành Quyết định số 1252/QĐ-CCTHM.TB ngày 21/6/2018 về việc hoàn thuế đối với Bến xe AnSương. Hiện nay, Chi cục thuế Quận 12 và Huyện Hóc Môn đã hoàn thành công tác hoàn tiền thuế đất. Công ty đã nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn của Cục thuế Thành phố đối với khoản tiền thuế đất được miễn.

Định kỳ hàng năm, Công ty được tổ kiểm soát Tổng Công ty kiểm tra giám sát đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban kiểm soát Công ty thực hiện kiểm tra báo cáo tài chính và Công ty kiểm toán AIC Việt Nam kiểm toán báo cáo tài chính theo quy định. Trong năm 2018, được đơn vị Kiểm toán Nhà nước khu vực IV kiểm toán báo cáo tài chính và các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản

Nhà nước năm 2017. Trong năm 2019, được đoàn Thanh tra của Tổng Cục thuế thanh tra việc chấp hành về thuế năm 2018. Cục Thuế TP Hồ Chí Minh kiểm tra về việc thực hiện nghĩa vụ thuế của Công ty từ năm 2011 đến năm 2017.

Qua kết quả của các đoàn thanh kiểm tra Công ty được đánh giá thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, Luật kế toán, chuẩn mực kế toán hiện hành.

Tháng cuối năm 2019 thực hiện báo cáo theo đề cương khảo sát của đoàn Kiểm toán nhà nước chuyên ngành V để chuẩn bị thực hiện kiểm toán BCTC của các năm từ sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức quyết toán vốn nhà nước chuyển sang công ty cổ phần (cả năm 2005 và từ 01/01/2006 đến 15/6/2006). Thực hiện báo cáo công tác rà soát hồ sơ Quyết toán chuyển thể doanh nghiệp theo yêu cầu của UBND TP và nộp báo cáo rà soát về Chi cục Tài chính Doanh Nghiệp.

Thực hiện việc kết nối với nhà cung cấp hoá đơn điện tử trên hệ thống phần mềm Bravo áp dụng từ năm 2021.

b. Quản lý vốn chủ sở hữu:

Vốn điều lệ đến nay là 50 tỷ đồng. Vốn điều lệ khi thành lập là 16 tỷ đồng, trong năm 2017 công ty thực hiện thủ tục phát hành cổ phiếu tăng thêm vốn điều lệ 34 tỷ đồng theo Quyết định số 17/QĐ-HĐTV ngày 3/3/2017 của Hội Đồng thành viên Tổng Công ty để thực hiện dự án đầu tư nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1), hiện nay vốn điều lệ công ty là 50 tỷ đồng, trong đó vốn Nhà nước chiếm 51% và vốn cổ đông khác là 49%.

Lập báo cáo định kỳ tình hình sử dụng vốn huy động sau khi phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ thực hiện Dự án đầu tư nâng cấp Bến xe An Sương, Báo cáo giám sát Tài chính của đại diện vốn Tổng Công ty.

4. Công tác nhân sự, phát triển nguồn nhân lực:

- *Tuyển dụng:* tổng số lao động hiện nay là 108 người. Hằng năm công ty tuyển dụng nhân sự bổ sung, thay thế cho lao động nghỉ việc, nghỉ hưu nhằm đảm bảo đúng chỉ tiêu và hoàn thành mục tiêu công việc đã đề ra.

- *Bổ nhiệm:* Sau Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2016 – 2021 đã bầu Chủ tịch HĐQT, bổ nhiệm Tổng Giám đốc, 01 Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng đáp ứng các yêu cầu chỉ đạo điều hành SXKD tại Công ty.

+Tiến hành công tác thay thế, bổ nhiệm một số Cán bộ chuyển công tác, nghỉ hưu, nghỉ việc.

- *Xây dựng và thực hiện quỹ tiền lương, tiền thưởng để phục vụ công tác kiểm tra của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Tổng Công ty và công tác kiểm soát của Sở Lao động.* Cụ thể: Hằng năm từ năm 2016 đến năm 2020 thực hiện thẩm định quỹ lương theo đúng quy định của Công ty và quy định của Pháp luật hiện hành. Xây dựng quy chế trả lương, trả thưởng, phương án lương chức danh cho người lao động vào các năm 2015, 2017. Thực hiện việc điều chỉnh mức lương cơ bản theo mức lương tối thiểu vùng theo quy định của Pháp luật. Thực hiện việc nâng bậc lương hằng năm theo đúng quy định, quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty.

Triển khai công tác Quy hoạch và Đào tạo sau quy hoạch nguồn nhân sự cấp ủy và cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2015 – 2020, đồng thời bổ sung quy hoạch đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

Công tác đào tạo: Thường xuyên cử CBCNV tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, dài hạn kể cả trong và ngoài nước nhằm nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị. Trong 5 năm qua, có 01 nhân sự đang học Cao học. 3 nhân sự tốt nghiệp Đại học, 1 đang học, 1 nhân sự hoàn thành khóa học CEO, 7 nhân sự tốt nghiệp Trung cấp chính trị.

Ngoài ra, hàng năm, Công ty luôn tổ chức tập huấn công tác Phòng cháy chữa cháy – Thoát hiểm thoát nạn; Huấn luyện, đào tạo An toàn vệ sinh lao động định kỳ cho người lao động theo quy định tại Nghị định 44/2016/NĐ-CP cho toàn thể Cán bộ công nhân viên và các điểm kinh doanh dịch vụ tại hai bến xe; Tổ chức cho nhân viên bảo vệ học nghiệp vụ bảo vệ do CA Tp tổ chức.

5. Công tác pháp chế:

Trong 5 năm 2016- 2020, Công tác pháp chế đã từng bước hoàn thiện khung pháp lý cho các hoạt động của Công ty thông qua các công việc cụ thể: đẩy nhanh việc thực hiện kế hoạch rà soát, sửa đổi và xây dựng mới các văn bản quản lý nội bộ của Công ty như việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Quy chế, Quy định, gắn liền với quá trình sửa đổi Điều lệ và Quy chế tài chính của Công ty; hoàn thành công tác rà soát hệ thống các văn bản quản lý nội bộ theo yêu cầu và chỉ đạo của Tổng giám đốc Công ty; tích cực phối hợp với các phòng ban xây dựng cơ chế phân cấp thẩm quyền giữa Hội đồng Thành viên và Tổng giám đốc Công ty trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Tổ Pháp chế cũng đã tiến hành tập hợp, nghiên cứu các văn bản pháp lý quan trọng có liên quan và tác động nhiều mặt đến hoạt động của Công ty như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư; Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (DN) và đánh giá tác động của những luật này đến hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như công tác quản trị DN của Công ty. Ngoài ra, luôn thường xuyên tham gia tích cực vào việc nghiên cứu góp ý các dự thảo văn bản pháp luật do cơ quan có thẩm quyền dự thảo gửi xin góp ý...

6 Công tác hành chính:

Tổ chức lễ kỷ niệm 10 năm hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, Công ty được UBNDTP tặng cờ truyền thống có nhiều thành tích trong công tác tổ chức, xây dựng và phát triển Công ty; có 03 cá nhân được UBNDTP tặng bằng khen, 02 tập thể và 13 cá nhân được Tổng Công ty tặng giấy khen.

Đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên; Các Đại hội Chi bộ (nhiệm kỳ 2017 – 2019), Đảng bộ (nhiệm kỳ 2015 – 2020), Đại hội Công đoàn các cấp.

Hàng năm, tổ chức thành công các Hội nghị, Đại hội quan trọng như: Hội nghị tổng kết công tác xây dựng Đảng, sản xuất kinh doanh, sơ kết 6 tháng đầu năm và

Hội nghị Đại biểu người lao động, Đại hội đồng cổ đông thường niên qua đó đánh giá được các mặt tích cực và chỉ ra những hạn chế để có giải pháp phương hướng thực hiện nhiệm vụ, đăng ký thi đua năm tiếp theo.

Quá trình SXKD của Công ty hoạt động đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng thông qua việc triển khai áp dụng vận hành thường xuyên hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, quy trình tác nghiệp chuẩn SOP; Công ty đã được Công ty TUV NORD đã cấp giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 thời hạn 3 năm. Thực hiện đánh giá nội bộ ISO và kiểm tra công tác ATVSLĐ – VSMT – PCCN theo Quy trình chuẩn SOP tại hai bến xe theo định kỳ.

Hàng năm Đảng ủy và Ban lãnh đạo Công ty đều ra nghị quyết, kế hoạch triển khai tại đơn vị, hai bến đã thực hiện tốt việc tham mưu cho Chi bộ về việc xây dựng nghị quyết lãnh đạo Bến xe đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”; tham mưu Ban giám đốc Bến xe triển khai chương trình, kế hoạch tổ chức lực lượng bảo vệ để bảo đảm an ninh trật tự cho cơ quan bến xe, các doanh nghiệp kinh doanh và hành khách đi lại trong Bến xe, xây dựng hoàn thiện bộ Quy chế, Quy định về công tác đảm bảo an ninh trật tự - ATVSLĐ – PCCN, Quy chế Bảo vệ bí mật, Nội quy Công ty và hai bến xe.

Ngoài ra, Công ty cũng đã chuẩn bị và phối hợp tốt với các cơ quan quản lý nhà nước về công tác kiểm tra các hoạt động Sản xuất Kinh doanh tại hai bến xe trực thuộc. Công ty đã tiếp và làm việc với các đoàn kiểm tra như Thanh tra Sở lao động Tp.HCM, Phòng TNMT Quận 12, Trung tâm y tế dự phòng Q.12, Công an PCCC TP.HCM đã kiểm tra tình hình ANTI, PCCN, VSMT, tình hình thực hiện pháp luật Lao động của Công ty trong năm 2016 và 6 tháng đầu năm 2017. Qua đó, các đoàn kiểm tra kết luận Công ty có thực hiện đầy đủ các quy định của Pháp luật và đề nghị một số yêu cầu để đơn vị tiếp tục duy trì đồng thời khắc phục một số tồn tại hạn chế khi kiểm tra thực tế.

Phát động các phong trào thi đua và tổ chức thực hiện tốt trên các lĩnh vực, thực hành tiết kiệm, khuyến khích phát huy sáng kiến cải tiến, giải pháp, hợp lý hóa Sản xuất Kinh doanh tạo động lực thúc đẩy Sản xuất Kinh doanh đạt hiệu quả. CBCNV Công ty đã tham gia 43 sáng kiến hoặc giải pháp.

Đời sống người lao động được cải thiện, phong trào văn hóa, thể thao được duy trì thường xuyên tạo sự giao lưu gắn kết trong nội bộ Công ty, sự thi đua trong CBCNV và không khí vui vẻ, đoàn kết cùng nhau luôn phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ như: Quan tâm chăm lo Tết cho người lao động, phối hợp cùng Công đoàn và Đoàn thanh niên chuẩn bị quà tết tổ chức thăm hỏi, chăm lo các đối tượng chính sách, gia đình khó khăn, hợp mặt cán bộ hưu trí. Hàng năm, thực hiện các quyền lợi của Người lao động theo Thỏa ước lao động như: Khám sức khỏe định kỳ; Mua Bảo hiểm tai nạn cá nhân; Trang bị áo đi mưa; Trang bị Bảo hộ lao động đầy đủ May đo đồng phục, tổ chức tham quan nghỉ mát; Tổ chức hợp mặt và tiệc liên hoan truyền thống giữa các chị em nữ CBCNV nhân ngày 8/3 và 20/10; tặng quà cho con CBCNV nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6,....

7. Phát triển thương hiệu, hoạt động vì xã hội cộng đồng:

Từ năm 2015-2020, Công ty đã đóng góp được 825,64 triệu đồng, trong đó bao gồm: Các phong trào chung của địa phương; tham gia đóng góp vào quỹ xã hội tập trung của Tổng công ty thực hiện và đặt thùng từ thiện tại 02 bến xe; tham gia đóng góp "Chương trình cùng công nhân vượt khó" của Công đoàn Tổng công ty; hỗ trợ Chương trình nghĩa tình Hoàng Sa- Trường Sa; đóng góp hỗ trợ đồng bào miền Bắc, miền Trung và vùng Tây Nguyên bị lũ lụt; Ủng hộ người nghèo phường thanh lịch, Hỗ trợ chương trình "Cùng công nhân vượt khó" chăm lo gia đình chính sách ở Cù Chi; hỗ trợ đóng góp xây 01 căn nhà tình bạn tại Xã Nhị Bình Huyện Hóc Môn; tặng quà các gia đình có công với cách mạng tại Khu căn cứ CM của Thành Đoàn tại Bến Tre; chăm lo và phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng Đỗ Thị Thương tại Cù Chi, Quỹ vì người nghèo"; góp đá xây dựng Trường Sa, hỗ trợ gia đình có công với cách mạng, hỗ trợ kinh phí tổ chức chương trình lễ cưới tập thể,...

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Những thành tích đã đạt được:

Hàng năm, Công ty đã cụ thể hóa chi tiết và triển khai kịp thời các kế hoạch, nhiệm vụ được Tổng công ty giao theo Nghị quyết của Hội đồng thành; thực hiện đầy đủ các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm và Nghị quyết Hội đồng quản trị.

Với sự năng động, sáng tạo và quyết liệt của Ban Điều hành Công ty và sự đồng lòng nhất trí của Hội Đồng Quản trị và tập thể CBCNV đã lãnh đạo thực hiện các biện pháp phát triển trong kinh doanh, phát triển thêm nhiều tuyến xe khách liên tỉnh mới, từng bước đưa các tuyến xe khách chất lượng cao vào bến hoạt động, không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ hành khách, bố trí hợp lý và khai thác có hiệu quả mặt bằng bến bãi, dịch vụ quảng cáo cũng như các dịch vụ khác tại Hai bến xe. Từ đó duy trì ổn định tình hình SXKD, góp phần hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh hàng năm.

Lãnh đạo Công ty phát triển toàn diện đồng đều các mặt như SXKD, ANTT, PCCC, ATVSLĐ, bảo vệ môi trường, công tác xây dựng Đảng, đoàn thanh niên, công đoàn cũng như chăm lo tốt cho người lao động và đóng góp công tác xã hội. Năm 2016 kỷ niệm 10 năm hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, Công ty được UBND TP tặng cờ truyền thống có nhiều thành tích trong công tác tổ chức, xây dựng và phát triển Công ty; có 03 cá nhân được UBND TP tặng bằng khen, 02 tập thể và 13 cá nhân được Tổng Công ty tặng giấy khen. Hàng năm, Công ty đã được Tổng Công ty khen tặng đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong công tác chăm lo, phục vụ Tết Nguyên Đán. Các năm qua Công ty luôn được UBND TP Quyết định công nhận cơ quan doanh nghiệp nhà trường đạt tiêu chuẩn An toàn về an ninh trật tự, Quyết định tặng bằng khen thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 02 năm liên tục (2015-2016) cho các tập thể và cá nhân thuộc Tổng Công ty SAMCO, Công An TP HCM khen tặng đã có thành tích xuất sắc trong "phong trào toàn dân bảo vệ ANTT", Được Sở Lao Động-Thương Binh và Xã hội TP HCM khen tặng hai Bến xe trong công tác an

toàn vệ sinh lao động năm 2015; UBND quận 12 khen tặng về phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa năm 2015. Tổng Công ty khen thưởng "tập thể đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2015-2019, Tại Bến xe Ngã Tư Ga Ủy ban nhân dân Phường Thạnh Lộc Khen tặng về Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; Ủy ban nhân dân Quận 12 khen tặng Tập thể đạt thành tích xuất sắc phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" 3 năm liên tục 2015, 2016, 2017; Tổng Công ty khen tặng Bến xe Ngã Tư Ga đã hoàn thành công tác An toàn Vệ sinh lao động - Phòng chống cháy nổ năm 2017, 2018, được Ủy ban nhân dân Quận 12 khen tặng là đơn vị 2 năm liền (2018, 2019) đạt tiêu chuẩn văn hoá; khen tặng " đơn vị đạt chuẩn phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá giai đoạn 2000-2020". Tại Bến xe An Sương Ủy ban nhân dân Xã Bà Điểm khen tặng đã có thành tích xuất sắc trong công tác phối hợp thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2017. Ủy Ban Nhân Dân Xã Bà Điểm khen tặng đã có thành tích tiêu biểu trong công tác phối hợp thực hiện phong trào toàn dân BVTQ năm 2019; Ủy Ban Nhân Dân Huyện Hóc Môn Công nhận Danh hiệu Đơn Vị đạt chuẩn trong phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa 09 năm (2011-2019)". Được Ban Chấp hành Trung Ương Đoàn TNCS HCM khen thưởng. Từ năm 2015 đến nay, hàng năm Công đoàn cơ sở đều đạt Công đoàn vững mạnh xuất sắc. Đoàn Thanh niên đạt Đoàn cơ sở xuất sắc. Xây dựng tinh thần đoàn kết đồng lòng, cùng nhau vượt qua khó khăn và chung sức xây dựng Công ty ngày càng ổn định, phát triển. Nhiều năm liền hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đề ra; đảm bảo việc làm cho người lao động, thu nhập ổn định.

Những kết quả đạt được nêu trên của Công ty là nhờ luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ, định hướng phát triển từ Tổng Công ty, Sở Giao thông vận tải và chính quyền địa phương, cùng với sự chỉ đạo kịp thời, hiệu quả và đoàn kết nhất trí của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty tạo động lực và sức mạnh cho tập thể cán bộ công nhân viên Công ty nỗ lực, cố gắng trong công tác thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.

2. Những tồn tại và nguyên nhân:

- Công tác Quyết toán chuyển thể giai đoạn Công ty Nhà nước sang Công ty Cổ phần: Hiện nay về mặt thủ tục đã đầy đủ, Ủy ban nhân dân Thành phố cũng đã có văn bản yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận 12 tiếp nhận chi phí đền bù giải tỏa Bến xe Ngã Tư ga tuy nhiên đến nay Ủy ban nhân dân Quận 12 chưa nhận bàn giao. Công ty sẽ tiếp tục liên hệ với Chi cục Tài chính Doanh Nghiệp, Ủy ban nhân dân Quận 12 để hoàn tất công tác Quyết toán chuyển thể Doanh Nghiệp.

Phần II

MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CỦA CÔNG TY NHIỆM KỶ IV (2021 – 2025)

I. MỤC TIÊU:

1. Duy trì và phát triển kinh doanh có hiệu quả, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu do Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ IV đề ra. Xây dựng đội ngũ cán bộ trẻ có trình độ, năng lực, sáng tạo, theo tiêu chuẩn, quy chế cán bộ để có đủ sức đảm đương, hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

2. Tiếp tục triển khai dự án mở rộng Bến xe An Suông (4,8 ha), theo Nghị quyết HĐQT Công ty. Chính trang cơ sở hạ tầng bến bãi thu hút các Doanh nghiệp vận tải vào bến.

3. Xây dựng và phối hợp các Doanh nghiệp vận tải triển khai thực hiện tốt kế hoạch phục vụ hành khách trong đợt cao điểm Lễ, Tết.

4. Tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ hành khách, trong đó tập trung việc đào tạo kỹ năng giao tiếp ứng xử, xây dựng thái độ phục vụ của CBCNV văn minh lịch sự, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hành khách, duy trì, tăng cường mối quan hệ chặt chẽ với khách hàng, đáp ứng kịp thời các yêu cầu khách hàng đặc biệt là các khách hàng lớn, lâu năm. Cải tiến lề lối làm việc, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các Đơn vị vận tải.

5. Tiếp tục theo dõi liên hệ với Chi cục TCDN để được hướng dẫn thực hiện quyết toán chuyển thể Doanh nghiệp nhà nước sang Công ty Cổ phần.

6. Sử dụng vốn hiệu quả, tập trung thực hành tiết kiệm chống lãng phí, nâng cao hiệu quả quản lý của doanh nghiệp, quản lý chi phí theo từng chỉ tiêu được phê duyệt trong kế hoạch.

7. Tổ chức đào tạo nâng cao chất lượng trình độ đội ngũ Cán bộ Công nhân viên đảm bảo yêu cầu công việc, tổ chức sắp xếp lại bộ máy đảm bảo hoạt động hiệu quả.

8. Chú trọng công tác phòng chống dịch Covid 19, thường xuyên phối hợp cùng các đơn vị vận tải trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải, các dịch vụ phục vụ hành khách tại hai bến đảm bảo ANIT, VSIP, PCCN..., tiếp tục triển khai việc nâng chất lượng dịch vụ tại bến xe theo chỉ đạo của Tổng Công ty.

9. Đạt tập thể lao động xuất sắc vào các năm tiếp theo. Tiếp tục giữ vững danh hiệu 2 Bến xe là: “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”; Vận hành tốt hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 ngày càng hiệu quả và cập nhật theo phiên bản mới. Áp dụng Công nghệ thông tin vào công tác quản lý điều hành một cách triệt để có hiệu quả, xây dựng Văn hóa doanh nghiệp.

II. CHỈ TIÊU:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch Thực hiện 2021-2025					Thực hiện 5 năm	Tỷ lệ tăng trưởng (%)				TTBQ (%)
			2021	2022	2023	2024	2025		2021-2025	2022 2021	2023 2022	2024 2023	
1	Xe khách LT xuất bến	Lượt	149.672	154.162	160.329	168.345	176.762	809.270	3	4	5	5	4
2	Hành khách LT qua bến	Lượt	860.864	878.081	895.643	922.512	950.188	4.507.288	2	2	3	3	3
3	Phương tiện lưu đậu	Lượt	248.785	256.249	263.936	271.854	280.010	1.320.833	3	3	3	3	3
4	Xe buýt xuất bến	Lượt	471.565	471.565	471.565	471.565	471.565	2.357.825	-	-	-	-	-
5	Hành khách nội tỉnh qua bến	Lượt	13.175.200	13.175.200	13.175.200	13.175.200	13.175.200	65.876.000	-	-	-	-	-
6	Doanh thu	triệu đồng	43.785	45.974	48.273	50.687	53.221	241.940	5	5	5	5	5
7	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	17.964	18.683	19.617	20.794	21.833	98.890	4	5	6	5	5
8	Nộp ngân sách	triệu đồng	7.060	7.358	7.745	8.709	9.087	39.959	4	5	12	4	7
9	Thu nhập bình quân	triệu đồng	12,35	12,60	12,78	12,89	13,30	64	2	1	1	3	2
10	Tỷ lệ chia cổ tức	%	Tối thiểu 10%										

- + Tăng trưởng bình quân doanh thu giai đoạn 2021-2025 là 5%.
- + Tăng trưởng bình quân Lợi nhuận trước thuế giai đoạn 2021-2025 là 5%.
- + Tăng trưởng bình quân thu nhập bình quân giai đoạn 2021-2025 là 2%
- + Tỷ lệ chia cổ tức hàng năm không ít hơn 10%.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHÍNH:

1. Công tác điều hành sản xuất kinh doanh:

Phát triển thêm nhiều tuyến xe khách liên tỉnh mới, tăng cường thông tin đến các doanh nghiệp về quy hoạch tuyến phê duyệt theo Quyết định số 542/QĐ-BGTVT ngày 03/4/2020 về việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chi tiết tuyến VTHK cố định liên tỉnh đường bộ toàn quốc đến năm 2020 định hướng đến năm 2030 của Bộ GTVT, từ đó mời gọi các đơn vị tham gia khai thác tuyến, đẩy mạnh hoạt động tìm kiếm đối tác chiến lược. Thường xuyên rà soát, cập nhật luồng tuyến theo quy hoạch, công bố công khai trên website của Công ty nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng trong việc tiếp cận thông tin về quy hoạch luồng tuyến. Tăng cường công tác tìm kiếm, phát triển tuyến mới, đơn vị mới. Theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ các đơn vị vận tải hoàn thiện hồ sơ mở tuyến; Thu hút các đơn vị tham gia khai thác quảng cáo; Tích cực tìm kiếm khách hàng khai thác các điểm KDDV, kho bãi tại hai Bến xe.

Mở rộng sản xuất kinh doanh bằng hình thức liên kết, liên doanh để tạo hoạt động đa dạng, hiệu quả cao.

2. Công tác nhân sự - đào tạo:

Rà soát quy hoạch, cơ cấu nhân sự cán bộ chủ chốt và sắp xếp lại nhân sự cho phù hợp. Qua đó, tiến hành bổ nhiệm các chức danh còn thiếu trong bộ máy điều hành của Công ty. Đồng thời ban hành quy chế cán bộ và tiếp tục đào tạo theo từng chức danh quy hoạch.

3. Công tác tài chính:

Xây dựng kế hoạch tài chính hằng năm rõ ràng cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế. Từ đó, thực hiện quản lý, kiểm soát chi tiêu phù hợp với định hướng kinh doanh. Đồng thời làm cơ sở để đánh giá hiệu quả kinh doanh.

Tập trung thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao hiệu quả quản lý của doanh nghiệp, quản lý chi phí theo từng chỉ tiêu được phê duyệt trong kế hoạch. Phấn đấu giảm từ 5% đến 10% chi phí quản lý doanh nghiệp.

Thực hiện đầy đủ các quy định đối với Công ty đại chúng đã lên sàn UPCOM, phát huy việc giao dịch cổ phiếu, quảng bá rộng rãi đến nhà đầu tư và tăng khả năng huy động vốn.

Tăng cường công tác quản lý tài chính, kiểm soát nội bộ, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, chấp hành nghiêm quy định chế độ quản lý tài chính, thực hiện và tuân thủ các quy định của nhà nước, nội quy, quy chế của Tổng Công ty, Công ty trong công tác kinh doanh và quản lý điều hành. Chú trọng phân tích đánh giá tình hình tài chính một cách nhanh chóng chính xác kịp thời để có kế hoạch triển khai phù hợp.

Tăng cường quản lý, bảo toàn và nâng cao hiệu quả đồng vốn, đảm bảo quyền lợi và lợi hợp pháp của Công ty, cổ đông và người lao động.

4. Công tác hành chính:

Tăng cường công tác giữ gìn dịch Covid 19, an ninh trật tự, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường trong toàn Công ty; Đảm bảo tuyệt đối an toàn tính mạng và tài sản cho hành khách và khách hàng.

Thực hiện tốt quy chế dân chủ, tạo sự đồng thuận nhất trí cao trong nội bộ Công ty, tổ chức đối thoại định kỳ với người lao động và báo cáo các cơ quan quản lý đúng quy định.

Phát động các phong trào thi đua, phát huy sáng kiến, giải pháp, cải tiến các quy trình làm việc hợp lý để tăng năng suất mang lại hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, thường xuyên cải tiến các thủ tục hành chính.

Đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển và ứng dụng các phần mềm quản lý, tiếp tục nâng cao công tác quản trị website của Công ty ngày càng chuyên nghiệp hơn.

Trang bị Bảo hộ lao động đầy đủ, đảm bảo các chế độ, thu nhập, quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

Tiếp tục rà soát sửa đổi bổ sung các quy chế quy định của Công ty, các quy trình quản lý, các quy trình tác nghiệp đảm bảo chặt chẽ, đồng bộ và hiệu quả, phù hợp với pháp luật và tình hình thực tế tại Công ty như: Điều chỉnh Điều lệ Công ty và các quy chế, quy định có liên quan để phù hợp với luật Doanh nghiệp mới., Quy Chế Trả lương trả thưởng, Nội quy lao động,....

Tiếp tục tích cực tham gia công tác An sinh xã hội, đóng góp các quỹ tài trợ do địa phương và Tổng Công ty phát động.

5. Công tác khác:

Xây dựng sự đoàn kết nhất trí cao giữa các phòng ban, đơn vị và đoàn kết giữa người lao động.

Quan tâm và tạo điều kiện tốt cho người lao động, xây dựng niềm tin trong CBCNV để người lao động yên tâm công tác, gắn bó lâu dài với Công ty. Phối hợp cùng các đoàn thể vận động CBCNV tham gia hiến kế xây dựng Công ty, tham gia công tác quản lý, tổ chức các phong trào thi đua thiết thực đồng thời tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

Phần III

CÁC KIẾN NGHỊ

UBND Thành phố ban hành giá dịch vụ xe ra vào bến từ năm 2011 đến nay chưa được điều chỉnh nên cần phải được xem xét.

Tổng Công ty quan tâm, hỗ trợ đến dự án Bến xe An Suông và kiến nghị Thành phố xem xét có cơ chế hỗ trợ công tác đền bù giải tỏa mặt bằng.

Các cơ quan chức năng hỗ trợ tiếp tục kiểm tra chấn chỉnh các vi phạm trong hoạt động vận tải, tình trạng xe dù trá hình bằng hình thức hợp đồng, đón trả khách không đúng quy định, không thực hiện đúng biểu đồ chạy xe.

Cơ quan quản lý tuyến xem xét cho bổ sung các tuyến có nhu cầu vào trong bảng quy hoạch tuyến hàng năm tạo điều kiện để các Đơn vị vận tải đăng ký khai thác các tuyến Vận tải hành khách tuyến cố định theo Nghị định số 10/2020/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các phòng ban, đơn vị;
- Lrr:VT, PTTT(01b).N.5.

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN HIẾU

Số: 10/BC-HDQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện đầu tư năm 2020 và Kế hoạch đầu tư năm 2021
Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

1. Kết quả thực hiện đầu tư năm 2020

1.1. Dự án Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1)

Dự án Đầu tư, nâng cấp bến xe An Sương (giai đoạn 1) có tổng mức đầu tư khoảng 37,011 tỷ đồng, bao gồm các hạng mục: xây dựng khu nhà ga chính 6 tầng, đường dẫn có mái che, cải tạo toàn bộ khu dịch vụ, nhà vệ sinh, làm công, biển hiệu bến xe, phân khu chức năng bến xe.

Ngày 15/03/2019, Hội đồng quản trị Công ty ban hành Nghị quyết số 16/NQ-HDQT thống nhất phân kỳ dự án “Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1)” thành 02 giai đoạn đầu tư. Giai đoạn đầu xây dựng 03 tầng dưới nhà điều hành và các hạng mục phụ trợ (trừ khu vệ sinh công cộng số 3). Giai đoạn sau xây dựng 03 tầng trên còn lại của nhà điều hành và khu vệ sinh công cộng số 3. Thời gian thực hiện giai đoạn sau sẽ tùy thuộc vào nhu cầu khai thác thực tế.

Dự án được khởi công ngày 05/8/2019, đến nay đã hoàn thành và đưa vào sử dụng giai đoạn đầu (03 tầng dưới nhà điều hành và các hạng mục phụ trợ).

1.2. Dự án Mở rộng Bến xe An Sương (4,8 ha)

Dự án Mở rộng Bến xe An Sương được Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận chủ trương theo văn bản số 3460/UBND-ĐTMT ngày 12/7/2011: “*Đồng ý về chủ trương giao cho Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn tổ chức khảo sát, lập dự án đầu tư cải tạo, mở rộng Bến xe An Sương hiện hữu với quy mô diện tích 48.000 m² đã được Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn thỏa thuận tại Công văn 858/UBND ngày 15/6/2011...*”.

Thực hiện chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố, Công ty đã triển khai thực hiện các công tác chuẩn bị đầu tư:

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc chấp thuận bản vẽ Tổng mặt bằng phương án kiến trúc công trình (tỷ lệ 1/500) theo công văn số 1611/SQHKT-HTKT ngày 04/6/2012.



- Lập hồ sơ dự án đầu tư và thiết kế cơ sở trình Tổng Công ty Samco xem xét với Tổng mức đầu tư khoảng 1.800 tỷ đồng.

- Báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trình Thủ tướng chính phủ điều chỉnh quy mô diện tích của dự án (điều chỉnh từ 1,6 ha theo quyết định 568/QĐ-TTg ngày 08/4/2013 của Thủ tướng chính phủ lên quy mô diện tích 4,8 ha). **Thủ tướng chính phủ đã đồng ý điều chỉnh quy hoạch mở rộng bến xe An Sương theo văn bản số 436/TTg-KTN ngày 07/4/2014.**

- Đăng ký kế hoạch sử dụng đất (Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 07/12/2017).

Ngày 22/4/2019, Đại hội đồng cổ đông Công ty ban hành Nghị quyết số 29/NQ-ĐHĐCĐ theo đó thống nhất chủ trương tiếp tục thực hiện dự án Mở rộng Bến xe An Sương (4,8ha). Thực hiện nghị quyết số 29/NQ-ĐHĐCĐ, Công ty đã phối hợp các phòng ban của huyện Hóc Môn (Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng, Phòng Tài nguyên – Môi trường) thực hiện các hồ sơ pháp lý về Bồi thường Giải phóng mặt bằng.

Năm 2020, Công ty đã phối hợp với địa phương hoàn thành công tác điều tra xã hội học các hộ dân trong phạm vi dự án và tổng hợp kết quả gửi Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Hóc Môn. Hiện tại, Phòng Tài nguyên – Môi trường huyện Hóc Môn đang lập Kế hoạch thu hồi đất để trình Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn phê duyệt.

Ngoài ra, do hồ sơ dự án đầu tư dự án “Mở rộng Bến xe An Sương” được lập năm 2013, đến thời điểm hiện tại không còn phù hợp. Do đó, Công ty đã thuê đơn vị tư vấn lập Đề xuất dự án nhằm đánh giá lại các nội dung của dự án như: Quy mô và hình thức đầu tư xây dựng; Dự kiến thời gian thực hiện; Phân kỳ đầu tư; Sơ bộ tổng mức đầu tư, phương án huy động vốn; khả năng hoàn vốn; Xác định hiệu quả kinh tế xã hội dự án....

Đến nay, Công ty đã hoàn thành hồ sơ đề xuất dự án, thực hiện thỉnh thị xin ý kiến Tổng Công ty và sẽ trình đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 xem xét thông qua.

1.3. Các công tác khác

Thực hiện đầu tư nâng cấp, cải tạo sửa chữa các hạng mục công trình tại hai bến xe nhằm cải thiện chất lượng cơ sở hạ tầng, đáp ứng quy chuẩn bến xe khách.

Tại bến xe Ngã tư Ga: Thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư công trình Nhà dịch vụ hỗ trợ; Duy tu hệ thống thoát nước; Cải tạo sửa chữa căn tin, kho hàng; Bảo trì hệ thống điện; Lắp đặt phần mềm quản lý xe ra vào bến.

Tại bến xe An Sương: Lắp đặt quầy vé nhà điều hành, Cài đặt phần mềm quản lý xe ra vào bến; Chỉnh trang văn phòng làm việc; Lắp mái che đường dẫn hành khách vào nhà ga; Chỉnh trang khu vực cổng ra vào.

2. Kế hoạch năm 2021

2.1. Dự án Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1)

Lập báo cáo quyết toán, kiểm toán báo cáo quyết toán công trình.

Hoàn tất các thủ tục thanh lý hợp đồng với các đơn vị liên quan.

2.2. Dự án Mở rộng Bến xe An Sương 4,8 ha

Tiếp tục phối hợp với Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Hóc Môn hoàn thiện Kế hoạch thu hồi đất trình Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn phê duyệt làm căn cứ triển khai thực hiện.

Trình đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua hồ sơ đề xuất dự án và triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

2.3. Các công tác khác

Tiếp tục thực hiện đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp chất lượng cơ sở hạ tầng hai Bến xe.

Tại Bến xe Ngã tư Ga thực hiện các hạng mục công trình: Triển khai xây dựng Khu nhà dịch vụ hỗ trợ theo quy hoạch được duyệt; Xây dựng hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải; Cải tạo, nâng cấp dãy phòng điều hành; Hạ dải phân cách khu vực xe chờ tài để sắp xếp các phân khu chức năng của bến xe theo quy hoạch; Bảo trì, sửa chữa khu văn phòng làm việc, khu dịch vụ; di dời nhà xe cán bộ nhân viên tạo quảng trường thông thoáng trước nhà ga.

Tại Bến xe An Sương: Nâng cấp mặt bãi; Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí khu vực sảnh chờ; Bảo trì các hạng mục công trình hiện hữu của bến xe; Bảo trì hệ thống PCCC, chống sét; Trang trí khu vực nhà ga hành khách; Lắp dựng nhà kho; Sơn kẻ mặt đường sân bãi phân luồng giao thông ...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHĐT (01b).D.5.

CHỦ TỊCH



Ngô Quang Trung

Số: *M* /BC-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày *23* tháng *4* năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện đầu tư Nhiệm kỳ III (2016-2020) và Phương hướng Nhiệm kỳ IV (2021-2025)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

1. Kết quả thực hiện đầu tư Nhiệm kỳ III (2016-2020)

Trong nhiệm III (2016-2020), Công ty đặt mục tiêu thực hiện xong công tác chuẩn bị đầu tư, bồi thường giải phóng mặt bằng và tổ chức khởi công dự án “Mở rộng bến xe An Suông” vào cuối nhiệm kỳ. Tuy nhiên, do nguồn vốn đầu tư dự án quá lớn nên Công ty chưa thể triển khai thực hiện dự án như kỳ vọng đặt ra. Tuy chưa thể khởi công dự án như mục tiêu đề ra nhưng Công ty đã tiếp tục theo đuổi dự án, thực hiện các công tác chuẩn bị đầu tư.

1.1. Dự án Mở rộng Bến xe An Suông (4,8 ha)

Năm 2017, Công ty đã đăng ký kế hoạch sử dụng đất cho dự án Mở rộng Bến xe An Suông (4,8ha) nhằm chuẩn bị cơ sở pháp lý cho công tác bồi thường giải phóng mặt bằng về sau này (Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 07/12/2017).

Năm 2018-2019, Công ty đã lập Đề án chi tiết, đề xuất các phương án phân kỳ đầu tư và huy động vốn trên cơ sở dự án đầu tư đã lập năm 2013 với Tổng mức đầu tư khoảng 1.800 tỷ đồng. Tuy nhiên các phương án này vẫn chưa được thông qua.

Ngày 22/4/2019, Đại hội đồng cổ đông Công ty ban hành Nghị quyết số 29/NQ-ĐHĐCĐ theo đó thống nhất chủ trương tiếp tục thực hiện dự án Mở rộng Bến xe An Suông (4,8ha). Thực hiện nghị quyết số 29/NQ-ĐHĐCĐ, Công ty đã phối hợp các phòng ban của huyện Hóc Môn (Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng, Phòng Tài nguyên – Môi trường) thực hiện các hồ sơ pháp lý về Bồi thường Giải phóng mặt bằng.

Năm 2020, Công ty đã phối hợp với địa phương hoàn thành công tác điều tra xã hội học các hộ dân trong phạm vi dự án và tổng hợp kết quả gửi Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Hóc Môn. Hiện tại, Phòng Tài nguyên – Môi trường



huyện Hóc Môn đang lập Kế hoạch thu hồi đất để trình Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn phê duyệt.

Ngoài ra, do hồ sơ dự án đầu tư dự án “Mở rộng Bến xe An Sương” được lập năm 2013, đến thời điểm hiện tại không còn phù hợp. Công ty đã thuê đơn vị tư vấn lập Đề xuất dự án nhằm đánh giá lại các nội dung của dự án như: Quy mô và hình thức đầu tư xây dựng; Dự kiến thời gian thực hiện; Phân kỳ đầu tư; Sơ bộ tổng mức đầu tư, phương án huy động vốn; khả năng hoàn vốn; Xác định hiệu quả kinh tế xã hội dự án....

Đến nay, Công ty đã hoàn thành hồ sơ đề xuất dự án, thực hiện thỉnh thị xin ý kiến Tổng Công ty và sẽ trình đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 xem xét thông qua.

1.2. Dự án Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1)

Trong thời gian thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư dự án “Mở rộng bến xe An Sương” lên quy mô diện tích 4,8ha, Công ty đã thực hiện dự án “Đầu tư, nâng cấp bến xe An Sương” hiện hữu nhằm cải tạo, nâng cấp mặt bằng hiện có, đáp ứng yêu cầu khai thác trong giai đoạn trước mắt.

Dự án Đầu tư, nâng cấp bến xe An Sương (giai đoạn 1) có tổng mức đầu tư khoảng khoảng 37,011 tỷ đồng, bao gồm các hạng mục: xây dựng khu nhà ga chính 6 tầng, đường dẫn có mái che, cải tạo toàn bộ khu dịch vụ, nhà vệ sinh, làm công, biển hiệu bến xe, phân khu chức năng bến xe.

Ngày 15/03/2019, Hội đồng quản trị Công ty ban hành Nghị quyết số 16/NQ-HĐQT thống nhất phân kỳ dự án “Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1)” thành 02 giai đoạn đầu tư. Giai đoạn đầu xây dựng 03 tầng dưới nhà điều hành và các hạng mục phụ trợ (trừ khu vệ sinh công cộng số 3). Giai đoạn sau xây dựng 03 tầng trên còn lại của nhà điều hành và khu vệ sinh công cộng số 3. Thời gian thực hiện giai đoạn sau sẽ tùy thuộc vào nhu cầu khai thác thực tế.

Nghị quyết số 16/NQ-HĐQT, Công ty đã tổ chức khởi công dự án ngày 05/8/2019, đến nay đã hoàn thành và đưa vào sử dụng giai đoạn đầu (03 tầng dưới nhà điều hành và các hạng mục phụ trợ).

1.3. Dự án Bến xe Sông Tắc

Ủy ban nhân dân Thành Phố đã phê duyệt quy hoạch 1/2.000 Khu dân cư Tam Đa, trong đó xác định Bến xe Sông Tắc có quy mô 18,34 ha, nằm trên trục đường cao tốc Sài Gòn - Long Thành - Dầu Giây.

Tuy nhiên, Bến xe Sông Tắc chưa có kết nối giao thông đối ngoại với đường

cao tốc. Do đó, Công ty tiếp tục theo dõi quy hoạch khu vực Bến xe Sông Tắc và sẽ triển khai lập quy hoạch 1/500 khi điều kiện cho phép.

1.4. Các công tác khác

Thực hiện đầu tư cải tạo, nâng cấp các hạng mục công trình tại hai bến xe nhằm cải thiện chất lượng cơ sở hạ tầng, đáp ứng quy chuẩn bến xe khách.

Bến xe Ngã tư Ga được công nhận đạt quy chuẩn bến xe khách loại 2 theo quyết định số 4572/QĐ-SGTVT ngày 06/9/2016 của Sở Giao thông vận tải.

Bến xe An Suông được công nhận đạt quy chuẩn bến xe khách loại 2 theo quyết định số 4573/QĐ-SGTVT ngày 06/9/2016 của Sở Giao thông vận tải.

2. Phương hướng nhiệm kỳ IV (2021-2025)

Hiện tại Công ty đã đưa vào sử dụng giai đoạn đầu của dự án Đầu tư, nâng cấp bến xe An Suông (giai đoạn 1) gồm 03 tầng dưới nhà điều hành và các hạng mục phụ trợ, đáp ứng được nhu cầu khai thác trong giai đoạn trước mắt.

Trong nhiệm kỳ IV (2021-2025), Công ty sẽ huy động nhiều nguồn lực để đẩy mạnh việc triển khai dự án “Mở rộng Bến xe An Suông (4,8ha)”.

Để đảm bảo việc triển khai dự án được khả thi, Công ty đã thuê đơn vị tư vấn lập Đề xuất dự án với Tổng mức đầu tư khoảng 1.259 tỷ đồng, phân kỳ đầu tư thành 03 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Mở rộng khoảng 0,4ha tại khu vực trung tâm dự án, theo quy hoạch là khu vực đón/ trả hành khách cho các tuyến xe khách liên tỉnh. Thời gian thực hiện từ 2021-2022. Tổng mức đầu tư giai đoạn 1 khoảng 97,8 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2: Mở rộng khoảng 1,3ha khu vực phía Tây, theo quy hoạch là khu vực đậu đỗ xe khách liên tỉnh trong thời gian chờ lên tài và khu dịch vụ kỹ thuật cho bến xe mở rộng. Thời gian thực hiện từ 2023-2024. Tổng mức đầu tư giai đoạn 2 khoảng 493,6 tỷ đồng.

- Giai đoạn 3: Mở rộng 0,8ha còn lại giáp mặt tiền quốc lộ 22, theo quy hoạch là khu vực nhà bến xe, văn phòng làm việc và khu vực thương mại, dịch vụ. Thời gian thực hiện từ 2024-2025. Tổng mức đầu tư giai đoạn 3 khoảng 667,4 tỷ đồng.

Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua hồ sơ Đề xuất dự án của dự án Mở rộng Bến xe An Suông. Công ty đặt mục tiêu sẽ hoàn thành dự án trong nhiệm kỳ IV (2021-2025).

Tại Bến xe Ngã tư Ga tiếp tục thực hiện đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp chất lượng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch tổng mặt bằng được duyệt, xây dựng Nhà



dịch vụ hỗ trợ, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải, Cải tạo, nâng cấp khu nhà ga, Nâng cấp khu văn phòng điều hành... đảm bảo đưa bến xe Ngã tư Ga đạt tiêu chuẩn bến xe khách loại 1.

Đối với dự án Bến xe Sông Tắc, Công ty sẽ tiếp tục theo dõi quy hoạch kết nối giao thông của Bến xe với đường cao tốc Sài Gòn - Long Thành - Dầu Giây và triển khai lập quy hoạch chi tiết 1/500 khi điều kiện cho phép.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHĐT (01b).Đ.5.

CHỦ TỊCH



Ngô Quang Trung

Số: 43/BC-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NĂM 2020 PHƯƠNG HƯỚNG 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn được sửa đổi, bổ sung ngày 22/6/2020;

Căn cứ theo Nghị quyết số 29/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (Công ty) xin báo cáo và đánh giá công tác quản lý và kinh doanh của Công ty trong năm 2020 như sau:

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020:

1.1 Công tác chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu Sản xuất Kinh doanh:

Hoạt động năm 2020 chịu ảnh hưởng lớn từ dịch Covid – 19 trên tất cả các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, thị trường sản phẩm dịch vụ giảm mạnh. Trong điều kiện hết sức khó khăn, vừa phòng chống dịch bệnh vừa thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh doanh ổn định, ngoài ra công tác tiết giảm chi phí được thực hiện triệt để. Tất cả các nỗ lực được tập trung nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, duy trì việc làm và thu nhập cho người lao động.

Dù trải qua một năm với nhiều khó khăn thách thức, ảnh hưởng từ dịch Covid – 19 tác động đến nhiều ngành nghề dịch vụ trong đó có dịch vụ vận tải hành khách. Các quy định hạn chế đi lại kéo dài làm giảm nhu cầu đi lại của hành khách, các đơn vị vận tải giảm số chuyến hoạt động ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh chung của các đơn vị nhưng nhờ sự đoàn kết và nỗ lực phấn đấu của toàn thể CBCNV, sự ủng hộ của đối tác khách hàng nên Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu Sản xuất kinh doanh đạt kế hoạch đề ra cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2020: 42.100 triệu đồng đạt 105,4% so với kế hoạch năm 2020 và 88,5% so với thực hiện năm 2019.

- Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2020: 17.944 triệu đồng đạt 120,2% so với kế hoạch năm 2020 và 80,1% so với thực hiện năm 2019.

- Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2020: 15.380 triệu đồng đạt 129,8% so với kế hoạch năm 2020 và 86,5% so với thực hiện năm 2019.

- Nộp NSNN thực hiện năm 2020: 4.629 triệu đồng đạt 84,8% so với kế hoạch năm 2020 và đạt 53,8% so với thực hiện năm 2019.

- Thu nhập bình quân: Thực hiện năm 2020: 12,35 triệu đồng, đạt 104% so với kế hoạch năm 2020 và đạt 97,6% so với thực hiện năm 2019.



Stt	Chỉ tiêu	Đvt	KH 2020	TH 2020	Tỷ lệ TH/KH
I	Các chỉ tiêu tài chính				
1	Tổng Doanh thu	Tr đồng	39.934	42.100	105,4
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	14.931	17.944	120,2
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	11.845	15.380	129,8
4	Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	%	23,69	30,76	129,8
5	Tỷ lệ chia cổ tức	%	20	20	100,0
6	Nộp ngân sách	Tr đồng	5.458	4.629	84,8
II	Các chỉ tiêu về đầu tư				
	Tổng mức đầu tư	Tr đồng	34.878	12.189	34,9
III	Các chỉ tiêu lao động và thu nhập bình quân				
1	Lao động bình quân	Người	106,98	104,84	98,0
2	Thu nhập bình quân	Tr đồng/ng/thg	11.880,0	12.350,0	104,0

1.2. Về cổ đông (Theo danh sách chốt ngày đăng ký cuối cùng 13/4/2021)

Stt	Tên đơn vị/cá nhân	Số CD	Số cổ phần	Tỷ lệ %/ VĐL
1	Tổng Công ty Samco	1	2.550.000	51,00
2	Cổ đông là tổ chức trong nước	1	96	0,002
3	Cổ đông là cá nhân và tổ chức nước ngoài	3	94.887	1,9
4	Cổ đông là CBCNV	27	65.399	1,31
	Cổ đông lớn :			
	- Ông Ngô Quang Hiến		719.712	14,39
	- Bà Mai Hồng Quỳnh		500.000	10,00
5	- Ông Ngô Quang Trung	5	266.974	5,34
	- Bà Nguyễn Hương Giang		250.000	5,00
	- Bà Phan Kim Mỹ		250.000	5,00
6	Các cổ đông khác	107	302.932	6,06
	Tổng cộng	144	5.000.000	100

1.3. Về thực hiện nhiệm vụ

Hội đồng quản trị đã tuân thủ chấp hành và tổ chức thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình đã được quy định trong Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty. Đồng thời triển khai thực hiện có hiệu quả nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT được phân công đã thường xuyên giám sát, đôn đốc và kiểm tra thực hiện nội dung đã được HĐQT thông qua tại cuộc họp HĐQT, các nghị quyết đã ban hành.

Đã chấp hành tổ chức họp Hội đồng quản trị đúng quy định (04 kỳ họp định kỳ, có họp đột xuất). Trong năm 2020 đã tổ chức họp định kỳ 04 lần và 05 lần họp đột xuất.

Các nghị quyết được thông qua đều được HĐQT giao cho TGD triển khai thực hiện và báo cáo HĐQT. Trong các trường hợp khác, các quyết định của HĐQT được lập thành nghị quyết và giao cho các đơn vị phòng ban, cá nhân có trách nhiệm liên quan thực hiện.

Tất cả các thành viên tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, đóng góp ý kiến xác thực và đồng thuận cao theo thẩm quyền và yêu cầu làm việc của HĐQT về định hướng hoạt động kinh doanh để phát triển công ty.

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã ban hành 12 nghị quyết, 05 quyết định.

Công tác điều hành luôn tuân thủ quy định của pháp luật, bám sát và tuân thủ Điều lệ, quy chế hoạt động của Công ty. Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Hội đồng quản trị cũng như bám sát kế hoạch hoạt động đề ra.

2/ Nhận xét đánh giá

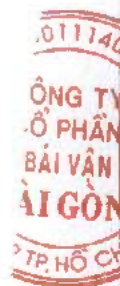
Hoạt động của Hội đồng quản trị khá đều tay, nhịp nhàng, thể hiện rõ nét tinh thần trách nhiệm của từng thành viên nên có sự đồng thuận cao.

Hội đồng quản trị luôn bám sát các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông mà thực hiện. Luôn theo dõi, quản lý, giám sát chặt chẽ, hỗ trợ chỉ đạo kịp thời cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Việc bổ sung, điều chỉnh, xây dựng Quy chế và Quy định là việc làm thường xuyên trong năm cho phù hợp với quy định hiện hành.

Đảm bảo quyền lợi cổ đông, chăm lo đời sống người lao động tạo được sự ổn định và yên tâm công tác.

Quan tâm đến công tác đào tạo, quy hoạch đội ngũ kế thừa, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.



3/ Định hướng năm 2021

Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2021	Ghi chú
I	Các chỉ tiêu về tài chính			
1	Tổng Doanh thu	đồng	43.785.000.000	
2	Lợi nhuận trước thuế	đồng	17.964.000.000	
3	Lợi nhuận sau thuế	đồng	14.271.000.000	
4	Tỷ suất lợi nhuận/VĐI.	%	28.54	
5	Nộp ngân sách	đồng	7.060.000.000	
II	Các chỉ tiêu về đầu tư			
1	Kế hoạch đầu tư tài sản, máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên	đồng	25.875.325.000	
III	Các chỉ tiêu lao động và thu nhập bình quân			
1	Lao động bình quân	Người	107	
2	Thu nhập bình quân	đồng/ng/thg	12.530.000	

Để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 2021, HĐQT đề ra các giải pháp để quản lý, chỉ đạo, điều hành kinh doanh như sau:

1. Tập trung chỉ đạo giám sát thường xuyên công tác triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020 theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông, phối hợp cùng Ban Tổng Giám đốc Công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để xử lý và quyết định những vấn đề phục vụ cho kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

2. Sử dụng vốn hiệu quả, tập trung thực hành tiết kiệm chống lãng phí, nâng cao hiệu quả quản lý của doanh nghiệp, quản lý chi phí theo từng chỉ tiêu được phê duyệt trong kế hoạch.

3. Tiếp tục triển khai dự án mở rộng Bến xe An Sương (4,8 ha), theo Nghị quyết HĐQT Công ty.

4. Chính trang cơ sở hạ tầng bến bãi thu hút các Doanh nghiệp vận tải vào bến. Hoàn thành công trình cải tạo dây dịch vụ sửa chữa thành văn phòng điều hành, bán vé tại Bến xe Ngã Tư Ga đảm bảo tiêu chuẩn bến xe loại 1 nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ các doanh nghiệp khai thác vận tải hành khách tuyến cố định.

5. Tiếp tục quản lý điều hành theo tiêu chuẩn Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015; Quy trình tác nghiệp chuẩn SOP”. Xây dựng Văn hóa Doanh nghiệp, kết nối thương hiệu với Tổng Công ty, quán triệt, tuyên truyền sứ mệnh tâm nhin, giá trị cốt lõi của Công ty đến toàn thể NLD và các đối tác.

6. Lãnh đạo đẩy mạnh công tác mở tuyến mới, thu hút các đơn vị tham gia. Mở rộng sản xuất kinh doanh bằng hình thức liên kết, liên doanh để tạo hoạt động đa dạng, hiệu quả cao.

7. Phối hợp các Doanh nghiệp vận tải triển khai thực hiện tốt kế hoạch phục vụ hành khách trong đợt cao điểm Lễ, Tết.

8. Thực hiện đầy đủ các quy định đối với Công ty đại chúng đã lên sàn UPCOM theo luật chứng khoán, phát huy việc giao dịch cổ phiếu, quảng bá rộng rãi đến nhà đầu tư và tăng khả năng huy động vốn.

9. Thường xuyên phối hợp cùng các đơn vị vận tải trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải, các dịch vụ phục vụ hành khách tại hai bên. Chú trọng công tác đảm bảo ANTT, VSIP, PCCN..., Duy trì, tăng cường mối quan hệ chặt chẽ với khách hàng, đáp ứng kịp thời các yêu cầu khách hàng đặc biệt là các khách hàng lớn, lâu năm.

10. Áp dụng Công nghệ thông tin vào công tác quản lý điều hành một cách triệt để, có hiệu quả, nâng cấp phần mềm quản lý xe ra vào bến phù hợp theo đúng quy định của Bộ GTVT.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đóng góp ý kiến thiết thực.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Quang Trung



TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIIVI SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN
BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN
(STP.JSC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14/BC-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 20

**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ 2016-2021 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM KỲ 2021-2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn được sửa đổi, bổ sung ngày 22/6/2020;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (Công ty) xin báo cáo và đánh giá công tác quản lý và kinh doanh của Công ty trong Nhiệm kỳ 2016-2021 và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

I. Tổng quan tình hình nhiệm kỳ 2016-2021

1. Về Nhân sự Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2021 gồm 5 thành viên:
- Trong nhiệm kỳ có sự thay đổi nhân sự thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
01	Ông Nguyễn Ngọc Linh	Chủ tịch HĐQT	27/4/2016	24/4/2018
02	Ông Phan Nghĩa Bình	Chủ tịch HĐQT	24/4/2018	27/3/2019
03	Ông Tạ Chương Chín	Thành viên HĐQT	27/4/2016	01/3/2019

- Đến thời điểm hiện tại, danh sách Hội đồng quản trị như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Ngô Quang Trung	Chủ tịch HĐQT	- Từ 27/4/2016 đến 28/3/2019 là Thành viên HĐQT. - Từ 28/3/2019 đến nay là Chủ tịch HĐQT Cty.
2	Ông Trần Hiếu	Thành viên HĐQT	Từ 27/4/2016 - Nay
3	Bà Lê Thúy Hằng	Thành viên HĐQT	- Từ 27/4/2011 đến 04/4/2019 là Thành viên HĐQT đại diện cho cổ đông là CBCNV. - Từ 05/4/2019 đến nay là TV HĐQT đại diện vốn của TCty .
4	Ông Nguyễn Xuân Điền	Thành viên HĐQT	Từ 22/4/2019- Nay
5	Ông Nguyễn Tấn Lực	Thành viên HĐQT	Từ 22/4/2019- Nay

2. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Nhiệm kỳ 2016-2021

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã xác định triển khai kế hoạch và phương hướng sản xuất kinh doanh hàng năm. Qua nhiệm kỳ 5 năm, Hội đồng quản trị đã thực hiện chức năng giám sát để đảm bảo kết quả thực hiện các mục tiêu đề ra theo đúng mục tiêu, định hướng và kế hoạch đã đề ra. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cơ bản cụ thể sau:

- Bảo toàn phát triển nguồn vốn

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	2016	2017	2018	2019	2020	TTBQ (%)
Vốn chủ sở hữu	33.578	74.658	61.866	75.856	70.048	30
Vốn điều lệ	16.000	50.000	50.000	50.000	50.000	53

- Thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 5 năm

Các thành viên Hội đồng quản trị Công ty theo nhiệm vụ quyền hạn được phân công phù hợp với Điều lệ Công ty quy định đã luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nêu cao tinh thần trách nhiệm trước tập thể, có những đóng góp tích cực trong quá trình

điều hành Sản xuất kinh doanh. Hội đồng quản trị Công Ty đã luôn bám sát tình hình thực tiễn, phát huy những thế mạnh của Công ty, chỉ đạo định hướng để Ban điều hành hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra. Tăng trưởng bình quân doanh thu là: 5%, Tăng trưởng bình quân Lợi nhuận trước thuế là: 21%; Tăng trưởng bình quân thu nhập : 5%; Cổ tức chi trả hàng năm không ít hơn 20%.

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện giai đoạn 2016-2020					Thực hiện 5 năm	Tỷ lệ tăng trưởng (%)				
			2016	2017	2018	2019	2020	2016-2020	TH2017 TH2016	TH2018 TH2017	TH2019 TH2018	TH2020 TH2019	TTBO 2016- 2020
1	Doanh thu (có miễn tiền thuế đất)	trồng	-	-	51.021	-	-						
	Doanh thu (Ko có miễn tiền thuế đất)	trồng	35.423	40.882	46.899	47.558	42.100	212.862	15	15	1	-11	5
2	Lợi nhuận trước thuế (có miễn tiền thuế đất)	trồng	-	-	25.506	-	-						
	Lợi nhuận trước thuế (Ko có miễn tiền thuế đất)	trồng	9.594	15.058	21.384	22.394	17.944	86.375	56,95	42	5	-20	21
3	Nợ ngân sách	trồng	7.508	7.714	9.451	8.699	4.629	37.902	3	23	-8	-47	-7
4	Thu nhập bình quân	trồng	10,3	11,7	12,9	12,7	12,35		13	11	-2	-2	5
5	Tỷ lệ chia cổ tức	%	18	20	40	20	20		11	100	-50	-	15

Bảng tổng hợp kết quả thực hiện chỉ tiêu sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2016-2020

- Thực hiện đúng phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả hết cổ tức các năm
- Thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS hàng năm theo đúng mức đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán hàng năm là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.
- Hoàn thành công tác phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo Quyết định 17/QĐ-HĐTV ngày 3/3/2017 của Hội đồng thành viên Tổng công ty từ 16 tỷ lên 50 tỷ để chuẩn bị nguồn vốn cho Dự án Đầu tư nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1).

33011
CÔNG
CỔ PH
BÁI VÀ
AIGO
TP. HỒ

- Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo tích cực phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước và đã hoàn thành công tác hoàn tiền thuê đất tại hai Bến xe.

- Trong nhiệm kỳ qua, Hội đồng quản trị đã 02 lần thông qua Đại hội đồng cổ đông sửa đổi điều lệ Công ty (Năm 2018, năm 2020). HĐQT đã ban hành các Nghị Quyết về Sản xuất kinh doanh, về đầu tư, về nhân sự, Ban hành các quy chế quản trị nội bộ, quy chế tài chính, tổ chức bộ máy,... Nhằm định hướng và phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Trong nhiệm kỳ qua, Hội đồng quản trị Hội đồng quản trị đã tổ chức 54 buổi họp định kỳ và đột xuất. năm 2016: Hội đồng quản trị đã tổ chức 11 buổi họp; năm 2017: tổ chức 13 buổi họp; năm 2018: đã tổ chức 11 buổi họp; năm 2019: đã tổ chức 10 buổi họp; năm 2020: đã tổ chức 09 buổi họp. Ngoài các buổi họp như trên, Hội đồng quản trị thường xuyên bàn bạc, thảo luận, thống nhất thông qua các cuộc họp bất thường lấy ý kiến bằng văn bản để kịp thời đưa ra các Nghị quyết, Quyết định, định hướng sản xuất kinh doanh.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2021-2025:

Để giữ vững sự ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như chỉ trả cổ tức phù hợp cho các cổ đông, Hội đồng quản trị xác định phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2021-2025 như sau:

- Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2021 và các năm tiếp theo.

+ Tăng trưởng bình quân doanh thu giai đoạn 2021-2025 là 5%.

+ Tăng trưởng bình quân Lợi nhuận trước thuế giai đoạn 2021-2025 là 5%.

+ Tăng trưởng bình quân thu nhập bình quân giai đoạn 2021-2025 là 2%

+ Tỷ lệ chia cổ tức hàng năm không ít hơn 10%.

- Chỉ đạo việc thực hiện chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoàn thiện và nâng cấp các phần mềm hiện hữu, đầu tư các phần mềm quản lý, điều hành mới nhằm nâng cao năng suất xử lý thông tin, tăng cường hiệu quả hoạt động, giám sát quá trình sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp lại tổ chức nhằm tăng cường hiệu quả sản xuất kinh doanh. Chỉ đạo tổ chức thực hiện hoàn thành cơ bản cơ cấu nhân sự bộ máy tổ chức quản lý điều hành toàn Công ty. Có kế hoạch quy hoạch cán bộ dài hạn và đào tạo nguồn nhân lực trẻ có trình độ cao trong quy hoạch. Thường xuyên có chế độ tập huấn nâng cao trình độ quản lý cho đội ngũ cán bộ điều hành sản xuất kinh doanh ở các đơn vị.

- Rà soát, cập nhật, điều chỉnh, ban hành mới hệ thống khung pháp lý nội bộ trong từng giai đoạn để phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tế của Công ty.

trong đó có cả Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát, các quy chế, quy trình,....

- Chú trọng chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án, công trình đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện tốt các công tác quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015.

- Quan tâm đến đời sống của Người lao động về các mặt như lương, thưởng, các chế độ theo thỏa ước lao động tập thể, ... Thực hiện tốt quyền lợi của Cổ đông như: trả cổ tức, tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông tiếp nhận thông tin và các ý kiến đóng góp xây dựng Công ty.

- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty và quy chế làm việc.

Trên đây là báo cáo Tổng kết hoạt động của HĐQT Nhiệm kỳ 2016-2021 và phương hướng nhiệm vụ Nhiệm kỳ 2021-2026. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên đóng góp ý kiến thiết thực.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Lưu: VT.Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Quang Trung

Số: M/BC.BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn;
- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn báo cáo Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 về kết quả hoạt động kiểm soát tại Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn trong năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

I. GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2020:

1. Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020:

Qua kiểm tra giám sát tình hình hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát thống nhất với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đã được đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/12/2020 như sau:

DVT: triệu đồng.

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2019	Kế Hoạch năm 2020	Thực hiện Năm 2020	Tỷ lệ thực hiện	
				So với kế hoạch	So với cùng kỳ
Doanh thu thực hiện	47,581	39,934	42,100	105.4%	88.5%
Lợi nhuận trước thuế	22,394	14,931	17,944	120.2%	80.1%
Lợi nhuận sau thuế	17,779	11,845	15,380	129.8%	86.5%
Nộp ngân sách	8,598	5,458	4,628	84.8%	53.8%
Thu nhập bình quân	12.66	12.18	12.35	101.4%	97.6%

Nhận xét, qua số liệu trên:

- Nhìn chung, hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2020 gặp nhiều khó khăn, Doanh thu đạt 105,4% so với kế hoạch và giảm 11,5% so với cùng kỳ, lợi nhuận trước thuế đạt 120,2% so với kế hoạch và giảm 19,9% so với cùng kỳ. Nguyên nhân do tình trạng dịch virus Corona (Covid 19) bùng phát và diễn biến phức tạp, tác động lớn đến nhiều ngành nghề dịch vụ, trong đó có dịch vụ vận tải hành khách. Các lệnh phong tỏa hạn chế đi lại kéo dài làm giảm nhu cầu đi lại của hành khách, các đơn vị vận tải giảm số chuyến hoạt động ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh chung của các đơn vị vận tải và bến xe khách.

- Thu nhập của người lao động bình quân năm 2020 là 12,35 triệu đồng, đạt 101,4% so với kế hoạch và giảm 2,4% so với cùng kỳ.

Công ty đã tiết kiệm những chi phí không cần thiết, đảm bảo ổn định đời sống, thu nhập cho người lao động, tạo được động lực phấn đấu cho CBCNV Công ty. Mặc dù tình hình rất khó khăn nhưng trong năm Công ty không có trường hợp lao động bị mất việc làm.

2. Về công tác chấp hành chế độ kế toán, chính sách pháp luật:

- Công ty đã triển khai và áp dụng phần mềm kế toán Bravo trong việc quản lý tài chính kế toán. Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện đúng theo quy định về chế độ kế toán. Công ty đã tuân thủ đúng các quy định của nhà nước về kê khai và nộp các khoản thuế vào ngân sách nhà nước. Thực hiện tốt các chế độ báo cáo và đúng quy định của nhà nước và pháp Luật Lao động, Luật Môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công ty đã thực hiện tốt việc báo cáo chỉ tiêu tháng, báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, năm theo đúng qui định; Cập nhật các Nghị định, thông tư mới ban hành để triển khai thực hiện.

- Hàng tháng, quý, năm có kiểm kê, đối chiếu quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

- Công ty quản lý các khoản công nợ phải thu theo đúng Quy chế quản lý công nợ của đơn vị. Cuối năm có đối chiếu xác nhận công nợ, tỷ lệ đối chiếu đạt 98%. Còn một số đơn vị đã gửi bản đối chiếu nhưng chưa nhận được phản hồi.

- Các số liệu trên báo cáo tài chính năm 2020 phản ánh trung thực tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2020 của Công ty.

3. Về công tác quản lý tài chính Công ty năm 2020:

Được đánh giá qua phân tích một số chỉ tiêu về cơ cấu tài sản và nguồn vốn như sau:

▪ **Về tài sản:** Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2020 là 96.588.490.449 đồng. Trong đó:

- Tài sản ngắn hạn: 57.727.249.208 đồng, chiếm 59,8% trên tổng tài sản, giảm 17,5% so với cùng kỳ

- Tài sản dài hạn: 38.861.241.241 đồng, chiếm 40,2% trên tổng tài sản, tăng 84,8% so với cùng kỳ.

Công ty đã hoàn thành dự án đầu tư nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1) và đưa vào sử dụng giai đoạn đầu. Do đó, cơ cấu tài sản của công ty có xu hướng dịch chuyển tăng tài sản dài hạn và giảm tài sản ngắn hạn.

▪ **Về nguồn vốn:** Theo cơ cấu vốn của Công ty tại thời điểm 31/12/2020, Tổng nguồn vốn là 96.588.490.449 đồng. Trong đó:

+ **Nợ phải trả:** Tỷ lệ Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn là 27,5%, tăng 74,9% so với năm 2019, chủ yếu là các khoản phải trả người bán ngắn hạn và khoản phải trả ngắn hạn khác (bao gồm chi phí thi công dự án Bến xe An Sương giai đoạn 1 và tiền cổ tức bổ sung năm 2019). So sánh với tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính thì khoản nợ phải trả là hợp lý, đảm bảo độ an toàn, Công ty không gặp khó khăn về vốn.

+ **Vốn chủ sở hữu:**

Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2020 là 70.048.011.703 đồng, chiếm 72,5% trên tổng nguồn vốn. Công ty không có khoản vay nào, hoạt động đầu tư và kinh doanh của Công ty hoàn toàn bằng vốn góp của cổ đông nên chủ động về vốn kinh doanh.

Một số chỉ tiêu tài chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
Đánh giá khả năng thanh toán năm 2020			
1	Khả năng thanh toán tổng quát: Tổng tài sản/ Tổng nợ phải trả	6,0	3,6
2	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	4,6	2,2
3	Hệ số nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	0,2	0,4
Các tỷ lệ về cơ cấu tài sản và lợi nhuận năm 2020			
3	Tổng tài sản cố định+ XDCB dở dang và đầu tư dài hạn / Tổng tài sản	22,1%	39,4%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	19,5%	15,9%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu (ROE)	23,4%	21,9%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ	35,6%	30,8%

*** Lãi cơ bản trên cổ phiếu:**

+ EPS = Lợi nhuận sau thuế / Tổng số cổ phần phổ thông = 3.076 đồng

Qua các chỉ tiêu tính toán như trên: Các chỉ tiêu thanh toán của Công ty đảm bảo chỉ số khả năng thanh toán ổn định (≥ 2). Nhìn chung, Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán tốt vì không sử dụng nợ vay. Chỉ tiêu cơ cấu tài sản tăng là do trong năm Công ty thực hiện đầu tư các hạng mục sửa chữa, nâng cấp tại hai bến xe và thực hiện dự án đầu tư, nâng cấp Bến xe An Suông hiện hữu 1,7 ha. Tuy nhiên các chỉ tiêu về khả năng sinh lời đều giảm so với năm 2019 do trong năm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng nhiều bởi tình hình dịch Covid-19, xét về mặt sản xuất kinh doanh hiện tại thì Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, doanh thu và lợi nhuận tương đối ổn định dù gặp nhiều khó khăn.

4. Việc thực hiện quy trình tuyển dụng, việc sử dụng lao động và chi lương, thưởng năm 2020:

Sử dụng lao động thực tế bình quân năm 2020 là 102 người/104 người, đạt tỷ lệ 99% so với kế hoạch. Trong năm 2020, Công ty đã tuyển dụng mới 06 lao động thay thế cho các hợp nghỉ việc, nghỉ hưu. Công ty thực hiện tuyển dụng theo đúng quy trình, quy chế tuyển dụng, công khai, minh bạch và đảm bảo các yêu cầu theo tiêu chuẩn chức danh đối với các vị trí tuyển dụng.

- Người quản lý chuyên trách bình quân: 2,84 người.
- Người quản lý không chuyên trách bình quân: 7 người.
- Quỹ lương người lao động: 13.047 triệu đồng.
- Quỹ lương Người Quản lý (NQL): 1.222 triệu đồng.
- Quỹ thù lao NQL không chuyên trách: 415,2 triệu đồng.

Công ty xây dựng quỹ lương và thực hiện chi lương, thưởng cho người lao động và ban điều hành đúng quy định Pháp luật; Quy chế trả lương, trả thưởng và Thỏa ước lao động tập thể của Công ty. Đảm bảo các chế độ và quyền lợi cho người lao động.

5. Tình hình thực hiện dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư, nâng cấp Bến xe An Suông hiện hữu 1,7 ha: Ngày 15/03/2019, HĐQT ban hành Nghị quyết số 16/NQ-HĐQT thống nhất phân kỳ dự án "Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Suông (giai đoạn 1)" thành 02 giai đoạn đầu tư. Giai đoạn đầu xây dựng 03 tầng dưới nhà điều hành và các hạng mục phụ trợ. Giai đoạn sau xây dựng 03 tầng trên còn lại của nhà điều hành và khu vệ sinh công cộng số 3. Thời gian thực hiện giai đoạn sau sẽ tùy thuộc vào nhu cầu khai thác thực tế. Ngày 03/05/2019, HĐQT Công ty đã ban hành Quyết định số 34/QĐ-HĐQT phê duyệt dự toán điều chỉnh và kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh theo phân kỳ đầu tư dự án "Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Suông (giai đoạn 1)". Thực hiện quyết định trên, Ban điều hành Công ty đã tổ chức đấu thầu rộng rãi gói thầu Thi công xây dựng và gói thầu Tư vấn giám sát. Công ty đã hoàn thành công tác đấu thầu và tổ chức khởi công công trình ngày 05/08/2019, đến nay đã hoàn thành và đưa vào sử dụng giai đoạn đầu. Sở Xây dựng đã tiến hành kiểm tra công tác nghiệm thu công trình và Công ty đang tiếp tục theo dõi chờ thông báo kết quả của Sở Xây dựng để tiến hành thủ tục quyết toán và tăng tài sản theo quy định.

- Dự án Mở rộng Bến xe An Suông 4,8ha: Hội đồng nhân dân Thành phố đã thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2018 trong đó có dự án mở rộng BXAS. Khó khăn của dự án là vấn đề nguồn vốn đầu tư, chi phí giải phóng mặt bằng. Công ty đã báo cáo khái toán chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, Đề án chi tiết dự án Mở rộng Bến xe An Suông (4,8ha) trình Hội đồng quản trị xem xét, đồng thời tiếp tục tìm kiếm kêu gọi các nhà đầu tư để tham gia hợp tác đầu tư đền bù giải phóng mặt bằng, triển khai dự án. Thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019, Công ty đã liên hệ làm việc với Phòng TNMT và Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng Huyện Hóc Môn phối hợp thực hiện các thủ tục pháp lý về bồi thường giải phóng mặt bằng cho dự án. Đến nay, Công ty đã hoàn thành công tác điều tra xã hội học các hộ dân trong phạm vi dự án và đang phối hợp với Phòng TNMT huyện Hóc Môn xây dựng kế hoạch thu hồi đất trình UBND huyện Hóc Môn phê duyệt làm căn cứ triển khai thực hiện. Về hồ sơ dự án "Mở rộng Bến xe An Suông" được lập từ năm 2013 đến nay đã không còn phù hợp, HĐQT đã thống nhất đề công ty thuê đơn vị tư vấn lập Đề xuất dự án nhằm đánh giá lại một số nội dung dự án để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Công ty đã hoàn thành hồ sơ đề xuất dự án và trình thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.

- Dự án Bến xe Sông Tắc đã có quy hoạch phân khu 1/2000 khu dân cư Tam Đa, trong đó xác định quy mô Diện tích Bến xe Sông Tắc là 18,34 ha. Khó khăn của dự án là vấn đề nguồn vốn đầu tư (kinh phí giải phóng mặt bằng ước tính khoảng 200 tỷ đồng) và chưa có đầu nối giao thông đối ngoại với đường cao tốc Sài Gòn-Long Thành-Dầu Giây. Thực hiện Nghị quyết số 36/NQ-HĐQT ngày 21/5/2018 và Nghị quyết số 38/NQ-HĐQT ngày 17/7/2018 của Hội đồng quản trị, theo đó việc lập quy hoạch chi tiết 1/500 dự án Bến xe Sông Tắc dời qua kế hoạch năm 2019. Tuy nhiên căn cứ tình hình hoạt động SXKD thực tế và để tập trung vào thực hiện dự án đầu tư nâng cấp Bến xe An Suông, Công ty tạm ngưng chưa đưa vào kế hoạch đầu tư dự án năm 2019 và năm 2020.

- Công ty cũng đã triển khai các công trình cải tạo sửa chữa nhằm nâng cấp chất lượng cơ sở vật chất tại 02 bến xe.

II. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT:

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2020, Hội đồng quản trị công ty đã tổ chức 09 cuộc họp, trong đó có 04 cuộc họp định kỳ và 05 cuộc họp đột xuất để đánh giá về tình hình sản xuất kinh doanh của công ty hàng quý và các cuộc họp khác liên quan đến công tác chuẩn bị đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, công tác đầu tư xây dựng cơ bản, công tác nhân sự, sửa đổi và bổ sung các quy chế, quy định... Qua đó, đã ban hành 12 Nghị quyết và 05 Quyết định liên quan đến các lĩnh vực trên.

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ và tổ chức hoạt động của Công ty và theo luật định. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đều bám sát các chỉ tiêu, định hướng mà nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021 đề ra. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã theo dõi, quản lý, giám sát chặt chẽ, góp ý, hỗ trợ chỉ đạo kịp thời cho Ban Tổng giám đốc trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- HĐQT có các nghị quyết, quyết định nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện BĐH triển khai hoạt động kinh doanh. HĐQT luôn bám sát các hoạt động của BĐH kịp thời định hướng và đưa ra các chỉ đạo nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty. Việc giám sát công tác điều hành quản lý của HĐQT đã đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh được an toàn, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, theo đúng định hướng nghị quyết của ĐHCĐ

2. Hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

- Công tác điều hành luôn tuân thủ quy định của pháp luật, bám sát và tuân thủ điều lệ, quy chế hoạt động của Công ty.

- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo đúng chức năng và thẩm quyền.

- Ban Tổng giám đốc cũng phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban kiểm soát trong công tác kiểm soát hoạt động, cung cấp đầy đủ các thông tin báo cáo và dữ liệu liên quan để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

3. Hoạt động của Ban Kiểm Soát:

- Ban kiểm soát đã thực hiện việc xây dựng chương trình, kế hoạch công tác và phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Ban thực hiện kiểm tra giám sát từng lĩnh vực hoạt động của công ty, kết hợp với chế độ làm việc tập thể của Ban kiểm soát để thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của mình.

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng với Ban điều hành, tham gia ý kiến theo chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Những kiến nghị đều được ghi nhận và triển khai thực hiện.

- Ban kiểm soát đã tổ chức kiểm tra, giám sát với những nội dung chủ yếu liên quan đến công tác quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, việc chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông. Xem xét sổ sách kế toán, các tài liệu, thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và thẩm tra báo cáo tài chính 6 tháng, năm 2020. Số thành viên Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp là 3/3 người. Sau mỗi cuộc kiểm soát đều có biên bản làm việc ghi nhận tình

1140
G TY
HÀN
VÂN T
GÒN
HỒ CHÍ

hình hoạt động của Công ty và đề xuất các ý kiến, kiến nghị của Ban kiểm soát nhằm đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và tăng cường quản trị nội bộ Công ty.

- Trên cơ sở Quy chế làm việc của Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát đã nghiêm chỉnh thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công và thường xuyên trao đổi đánh giá tình hình hoạt động của Công ty để kịp thời tham gia đóng góp ý kiến cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành Công ty.

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ:

1. Nhận xét:

- Năm 2020 Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã có những giải pháp, chiến lược phù hợp chủ động hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời nâng cao hơn nữa hiệu quả quản lý, xây dựng đội ngũ quản lý, điều hành nhằm đáp ứng theo yêu cầu và tốc độ phát triển của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty luôn quan tâm cải thiện đời sống, thu nhập cho người lao động, đã tạo thêm động lực phấn đấu cho CBCNV Công ty.

- Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát đã có mối quan hệ phối hợp trong việc thực hiện quyền hạn và trách nhiệm được quy định trong Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và tham gia các cuộc họp của HĐQT. Ban kiểm soát đã được cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty. Các báo cáo của Ban kiểm soát đều được gửi đến HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng do Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định, không ảnh hưởng đến hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

2. Kiến nghị:

- Tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi phí, quản lý tốt nguồn thu chi của đơn vị, theo dõi, giám sát, quản lý việc thực hiện theo dõi công nợ phải thu, tiền ký quỹ theo đúng Quy chế quản lý công nợ và các điều khoản quy định tại Hợp đồng thương mại.

- Tiếp tục giữ vững an toàn phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường.

- Đề nghị Công ty tiếp tục thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước trong báo cáo tài chính năm 2013 liên quan đến chi phí đền bù giải tỏa trong công tác chuyển thể công ty Nhà nước sang Công ty Cổ phần, thực hiện rà soát toàn bộ hồ sơ liên quan đến chi phí đền bù giải tỏa trong công tác chuyển thể công ty Nhà nước sang Công ty Cổ phần và phối hợp với Tổng Công ty thực hiện các nội dung theo thông báo số 58/TB-VP ngày 04/02/2020 của UBND Thành phố.

- Nhìn chung các quy chế, quy định được ban hành căn cứ vào các quy định của pháp luật, Điều lệ và tình hình thực tế tại doanh nghiệp. Tuy nhiên, một số quy chế, quy định được ban hành trước đây đến nay không còn phù hợp với các quy định Pháp luật có liên quan đã được sửa đổi, bổ sung. Đề nghị Công ty cần rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và tình hình thực tế tại doanh nghiệp. Cụ thể như:

+ Rà soát, điều chỉnh Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp hiện hành;

+ Rà soát, điều chỉnh Quy chế tổ chức bộ máy hoạt động; Nội quy lao động; Quy chế trả lương, trả thưởng; Quy chế tuyển dụng, luân chuyển, bổ nhiệm...theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

+ Xây dựng Quy định về quản lý và sử dụng hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi; Quy định về quản lý và sử dụng con dấu của Công ty và hai bên xe...

Trên đây là một số ý kiến của Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về tổ chức hoạt động và sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021.

Kính chúc quý cổ đông, quý vị đại biểu, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành mạnh khỏe, hạnh phúc và có một năm thành công tốt đẹp.

Trân trọng kính chào./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lê Thị Thanh Thuận



Số: 03 /BC-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NHIỆM KỲ 2016 - 2020**



Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Bến Bãi Vận Tài Sài Gòn;
- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Bến Bãi Vận Tài Sài Gòn báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 - 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

I. Về nhân sự :

- Tại ĐHĐCĐ ngày 27/4/2016 đã bầu ban kiểm soát gồm 3 thành viên:
 1. Bà Nguyễn Thị Bạch Huệ - Trưởng Ban kiểm soát
 2. Bà Lê Thị Thanh Thuận - Thành viên Ban kiểm soát
 3. Bà Nguyễn Thị Băng Tuyết - Thành viên Ban kiểm soát
- Đến ngày 29/12/2016, ĐHĐCĐ bất thường năm 2016 đã biểu quyết thông qua miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát và bầu Ông Võ Văn Đức thay thế Bà Lê Thị Thanh Thuận cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2016 – 2020.
- Đến ngày 24/4/2018, ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 đã biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát và bầu Bà Lê Thị Thanh Thuận thay thế Bà Nguyễn Thị Băng Tuyết cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2016 – 2020. Đồng thời, tại cuộc họp Ban kiểm soát ngày 24/4/2018, các thành viên Ban kiểm soát đã thống nhất bầu Bà Lê Thị Thanh Thuận là Trưởng Ban kiểm soát thay thế Bà Nguyễn Thị Bạch Huệ cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2016 – 2020.
- Danh sách BKS kể từ ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 đến nay gồm:
 1. Bà Lê Thị Thanh Thuận - Trưởng Ban kiểm soát
 2. Bà Nguyễn Thị Bạch Huệ - Thành viên Ban kiểm soát
 3. Ông Võ Văn Đức - Thành viên Ban kiểm soát

II. Hoạt động của Ban kiểm soát trong nhiệm kỳ:

1. Hàng năm lập kế hoạch công tác, phân công, nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của công ty



theo quy định tại điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và tuân thủ quy định của pháp luật.

2. Kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch lợi nhuận của Hội Đồng Quản Trị (HDQT) và Ban Điều hành, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh hàng năm theo các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

3. Giám sát việc ban hành, triển khai và kết quả thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông đối với Hội đồng quản trị và Ban điều hành hàng năm.

4. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo 6 tháng và Báo cáo tài chính của Công ty hàng năm đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

5. Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HDQT, Ban điều hành nắm bắt thông tin kịp thời để đánh giá về việc thực thi các Nghị quyết của HDQT của Ban điều hành và đề xuất các khuyến nghị thay đổi khi cần thiết để hoàn thiện quy trình quản trị trong Công ty

III. Kết quả của hoạt động kiểm tra và giám sát của Ban Kiểm Soát

1. Về tình hình sản xuất kinh doanh

Báo cáo kết quả kinh doanh nhiệm kỳ năm 5 (2016 - 2020):

ĐVT: triệu đồng.

Năm	Doanh thu			Lợi nhuận trước thuế		
	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH
2016	32.744	35.423	108,2%	7.780	9.594	123,3%
2017	37.818	40.882	108,1%	11.093	15.058	135,7%
2018	44.152	51.020	115,6%	16.382	25.505	155,7%
2019	46.950	47.581	101,3%	21.391	22.394	104,7%
2020	39.934	42.100	105,4%	14.931	17.944	120,2%

2. Về tình hình tài chính, kế toán của Công ty

➤ Báo cáo tình hình vốn chủ sở hữu:

- Tại thời điểm 01/01/2016:

o Vốn cổ phần đã phát hành **16 tỷ đồng** (trong đó: vốn nhà nước chiếm 51% tương đương 8,16 tỷ đồng, cổ đông khác chiếm 49% tương đương 7,84 tỷ đồng)

o Vốn chủ sở hữu: **29,89 tỷ đồng.**

- Từ 16/11/2017 vốn chủ sở hữu tăng thêm **34 tỷ đồng** vốn điều lệ căn cứ vào:

o Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 07/4/2017 của Hội đồng Quản trị thông qua phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn Điều lệ.

o Nghị quyết số 18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/4/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn Điều lệ.

- Tại thời điểm 31/12/2020:

o Vốn cổ phần đã phát hành: **50 tỷ đồng** (trong đó: vốn nhà nước chiếm 51% tương đương 25,5 tỷ đồng, vốn cổ đông khác 49% tương đương 24,5 tỷ đồng).

o Vốn chủ sở hữu: **70,048 tỷ đồng**.

➤ Báo cáo chi trả cổ tức:

- Năm 2016: cổ tức chi trả bằng tiền với tỷ lệ 18 % tính trên vốn điều lệ 16 tỷ đồng với tổng số tiền là 2,88 tỷ đồng.

- Năm 2017: cổ tức chi trả bằng tiền với tỷ lệ 20 % tính trên vốn điều lệ 50 tỷ đồng với tổng số tiền là 10 tỷ đồng.

- Năm 2018: cổ tức chi trả bằng tiền với tỷ lệ 40 % tính trên vốn điều lệ 50 tỷ đồng với tổng số tiền là 20 tỷ đồng.

- Năm 2019: cổ tức chi trả bằng tiền với tỷ lệ 20 % tính trên vốn điều lệ 50 tỷ đồng với tổng số tiền là 10 tỷ đồng

- Năm 2020: dự kiến cổ tức chi trả bằng tiền với tỷ lệ từ 10% - 20% tính trên vốn điều lệ 50 tỷ đồng (theo NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 số 19/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/6/2020).

➤ Thực hiện chi trả thù lao HĐQT và BKS đúng theo Nghị quyết Đại HĐCĐ hàng năm và hạch toán đúng quy định hiện hành.

➤ Chỉ định công ty kiểm toán độc lập: theo nghị quyết hàng năm của ĐHĐCĐ, BKS cùng với HĐQT đã chọn lựa đơn vị kiểm toán dựa trên các tiêu chuẩn về chuyên môn, tính chuyên nghiệp, nguồn lực và chi phí phải trả phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty.

3. Về công tác quản trị và điều hành

- HĐQT và Ban điều hành đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý có tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và cẩn trọng trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo nghiêm túc theo qui định của luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

- Hội đồng quản trị họp thường kỳ đầy đủ, các thành viên của HĐQT có sự thống nhất cao. Các nghị quyết của HĐQT được ban hành kịp thời, thực hiện tốt chức năng quản trị của HĐQT, đồng thời đáp ứng yêu cầu điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban điều hành. Trong nhiệm kỳ 2016-2020, BKS không nhận

được kiến nghị nào của cổ đông đối với chỉ đạo và điều hành của HĐQT & Ban giám đốc điều hành.

- Đảm bảo thu nhập người lao động ổn định. Thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước cũng như các khoản BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động.

IV. Kết luận

- Các hoạt động của Công ty trong nhiệm kỳ 2016 - 2020 tuân thủ đúng Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT.

- Ban kiểm soát nhất trí với báo cáo kết quả hoạt động SXKD nhiệm kỳ 2016 - 2020 và phương hướng nhiệm kỳ 2021 – 2025.

Kính thưa Đại hội,

Trên đây là báo cáo của BKS nhiệm kỳ 2016 - 2020, kính trình Đại hội xem xét thông qua. Thay mặt BKS cảm ơn quý vị cổ đông đã tin tưởng giao cho chúng tôi nhiệm vụ kiểm soát hoạt động của công ty trong thời gian vừa qua, cảm ơn HĐQT và Ban điều hành công ty đã hỗ trợ cho ban kiểm soát thực hiện hoàn thành nhiệm vụ của mình trong suốt nhiệm kỳ.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng kính chào./.



**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Lê Thị Thanh Thuận

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN
BẾN BÀI VẬN TẢI SÀI GÒN
(STP.JSC)

Số: 20./TTr – HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH

Vv thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021 (“Luật Doanh nghiệp 2020”);

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (Công ty);

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 được lập ngày 31/12/2020 và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam ký ngày 02/03/2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Quang Trung

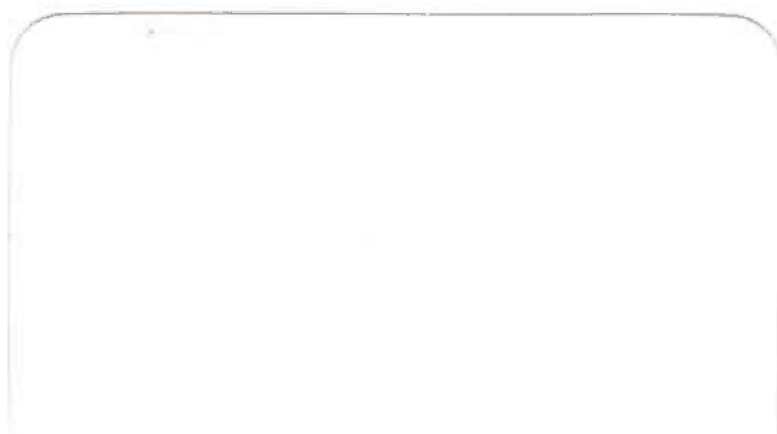


Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

PKF

Accountants &
business advisers



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 26



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN
720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") (chuyển thể từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty bến bãi vận tải Thành phố) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301114089 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 18 tháng 3 năm 2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VND
(Năm mươi tỷ đồng)
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/ cổ phần
Tổng số cổ phần: 5.000.000 cổ phần
Mã chứng khoán: TPS
Sàn giao dịch: UpCOM

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : 720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84-28) 37 161 333
- Fax : (84-28) 37 160 891

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty có các chi nhánh:

<u>Chi nhánh</u>	<u>Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động</u>	<u>Địa chỉ</u>
Bến xe Ngã tư Ga	Số 0301114089-003 đăng ký lần đầu ngày 21/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/9/2016	720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Bến xe An Sương	Số 0301114089-002 đăng ký lần đầu ngày 21/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/9/2016	Quốc lộ 22, Ấp Đông Lân, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh của công ty là:

- Quản lý và thực hiện các dịch vụ cung ứng đối với phương tiện vận tải hàng hóa lưu đậu tại bến xe; tổ chức cung ứng dịch vụ về bến bãi trên địa bàn thành phố để phục vụ lưu đậu đối với tất cả các phương tiện vận tải;
- Tổ chức vận chuyển hành khách liên tỉnh qua bến xe và các phương tiện vận tải hành khách lưu đậu tại bến; tham gia vận tải hành khách liên tỉnh theo hợp đồng kinh tế;
- Trung chuyển hàng hóa trong thành phố và vận chuyển hàng hóa đường bộ liên tỉnh bằng Hợp đồng kinh tế;
- Kinh doanh kho chứa hàng hóa; và
- Mời giới vận chuyển hàng hóa, giáo dục dạy nghề.

2. Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Ngô Quang Trung	Chủ tịch	28/03/2019
Ông Nguyễn Tấn Lực	Thành viên	22/04/2019
Ông Nguyễn Xuân Điền	Thành viên	22/04/2019
Ông Trần Hiếu	Thành viên/ Tổng Giám đốc	28/04/2016
Bà Lê Thúy Hằng	Thành viên	27/04/2011

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban kiểm soát

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Lê Thị Thanh Thuận	Trưởng ban	24/04/2018
Bà Nguyễn Thị Bạch Huệ	Thành viên	27/04/2011
Ông Võ Văn Đức	Thành viên	29/12/2016

Ban Giám đốc

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Trần Hiếu	Tổng Giám đốc	01/03/2019

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Trần Hiếu	Tổng Giám đốc	01/03/2019

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



NGÔ QUANG TRUNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị
TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2021



Số: 206/2021/BCKT-HCM.00348

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 02 tháng 3 năm 2021, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



BUI TUYẾT VÂN

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0071-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2021

NGUYỄN THỊ THỦY TRANG

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4128-2017-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		57.727.249.208	70.007.343.308
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	34.897.692.954	39.242.541.184
Tiền	111		607.692.954	6.042.541.184
Các khoản tương đương tiền	112		34.290.000.000	33.200.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20.000.000.000	23.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	20.000.000.000	23.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.456.598.059	7.264.802.124
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	1.453.585.580	416.294.910
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	489.314.260	5.822.519.380
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	513.698.219	1.025.987.834
Hàng tồn kho	140		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		372.958.195	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6.1	332.324.239	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	40.633.956	-
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		38.861.241.241	21.023.242.561
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		9.875.042.485	9.759.950.186
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	3.250.934.679	3.040.968.933
Nguyên giá	222		27.681.838.090	26.274.499.454
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.430.903.411)	(23.233.530.521)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.8	6.624.107.806	6.718.981.253
Nguyên giá	228		9.805.055.394	9.641.419.030
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.180.947.588)	(2.922.437.777)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		28.177.917.060	10.401.257.780
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	28.177.917.060	10.401.257.780
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		808.281.696	862.034.595
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6.2	808.281.696	862.034.595
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		96.588.490.449	91.030.585.869

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÀI VẠN TÀI SÀI GÒN

720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		26.540.478.746	15.174.411.017
Nợ ngắn hạn	310		26.540.478.746	15.174.411.017
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	2.795.429.692	497.546.219
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.983.000	17.890.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	1.324.382.823	1.365.327.291
Phải trả người lao động	314		2.831.901.906	4.428.426.983
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		58.900.000	76.600.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		7.061.456	13.017.455
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	12.820.019.993	2.940.071.543
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.13	6.691.799.876	5.835.531.526
Nợ dài hạn	330		-	-
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		70.048.011.703	75.856.174.852
Vốn chủ sở hữu	410	5.14	70.048.011.703	75.856.174.852
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		(127.180.000)	(127.180.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		8.101.580.801	7.212.622.144
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.073.610.902	18.770.732.708
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		4.193.364.051	991.559.575
LNST chưa phân phối năm nay	421b		7.880.246.851	17.779.173.133
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		96.588.490.449	91.030.585.869



LÊ THỊ MINH NGUYỆT
Người lập biểu



BÙI THANH TÂM
Kế toán trưởng



TRẦN HIẾU
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh ngày 02 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN

720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		39.741.836.938	43.589.049.856
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	6.1	39.741.836.938	43.589.049.856
Giá vốn hàng bán	11	6.2	18.260.074.491	18.726.065.245
Lợi nhuận gộp	20		21.481.762.447	24.862.984.611
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.318.335.053	3.889.722.029
Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	5.719.007.625	6.146.759.908
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		18.081.089.875	22.605.946.732
Thu nhập khác	31	6.5	40.187.715	79.086.618
Chi phí khác	32	6.6	177.057.297	290.553.402
Lợi nhuận khác	40		(136.869.582)	(211.466.784)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.944.220.293	22.394.479.948
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.11	2.563.973.442	4.615.306.815
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.380.246.851	17.779.173.133
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	2.419	2.818

LÊ THỊ MINH NGUYỆT
Người lập biểu

BÙI THANH TÂM
Kế toán trưởng



TRẦN HIẾU
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh ngày 02 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÀI VẬN TÀI SÀI GÒN

720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thanh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	17.944.220.293	22.394.479.948
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.455.882.701	1.457.804.425
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.318.335.053)	(3.698.384.389)
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	17.081.767.941	20.153.899.984
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	4.295.914.450	(5.414.392.060)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(6.242.744.982)	5.150.858.418
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(278.571.340)	(624.125.733)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.303.941.773)	(4.624.341.418)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	12.530.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.844.671.650)	(1.789.463.401)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.720.282.646	12.852.435.790
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(12.395.755.544)	(13.617.519.329)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	23.636.364
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(17.000.000.000)	(67.200.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	20.500.000.000	115.400.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.830.624.668	4.846.993.047
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.065.130.876)	39.453.110.082
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.000.000.000)	(20.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.000.000.000)	(20.000.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(4.344.848.230)	32.305.545.872
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	39.242.541.184	6.936.995.312
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	34.897.692.954	39.242.541.184


LÊ THỊ MINH NGUYỆT
Người lập biểu


BÙI THANH TÂM
Kế toán trưởng


TRẦN HIẾU
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh ngày 02 tháng 3 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") (chuyển thể từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty bến bãi vận tải Thành phố) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301114089 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 18 tháng 3 năm 2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của công ty là:

- Quản lý và thực hiện các dịch vụ cung ứng đối với phương tiện vận tải hàng hóa lưu đậu tại bến xe; tổ chức cung ứng dịch vụ về bến bãi trên địa bàn thành phố để phục vụ lưu đậu đối với tất cả các phương tiện vận tải;
- Tổ chức vận chuyển hành khách liên tỉnh qua bến xe và các phương tiện vận tải hành khách lưu đậu tại bến; tham gia vận tải hành khách liên tỉnh theo hợp đồng kinh tế;
- Trung chuyển hàng hóa trong thành phố và vận chuyển hàng hóa đường bộ liên tỉnh bằng Hợp đồng kinh tế;
- Kinh doanh kho chứa hàng hóa; và
- Môi giới vận chuyển hàng hóa, giáo dục dạy nghề.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

<u>Chi nhánh</u>	<u>Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động</u>	<u>Địa chỉ</u>
Bến xe Ngã tư Ga	Số 0301114089-003 đăng ký lần đầu ngày 21/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/09/2016	720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Bến xe An Sương	Số 0301114089-002 đăng ký lần đầu ngày 21/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/09/2016	Quốc lộ 22, Ấp Đông Lân, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng số nhân viên của Công ty là 106 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 106 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa bên xe đã phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí duy tu sửa chữa mặt bãi bên xe và các chi phí khác đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 15 tháng đến 36 tháng.

4.6 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
Tài sản cố định khác	05 năm

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chi phí giải tỏa mặt bằng

Chi phí giải tỏa mặt bằng bến xe Ngã tư Ga được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 45 năm.

Phần mềm kế toán

Giá mua của phần mềm mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 năm.

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Theo Điều 2 Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác, doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng thì được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020.

4.15 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.16 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư dài hạn.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phân chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.17 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Quan hệ
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Công ty cùng tập đoàn
Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn	Công ty cùng tập đoàn
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt – VND	226.882.218	291.556.920
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – VND	380.810.736	5.750.984.264
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng – VND	34.290.000.000	33.200.000.000
	34.897.692.954	39.242.541.184

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn trên 3 tháng – VND		
• Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Hóc Môn	10.000.000.000	16.500.000.000
• Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh 3	10.000.000.000	3.000.000.000
• Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Hiệp Phước	-	2.500.000.000
• Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Tân Bình	-	1.500.000.000
	20.000.000.000	23.500.000.000

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	25.544.520	15.162.170
Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn	50.610.000	-
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Công nghiệp Hoàng Gia	974.602.700	102.117.500
Các khách hàng khác	402.828.360	299.015.240
	1.453.585.580	416.294.910

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<i>Trả trước của các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Lục Giác	-	5.223.626.000
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng và Giao thông Mê Kông	168.960.000	230.880.000
Công ty cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Thiên Lộc	89.843.100	-
Công ty cổ phần An Sơn	90.900.000	-
Công ty cổ phần Tư vấn và Chuyển giao Công nghệ Sơn Phát	50.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	89.611.160	368.013.380
	489.314.260	5.822.519.380

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	Giá trị VND	31/12/2020 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2020 Dự phòng VND
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Lãi dự thu – tiền gửi có kỳ hạn	392.351.423	-	904.641.038	-
Phải thu về cổ phần hóa	116.346.796	-	116.346.796	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.000.000	-	5.000.000	-
	513.698.219	-	1.025.987.834	-

5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.6.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	144.021.213	-
Chi phí sửa chữa	188.303.026	-
	332.324.239	-

5.6.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí duy tu, sửa chữa mặt bãi bến xe An Sương	240.828.273	481.656.561
Chi phí khác	567.453.423	380.378.034
	808.281.696	862.034.595

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2020	23.433.013.295	518.458.150	1.052.181.821	419.909.858	850.936.330	26.274.499.454
Tăng từ mua sắm	-	-	-	-	61.400.000	61.400.000
Tăng từ xây dựng cơ bản	445.023.636	-	-	900.915.000	-	1.345.938.636
Tại ngày 31/12/2020	23.878.036.931	518.458.150	1.052.181.821	1.320.824.858	912.336.330	27.681.838.090
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2020	21.250.786.149	508.869.385	1.052.181.821	248.226.564	173.466.602	23.233.530.521
Khấu hao trong năm	927.220.924	9.588.765	-	85.225.885	175.337.316	1.197.372.890
Tại ngày 31/12/2020	22.178.007.073	518.458.150	1.052.181.821	333.452.449	348.803.918	24.430.903.411
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2020	2.182.227.146	9.588.765	-	171.683.294	677.469.728	3.040.968.933
Tại ngày 31/12/2020	1.700.029.858	-	-	987.372.409	563.532.412	3.250.934.679
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						
Tại ngày 01/01/2020	17.748.035.534	437.912.695	1.052.181.821	181.471.091	-	19.419.601.141
Tại ngày 31/12/2020	19.340.955.930	518.458.150	1.052.181.821	181.471.091	-	21.093.066.992

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2020	9.440.419.030	201.000.000	9.641.419.030
Tăng từ xây dựng cơ bản	-	163.636.364	163.636.364
Tại ngày 31/12/2020	9.440.419.030	364.636.364	9.805.055.394
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2020	2.811.887.777	110.550.000	2.922.437.777
Khấu hao trong năm	209.787.084	48.722.727	258.509.811
Tại ngày 31/12/2020	3.021.674.861	159.272.727	3.180.947.588
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2020	6.628.531.253	90.450.000	6.718.981.253
Tại ngày 31/12/2020	6.418.744.169	205.363.637	6.624.107.806

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2020 VND	Phát sinh tăng VND	Kết chuyển sang TSCĐ VND	31/12/2020 VND
Dự án cải tạo nâng cấp bến xe An Sương	1.894.436.980	-	-	1.894.436.980
Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1) (*)	8.471.820.800	17.407.185.780	-	25.879.006.580
Dự án khác	35.000.000	1.879.048.500	(1.509.575.000)	404.473.500
	10.401.257.780	19.286.234.280	(1.509.575.000)	28.177.917.060

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÀI VẠN TÀI SÀI GÒN
720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá trị	31/12/2020	Giá trị	01/01/2020
	VND	Số có khả năng trả nợ VND	VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Lục Giác	2.591.090.000	2.591.090.000	390.707.227	390.707.227
Các nhà cung cấp khác	204.339.692	204.339.692	106.838.992	106.838.992
	2.795.429.692	2.795.429.692	497.546.219	497.546.219

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020	Số phát sinh trong năm		31/12/2020	
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	314.839.935	1.641.310.237	(940.089.424)	-	1.016.060.748
Thuế thu nhập doanh nghiệp	978.808.066	2.563.973.442	(3.303.941.773)	-	238.839.735
Thuế thu nhập cá nhân	71.679.290	245.881.620	(248.078.570)	-	69.482.340
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	172.673.252	(213.307.208)	40.633.956	-
Các khoản phải nộp khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-	-
Cộng	1.365.327.291	4.628.838.551	(4.710.416.975)	40.633.956	1.324.382.823

Thuế giá trị gia tăng ("GTGT")

Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, thuế suất cho dịch vụ tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Công ty nộp thuế TNDN cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh với thuế suất 20%.

Chi phí thuế TNDN hiện hành được dự tính như sau:

	2020	2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.944.220.293	22.394.479.948
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
<i>Chi phí không được trừ</i>	369.875.731	501.781.738
<i>Các khoản điều chỉnh giảm khác</i>	-	(411.295.266)
Thu nhập tính thuế	18.314.096.024	22.484.966.420
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN ước tính trong năm	3.662.819.203	4.496.993.288
Thuế TNDN của các năm trước	-	118.313.529
Thuế TNDN được giảm theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP	(1.098.845.761)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.563.973.442	4.615.306.815

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN
720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải trả các bên liên quan		
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV – cổ tức phải trả	5.355.000.000	-
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn		
• Xi nghiệp Cơ khí Ô tô An Lạc – Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV	2.000.000	2.000.000
• Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn	78.096.000	80.673.750
• Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	64.720.000	15.600.000
Phải trả các đối tượng khác khác		
Cổ tức phải trả	5.145.000.000	-
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	2.166.083.993	2.202.677.793
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	9.120.000	639.120.000
	12.620.019.993	2.940.071.543

5.13 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi VND	Quỹ thưởng ban điều hành VND	Cộng VND
Số dư đầu năm (01/01/2020)	5.762.742.526	72.789.000	5.835.531.526
Trích quỹ	3.507.150.000	181.260.000	3.688.410.000
Tăng bằng tiền	12.530.000	-	12.530.000
Chi bằng tiền	(2.681.537.650)	(163.134.000)	(2.844.671.650)
Số dư cuối năm (31/12/2020)	6.600.884.876	90.915.000	6.691.799.876

5.14 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)

5.14.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	50.000.000.000	(127.180.000)	6.195.583.479	5.797.983.240	61.866.386.719
Lãi trong năm	-	-	-	17.779.173.133	17.779.173.133
Trích lập các quỹ	-	-	1.017.038.665	(4.806.423.665)	(3.789.385.000)
Tại ngày 31/12/2019	50.000.000.000	(127.180.000)	7.212.622.144	18.770.732.708	75.856.174.852
Tại ngày 01/01/2020	50.000.000.000	(127.180.000)	7.212.622.144	18.770.732.708	75.856.174.852
Lãi trong năm	-	-	-	15.380.246.851	15.380.246.851
Trích lập các quỹ	-	-	888.958.657	(4.577.368.657)	(3.688.410.000)
Chia cổ tức năm 2019	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2020	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Tại ngày 31/12/2020	50.000.000.000	(127.180.000)	8.101.580.801	12.073.610.902	70.048.011.703

5.14.2 Chi tiết vốn góp bởi các cổ đông

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301114089 đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 18 tháng 3 năm 2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ:	50.000.000.000	VND
Tổng số cổ phần:	5.000.000	cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần:	10.000	VND/cổ phần

Chi tiết vốn góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vạn tài Sài Gòn - TNHH MTV	2.550.000	51,00
Ngô Quang Hiến	937.500	18,75
Ngô Quang Trung	266.974	5,34
Nguyễn Hương Giang	250.000	5,00
Phan Kim Mỹ	250.000	5,00
148 cổ đông khác	745.526	14,91
	5.000.000	100,00

5.14.3 Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/CP.

5.14.4 Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty phân phối lợi nhuận lũy kế đến 31 tháng 12 năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 19/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 số 33/NQ-ĐHĐCĐBT.2020 ngày 25 tháng 12 năm 2020, chi tiết như sau:

	VND
• Chia cổ tức (tỷ lệ 20% vốn điều lệ)	10.000.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	888.958.657
• Trích quỹ khen thưởng	876.787.500
• Trích quỹ phúc lợi	2.630.362.500
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành	181.260.000
• Lợi nhuận còn lại sau phân phối	4.193.364.051
	18.770.732.708

5.14.5 Tạm ứng cổ tức

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 32/HĐQT ngày 18 tháng 12 năm 2020, tỷ lệ chi tạm ứng cổ tức năm 2020 là 15% vốn điều lệ, tương đương 7.500.000.000 VND.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	2020 VND	2019 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	39.741.836.938	43.589.049.856
	39.741.836.938	43.589.049.856
6.2 Giá vốn hàng bán		
	2020 VND	2019 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	18.260.074.491	18.726.065.245
	18.260.074.491	18.726.065.245
6.3 Doanh thu hoạt động tài chính		
	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.318.335.053	3.889.722.029
	2.318.335.053	3.889.722.029
6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	4.314.214.268	4.560.046.681
Chi phí khác	1.404.793.357	1.586.713.227
	5.719.007.625	6.146.759.908
6.5 Thu nhập khác		
	2020 VND	2019 VND
Thu bán công cụ dụng cụ, phế liệu	9.454.545	18.153.181
Thu tiền nước	26.482.170	30.855.890
Thu khác	4.251.000	30.077.547
	40.187.715	79.086.618
6.6 Chi phí khác		
	2020 VND	2019 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	191.337.640
Thu nhập khác	177.057.297	99.215.762
	177.057.297	290.553.402

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN
720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.7 Lãi trên cổ phiếu

6.7.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.380.246.851	17.779.173.133
Trừ: tạm trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	<u>(3.283.427.500)</u>	<u>(3.688.410.000)</u>
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.096.819.351	14.090.763.133
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	<u>5.000.000</u>	<u>5.000.000</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	<u>2.419</u>	<u>2.818</u>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	2020 VND	2019 VND
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.000.000	5.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>5.000.000</u>	<u>5.000.000</u>

6.7.2 Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

6.8 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân công	17.652.614.435	18.720.096.179
Chi phí công cụ, dụng cụ	505.552.990	525.058.284
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.455.882.701	1.457.804.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.527.787.319	2.489.578.317
Chi phí khác	<u>1.837.244.671</u>	<u>1.680.287.948</u>
	<u>23.979.082.116</u>	<u>24.872.825.153</u>

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

Công ty đã ghi nhận khoản lãi dự thu cho các hợp đồng tiền gửi và cho vay:

	2020 VND	2019 VND
Lãi dự thu	392.351.423	904.641.038

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

I. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Các phân tích về độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan tới tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Các phân tích độ nhạy này được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

II. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÀI VẠN TÀI SÀI GÒN
 720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2020			
Phải trả người bán	2.795.429.692	-	2.795.429.692
Phải trả khác và chi phí phải trả	12.878.919.993	-	12.878.919.993
	15.674.349.685	-	15.674.349.685
Ngày 31 tháng 12 năm 2019			
Phải trả người bán	497.546.219	-	497.546.219
Phải trả khác và chi phí phải trả	3.016.671.543	-	3.016.671.543
	3.514.217.762	-	3.514.217.762

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu của khách hàng</i>	1.453.585.580	416.294.910	1.453.585.580	416.294.910
<i>Phải thu khác</i>	397.351.423	909.641.038	397.351.423	909.641.038
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	20.000.000.000	23.500.000.000	20.000.000.000	23.500.000.000
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	34.897.692.954	39.242.541.184	34.897.692.954	39.242.541.184
Tổng cộng	56.748.629.957	64.068.477.132	56.748.629.957	64.068.477.132
Nợ phải trả tài chính				
<i>Phải trả người bán</i>	2.795.429.692	497.546.219	2.795.429.692	497.546.219
<i>Phải trả khác và chi phí phải trả</i>	12.878.919.993	3.016.671.543	12.878.919.993	3.016.671.543
Tổng cộng	15.674.349.685	3.514.217.762	15.674.349.685	3.514.217.762

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	2020 VND	2019 VND
Thu nhập Ban Giám đốc Công ty	455.884.120	677.907.000
Thù lao các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	415.200.000	400.750.000
Thưởng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc	163.134.000	188.446.000
	1.034.218.120	1.267.103.000

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	2020 VND	2019 VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	Cổ tức Cung cấp dịch vụ	8.925.000.000 11.409.090	- 11.272.727
Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn	Cung cấp dịch vụ	372.081.714	442.038.125
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Cung cấp dịch vụ	380.003.283	228.830.146

Số dư phải thu/ (phải trả) với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	Cổ tức phải trả Nhận ký quỹ ngắn hạn	(5.355.000.000) (2.000.000)	- (2.000.000)
Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn	Nhận ký quỹ ngắn hạn Phải thu thương mại	(78.096.000) 50.610.000	(80.673.750) -
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Nhận ký quỹ ngắn hạn Phải thu thương mại	(64.720.000) 25.544.520	(15.600.000) 15.162.170

9.2 Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là dịch vụ lưu đàu, các dịch vụ hỗ trợ và trong một khu vực địa lý là Thành phố Hồ Chí Minh.

9.3 Tình hình sử dụng vốn thực hiện dự án “Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương” (giai đoạn 1)

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng quản trị và Nghị quyết số 18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ, toàn bộ số vốn thu được từ đợt phát hành là 34.000.000.000 VND sẽ được sử dụng để bổ sung vào nguồn vốn kinh doanh để thực hiện Dự án “Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương”.

+ Tình hình sử dụng vốn đến ngày 31/12/2020:

STT	Nội dung	Số tiền VND
1	Tư vấn thiết kế PCCC	75.900.000
2	Tư vấn lập kế hoạch bảo vệ môi trường	22.000.000
3	Tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	143.000.000
4	Tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi	27.000.000
5	Phí thẩm định Thiết kế cơ sở	2.948.000
6	Tư vấn thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	672.881.000
7	Tư vấn quản lý dự án	478.160.000
8	Tư vấn đấu thầu	198.098.000
9	Tư vấn khảo sát địa chất	115.665.000
10	Tư vấn khảo sát địa chất bước thiết kế bản vẽ thi công dự án	6.600.000
11	Tư vấn giám sát thi công	486.323.488
12	Tư vấn thẩm tra TKBVTC và dự toán	118.615.000
13	Phí thẩm tra thiết kế và dự toán	12.954.000
14	Chi phí thi công	23.319.810.000
15	Phí bảo hiểm công trình	56.753.950
16	Photo, scan hồ sơ	44.584.100
17	Đăng báo đấu thầu	2.310.000
	Tổng cộng	25.783.602.538
		VND
	Tổng chi cho dự án đến ngày báo cáo này:	25.783.602.538
	Số tiền chưa sử dụng:	8.216.397.462
	Tổng cộng:	34.000.000.000
	Tổng chi phí xây dựng cơ bản dở dang đến 31/12/2020:	25.879.006.580

9.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.





LÊ THỊ MINH NGUYỆT
 Người lập biểu

BÙI THANH TÂM
 Kế toán trưởng


TRẦN HIẾU
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2021

Ho Chi Minh City Head Office
2/F Indochina Park Tower,
No. 4 Nguyen Dinh Chieu St.,
Dakao Ward, District 1,
Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : +84 28 222 00237
Fax : +84 28 222 00265
Email: pkf.afchcm@pkf.afcvietnam.vn

Can Tho Branch
A1 - 28 Street 6, Cong An Residence,
Thanh Loi Area, Phu Thu Ward,
Cai Rang District,
Can Tho City, Vietnam
Tel : +84 292 3827 888
Fax : +84 292 3823 209
Email: pkf.afcct@pkf.afcvietnam.vn

Northern Branch
Room 709, Sunrise Building,
No. 90 Tran Thai Tong St.,
Dich Vong Hau Ward, Cau Giay Dist.,
Ha Noi City, Vietnam
Tel : +84 243 2002 016
Fax : +84 243 7950 832
Email: pkf.afcmb@pkf.afcvietnam.vn

Ha Thanh Branch
12B/F, Hancorp Plaza,
No. 72 Tran Dang Ninh St.,
Dich Vong Ward, Cau Giay Dist.,
Ha Noi City, Vietnam
Tel : +84 243 8373 666
Fax : +84 243 2191 538
Email: pkf.afcht@pkf.afcvietnam.vn

www.pkf.afcvietnam.vn

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua hồ sơ đề xuất dự án
Dự án: Mở rộng bến xe An Sương

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Bến xe An Sương hiện hữu có diện tích khoảng 1,7ha. Ủy ban nhân dân Thành phố đã chấp thuận chủ trương mở rộng Bến xe An Sương với quy mô diện tích khoảng 4,8 ha theo văn bản số 3460/UBND-ĐTMT ngày 12/7/2011. Thực hiện chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố, Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn đã triển khai thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư dự án:

- Lập bản vẽ Tổng mặt bằng phương án kiến trúc công trình (tỷ lệ 1/500) trình Sở Quy hoạch - Kiến trúc chấp thuận theo công văn số 1611/SQHKT-HTKT ngày 04/6/2012.

- Lập hồ sơ dự án đầu tư và thiết kế cơ sở trình Tổng Công ty Samco xem xét với Tổng mức đầu tư khoảng 1.800 tỷ đồng.

- Báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trình Thủ tướng chính phủ điều chỉnh quy mô diện tích của dự án (điều chỉnh từ 1,6 ha theo quyết định 568/QĐ-TTg ngày 08/4/2013 của Thủ tướng chính phủ lên quy mô diện tích 4,8 ha). **Thủ tướng chính phủ đã đồng ý điều chỉnh quy hoạch mở rộng bến xe An Sương theo văn bản số 436/TTg-KTN ngày 07/4/2014.**

- Đăng ký kế hoạch sử dụng đất (Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 07/12/2017).

Ngày 22/4/2019, Đại hội đồng cổ đông Công ty ban hành Nghị quyết số 29/NQ-ĐHĐCĐ theo đó thống nhất chủ trương tiếp tục thực hiện dự án Mở rộng Bến xe An Sương (4,8ha). Thực hiện nghị quyết số 29/NQ-ĐHĐCĐ, Công ty đã phối hợp các phòng ban của huyện Hóc Môn (Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng, Phòng Tài nguyên – Môi trường) thực hiện các hồ sơ pháp lý về Bồi thường Giải phóng mặt bằng.

Năm 2020, Công ty đã phối hợp với địa phương hoàn thành công tác điều tra xã hội học các hộ dân trong phạm vi dự án và tổng hợp kết quả gửi Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Hóc Môn. Hiện tại, Phòng Tài nguyên – Môi trường huyện Hóc Môn đang lập Kế hoạch thu hồi đất để trình Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn phê duyệt.

Ngoài ra, do hồ sơ dự án đầu tư dự án “Mở rộng Bến xe An Sương” được lập năm 2013, đến thời điểm hiện tại không còn phù hợp. Công ty đã thuê đơn vị tư vấn lập Đề xuất dự án nhằm đánh giá lại các nội dung của dự án như: Quy mô và hình thức đầu tư xây dựng; Dự kiến thời gian thực hiện; Phân kỳ đầu tư; Sơ bộ

tổng mức đầu tư, phương án huy động vốn; khả năng hoàn vốn; Xác định hiệu quả kinh tế xã hội dự án....

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua hồ sơ đề xuất dự án của dự án “Mở rộng bến xe An Suong” với nội dung cơ bản như sau:

1. Tên dự án: Mở rộng Bến xe An Suong.
 2. Địa điểm: Số 16, ấp Đông Lân 1, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Tp.HCM.
 3. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.
 4. Mục tiêu đầu tư: Mở rộng Bến xe An Suong theo hướng hiện đại, văn minh, có mô hình hoạt động đa chức năng.
 5. Diện tích phù hợp quy hoạch (đã trừ lộ giới): 4,28 ha.
 6. Tổng mức đầu tư: khoảng 1.258,68 tỷ đồng.
 7. Phân kỳ đầu tư gồm 03 giai đoạn:
 - Giai đoạn 1: Mở rộng khoảng 0,4ha tại khu vực trung tâm dự án, theo quy hoạch là khu vực đón/ trả hành khách cho các tuyến xe khách liên tỉnh. Thời gian thực hiện từ 2021-2022. Tổng mức đầu tư giai đoạn 1 khoảng 97,8 tỷ đồng.
 - Giai đoạn 2: Mở rộng khoảng 1,3ha khu vực phía Tây, theo quy hoạch là khu vực đậu đỗ xe khách liên tỉnh trong thời gian chờ lên tài và khu dịch vụ kỹ thuật cho bến xe mở rộng. Thời gian thực hiện từ 2023-2024. Tổng mức đầu tư giai đoạn 2 khoảng 493,6 tỷ đồng.
 - Giai đoạn 3: Mở rộng 0,8ha còn lại giáp mặt tiền quốc lộ 22, theo quy hoạch là khu vực nhà bến xe, văn phòng làm việc và khu vực thương mại, dịch vụ. Thời gian thực hiện từ 2024-2025. Tổng mức đầu tư giai đoạn 3 khoảng 667,4 tỷ đồng.
 8. Nguồn vốn đầu tư: Sẽ được xác định cụ thể trong bước tiếp theo của dự án. Kính trình ./.
- (Đính kèm: Hồ sơ Đề xuất dự án của dự án “Mở rộng Bến xe An Suong”).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHĐT (01b).Đ.5.

CHỦ TỊCH



Ngô Quang Trung

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÀI VẬN TẢI SÀI GÒN



ĐỀ XUẤT DỰ ÁN MỞ RỘNG BẾN XE AN SƠN

ĐỊA ĐIỂM: HUYỆN HÓC MÔN - TP HỒ CHÍ MINH

ĐƠN VI LẬP:



CÔNG TY CỔ PHẦN AN SƠN

ĐỊA CHỈ: SỐ 460, ĐƯỜNG LÊ VĂN VIỆT, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A,
QUẬN 9, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐIỆN THOẠI: 028.37305648 Fax: 028.37305648



TP. HỒ CHÍ MINH - THÁNG 01 / 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÀI VẬN TẢI SÀI GÒN
--- 208 ---

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN MỞ RỘNG BẾN XE AN SƠN

ĐỊA ĐIỂM: HUYỆN HÓC MÔN - TP HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÀI
VẬN TẢI SÀI GÒN *ga*



Trần Hiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN AN SƠN

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Minh Nhật

MỤC LỤC

PHẦN 1: GIỚI THIỆU CHUNG	3
1.1. Bối cảnh và sự cần thiết phải đầu tư.....	3
1.1.1. Bối cảnh	3
1.1.2. Sự cần thiết phải đầu tư	5
1.2. Cơ sở pháp lý của hoạt động đầu tư, xây dựng	5
1.3. Đề xuất hình thức đầu tư	6
PHẦN 2: HIỆN TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG VẬN TẢI TP. HCM	7
2.1. Hiện trạng giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh	7
2.1.1. Hiện trạng kết cấu hạ tầng giao thông TP. Hồ Chí Minh	7
2.1.2. Hiện trạng hệ thống vận tải hành khách công cộng tại TP. Hồ Chí Minh.....	9
2.2. Định hướng phát triển trong tương lai.....	12
2.3. Quy hoạch phát triển GTVT thành phố	13
2.3.1. Quy hoạch mạng lưới giao thông đường bộ	13
2.3.2. Quy hoạch mạng lưới giao thông đường sắt.....	16
2.3.3. Quy hoạch mạng lưới giao thông đường thủy	18
2.3.4. Quy hoạch hệ thống cảng hàng không.....	20
2.3.5. Đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch phát triển GTVT thành Phố Hồ Chí Minh.....	20
PHẦN 3: HIỆN TRẠNG KHAI THÁC BẾN XE AN SƯƠNG	24
3.1. Hiện trạng về hạ tầng và sử dụng đất	24
3.1.1. Vị trí và ranh giới khu đất.....	24
3.1.2. Hiện trạng sử dụng đất.....	24
3.1.3. Hiện trạng mạng lưới hạ tầng kỹ thuật	25
3.1.4. Nhận xét- đánh giá	25
3.2. Hiện trạng về tổ chức khai thác vận tải	26
PHẦN 4: QUY HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BẾN XE AN SƯƠNG	27
4.1. Quy hoạch phát triển bến xe An Sương đến năm 2025.....	27
4.2. Thỏa thuận tổng mặt bằng các khu chức năng bến xe An Sương	28
4.2.1. Nhà bến kết hợp Trung tâm thương mại.....	29
4.2.2. Trung tâm hội nghị, sự kiện.....	29
4.2.3. Bãi đậu xe cao tầng.....	29
4.2.4. Khu dịch vụ kỹ thuật và kho kín.....	29
4.2.5. Khu tác nghiệp vận tải hành khách	29
4.2.6. Các chỉ tiêu quy hoạch – kiến trúc:.....	30
4.3. Đề xuất phương án đầu tư giai đoạn 2021-2022	31
4.4. Đề xuất phương án đầu tư giai đoạn 2023-2024	32
4.5. Đề xuất phương án đầu tư giai đoạn 2024-2025	33
PHẦN 5: ĐỀ XUẤT TÀI CHÍNH CHO DỰ ÁN	35
5.1. Khái toán tổng mức đầu tư xây dựng công trình.....	35
5.1.1. Căn cứ xác định tổng mức đầu tư	35

5.1.2.	Khái toán tổng mức đầu tư.....	36
5.2.	Nội dung của tổng mức đầu tư	37
5.2.1.	Chi phí đền bù giải tỏa	37
5.2.2.	Chi phí xây dựng – thiết bị	37
5.2.3.	Chi phí quản lý dự án.....	37
5.2.4.	Chi phí tư vấn.....	37
5.2.5.	Chi phí khác	37
5.2.6.	Dự phòng phí	38
5.3.	Vận hành dự án.....	38
5.3.1.	Phương án vận hành.....	38
5.3.2.	Xác định chi phí vận hành dự án	38
5.3.3.	Ước tính doanh thu dự án	39
PHẦN 6: PHÂN TÍCH LỰA CHỌN HÌNH THỨC ĐẦU TƯ		40
6.1.	Phân tích sơ bộ hiệu quả tài chính dự án	40

PHẦN 1: GIỚI THIỆU CHUNG

1.1. Bối cảnh và sự cần thiết phải đầu tư

1.1.1. Bối cảnh

Bến xe An Sương nằm tại cửa ngõ phía Tây Bắc thành phố Hồ Chí Minh, tại điểm giao nhau giữa Quốc lộ 1A và Quốc lộ 22. Với vị trí địa lý vô cùng đặc biệt và thuận lợi, hiện nay bến xe là đầu mối vận tải hành khách lớn và quan trọng của thành phố Hồ Chí Minh. Mỗi ngày bến xe phục vụ trên 10 ngàn lượt hành khách đi đến thành phố Hồ Chí Minh từ các tỉnh miền Đông Nam Bộ, miền Trung và miền Bắc.



Hình: Vị trí bến xe An Sương hiện hữu

Với diện tích hiện nay là 1,7ha (tại xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn) và địa mạo không thuận lợi, hiện hay hoạt động khai thác vận tải tại bến xe An Sương gặp nhiều khó khăn, diện tích đậu đỗ xe không đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng, các dịch vụ cung ứng tại bến xe còn hạn chế và chất lượng chưa cao. Trong các năm qua việc đầu tư nâng cấp các công trình hạ tầng phục vụ vận tải tại bến xe An Sương gặp nhiều khó khăn do hạn chế về nguồn vốn và pháp lý trong quá trình thực hiện. Trong thời gian tới, công tác đầu tư mở rộng và chỉnh trang bến xe An Sương là một trong những nhiệm vụ cấp bách để nâng cao khả năng phục vụ của bến xe và đáp ứng nhu cầu đi lại tới các tỉnh, thành phố khác của người dân thành phố Hồ Chí Minh.

Trước yêu cầu cấp bách của việc mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải hành khách tại bến xe An Sương, đơn vị chủ quản là Công ty Cổ phần Bến bãi vận tải Sài Gòn đã lập đề xuất dự án xin mở rộng bến xe An Sương lên diện tích 4,47 ha và được UBND TP.HCM chấp thuận tại Công văn số 3460 ngày 12/7/2011. Đồng thời thành phố Hồ Chí Minh cũng đã cập nhật nội dung quy hoạch mở rộng bến xe An Sương vào Quy hoạch phát triển GTVT thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 tầm nhìn 2025.

Thực hiện chủ trương mở rộng bến xe An Sương, ngày 04/06/2012 Sở quy hoạch – Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh đã phê duyệt Thỏa thuận tổng mặt bằng phương án kiến trúc công trình Bến xe An Sương mở rộng theo Quyết định số 1611/SQHKT-HTKT. Công ty Cổ phần Bến bãi vận tải Sài Gòn đã lập dự án đầu tư xây dựng bến xe An Sương mở rộng theo phương án đầu tư đồng bộ, tất cả các công trình kiến trúc phục vụ hoạt động của bến xe, tổng mức đầu tư dự án dự kiến gần 2.000 tỷ đồng. Để thu hút nguồn vốn đầu tư vào dự án “Mở rộng bến xe An Sương” Hội đồng quản trị của Công ty đã chấp thuận chủ trương phát hành thêm cổ phiếu và kêu gọi đầu tư từ nhà phát triển kết cấu hạ tầng giao thông có uy tín tại Thành phố Hồ Chí Minh là Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh (CII). Các thủ tục pháp lý và thu hút vốn đầu tư được tiến hành song song với quá trình chuẩn bị đầu tư dự án nhằm triển khai thực hiện dự án và đưa dự án vào vận hành theo kế hoạch vào cuối năm 2015.

Tuy nhiên, do một số lý do khách quan, năm 2016 CII đề nghị thoái vốn và rút khỏi dự án. Do vậy dự án “Mở rộng bến xe An Sương” hiện vẫn chưa thể triển khai thực hiện theo quy hoạch.

Trước những khó khăn trong quá trình vận hành khai thác của bến xe An Sương hiện hữu và nhu cầu đi lại ngày càng tăng cao của người dân, Công ty Cổ phần Bến bãi Sài Gòn quyết tâm đầu tư mở rộng bến xe An Sương nhằm nâng cao chất lượng phục vụ nhu cầu đi lại của hành khách tại bến xe. Tuy nhiên để đảm bảo tính khả thi về tài chính cho dự án, tránh lãng phí năng lực phục vụ và tập trung vào việc nhiệm vụ chính trị chính yếu của bến xe là phục vụ nhu cầu vận tải hành khách của người dân thành phố dự án được đề xuất triển khai thực hiện theo 3 giai đoạn:

Giai đoạn 1: Mở rộng 0,4ha tại khu vực trung tâm dự án, theo quy hoạch là khu vực đón/ trả hành khách cho các tuyến xe khách liên tỉnh;

Giai đoạn 2: Mở rộng 1,3ha khu vực phía Tây, theo quy hoạch là khu vực đậu đỗ xe khách liên tỉnh trong thời gian chờ lên tài và khu dịch vụ kỹ thuật cho bến xe mở rộng;

Giai đoạn 3: Mở rộng 0,8ha còn lại giáp mặt tiền quốc lộ 22, theo quy hoạch là khu vực nhà bến xe, văn phòng làm việc và khu vực thương mại, dịch vụ theo định hướng phát triển TOD của dự án.

1.1.2. Sự cần thiết phải đầu tư

Bến xe An Sương hiện hữu có tổng diện tích 17.009,2 m², trong đó có 2005,6 m² thuộc phạm vi lộ giới được UBND Thành phố giao sử dụng tạm. Hiện tại lưu lượng giao thông qua rất lớn nên Bến xe An Sương luôn bị quá tải, đặc biệt là trong các ngày nghỉ và ngày lễ, tết. Các dịch vụ hỗ trợ của Bến xe còn hạn chế, chưa đáp ứng hết yêu cầu ngày càng phát triển của giao thông thành phố, đặc biệt là khi tuyến tàu điện ngầm Sài Gòn-Tham Lương đi vào hoạt động trong tương lai. Mỹ quan và cảnh quan hiện tại của bến còn rất nghèo nàn, chưa tương xứng với vai trò, vị trí của Bến xe.

UBND Thành phố chấp thuận chủ trương mở rộng Bến xe An Sương với diện tích gần 4,8 ha và xây dựng cải tạo lại Bến xe theo hướng hiện đại, văn minh, có mô hình hoạt động đa chức năng. Do vậy, việc triển khai đầu tư xây dựng mở rộng dự án là rất cần thiết, đặc biệt là giai đoạn 1: đầu tư xây dựng khu vực đón/trả hành khách đi xe liên tỉnh theo hướng văn minh, hiện đại, xứng tầm một trong những bến xe lớn nhất tại đô thị hiện đại nhất cả nước- thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Cơ sở pháp lý của hoạt động đầu tư, xây dựng

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Luật số 62/2020/QH14 ngày 28/06/2020 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng

Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/08/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ: về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ suất đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây Dựng ban hành;

Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 30/08/2019 ban hành bảng giá nhà ở, công trình, vật kiến trúc xây dựng mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Công văn 858/UBND ngày 15/6/2011 của UBND huyện Hóc Môn về việc điều chỉnh lại ranh mở rộng của dự án bến xe An Sương;

Công văn 3460 ngày 12/7/2011 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận giao Công ty CP BBVT Sài Gòn tổ chức khảo sát, lập DAĐT cải tạo và mở rộng bến xe An Sương lên diện tích 47.855,6m²;

Công văn số 154/SQHKT-HTKT ngày 17/2/2012 của Sở QH-KT thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh các chỉ tiêu quy hoạch – kiến trúc nhằm đảm bảo tính hiệu quả và khả thi cho dự án;

Công văn số 1611/SQHKT-HTKT ngày 04/06/2012 của Sở QH-KT thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận bản vẽ tổng mặt bằng phương án kiến trúc công trình Bến xe An Sương;

Các văn bản có liên quan khác do nhà nước ban hành.

1.3. Đề xuất hình thức đầu tư

Công ty Cổ phần Bến bãi vận tải Sài Gòn được UBND Thành phố Hồ Chí Minh giao tổ chức khảo sát, lập DAĐT cải tạo và mở rộng bến xe An Sương theo Công văn 3460 ngày 12/7/2011. Với loại hình doanh nghiệp cổ phần, Công ty có thể huy động vốn để thực hiện dự án theo hình thức kêu gọi các nhà đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào Công ty theo các quy định về hình thức, điều kiện góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của Luật Đầu tư. Ngoài ra Công ty có thể vay vốn Ngân hàng và các tổ chức tín dụng để thực hiện dự án.

Nguồn vốn đầu tư : Huy động vốn từ các cổ đông hiệu hữu (Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ).

PHẦN 2: HIỆN TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG VẬN TẢI TP. HCM

2.1. Hiện trạng giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh

2.1.1. Hiện trạng kết cấu hạ tầng giao thông TP. Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích là 2.095 km², là đô thị lớn nhất tại Việt Nam, một trung tâm lớn về kinh tế, văn hoá, khoa học công nghệ, là cửa ngõ giao lưu quốc tế có vị trí chính trị quan trọng của cả nước. Trong thời gian qua, thành phố Hồ Chí Minh có nhiều nỗ lực trong việc xây dựng phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng với đầy đủ các phương thức vận tải như: đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, đường biển và đường hàng không.

Mạng lưới giao thông đường bộ: bao gồm các trục đường do Trung ương quản lý và các trục đường do Thành phố quản lý. Tổng chiều dài đường các cấp hạng khoảng 4.044km (có bề rộng từ 5m trở lên), tổng diện tích đất dành cho giao thông là 76.696.484m² trong đó đất dành cho công trình giao thông đường bộ là 53.001.345m², mật độ đường giao thông đạt khoảng 1,93 km/km², diện tích đất giao thông trên diện tích đất đô thị là khoảng 8,4%. Đất dành cho giao thông rất thấp lại phân bố không đều trên địa bàn toàn thành phố. Ở các quận thuộc vùng nội thành cũ Sài Gòn - Chợ Lớn như quận 1, quận 3, quận 5 diện tích đất dành cho giao thông trên diện tích đất đô thị đạt khoảng 17,4 - 21,4% song cũng chỉ đạt 0,31km/1000 dân do mật độ dân số quá cao. Ở các quận nội thành khác như quận 4, quận 6, quận 8, quận 10, quận 11, quận Bình Thạnh, quận Phú Nhuận, quận Tân Bình diện tích đất dành cho giao thông trên diện tích đất đô thị đạt khoảng 5,2 - 15,0% và 0,24 km/1000 dân. Ở các quận mới như quận 2, quận 7, quận 9, quận 12 và các huyện ngoại thành diện tích đất dành cho giao thông còn thấp hơn nữa chỉ chiếm khoảng 0,2 - 3,1%, 0,84 km/1000 dân). Hệ thống các đường vành đai đã hoạch định dần được đầu tư xây dựng, các trục hướng tâm đã và đang được cải tạo, nâng cấp tuy nhiên vẫn còn thiếu, cấp hạng kỹ thuật và mặt cắt ngang của các tuyến hiện có vẫn chưa đạt yêu cầu quy hoạch. Một số công trình tiêu biểu như: trục đường Võ Văn Kiệt – Mai Chí Thọ; đường Phạm Văn Đồng; đường Nguyễn Văn Linh; hệ thống đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Trung Lương, Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành – Dầu Giây, ... góp phần làm thay đổi bộ mặt giao thông và cải thiện đáng kể tình hình giao thông của Thành phố.

Toàn thành phố có trên 1.350 nút giao cắt trong đó có khoảng 120 nút quan trọng thuộc 75 đường phố chính và các trục giao thông đối ngoại nhưng đa số là giao cắt đồng mức; năng lực thông qua của các nút thấp.

Số tuyến đường tập trung chủ yếu trong khu vực nội thành (chiếm 67%), tuy nhiên tổng chiều dài đường trong khu vực nội thành lại thấp hơn so với chiều dài đường ở khu vực ngoại thành. Điều này cho thấy mặc dù mật độ đường trong khu vực nội thành là cao nhưng hầu hết là những tuyến đường có chiều dài ngắn, có tính chất nội bộ trong khu vực quận.

Tình trạng kỹ thuật của mạng lưới đường trên các khu vực cũng có sự chênh lệch lớn: các đường ở các quận cũ hình thành khá rõ mạng ô bàn cờ thuận lợi cho giao thông, mặt đường thảm nhựa êm thuận, hệ thống thoát nước, chiếu sáng, vỉa hè, cây xanh hoàn chỉnh; các đường ở các quận mới có mặt đường thấp so với mực nước triều, vỉa hè hẹp, ít hoặc không có cây xanh; các đường ở các huyện ngoại thành phần lớn mới chỉ được lát nhựa, tiêu chuẩn hình học thấp. Phần lớn các đường đều hẹp: chỉ có khoảng 24% số đường có lòng đường rộng trên 7m để có thể tổ chức vận chuyển hành khách bằng xe buýt; 76% số đường còn lại có lòng đường rộng dưới 7m chỉ đủ cho xe hai bánh lưu thông.

Đối với các tuyến đường có chiều rộng dưới 7 mét thì số lượng đường lại chủ yếu tập trung ở khu vực nội thành và có chiều dài ngắn. Do vậy, tổ chức vận tải xe buýt tại khu vực trung tâm thành phố là rất khó khăn nếu không có các giải pháp hạn chế xe cá nhân.

Mạng lưới giao thông đường sắt: tại thành phố Hồ Chí Minh hiện chỉ có một tuyến đường sắt quốc gia Bắc - Nam vào đến ga Sài Gòn (tại Hòa Hưng), giao cắt cùng mức với 14 đường phố thường xuyên gây ra ùn tắc và mất an toàn giao thông. Các đầu máy toa xe và cơ sở hậu cần phục vụ chưa được đầu tư đúng mức. Hầu hết các trang thiết bị đều đã quá cũ và lạc hậu, mặc dù thời gian qua được nâng cấp một phần nhưng chưa đáp ứng yêu cầu và khối lượng vận chuyển thấp. Ngoài ra, thành phố đang đầu tư xây dựng hệ thống đường sắt đô thị theo quy hoạch, dự kiến tuyến Metro số 1 sẽ được đưa vào khai thác vào năm 2018-2020. Với ưu điểm vận chuyển được khối lượng lớn, hoạt động độc lập so với hệ thống đường bộ, đây sẽ là giải pháp hiệu quả nhằm giảm ùn tắc giao thông, giảm tai nạn giao thông.

Mạng lưới giao thông đường biển – đường sông: đối với tuyến đường biển có 2 luồng chính vào các cảng trong khu vực Sài Gòn: luồng sông Lòng Tàu dài 85km, chỗ cạn nhất ở cao trình -7,0 cho tàu 15000-20000 DWT; luồng sông Soài Rạp dài 40 km, chỗ cạn nhất ở cao trình -5,3 cho tàu 5000-7000 DWT. Do luồng vừa dài vừa hẹp, mật độ lưu thông của tàu bè lớn lại bao gồm hỗn hợp cả tàu biển lẫn tàu sông nên gây mất an toàn giao thông và ô nhiễm môi trường. Đối với tuyến đường sông Quốc gia có hai tuyến chính nối thành

phố Hồ Chí Minh với đồng bằng Sông Cửu Long theo sông Sài Gòn - kênh Tẻ - rạch Ông Lớn... là tuyến đi Cà Mau và tuyến đi Kiên Lương. Đối với tuyến đường sông nội đô có bốn tuyến chính gồm: tuyến kênh Tẻ - kênh Đồi, tuyến rạch Bến Nghé – kênh Tàu Hủ, tuyến Nhiêu Lộc – Thị Nghè, tuyến kênh Thanh Đa; các tuyến này có khả năng khai thác vận tải không đáng kể, chủ yếu phục vụ nhu cầu thoát nước, điều hòa môi trường cũng như phục vụ du lịch. Mặc dù hệ thống sông – kênh – rạch của thành phố tương đối dày nhưng bị lấn chiếm, bồi lấp, bị hạn chế bởi khổ thông thuyền của các cầu, ngoài ra bị ảnh hưởng của chế độ bán nhật triều với biên độ dao động lớn nên vận tải đường sông chưa tạo thành mạng liên hoàn và chưa khai thác được lợi thế của vận tải thủy.

Mạng lưới giao thông hàng không: Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay chỉ có một sân bay duy nhất là sân bay Tân Sơn Nhất với hai đường cất - hạ cánh. Tổng diện tích sân bay khoảng 816ha, dự kiến sẽ mở rộng thêm 8ha trong thời gian tới. Do nhu cầu đi lại bằng đường hàng không ngày càng tăng dẫn đến sự quá tải cho sân bay. Mặt khác, sân bay nằm ngay trong nội đô thành phố nên thường xuyên bị ùn tắc giao thông trên đường ra – vào sân bay trên các trục đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa – Nguyễn Văn Trỗi - Trường Sơn.

2.1.2. Hiện trạng hệ thống vận tải hành khách công cộng tại TP. Hồ Chí Minh

Hệ thống vận tải hành khách công cộng tại Thành phố Hồ Chí Minh cho tới thời điểm hiện nay vẫn chưa giữ được vai trò chủ đạo trong hệ thống vận tải đô thị. Theo quy hoạch đến năm 2015, hệ thống vận tải hành khách công cộng thành phố phải đáp ứng 15% nhu cầu đi lại của người dân. Tuy nhiên, thực tế hiện nay hệ thống mới đáp ứng được khoảng 7%. Trong đó, loại hình vận tải bằng xe buýt là loại hình vận tải chính, đáp ứng khoảng 5% nhu cầu đi lại, 2% còn lại là của vận tải bằng taxi.

Bảng 2.1 Thống kê khối lượng vận tải hành khách công cộng tại Tp. HCM

Chỉ tiêu	Đơn vị	2013	2014	2015
Khối lượng VCHKCC	Triệu HK/năm	511,432	501,162	
1 Xe buýt	Triệu HK/năm	300,580	281,590	249,86
2 Taxi	Triệu HK/năm	210,852	219,572	

(Nguồn: Sở GTVT Tp. Hồ Chí Minh)

Bảng 2.2 Kết quả vận chuyển hành khách của hệ thống xe buýt TP. HCM

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm			
		2012	2013	2014	2015
Khối lượng vận tải	TriệuHK	305,41	300,58	281,59	249,86
Hành khách/Chuyến	HK/chuyến	47,08	46,61	44,91	40,6
Hệ số sử dụng trọng tải		0,79	0,79	0,76	0,68

(Nguồn: Sở GTVT Tp. Hồ Chí Minh)

Vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

Hệ thống vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thành phố Hồ Chí Minh trước năm 2002 được hình thành chủ yếu dựa trên chính sách xã hội hóa hoạt động vận tải hành khách công cộng. Các tuyến xe buýt được xác định trên cơ sở nhu cầu đi lại thực tế của hành khách và khả năng đáp ứng của các đơn vị vận tải mà chưa có các nghiên cứu mang tính định hướng phát triển mạng lưới. Hoạt động tổ chức khai thác vận tải chủ yếu do các hợp tác xã vận tải đảm nhiệm dựa trên kinh nghiệm và trách nhiệm nghề nghiệp của mình. Trong giai đoạn này có thể nói các hợp tác xã vận tải đã có công lớn trong việc hình thành và duy trì cho thành phố một hệ thống vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, tạo đà cho sự phát triển của hệ thống sau này. Tuy nhiên, hệ thống vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt của thành phố trên 8 triệu dân và là trung tâm chính trị - kinh tế - xã hội hàng đầu của cả nước không thể chỉ trông chờ vào nguồn đầu tư và tổ chức hoạt động mang tính tự phát và manh mún từ nguồn lực nhỏ lẻ của các hợp tác xã.

Đứng trước những thách thức của quá trình phát triển đô thị như ùn tắc giao thông, tai nạn giao thông và ô nhiễm môi trường do giao thông, vai trò không thể thay thế của vận tải hành khách công cộng (VTHKCC) trong phát triển đô thị dần được khẳng định. Năm 2003 ghi nhận những động thái đầu tư rất tích cực và cần thiết của UBND thành phố HCM cho hệ thống VTHKCC của thành phố như: chính sách khuyến khích đầu tư phương tiện và chính sách trợ giá cho hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt.

Hỗ trợ lãi suất vay cho doanh nghiệp khi mua xe mới phục vụ hoạt động vận tải hành khách đã khiến cho đoàn phương tiện xe buýt thành phố đạt 2.434 xe các loại, trong đó 1.018 xe buýt được đóng mới.

Chính sách trợ giá nhằm duy trì mức giá vé ưu đãi cho hành khách cũng là một động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển vượt bậc của vận tải hành khách công cộng của thành phố. Trước khi có trợ giá cho hoạt động vận tải xe buýt, mức giá vé xe buýt do các đơn vị khai thác tự xác định trên từng tuyến căn cứ vào cự ly và mức độ phát sinh nhu cầu của hành khách. Ngày 21/1/2002, thành phố Hồ Chí Minh chính thức khai trương 8 tuyến xe buýt điểm với giá vé đồng hạng 1.000 đồng/vé đã mang lại cho người dân thành phố một dịch vụ vận tải hành khách công cộng chất lượng cao với giá rẻ nên đã nhanh chóng thu hút khối lượng lớn hành khách sử dụng xe buýt.

Các giải pháp trên đã mang lại cho hệ thống vận tải hành khách bằng xe buýt của thành phố một diện mạo mới. Đến năm 2012, số lượng các tuyến xe buýt công cộng đã tăng lên 150 tuyến với 1,13 triệu lượt hành khách/ngày, tăng gấp 11,4 lần về sản lượng hành khách so với năm 2002.

Tuy nhiên, trong 3 năm gần đây vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thành phố Hồ Chí Minh đã bước vào giai đoạn bão hòa do hai nguyên nhân: thứ nhất, mạng lưới tuyến xe buýt khó phát triển thêm trong điều kiện đường phố nhỏ hẹp và ùn tắc giao thông; thứ hai, hành khách chủ yếu của xe buýt là người có thu nhập thấp và không có nhiều lựa chọn về phương tiện di chuyển như học sinh, sinh viên, công nhân, người lao động và buôn bán nhỏ. Đối tượng hành khách này cũng đã bão hòa trong khi chất lượng dịch vụ xe buýt hiện nay chưa đủ sức hấp dẫn các đối tượng hành khách khác có mức thu nhập cao hơn như cán bộ viên chức, nhân viên văn phòng, doanh nhân.

Vận tải hành khách bằng taxi

Tại Việt Nam nói chung và Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, các cơ quan chức năng coi taxi là loại hình vận tải hành khách công cộng (đây là điểm khác biệt lớn so với các Quốc gia khác). Qua quá trình hình thành và phát triển, hệ thống taxi tại Thành phố đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển chung trong lĩnh vực vận tải đường bộ, đảm nhận một lượng nhu cầu di chuyển đáng kể tại đây.

Thống kê từ Sở GTVT thì toàn thành phố hiện nay có khoảng 10.190 taxi thuộc 26 công ty, doanh nghiệp hoặc hợp tác xã dịch vụ vận tải taxi. Song chỉ có một vài thương hiệu có uy tín như: Vinasun, Mai Linh Taxi, Vinataxi, Epo Taxi ... trong đó hơn một nửa số lượng taxi hiện đang hoạt động trên địa bàn thành phố thuộc về hai thương hiệu Mai Linh với 2.176 đầu xe và Vinasun với 3.929 xe. Tốc độ phát triển taxi hiện nay tại thành phố quá nhanh.

Một thực tế là hiện nay hệ thống taxi thành phố đang thiếu vắng sự đầu tư của doanh nghiệp nhà nước. Gần như 100% là do tư nhân bỏ tiền ra để

thành lập doanh nghiệp hay Hợp tác xã để hoạt động taxi. Do vậy, hạ tầng kỹ thuật phục vụ vận tải taxi hầu như chưa được đầu tư. Theo quy hoạch thì hệ thống taxi được bố trí khoảng 15 bãi đậu xe taxi với quy mô là 30.98ha, tuy nhiên hiện tại chỉ có một số ít doanh nghiệp taxi có khả năng về tài chính thì thuê mượn các điểm đậu đỗ xe taxi tạm thời. Những bãi xe dành riêng cho xe taxi đậu đỗ qua đêm sau ngày hoạt động và làm các tác nghiệp kỹ thuật kiểm tra, bảo trì xe và bàn giao quản lý xe, vị trí dừng đón trả khách hầu như không có. Các hãng taxi đều trong tình trạng thiếu cả hai loại bến bãi và điểm đón, chờ khách nói trên. Về bãi lưu đậu qua đêm thì thường các hãng taxi ký hợp đồng với cây xăng để đậu. Họ sẽ đổ xăng cho cây xăng đó và đổi lại, họ chỉ trả một số tiền rất nhỏ ở các cây xăng để đậu xe qua đêm, làm điểm giao ca. Việc này không đảm bảo an toàn về phòng chống cháy nổ.

2.2. Định hướng phát triển trong tương lai

Ngày 22 tháng 01 năm 2007 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 101/QĐ-TTg về việc Phê duyệt quy hoạch phát triển giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn sau 2020. Sau đó đến 03/8/2014 quy hoạch đã được điều chỉnh theo Quyết định số 568/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Một số nội dung đáng chú ý của Quy hoạch phát triển giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn sau 2020 như sau: đến năm 2020, Tp. Hồ Chí Minh phân đấu thị phần đảm nhận của giao thông công cộng chiếm 20 - 25%; đầu tư hệ thống giao thông đường bộ chính bao gồm trục đường hướng tâm, đường xuyên tâm và vành đai; xây dựng từ 1 - 2 tuyến đường bộ trên cao, 2 - 3 tuyến đường sắt đô thị; di dời các khu bến cảng trên sông Sài Gòn, ưu tiên đầu tư các bến cảng biển chính như cảng Cát Lái, cảng Nhà Bè, cảng Hiệp Phước. Thành phố ưu tiên dành quỹ đất hợp lý cho phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải, đặc biệt chú trọng quỹ đất dành cho giao thông tĩnh; tăng cường công tác quản lý bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, dành phần vốn thích đáng cho công tác quản lý bảo trì. Phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, khai thác triệt để năng lực kết cấu hạ tầng giao thông hiện có của thành phố, đầu tư có trọng điểm các công trình quan trọng bức thiết mang tính đột phá; nâng cao chất lượng vận tải, chú trọng vào giao thông vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn, hạn chế ô nhiễm môi trường, sử dụng năng lượng hiệu quả; huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước tham gia đầu tư phát triển giao thông vận tải; ưu tiên dành quỹ đất hợp lý để phát triển kết cấu hạ tầng giao thông; hạn chế tiến tới giảm thiểu ùn tắc và tai nạn giao thông.

Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã cụ thể hóa các chỉ tiêu quy hoạch phát triển GTVT trong Chương trình hành động Giảm ùn tắc giao thông giai đoạn 2011 - 2015, tầm nhìn đến năm 2020 và đã có nhiều nỗ lực xây dựng các chính sách khuyến khích phát triển hạ tầng giao thông cũng như hệ thống VTHKCC. Có chính sách miễn giảm thuế, tiền thuê đất đối với các doanh nghiệp đầu tư vào xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông.

Để tăng cường quản lý giao thông trên địa bàn thành phố, thành phố đã có chủ trương xây dựng Trung tâm điều khiển giao thông thành phố. Ủy ban nhân dân Thành phố đã có Văn bản số 3693/UBND-QLDA ngày 01/7/2015 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về đề nghị danh mục dự án đầu tư bằng nguồn vốn vay ADB giai đoạn 2016 – 2020. Trong đó, dự án Xây dựng Trung tâm điều hành giao thông đô thị Thành phố được đề xuất bố trí kinh phí đầu tư khoảng 300 triệu USD. Theo quy mô đầu tư và tiến độ dự án, dự kiến Trung tâm điều khiển giao thông Thành phố có thể đưa vào hoạt động vào giai đoạn năm 2020. Tuy nhiên, với thực trạng tình hình giao thông hiện nay của thành phố, Thành phố đã giao Sở Giao thông vận tải phối hợp với Công an Thành phố, Sở Thông tin - Truyền thông và các Sở ngành liên quan tập trung kết nối, nâng cấp các hệ thống điều khiển giao thông hiện hữu đang hoạt động trên địa bàn thành phố do nhiều đơn vị khác nhau quản lý về một đầu mối tập trung, đảm bảo phục vụ hiệu quả cho công tác điều hành giao thông trong giai đoạn hiện nay. Việc triển khai nâng cấp, kết nối các hệ thống hiện hữu kết hợp với việc ứng dụng các công nghệ mới phù hợp với đặc thù giao thông của thành phố dự kiến hoàn thành trong năm 2016 sẽ góp phần nâng cao hiệu quả công tác điều hành giao thông đô thị của thành phố; đồng thời, đây là tiền đề cho việc xây dựng Trung tâm điều hành giao thông đô thị hoàn chỉnh với quy mô lớn trên toàn địa bàn thành phố.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân Thành phố cũng đã có Văn bản số 415/UBND-QLDA ngày 27/01/2015 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Cơ Quan hợp tác phát triển Hàn Quốc (KOICA) đề xuất thực hiện dự án xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống giao thông thông minh cho thành phố Hồ Chí Minh bằng nguồn vốn ODA không hoàn lại của Chính phủ Hàn Quốc làm cơ sở để định hướng phát triển hệ thống giao thông thông minh ITS cũng như đầu tư các dự án về hệ thống giao thông thông minh ITS của thành phố trong thời gian tới.

2.3. Quy hoạch phát triển GTVT thành phố

2.3.1. Quy hoạch mạng lưới giao thông đường bộ

- ***Các đường hướng tâm đối ngoại***

- + Cải tạo, nâng cấp các quốc lộ hướng tâm hiện tại (Quốc lộ 1A phía Đông, Quốc lộ 1K, Quốc lộ 13, Quốc lộ 22, Quốc lộ 1A phía Tây). Riêng quốc lộ 50 đoạn từ Vành đai 2 vào khu vực nội thành được cải tạo, nâng cấp thành đường đô thị và xây dựng mới tuyến song hành.
- + Xây dựng các đường cao tốc có năng lực thông xe lớn: thành phố Hồ Chí Minh - Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây - Đà Lạt, thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành, thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương - Cần Thơ, đường cao tốc liên vùng phía Nam thành phố Hồ Chí Minh - Nhơn Trạch.
- + Cải tạo các tỉnh lộ hiện tại để hỗ trợ các quốc lộ hướng tâm. Xây dựng mới trục Tây - Bắc, đoạn Hậu Nghĩa - Khu công nghiệp Vĩnh Lộc; xây dựng tỉnh lộ 25C nối đô thị Nhơn Trạch với Cảng hàng không quốc tế Long Thành; kéo dài đường xuống Cảng Phước An, làm cầu qua sông Thị Vải để nối tuyến đường liên cảng Cái Mép - Thị Vải với đường cao tốc liên vùng phía Nam.

- ***Các đường vành đai***

- + Xây dựng đường vành đai 1 thành đường đô thị cấp I.
- + Xây dựng khép kín đường vành đai 2 theo các điểm khống chế: Ngã ba Gò Dưa - Ngã tư Bình Phước - Ngã tư An Suông - Ngã tư Bình Thái - Đường Kha Vạn Cân - Ngã ba Gò Dưa, quy mô đường đô thị cấp I.
- + Xây dựng đường vành đai 3 theo các điểm khống chế: điểm nối vào đường cao tốc liên vùng phía Nam tại khu vực huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai - khu vực Ngã ba đường Tân Vạn - đường vành đai thành phố Biên Hòa (theo quy hoạch chung thành phố Biên Hòa) - thị trấn Búng, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương - phía Bắc thị trấn Hóc Môn - đường Thanh Niên (dọc kênh An Hạ, gần nông trường Nhị Xuân, nông trường Lê Minh Xuân) - đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, nối vào điểm đầu đường cao tốc liên vùng phía Nam tại khu vực huyện Bình Chánh.
- + Xây dựng đường vành đai 4 nối các đô thị vệ tinh thành phố Hồ Chí Minh theo các hướng: phía Đông thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai - phía Bắc thị xã Thủ Dầu Một - thị trấn Củ Chi - thị trấn Đức Hòa nối vào đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương tại khu vực thị trấn Bến Lức - quốc lộ 50 - cụm cảng Hiệp Phước.

- ***Các đường phố chính nội đô***

- + Xây dựng mới đại lộ Đông - Tây theo hướng: ngã ba Cát Lái - hầm Thủ Thiêm - đường Bến Chương Dương - Hàm Tử - An Lạc.
- + Xây dựng mới đường Bắc - Nam đoạn Nguyễn Văn Linh - Khu công nghiệp Hiệp Phước.
- + Cải tạo, nâng cao năng lực thông xe các đường phố chính trong nội đô phù hợp với quy hoạch chung xây dựng đô thị đã được duyệt theo hướng hạn chế giải phóng mặt bằng (giải pháp đi ngầm hoặc đi trên cao), phù hợp với điều kiện cụ thể của từng tuyến đường.

- ***Hệ thống đường bộ đô thị trên cao***

Xây dựng 4 tuyến đường trên cao liên thông với nhau để giải quyết giao thông trực tuyến ở các trục có lưu lượng giao thông lớn, bao gồm:

- + Tuyến 1: từ nút giao Cộng Hòa theo đường Cộng Hòa - Bùi Thị Xuân - kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè và tiếp đất tại đường Nguyễn Hữu Cảnh.
- + Tuyến 2: từ điểm giao với tuyến số 1 tại đường Tô Hiến Thành nối dài theo đường Tô Hiến Thành - Lữ Gia - Bình Thới - Lạc Long Quân - đường số 3 - đường vành đai 2.
- + Tuyến 3: từ điểm giao với tuyến số 2 tại đường Tô Hiến Thành theo đường Lê Hồng Phong nối dài - Lê Hồng Phong - Lý Thái Tổ - Nguyễn Văn Cừ - Nguyễn Văn Cừ nối dài - Lê Văn Lương - Nguyễn Văn Linh.
- + Tuyến 4: từ nút giao thông Bình Phước theo quốc lộ 13 vượt sông Sài Gòn - đường Vườn Lài - Nguyễn Xí - Đinh Bộ Lĩnh - Điện Biên Phủ nối vào tuyến số 1.

- ***Các nút giao thông***

- + Cải tạo, xây dựng mới các nút giao thông chính khác mức hoặc đồng mức, tập trung trên các đường vành đai, các đường hướng tâm, các đường phố chính nội đô.

- ***Các cầu lớn, hầm vượt sông***

- + Sông Nhà Bè: xây dựng mới cầu Bình Khánh trên đường cao tốc liên vùng phía Nam.
- + Sông Lòng Tàu: xây dựng mới cầu Phước Khánh trên đường cao tốc liên vùng phía Nam.
- + Sông Thị Vải: xây dựng mới cầu Phước An trên đường cao tốc liên vùng phía Nam.

- + Sông Đồng Nai: xây dựng mới các cầu từ thượng lưu đến hạ lưu gồm: cầu Thủ Biên (đường vành đai 4), cầu Hoá An II (quốc lộ 1K), cầu Long Thành (đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây), cầu Nhơn Trạch (đường vành đai 3) và cầu Nhơn Trạch (đường sắt Thủ Thiêm - Nhơn Trạch - Cảng hàng không quốc tế Long Thành).
- + Sông Sài Gòn: xây dựng mới các cầu từ thượng lưu đến hạ lưu gồm: cầu Phú Thuận (đường vành đai 4), cầu Bình Giờ (đường vành đai 3), cầu Phú Long (tỉnh lộ 12), cầu Tam Bình (đường sắt vành đai thành phố Hồ Chí Minh), cầu Bình Lợi I (đường trên cao số 2), cầu Bình Lợi II (đường vành đai 1), cầu Bình Lợi III (đường sắt Bắc - Nam), cầu Bình Quới (bán đảo Thanh Đa), cầu Sài Gòn II (đường Hà Nội), cầu Thủ Thiêm I (đường Ngô Tất Tố), cầu Thủ Thiêm II (Ba Son, đường Tôn Đức Thắng), cầu Thủ Thiêm III (nối quận 4), cầu Thủ Thiêm IV (nối quận 7), cầu Phú Mỹ (đường vành đai 1 - 2); xây dựng mới 2 hầm sang Thủ Thiêm bao gồm hầm cho đường bộ và hầm cho tàu điện ngầm.
- + Kênh Đò, kênh Tẻ, kênh Chợ Đệm, rạch Ông Lớn, rạch Xóm Củi, rạch Các: xây dựng mới các cầu từ thượng lưu đến hạ lưu, vị trí và quy mô phù hợp với quy hoạch xây dựng đô thị.
- **Hệ thống bến - bãi đỗ xe**
 - + Cải tạo, xây dựng, chuyển chức năng bến bãi hiện có và xây dựng các bến bãi mới để hình thành mạng lưới giao thông tĩnh, đáp ứng nhu cầu phát triển giao thông công cộng và đỗ xe cá nhân trong đô thị. Ưu tiên xây dựng các bãi đỗ xe ngầm và trên cao tại khu đô thị đã ổn định.
 - + Xây dựng các bãi trung chuyển hàng hoá tại cửa ngõ ra vào nội đô và dọc vành đai 2.
 - + Cải tạo và xây dựng các kho thông quan nội địa, đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hoá của Thành phố.

2.3.2. Quy hoạch mạng lưới giao thông đường sắt

- **Đường sắt quốc gia:**
 - + Cải tạo, nâng cấp tuyến đường sắt Thống Nhất khu vực thành phố Hồ Chí Minh đoạn Trảng Bom - Bình Triệu, trong đó xây dựng tuyến tránh Biên Hòa về phía Nam và xây dựng mới đoạn đường sắt trên cao Bình Triệu - Hòa Hưng - Tân Kiên.

- + Xây dựng mới tuyến đường sắt thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Vũng Tàu.
- + Xây dựng tuyến đường sắt thành phố Hồ Chí Minh - Lộc Ninh - Campuchia (đường sắt xuyên Á).
- + Xây dựng mới tuyến đường sắt vành đai phía Tây thành phố từ ga lập tàu An Bình đến ga Tân Kiên - Mỹ Tho - Cần Thơ.
- + Xây dựng mới tuyến đường sắt đôi điện khí hoá cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Nha Trang.
- + Xây dựng mới 2 tuyến đường sắt chuyên dụng nối từ đường sắt quốc gia tới các Cảng Hiệp Phước và Cát Lái.
- + Xây dựng mới các ga trong khu đầu mối đường sắt thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm: ga Lập Tàu và bãi hàng An Bình, ga Bình Thắng (nối ray xuống cảng Cát Lái), ga Gò Vấp, ga khách kỹ thuật Bình Triệu, ga khách Hòa Hưng và các trạm khách cho tàu ngoại ô trên đoạn đường sắt trên cao Bình Triệu - Hòa Hưng - Tân Kiên cũng như trên các đoạn Tân Kiên - Mỹ Tho, Bình Triệu - Biên Hòa. Xây dựng mới ga Thủ Thiêm cho tuyến đường sắt cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Nha Trang. Xây dựng mới các ga trên tuyến đường sắt vành đai bao gồm các ga: Tân Thới Hiệp, Vĩnh Lộc, Bình Hưng Hòa, ga khách kỹ thuật Tân Kiên, ga hàng hoá và cảng cạn (ICD) Tân Kiên, ga Long Định (nối ray xuống Cảng Hiệp Phước).

- ***Đường sắt đô thị:***

- + Quy hoạch kết hợp sử dụng các tuyến đường sắt quốc gia hướng tâm cho chạy tàu ngoại ô và xây dựng 2 tuyến đường sắt nhẹ: Trảng Bàng - Tân Thới Hiệp, Thủ Thiêm - Nhơn Trạch - Cảng hàng không quốc tế Long Thành.
- + Quy hoạch hệ thống tàu điện ngầm (Metro): Xây dựng 6 tuyến xuyên tâm và vành khuyên nối các trung tâm chính của thành phố, bao gồm:
 - Tuyến số 1: Bến Thành - Suối Tiên;
 - Tuyến số 2: Bến xe Tây Ninh - Trường Chinh - Tham Lương - Cách Mạng Tháng Tám - Bến Thành - Thủ Thiêm;
 - Tuyến số 3: Quốc lộ 13 - Bến xe Miền Đông - Xô Viết Nghệ Tĩnh - Nguyễn Thị Minh Khai - Trần Phú - Hùng Vương - Hồng Bàng - Cây Gõ;

- Tuyến số 4: Cầu Bến Cát - đường Thống Nhất - đường 26/3 (dự kiến) - Nguyễn Oanh - Nguyễn Kiệm - Phan Đình Phùng - Hai Bà Trưng - Bến Thành - Nguyễn Thái Học - Khánh Hội - Lê Văn Lương - Nguyễn Văn Linh;
 - Tuyến số 5: Bến xe Cần Giuộc mới - Quốc lộ 50 - Tùng Thiện Vương - Lý Thường Kiệt - Hoàng Văn Thụ - Phan Đăng Lưu - Bạch Đằng - Điện Biên Phủ - cầu Sài Gòn;
 - Tuyến số 6: Bà Quẹo - Âu Cơ - Luỹ Bán Bích - Tân Hoá - Vòng xoay Phú Lâm;
 - Quy hoạch 7 đề pô cho 6 tuyến Metro nêu trên.
- + Quy hoạch xe điện trên mặt đất (LRT) hoặc monoray: Xây dựng 3 tuyến xe điện chạy trên mặt đất (monoray), bao gồm:
- Tuyến 1: Sài Gòn - Chợ Lớn - Bến xe Miền Tây;
 - Tuyến 2: Nguyễn Văn Linh từ quốc lộ 50 (quận 8) - quận 2;
 - Tuyến 3: Ngã sáu Gò Vấp - Công viên phần mềm Quang Trung - ga Tân Thới Hiệp;
 - Xây dựng 3 đề pô cho các tuyến xe điện (monoray) nêu trên.

2.3.3. Quy hoạch mạng lưới giao thông đường thủy

- *Tuyến - Luồng*

+ Luồng tàu biển:

Luồng sông Lòng Tàu: đến năm 2010 cải tạo các đoạn cong, rẽ gấp và hệ thống điều khiển giao thông hàng hải (VTS) để đảm bảo an toàn chạy tàu.

Luồng sông Soài Rạp: giai đoạn đến năm 2020 luồng này sẽ được sử dụng từ luồng sông Lòng Tàu và sẽ được khai thác như một luồng lưu thông hai chiều có lợi dụng thủy triều. Luồng lưu thông hàng hải thượng nguồn sông Soài Rạp sẽ được phát triển để tiếp nhận tàu container với trọng tải tới 20.000 DWT tại cảng tổng hợp mới ở Hiệp Phước.

+ Luồng tàu sông:

- Cải tạo, nâng cấp các tuyến đi liên tỉnh:

Thành phố Hồ Chí Minh - Cà Mau, Thành phố Hồ Chí Minh - Kiên Lương (qua Rạch Sỏi), Thành phố Hồ Chí Minh - Đồng Tháp Mười (qua Tứ giác Long Xuyên), Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Hoá, Thành

phố Hồ Chí Minh - Bến Súc, Tuyến nối tắt sông Thị Vải - Vũng Tàu đi đồng bằng sông Cửu Long: đạt tiêu chuẩn sông cấp III;

Tuyến nối tắt giữa sông Sài Gòn và sông Đồng Nai đạt tiêu chuẩn sông cấp IV;

- Cải tạo, nâng cấp các tuyến vận tải thủy nội đô:

Tuyến vành đai 1: sông Sài Gòn - rạch Bến Cát - rạch Chợ Mới - rạch Nước Lên - kênh Đôi - kênh Tẻ - sông Sài Gòn đạt tiêu chuẩn kênh cấp IV - V;

Tuyến vành đai 2: sông Sài Gòn - rạch Tra - kênh Xáng - kênh Cầu An Hạ - sông Chợ Đệm - kênh Đôi - kênh Tẻ - sông Sài Gòn đạt tiêu chuẩn kênh cấp IV.

- **Hệ thống cảng biển**

- + Không mở rộng phát triển thêm các cảng trên toàn đoạn sông Sài Gòn và có kế hoạch di dời các cảng phù hợp với Quy hoạch chi tiết Nhóm cảng biển khu vực thành phố Hồ Chí Minh - Đồng Nai - Bà Rịa - Vũng Tàu (Nhóm số 5). Công tác di dời phải được tiến hành theo lộ trình hợp lý, có chính sách phù hợp để phương án di dời mang tính khả thi cao đồng thời không gây ách tắc, lãng phí và hạn chế ảnh hưởng xấu đối với sản xuất kinh doanh và an ninh - quốc phòng. Các cảng cần di dời trước năm 2010 bao gồm: Tân cảng Sài Gòn, nhà máy đóng tàu Ba Son, khu Cảng Nhà Rồng và Khánh Hội thuộc Cảng Sài Gòn, Cảng Tân Thuận Đông, Cảng rau quả. Sau năm 2010 từng bước nghiên cứu di dời các cảng còn lại nằm trong phạm vi cần di dời.
- + Đầu tư xây dựng phát triển khu Cảng Cát Lái, khu Hiệp Phước để phục vụ di chuyển các cảng trong nội thành và đáp ứng nhu cầu xuất nhập khẩu hàng hoá của khu vực, các khu công nghiệp, khu chế xuất sau cảng, các nhà máy, cơ sở sản xuất ven sông Đồng Nai, sông Nhà Bè, sông Soài Rạp.
- + Khu Cảng Nhà Bè chủ yếu phục vụ cho nhu cầu nhập xăng, dầu của thành phố Hồ Chí Minh và các vùng phụ cận. Xây dựng Cảng tổng hợp Nhà Bè phục vụ việc di chuyển các cảng trong nội thành và phục vụ khu công nghiệp Hiệp Phước.
- + Xây dựng bến tàu khách tại trung tâm khu bến Nhà Rồng - Khánh Hội.

- **Hệ thống cảng sông**

- + Xây dựng mới Cảng Phú Định

- + Xây dựng mới Cảng sông Nhơn Đức

2.3.4. Quy hoạch hệ thống cảng hàng không

Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất đến năm 2020 sẽ trở thành điểm trung chuyển hàng không của khu vực và thế giới; cải tạo, nâng cấp để đến năm 2010 đạt công suất 9 triệu hành khách/năm, năm 2020 đạt công suất 20 triệu hành khách/năm.

Lập dự án đầu tư xây dựng Cảng hàng không quốc tế Long Thành, tỉnh Đồng Nai để có thể triển khai xây dựng sau năm 2010.

2.3.5. Đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch phát triển GTVT thành Phố Hồ Chí Minh

Qua quá trình thực hiện Quyết định số 101/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2007 Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt quy hoạch phát triển giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn sau 2020 (gọi tắt là Quyết định 101) và Quyết định số 25/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình giảm ùn tắc giao thông giai đoạn 2011 - 2015, tầm nhìn đến năm 2020 (gọi tắt là Quyết định 25) các sở ngành, địa phương đã bám sát các nội dung chỉ đạo, phân công nhiệm vụ, trách nhiệm quản lý Nhà nước của đơn vị; xác định được mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp để tập trung thực hiện và đạt được kết quả như sau:

a. Tổng chiều dài đường làm mới đưa vào sử dụng:

- Chỉ tiêu theo Quyết định 25: 210km.
- Kết quả thực hiện: đến hết năm 2014 đạt 231,38 km (trong đó 134,2 km đường xây dựng mới và 97,18 km đường tiếp nhận bàn giao từ các khu đô thị, khu dân cư), đạt 110%. Dự kiến đến năm 2015, tổng chiều dài đường làm mới là 331,77 km (đạt 157,9% so với chỉ tiêu đề ra).

b. Số cây cầu được xây dựng mới:

- Chỉ tiêu theo Quyết định 25: 50 cây cầu.
- Kết quả thực hiện: đến hết năm 2014, đã xây dựng được 65 cây cầu mới, đạt 130%. Dự kiến đến năm 2015, số cây cầu được xây dựng mới là 74 cây cầu (đạt 148% so với chỉ tiêu đề ra).

c. Mật độ đường giao thông:

- Chỉ tiêu theo Quyết định 25: Đến năm 2015 đạt 1,87km/km², đến năm 2020 đạt 2,17km/km².

- Kết quả thực hiện: đến hết năm 2014, đạt 1,9km/km². Dự kiến đến năm 2015 đạt 1,95km/km² (đạt 102% so với chỉ tiêu đề ra).

d. Tỷ lệ đất dành cho giao thông:

- Chỉ tiêu theo Quyết định 25: Đến năm 2015 đạt 8,18%, đến năm 2020 đạt 12,2% diện tích đất đô thị.

- Kết quả thực hiện: Tính đến hết năm 2014, đạt 7,91% đất đô thị trên toàn địa bàn thành phố. Dự kiến đến năm 2015 sẽ đạt 8,28% (đạt 101% so với chỉ tiêu đề ra).

e. Khối lượng VTHKCC đô thị:

- Chỉ tiêu theo Quyết định 25: Đến năm 2015 đáp ứng được 15% nhu cầu đi lại; đến năm 2020 đáp ứng được 30% nhu cầu đi lại.

- Kết quả thực hiện: Tính đến hết năm 2014, đạt 9,9% nhu cầu đi lại (tương ứng 594,5 triệu lượt hành khách); ước đến năm 2015 chỉ đạt được 9,8% (tương ứng 600 triệu lượt hành khách, chỉ đạt 65,33% so với chỉ tiêu đề ra).

f. Số vụ ùn tắc giao thông:

- Chỉ tiêu theo Quyết định 25: Giảm dần và giảm số vụ ùn tắc giao thông.

- Kết quả thực hiện: Bình quân trong giai đoạn từ đầu năm 2011 đến nay, đặc biệt trong những tháng của năm 2015, Thành phố Hồ Chí Minh liên tiếp xảy ra nhiều vụ ùn tắc giao thông nghiêm trọng, (chỉ tiêu là giảm dần số vụ) (không đạt chỉ tiêu đề ra).

g. Số vụ, số người chết, số người bị thương do tai nạn giao thông:

- Chỉ tiêu theo Quyết định 25: Kéo giảm 5% về số vụ, số người chết và số người bị thương do tai nạn giao thông hàng năm so với năm liền kề trước đó.

- Kết quả thực hiện: Bình quân giai đoạn từ đầu năm 2011 đến nay, trung bình mỗi năm số vụ tai nạn giao thông đã giảm được 22,95%, số người chết giảm 6,27% và số người bị thương giảm 23,67%; (đạt và vượt chỉ tiêu đề ra). Tuy nhiên, 9 tháng đầu năm nay, TP.HCM có 2.688 vụ tai nạn giao thông làm chết 528 người, bị thương 2.345 người. Số vụ và số người bị thương giảm, song tăng 7 người chết so với cùng kỳ năm ngoái.

Bảng 2.3 Đánh giá các chỉ tiêu của Chương trình

TT	Các chỉ tiêu	QĐ 25	Giai đoạn 2011 - 2014	Giai đoạn 2011 - 2015	Đánh giá hết giai đoạn
1	Tổng chiều dài đường làm mới	210km	231,38 km	331,77 km	Đạt 157,9%
2	Số cây cầu xây dựng mới	50 cây cầu	65 cây cầu	74 cây cầu	Đạt 148%
3	Mật độ đường giao thông	1,87km/km ² (điều chỉnh lên 1,9km/km ² tại Chi thị số 14/2014/CT- UBND)	1,9km/km ²	1,95km/km ²	Đạt 103%
4	Tỷ lệ đất dành cho giao thông	8,18% (điều chỉnh lên 8,2% tại Chi thị số 14/2014/CT-UBND)	7,91%	8,28%	Đạt 101%
5	Khối lượng VTHKCC đô thị	15%	9,9%	9,8%	Đạt 65,33%
6	Số vụ ùn tắc giao thông	Kim hãm và giảm dần số vụ	Kim hãm và giảm dần	Kim hãm và giảm dần	<i>Không đạt chỉ tiêu</i>
7	Số vụ, số người chết, số người bị thương do tai nạn giao thông	Giảm 5% hàng năm	Trung bình mỗi năm giảm 23,55% số vụ, giảm 6,7% số người chết và giảm 23,99% số người bị thương	Giảm 5% hàng năm	Đạt chỉ tiêu

Đẩy mạnh thực hiện Quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025 và Quy hoạch Vùng thành phố Hồ Chí Minh gắn với quy hoạch xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông, quy hoạch phát triển hệ thống VTHKCC có sức chở lớn.

Thành phố đang triển khai thực hiện các Quy hoạch phát triển giao thông vận tải Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 06/2011/QĐ-TTg ngày 24/01/2011 và Quyết định số 568/QĐ-TTg ngày 04/08/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2020. Trong quá trình triển khai, đã thực hiện nghiêm túc các nội dung chỉ đạo, triển khai về việc lồng ghép các quy hoạch trên và quy hoạch giao thông vận tải vào đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô thị thành phố đến năm 2025 và các đồ án quy hoạch chung xây dựng quận - huyện (kể cả các quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 và quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500).

Kết luận: Trong giai đoạn 2011-2015, TP.HCM đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện quy hoạch hoạch phát triển GTVT thành phố, đồng bộ và hỗ trợ tích cực quá trình thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH thành phố Hồ Chí Minh và thống nhất với chính sách phát triển GTVT của Quốc gia. Các nỗ lực này tập trung chủ yếu trong lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, cụ thể các chỉ tiêu phát triển kết cấu hạ tầng giao thông như: mật độ đường giao thông, tỷ lệ đất giành cho giao thông, số lượng công trình được xây dựng mới đều vượt mức chỉ tiêu đề ra. Tuy nhiên, việc quản lý nhu cầu giao thông cá nhân và phát triển giao thông công cộng chưa đạt chỉ tiêu quy hoạch. Điều này làm giảm hiệu quả phát triển của hệ thống GTVT. Thực tế là các chỉ tiêu phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đều đạt nhưng vấn đề giao thông nan giải nhất là ùn tắc giao thông vẫn không được cải thiện. Từ thực tế phát triển hệ thống GTVT, trong thời gian tới, thành phố Hồ Chí Minh cần tập trung các nguồn lực để giải quyết vấn đề sau:

- Tăng cường triển khai các giải pháp kiềm chế gia tăng nhu cầu giao thông cá nhân;
- Phát triển giao thông công cộng, trước mắt là cải tạo, tái cấu trúc hệ thống xe buýt;
- Ứng dụng công nghệ tiên tiến nhất hiện nay về hệ thống giao thông thông minh để tăng cường quản lý và điều khiển giao thông.

PHẦN 3: HIỆN TRẠNG KHAI THÁC BẾN XE AN SƯƠNG

3.1. Hiện trạng về hạ tầng và sử dụng đất

3.1.1. Vị trí và ranh giới khu đất

Địa điểm công trình: Quốc lộ 22, ấp Đông Lân - xã Bà Điểm - huyện Hóc Môn - Tp. Hồ Chí Minh.

Vị trí : từ bản đồ số 39, 40, 41 Bộ địa chính xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn (theo tài liệu năm 2005), theo bản đồ hiện trạng vị trí tỷ lệ 1/500 số 85436/CNHM do Trung tâm Đo đạc Bản đồ-Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 21/6/2011.

Ranh giới khu đất giáp ranh tứ cận :

- + Phía Đông : giáp Quốc lộ 22;
- + Phía Tây : giáp khu dân cư và đường Đông Lân 5;
- + Phía Nam : giáp khu dân cư và đường Bà Điểm 11;
- + Phía Bắc : giáp khu dân cư và đường dây điện cao thế 220kV.

Diện tích khu đất theo ranh được giao: 47.855,6 m².

Diện tích khu đất phù hợp quy hoạch: 42.802,5 m².



3.1.2. Hiện trạng sử dụng đất.

- Tổng diện tích khảo sát khoảng 4,79 ha trong đó phần diện tích hiện hữu của bến xe khoảng 1,7 ha và diện tích mở rộng thêm là khoảng 3,09 ha.
- Với diện tích hiện trạng của bến xe khoảng 1,7 ha trong đó có khoảng 2.108 m² nhà kho tạm, nhà tạm mái tôn chứa hành hóa và tiệm sửa chữa nhỏ

phục vụ xe vào, ra bến, diện tích còn lại dành cho xe buýt, xe khách liên tỉnh và xe tải đón trả khách, hàng hóa và lưu đậu.

- Phần đất lấy thêm khoảng 3,09 ha, gồm 2,91 ha nằm ở phía bắc và 0.18 ha nằm ở phía Đông Nam của bến xe An Sương hiện hữu. Trong phần diện tích này có khoảng 358,35 m² nhà kiên cố, 2.733,36 m² nhà tạm, 11.771 m² nhà mái tôn, 8.911 m² đất vườn, 2.225 m² đất nghĩa địa và còn lại là đất cho giao thông.

3.1.3. Hiện trạng mạng lưới hạ tầng kỹ thuật

- Hệ thống giao thông trong khu vực:

Khu vực nghiên cứu nằm gần ngã tư An Sương là nơi giao cắt của quốc lộ 1A và quốc lộ 22 là hai tuyến đường huyết mạch trong giao thông đường bộ của vùng cũng như cả nước, rất thuận lợi cho việc lưu thông hành khách và hàng hóa. Hiện nay bến xe An Sương chỉ kết nối bằng đường bộ với quốc lộ 22 thông qua một điểm kết nối duy nhất là cổng chính của bến xe. Ngoài đường bộ, tại địa điểm này không có điểm tiếp cận với đường thủy, đường sắt.

- Hệ thống cấp điện:

Hiện tại đã có mạng lưới điện đủ cung cấp cho khu vực.

- Hệ thống cấp nước:

Hiện tại đã có hệ thống cấp nước cung cấp cho khu vực chạy dọc theo quốc lộ 22.

- Hệ thống thông tin liên lạc:

Hiện nay tại khu vực này đã có mạng lưới thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông đầy đủ đáp ứng các nhu cầu liên lạc liên tục, thông suốt với tất cả các vùng trong và ngoài nước.

- Hệ thống thoát nước mưa/thải:

Bến xe An Sương có mương hở và cống $\Phi 400$ thu nước mặt trong bến rồi thoát ra cống thoát nước của quốc lộ 22, chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

3.1.4. Nhận xét- đánh giá

- Thuận lợi

Vị trí địa lý thuận lợi: : Khu vực nghiên cứu nằm gần ngã tư An Sương là một trong những cửa ngõ ra vào của Thành phố rất thuận lợi cho việc lưu thông hành khách và hàng hóa. Bên cạnh đó còn nằm trong khu vực đông dân cư, là

khu vực có tốc độ phát triển thương mại mạnh mẽ và lượng hàng hóa lưu thông lớn nên có thể kết hợp với dịch vụ thương mại..

Thuận lợi về giao thông: Khu quy hoạch được kết nối với một hệ thống trục đường chính của thành phố và tuyến đường sắt đô thị số 2 trong tương lai.

- **Khó khăn**

Khu vực quy hoạch hầu hết là dân cư đông đúc nên khó khăn trong việc triển khai nhanh việc giải phóng mặt bằng và thi công xây dựng.

Khả năng chịu lực của đất tương đối thấp, khi xây dựng công trình cần quan tâm việc gia cố nền móng và phải có biện pháp xử lý phù hợp với công năng từng công trình.

3.2. Hiện trạng về tổ chức khai thác vận tải

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	2015	2016	2017	2018	2019
1	Xe khách liên tỉnh	Lượt					
	Xe xuất bến	Lượt	127.242	148.429	159.209	170.873	183.558
	Xe đậu qua đêm	Lượt	814	1.627	2.669	4.824	6.324
2	Hành khách liên tỉnh qua bến	Lượt	2.385.520	2.936.521	3.328.026	3.733.622	3.893.614
3	Xe buýt xuất bến	Lượt	519.838	513.986	523.563	562.635	519.838
4	Phương tiện lưu đậu	Lượt	108.120	119.521	126.559	141.886	140.396

Số liệu thống kê về kết quả hoạt động của bến xe An Sương trong các năm gần đây cho thấy:

Số lượng xe liên tỉnh xuất bến tăng nhanh qua các năm, số lượng hành khách liên tỉnh qua bến cũng tăng gần gấp hai lần từ năm 2015 đến năm 2019 chứng tỏ nhu cầu đi lại của hành khách qua bến xe An Sương là rất lớn và có mức tăng trưởng rất cao. Điều này chứng tỏ chất lượng phục vụ và hoạt động kinh doanh chính của bến xe là có hiệu quả nhưng đồng thời gây áp lực rất lớn cho hạ tầng bến xe hiện hữu. Việc nhanh chóng mở rộng và chỉnh trang bến xe nhằm phục vụ tốt hơn nữa hành khách trung chuyển qua bến và xe khách tác nghiệp tại bến là một nhu cầu cấp thiết.

Bên cạnh đó, số lượng phương tiện lưu động cũng tăng đáng kể, phù hợp với nhu cầu đô thị hóa nhanh chóng của thành phố Hồ Chí Minh. Bến xe An Sương cần chú trọng đầu tư vào các hạng mục tăng sức chứa phương tiện đậu đỗ nhằm thực hiện tốt chức năng “giao thông tĩnh” của bến xe, góp phần giảm áp lực cho hệ thống giao thông thành phố.

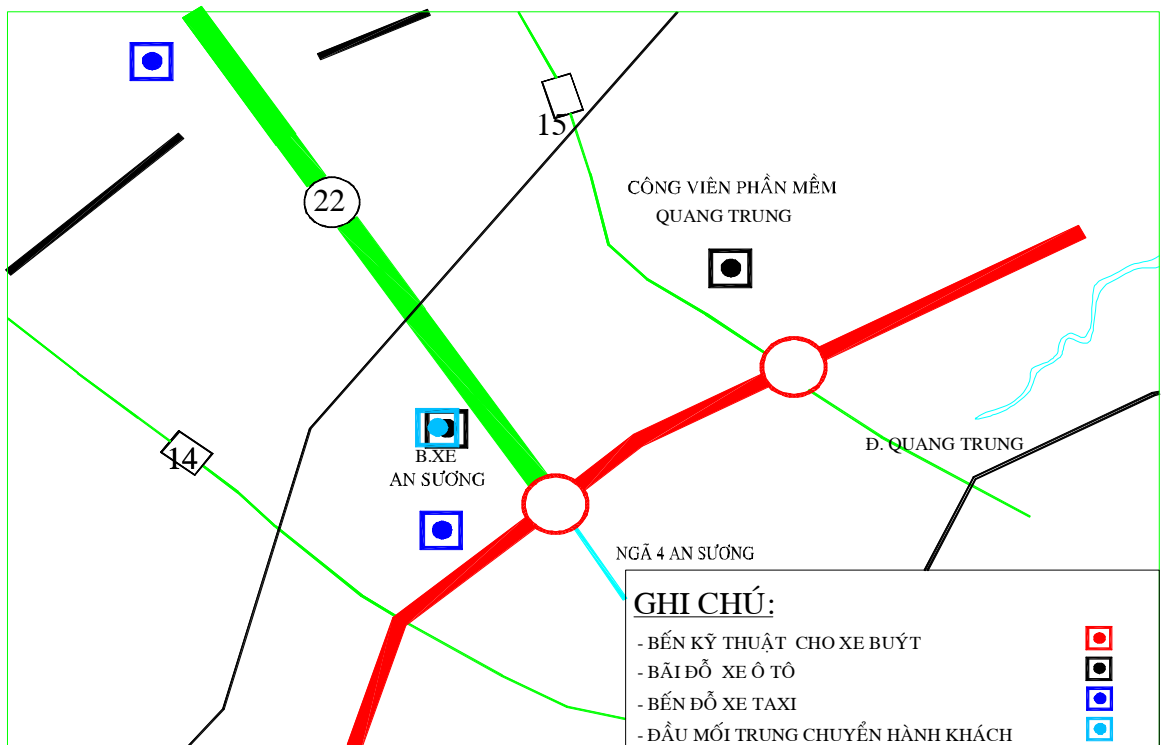
PHẦN 4: QUY HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BẾN XE AN SƯƠNG

4.1. Quy hoạch phát triển bến xe An Sương đến năm 2025

Bến xe An Sương là đầu mối giao thông quan trọng của thành phố Hồ Chí Minh ở cửa ngõ phía tây bắc. Bến xe đồng thời thực hiện chức năng bến tác nghiệp đầu cuối của các tuyến xe buýt đô thị và đầu mối trung chuyển hành khách chính trong hệ thống vận tải hành khách công cộng của thành phố.

Đối với các tuyến buýt đô thị, do điều kiện khai thác trong thành phố rất phức tạp, vận tốc khai thác thấp nên cự ly tuyến thường không chế dưới 18km để đảm bảo điều kiện khai thác phương tiện cũng như điều kiện làm việc của lái xe. Theo quy định hiện hành, lái xe buýt không được lái xe liên tục quá 4 giờ để đảm bảo an toàn chạy xe. Muốn quy định này được đảm bảo thực hiện trên thực tế, cần phải có các bến làm tác nghiệp đầu cuối cho xe buýt. Tại bến tác nghiệp đầu cuối, xe buýt được kiểm tra tình trạng kỹ thuật đảm bảo an toàn khi khai thác, lái xe được nghỉ ngơi phục hồi sức khỏe sau thời gian dài lái xe liên tục.

HỆ THỐNG BẾN - BÃI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ĐẾN NĂM 2020
(TRÍCH KHU VỰC NGÃ TƯ AN SƯƠNG)



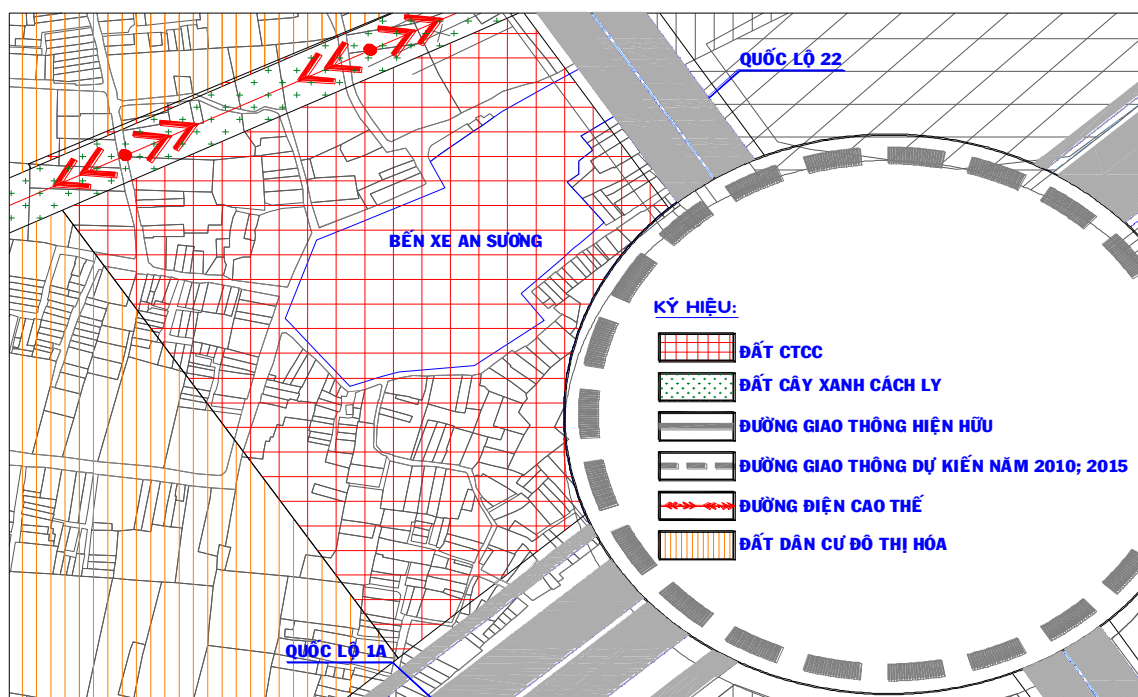
Trong quy hoạch phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025 đã đề xuất việc chuyển đổi cấu trúc hình học của mạng lưới từ mạng điểm nối điểm sang mạng lưới hỗn hợp trên cơ sở mô hình tuyến trục tuyến nhánh. Các bến trung chuyển hành khách đầu mối được xác định là điều kiện cần thiết để thực hiện việc chuyển đổi này. Cũng trong đồ án quy hoạch này, bến xe An Sương đóng vai trò là đầu mối trung chuyển chính của hệ thống vận tải hành

khách công cộng của thành phố. Không chỉ giữa các tuyến buýt đô thị với nhau mà còn trung chuyển hành khách giữa các tuyến buýt đô thị với các tuyến buýt ngoại ô; giữa hệ thống đường sắt đô thị (tàu điện ngầm) và mạng lưới xe buýt đô thị.

Trong định hướng phát triển đến năm 2020, bến xe An Sương được quy hoạch là đầu mối trung chuyển hành khách và bãi đỗ xe ô tô. Theo bản đồ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Hóc Môn khu vực tiếp giáp bến xe An Sương gần ngã tư sẽ thành khu đất công trình công cộng, như vậy sẽ thuận lợi cho việc đền bù giá tảo nếu chủ đầu tư muốn mở rộng hoặc điều chỉnh lại diện tích khu quy hoạch.

Trong thời gian đầu khi bến xe Xuyên Á chưa đi vào khai thác, bến xe An Sương ngoài chức năng bến đầu mối trung chuyển chính của các tuyến xe buýt ở cửa ngõ phía Tây Bắc còn có một số tuyến xe liên tỉnh đi Tây Ninh. Tuy nhiên, trong quy hoạch phát triển, các tuyến liên tỉnh này sẽ chuyển ra bến xe Xuyên Á, bến xe An Sương trở về vai trò chính của mình là bến đầu mối trung chuyển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt. Theo quy định về chức năng của bến xe nêu thì bến xe An Sương thực hiện chức năng của *bến xe nội tỉnh*. Ngoài ra, theo quy hoạch giao thông, tại vị trí bến xe hiện hữu có thể đầu tư xây dựng *bãi đậu xe tại cửa ngõ thành phố*.

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
 ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG HUYỆN HÓC MÔN ĐẾN NĂM 2020 (TRÍCH KHU VỰC NGÃ TƯ AN SƯƠNG)
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH GIAO THÔNG



4.2. Thỏa thuận tổng mặt bằng các khu chức năng bến xe An Sương

Để phục vụ nhu cầu trung chuyển hành khách và lưu đậu xe tại khu vực bến xe An Sương, đơn vị tư vấn đề xuất mở rộng bến xe An Sương hiện hữu từ 1,5 ha thành 4,5ha (đất phù hợp quy hoạch). Phần đất mở rộng được thể hiện trong bản vẽ đính kèm. Dự án cải tạo nâng cấp bến xe An Sương dự kiến gồm:

4.2.1. Nhà bến kết hợp Trung tâm thương mại.

- Diện tích xây dựng: 5.040 m²
- Số tầng cao: 6 tầng
- Tổng diện tích sàn: 30.240m²

4.2.2. Trung tâm hội nghị, sự kiện.

- Diện tích xây dựng: 5.120 m²
- Số tầng cao: 6 tầng
- Tổng diện tích sàn: 30.720m²

4.2.3. Bãi đậu xe cao tầng

- Diện tích xây dựng: 5.580 m²
- Số tầng cao: 6 tầng
- Tổng diện tích sàn: 33.480m²

4.2.4. Khu dịch vụ kỹ thuật và kho kín.

- Diện tích xây dựng: 700 m²
- Số tầng cao: 3 tầng
- Tổng diện tích sàn: 2.100m²
- Các hạng mục công trình chính:
 - + Trạm biến thế, trạm xử lý rác thải.
 - + Ga ra sửa chữa nhỏ, cầu rửa xe, tiếp dầu...
 - + Phần diện tích còn lại giành làm kho lưu giữ hàng hóa

4.2.5. Khu tác nghiệp vận tải hành khách

- Diện tích 15.000 m²
- Các hạng mục công trình chính
 - + Ke đón trả khách gồm: 37 ke góc 90° và 3 ke thẳng giành để đón trả khách, diện tích 2.525 m².
 - + Bãi đậu xe chờ vào vị trí đón trả khách và đậu xe qua đêm, 12.475m².

Bảng 4.1 Các hạng mục công trình chính

TT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	DIỆN TÍCH	ĐƠN VỊ
I.	Nhà bên kết hợp Trung tâm thương mại		
	Khu văn phòng và nhà bên	5.040	m ²
	Trung tâm thương mại cao cấp	25.200	m ²
	Tổng diện tích sàn xây dựng	30.240	m²
II	Trung tâm hội nghị, sự kiện.		
	Siêu thị	10.240	m ²
	Khu tổ chức hội nghị, sự kiện	20.480	m ²
	Tổng diện tích sàn xây dựng	30.720	m²
III	Bãi đậu xe cao tầng		
	Diện tích xây dựng	5.580	m ²
	Tổng diện tích sàn xây dựng	33.480	m²
IV.	Khu dịch vụ kỹ thuật và kho kín		
	Khu dịch vụ kỹ thuật của bến xe	700	m ²
	Kho kín bảo quản hàng hóa	1.400	m ²
	Tổng diện tích sàn xây dựng	2.100	m²
V.	Khu tác nghiệp vận tải		
	Ke đón trả khách	2.525	m ²
	Bãi đậu xe	12.475	m ²
	Tổng diện tích sàn xây dựng	15.000	m²
VI.	Đường nội bộ, tiền sảnh, vỉa hè, cây xanh...	15.785	m²

4.2.6. Các chỉ tiêu quy hoạch – kiến trúc:

Với quy mô và các hạng mục công trình như trong phương án đề xuất, Công ty Cổ phần bến bãi vận tải Sài Gòn dự kiến đầu tư xây dựng công trình “Cải tạo nâng cấp bến xe An Sương” tại vị trí bến xe hiện nay với các chỉ tiêu quy hoạch – kiến trúc như sau:

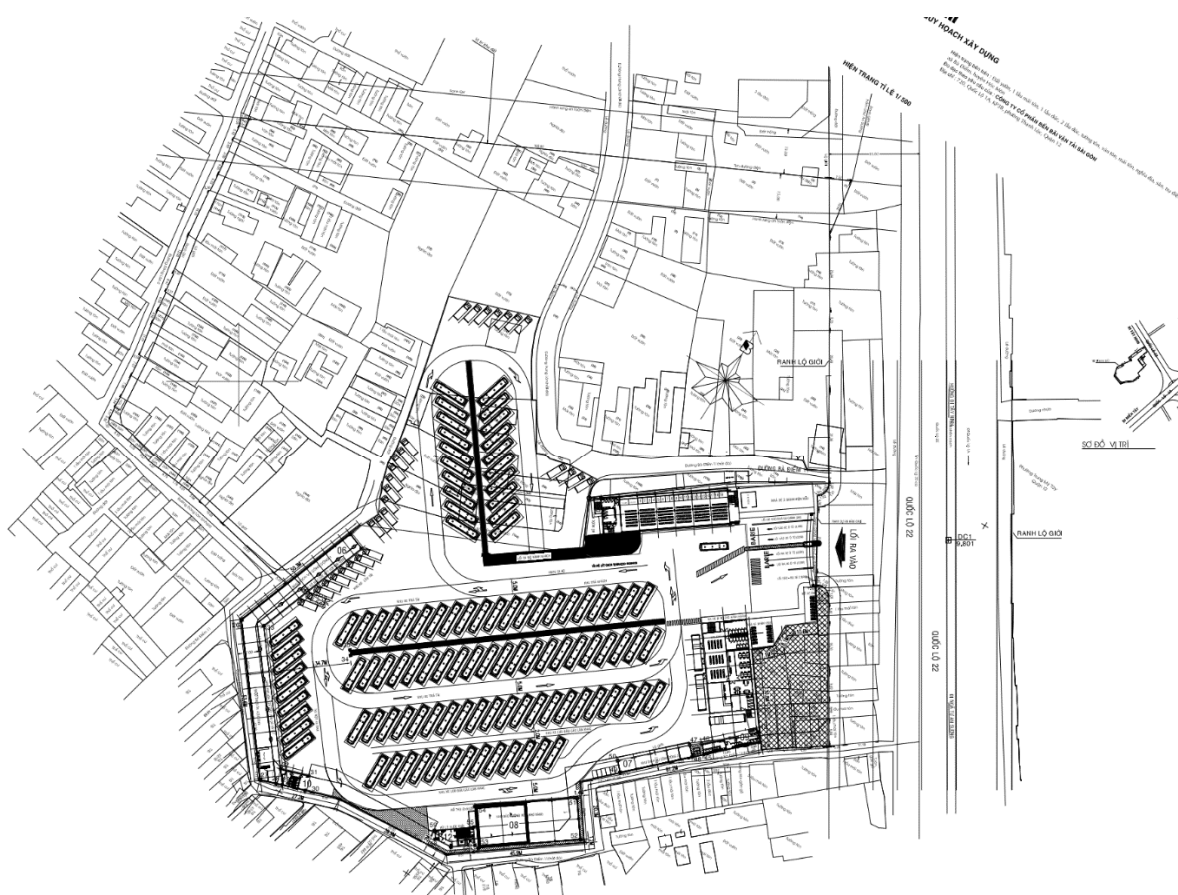
- Mật độ xây dựng: 37-40%;
- Tầng cao công trình: 6-10 tầng;
- Chiều cao công trình: ≤ 45 m;

- Hệ số sử dụng đất: $\leq 2,5$.

4.3. Đề xuất phương án đầu tư giai đoạn 2021-2022

Trong giai đoạn trước mắt khi tuyến MRT2 chưa đi vào vận hành khai thác thì việc tích hợp các chức năng thương mại, dịch vụ, vui chơi giải trí nhằm hình thành khu phức hợp tại khu vực bến xe An Sương gắn kết với nhà ga của tuyến MRT2 là chưa cần thiết. Khu phức hợp theo quy hoạch chỉ có thể hoạt động hiệu quả khi tuyến MRT2 đi vào hoạt động và bến xe An Sương trở thành khu vực phát triển TOD gắn liền với nhà ga của tuyến MRT2. Do vậy, từ năm 2021 đến năm 2025, bến xe An Sương cần tập trung nguồn vốn mở rộng và xây dựng khu vực đón trả hành khách văn minh hiện đại, kết nối với khu vực nhà bến và nhà đậu xe cao tầng đã được đầu tư xây dựng nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho hành khách khi lên/xuống xe, loại bỏ hiện tượng hành khách phải lưu thông cùng các dòng phương tiện trong bến khi muốn tiếp cận xe.

Do vậy, Tư vấn đề xuất trong giai đoạn 1 của dự án sẽ tiến hành đền bù giải toản 3.810m² đất theo quy hoạch là khu vực đón/trả hành khách liên tỉnh và xây dựng khu vực ke đỗ/trả khách có mái che để hành ngòì chờ và đón xe liên tỉnh.



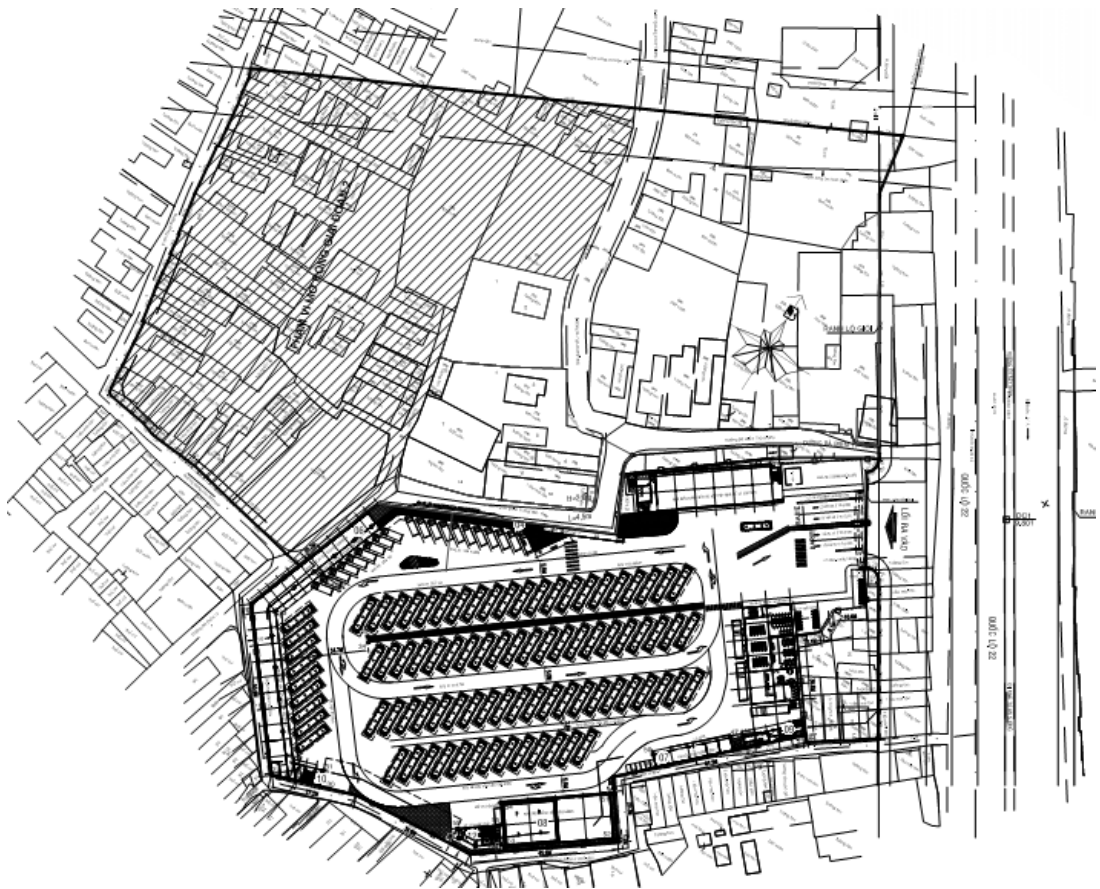
Hình 4.1 Khu vực dự kiến đầu tư giai đoạn 1

Bảng 4.2 Khối lượng đền bù giải tỏa và xây dựng giai đoạn 1

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
I	Chi phí đền bù		
1	Nhà Tôn, nhà gạch (chỉ tính công trình xây dựng, không tính đất)	m2	766,0
2	Đất thổ cư	m2	766,1
3	Đất trống	m2	92,8
4	Sân xiên (không tính đất)	m2	44,6
5	Tường gạch	m2	
6	Đất vườn	m2	1.961,7
7	Đất nghĩa địa	m2	274,8
II	Chi phí xây dựng		
7	Lối đi bộ có mái che	m2	
8	Bãi xe	m2	3.818,3

4.4. Đề xuất phương án đầu tư giai đoạn 2023-2024

Giai đoạn 2: Mở rộng 1,3ha khu vực phía Tây, theo quy hoạch là khu vực đậu đỗ xe khách liên tỉnh trong thời gian chờ lên tàu và khu dịch vụ kỹ thuật cho bến xe mở rộng;



Hình 4.2 Khu vực dự kiến đầu tư giai đoạn 2

Khối lượng đền bù giải tỏa và xây dựng giai đoạn 2

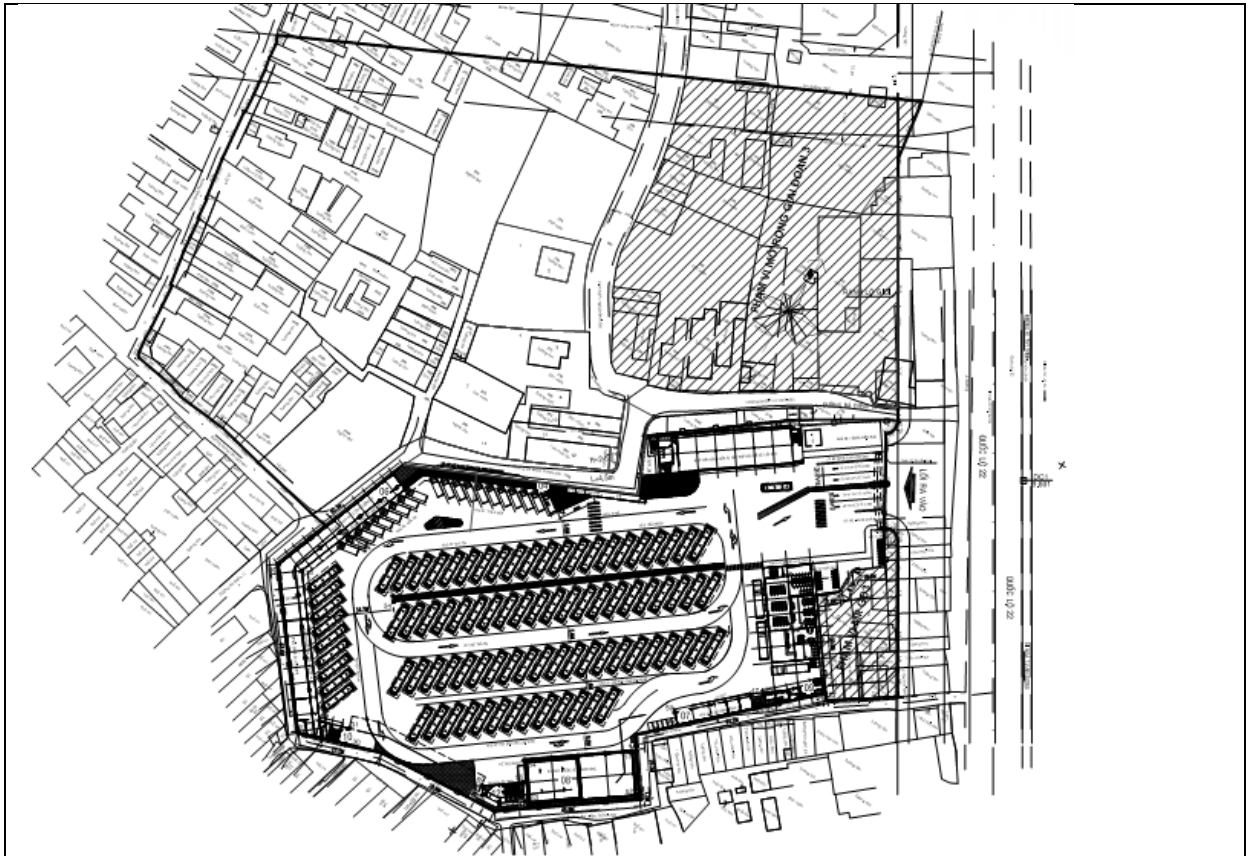
CHI PHÍ XÂY DỰNG & GIẢI TỎA ĐỀN BÙ							
STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ		THÀNH TIỀN	
				Thiết bị	Xây dựng	Thiết bị	Xây dựng
I	Chi phí đền bù						412,468,683,257
1	Đất thổ cư	m2	4,774.0		35,000,000		167,090,811,049
2	Đất nghĩa địa	m2	2,892.1		17,500,000		50,611,564,506
3	Đất vườn	m2	6,171.6		28,000,000		172,805,801,108
4	Nhà tôn, nhà gạch	m2	4,774.0		4,600,000		21,960,506,595
II	Chi phí xây dựng					2,352,000,000	28,855,400,000
2	Khu tác nghiệp vận tải hành khách	m2	12,475.0		1,400,000		17,465,000,000
3	Khu dịch vụ kỹ thuật	m2	2,100.0	1,120,000	5,424,000	2,352,000,000	11,390,400,000

PHÂN KỲ ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN II					
TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	CHI PHÍ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	CHI PHÍ SAU THUẾ
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Bảng tính	374.971.530.234	37.497.153.023	412.468.683.257
I	Chi phí xây lắp	Gxl	28.370.363.636	2.837.036.364	31.207.400.000
	Chi phí phần xây dựng	Gxd_xd	26.232.181.818	2.623.218.182	28.855.400.000
	Chi phí phần thiết bị	Gxd_tb	2.138.181.818	213.818.182	2.352.000.000
III	Chi phí quản lý dự án:	2,701 % x Gxl	766.255.151		766.255.151
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:		2.246.217.420	224.621.742	2.470.839.162
V	Chi phí khác:		1.745.020.634	99.715.911	1.844.736.545
VI	Chi phí dự phòng		40.809.938.707	4.080.993.871	44.890.932.578
	- Dự phòng cho yếu tố khối lượng	10% x (Ggpm + Gxl + Qqda + Gtv + Gk)	40.809.938.707	4.080.993.871	44.890.932.578
	Tổng cộng (1+2+3+4+5)		448.909.325.782	44.739.520.911	493.648.846.693

4.5. Đề xuất phương án đầu tư giai đoạn 2024-2025

Giai đoạn 3: Mở rộng 0,8ha còn lại giáp mặt tiền quốc lộ 22, theo quy hoạch là khu vực nhà bến xe, văn phòng làm việc và khu vực thương mại, dịch vụ theo định hướng phát triển TOD của dự án.

CHI PHÍ XÂY DỰNG & GIẢI TỎA ĐỀN BÙ							
STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ		THÀNH TIỀN	
				Thiết bị	Xây dựng	Thiết bị	Xây dựng
I	Chi phí đền bù						368,043,127,544
1	Đất thổ cư	m2	2,603.3		35,000,000		91,116,058,619
2	Đất nghĩa địa	m2	-		17,500,000		0
3	Đất vườn	m2	4,575.8		28,000,000		128,122,239,423
4	Đất mặt tiền	m2	1,710.4		80,000,000		136,829,576,083
5	Nhà tôn, nhà gạch	m2	2,603.3		4,600,000		11,975,253,419
II	Chi phí xây dựng					39,312,000,000	184,403,520,000
1	Khu bến - trung tâm thương mại	m2	30,240.0	1,300,000	6,098,000	39,312,000,000	184,403,520,000
2	Khu tác nghiệp vận tải hành khách	m2	-		1,400,000		0
3	Khu dịch vụ kỹ thuật	m2	-	1,120,000	5,424,000	-	-



Hình 4.3 Khu vực dự kiến đầu tư giai đoạn 3

PHÂN KỲ ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN III

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	CHI PHÍ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	CHI PHÍ SAU THUẾ
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Bảng tính	334.584.661.404	33.458.466.140	368.043.127.544
I	Chi phí xây lắp	Gxl	203.377.745.455	20.337.774.545	223.715.520.00
	Chi phí phân xây dựng	Gxd_xd	167.639.563.636	16.763.956.364	184.403.520.00
	Chi phí phân thiết bị	Gxd_tb	35.738.181.818	3.573.818.182	39.312.000.00
III	Chi phí quản lý dự án:	1,792 % x Gxl	3.644.529.199		3.644.529.19
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:		8.023.434.138	802.343.414	8.825.777.55
V	Chi phí khác:		2.333.024.079	131.665.342	2.464.689.42
VI	Chi phí dự phòng		55.196.339.427	5.519.633.943	60.715.973.37
	- Dự phòng cho yếu tố khối lượng	10% x (Ggpmb + Gxl + Qqlda + Gtv + Gk)	55.196.339.427	5.519.633.943	60.715.973.37
	Tổng cộng (I+2+3+4+5)		607.159.733.701	60.249.883.385	667.409.617.086

Bảng 4.3 : TMDT giai đoạn 3

PHẦN 5: ĐỀ XUẤT TÀI CHÍNH CHO DỰ ÁN

5.1. Khái toán tổng mức đầu tư xây dựng công trình

5.1.1. Căn cứ xác định tổng mức đầu tư

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Luật số 62/2020/QH14 ngày 28/06/2020 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng

Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/08/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ: về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ suất đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây Dựng ban hành;

Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 30/08/2019 ban hành bảng giá nhà ở, công trình, vật kiến trúc xây dựng mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Quyết định số 44/QĐ-BXD ngày 14/01/2020 của Bộ xây dựng về suất đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ kết cấu công trình năm 2018;

Thông tư 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước;

Thông tư 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở;

Thông tư 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;

Thông tư 329/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015 của Chính phủ quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;

Các văn bản có liên quan khác do nhà nước ban hành.

5.1.2. Khái toán tổng mức đầu tư

Với quy mô và các hạng mục công trình như trong phương án đầu tư đề xuất, căn cứ trên suất đầu tư của các công trình có chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật tương tự có thể khái toán tổng mức đầu tư xây dựng công trình mở rộng bến xe An Suông giai đoạn 1 như sau.

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CHI PHÍ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	CHI PHÍ SAU THUẾ
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	90.414.141.730		90.414.141.730
II	Chi phí xây dựng	4.859.680.000	485.968.000	5.345.648.000
	Chi phí phần xây dựng	4.859.680.000	485.968.000	5.345.648.000
III	Chi phí quản lý dự án:	142.680.205		142.680.205
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	569.021.962	56.902.196	625.924.158
V	Chi phí khác:	594.656.695	35.408.855	630.065.550
VI	Chi phí dự phòng	616.603.886	61.660.389	678.264.275
	- Dự phòng cho yếu tố khối lượng	616.603.886	61.660.389	678.264.275
	Tổng cộng (1+2+3+4+5)	97.196.784.477	639.939.440	97.836.723.917

Trong đó, chi phí đền bù giải tỏa và chi phí xây dựng được xác định cụ thể như sau:

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
				Xây dựng	Xây dựng
I	Chi phí đền bù				90.414.141.730
1	Nhà Tồn, nhà gạch (chỉ tính công trình xây dựng, không tính đất)	m2	766,0	790.000	605.171.600
2	Đất thổ cư	m2	766,1	35.000.000	26.811.750.000
3	Đất trống	m2	92,8	35.000.000	3.246.950.000
4	Sân xiên (không tính đất)	m2	44,6	351.000	15.665.130
5	Tường gạch	m2		179.000	0
6	Đất vườn	m2	1.961,7	28.000.000	54.926.480.000
7	Đất nghĩa địa	m2	274,8	17.500.000	4.808.125.000
II	Chi phí xây dựng				5.345.648.000
7	Lối đi bộ có mái che	m2		3.000.000	0
8	Bãi xe	m2	3.818,3	1.400.000	5.345.648.000

5.2. Nội dung của tổng mức đầu tư

5.2.1. Chi phí đền bù giải tỏa

Chi phí đền bù giải tỏa xác định theo phương pháp khái toán theo suất đầu tư do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và theo các công trình tương tự trên địa bàn xây dựng công trình. Cụ thể:

- Khối lượng đền bù phần đất được tham khảo giá các công trình tương tự trên địa bàn.
- Công trình, vật kiến trúc hiện hữu trên đất được xác định theo Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 30/08/2019 ban hành bảng giá nhà ở, công trình, vật kiến trúc xây dựng mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

5.2.2. Chi phí xây dựng – thiết bị

Chi phí xây dựng xác định theo phương pháp khái toán, suất đầu tư theo Quyết định số 44/QĐ-BXD ngày 14/01/2020 của Bộ xây dựng về suất đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ kết cấu công trình năm 2018.

5.2.3. Chi phí quản lý dự án

Chi phí ban quản lý dự án được xác định căn cứ theo định mức Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng.

5.2.4. Chi phí tư vấn

Hệ số Chi phí tư vấn thiết kế được tính toán theo tỷ lệ % so với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa bao gồm thuế VAT) theo qui định Định mức Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng.

5.2.5. Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện các công việc theo qui định tại điểm d khoản 1 Điều 3 của thông tư 09/2019/TT-BXD.

Các chi phí này được lập theo hướng dẫn tại thông tư 09/2019/TT-BXD và các văn bản hướng dẫn khác:

- Phí thẩm định dự án được lấy theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính;
- Phí thẩm định TKBVTC, phí thẩm định tổng dự toán được lấy theo Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016;
- Chi phí thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng được lấy theo Nghị định 63/NĐ-CP ngày 26/06/2014;

- Chi phí bảo hiểm tạm tính theo Quyết định 329/2016/QĐ-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ tài chính;
- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán; chi phí kiểm toán được lấy căn cứ theo Thông tư số 10/2020/TT- BTC.

5.2.6. Dự phòng phí

Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh được tính bằng 10% trên tổng chi phí đền bù giải tỏa, chi phí xây dựng xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí khác.

5.3. Vận hành dự án

5.3.1. Phương án vận hành

Khu vực mở rộng và chỉnh trang giai đoạn 1 của dự án Mở rộng bến xe An Suông dự kiến sẽ cung cấp 25 vị trí đón/trả khách và 16 vị trí đậu xe chờ tài cho các tuyến xe liên tỉnh. Đối với các vị trí đón/trả khách, Tư vấn kiến nghị thay đổi phương án kinh doanh: cho các doanh nghiệp vận tải thuê theo giờ thay vì thuê theo vị trí như phương án kinh doanh hiện nay. Trong thời gian đăng ký thuê, doanh nghiệp vận tải được đậu xe để đón/trả hành khách của mình. Hết thời gian đăng ký, các xe phải dời vị trí đón trả/khách để doanh nghiệp khác sử dụng. Thời gian đậu đón khách không vượt quá 30 phút và thời gian đậu trả khách không quá 15 phút.

Với phương án vận hành này, dự kiến, doanh thu từ thu phí đậu đỗ, đón/trả khách sẽ tăng 1,5 lần so với phương án vận hành hiện nay. Hiệu quả khai thác hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải sẽ được tăng lên đáng kể.

5.3.2. Xác định chi phí vận hành dự án

Chi phí vận hành dự án ước tính gồm các khoản chi phí sau:

- 1) **Chi phí duy tu và vệ sinh:** được xác định theo diện tích bãi đậu xe và đơn giá chi phí là 2.000 đồng/m²;
- 2) **Chi phí tiện ích:** gồm chi phí điện chiếu sáng, điện sinh hoạt và nước sử dụng phục vụ hành khách;
- 3) **Chi phí lương:** cho một trưởng bộ phận và 5 nhân viên

Stt	Chức danh	Số lượng	Lương/1 tháng	Tổng
Khu nhà bến và nhà để xe cao tầng				
1	Trưởng phòng	1	10.000.000	10.000.000
2	Nhân viên	5	6.000.000	30.000.000
	Tổng cộng			40.000.000

- 4) **Chi phí bảo dưỡng duy tu công trình:** ước tính bằng 1 chi phí xây dựng.

5.3.3. Ước tính doanh thu dự án

Doanh thu của dự án được ước tính dựa trên mức doanh thu hiện nay của bến xe với mức phí bình quân cho 1 vị chỉ đậu xe liên tỉnh khoảng 170 triệu đồng/năm và công suất khai thác công trình gấp 1,5 lần so với hiện nay. Theo phương án vận hành đề xuất, ước tính khu vực mở rộng và xây dựng vị trí đón/trả khách xe liên tỉnh sẽ có doanh thu bình quân là 10,5 tỷ đồng/năm.

PHẦN 6: PHÂN TÍCH LỰA CHỌN HÌNH THỨC ĐẦU TƯ

6.1. Phân tích sơ bộ hiệu quả tài chính dự án

Các thông số tính toán:

- Lãi suất vay ngân hàng (r): 10%/năm
 - Thời gian vòng đời của dự án: 40 năm
 - Năm bắt đầu vận hành dự án: năm 2022
 - Từ bảng tính toán chi tiết ta có tổng hợp các chỉ tiêu kinh tế sau:
 - + Giá trị hiện tại ròng (lợi nhuận ròng) (NPV) sau 40 năm tính toán: **15.646.961.563 đồng > 0** => **Dự án đầu tư có hiệu quả về mặt tài chính**
 - + Thời gian thu hồi vốn: **26 năm**
 - + Thời gian kinh doanh và bắt đầu có lãi: **1 năm.**
 - + Tỷ số thu chi của dự án (BCR): **6,1 > 1** => **Dự án đáng giá về mặt tài chính**
 - + Chi phí bình quân 1 năm: **2.938.666.241 đồng.**
 - + Lợi nhuận bình quân 1 năm: **17.919.025.921 đồng.**
 - + Với tỷ suất chiết khấu tính toán qua các năm $r_1 = 11\%$
 - + Với tỷ suất chiết khấu tính toán qua các năm $r_2 = 12\%$
 - NPV1 = **2.506.629.552 đồng**
 - NPV2 = **-8.349.421.215 đồng**
- => **IRR = 11,2% > r => dự án đầu tư đáng giá về mặt tài chính.**

PHỤ LỤC:

1. PHỤ LỤC PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH
GIAI ĐOẠN I
2. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ TOÀN DỰ ÁN
3. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ GĐ I
4. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ GĐ II
5. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ GĐ III
6. BẢN VẼ

**PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH
GIAI ĐOẠN I**

PHỤ LỤC TÍNH TOÁN
BẢNG TÍNH DOANH THU TRONG THỜI GIAN VẬN HÀNH

Năm khai thác	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6	Năm 7
Hệ số trượt giá	1	1,10	1,20	1,30	1,40	1,50	1,60
Doanh thu bãi đậu xe khách liên tỉnh	10.480.678.811	11.528.746.692	12.576.814.573	13.624.882.454	14.672.950.335	15.721.018.216	16.769.086.097
Tổng doanh thu	10.480.678.811	11.528.746.692	12.576.814.573	13.624.882.454	14.672.950.335	15.721.018.216	16.769.086.097
VAT (10%)	1.048.067.881	1.152.874.669	1.257.681.457	1.362.488.245	1.467.295.034	1.572.101.822	1.676.908.610
Thực thu	9.432.610.930	10.375.872.023	11.319.133.116	12.262.394.209	13.205.655.302	14.148.916.394	15.092.177.487

Năm khai thác	Năm 8	Năm 9	Năm 10	Năm 11	Năm 12	Năm 13	Năm 14
Hệ số trượt giá	1,70	1,80	1,90	2,00	2,10	2,20	2,30
Doanh thu bãi đậu xe khách liên tỉnh	17.817.153.978	18.865.221.860	19.913.289.741	20.961.357.622	22.009.425.503	23.057.493.384	24.105.561.265
Tổng doanh thu	17.817.153.978	18.865.221.860	19.913.289.741	20.961.357.622	22.009.425.503	23.057.493.384	24.105.561.265
VAT (10%)	1.781.715.398	1.886.522.186	1.991.328.974	2.096.135.762	2.200.942.550	2.305.749.338	2.410.556.127
Thực thu	16.035.438.580	16.978.699.674	17.921.960.767	18.865.221.860	19.808.482.953	20.751.744.046	21.695.005.139

Năm khai thác	Năm 15	Năm 16	Năm 17	Năm 18	Năm 19	Năm 20	Năm 21
Hệ số trượt giá	2,40	2,50	2,60	2,70	2,80	2,90	3,00
Doanh thu bãi đậu xe khách liên tỉnh	25.153.629.146	26.201.697.027	27.249.764.908	28.297.832.789	29.345.900.670	30.393.968.551	31.442.036.433
Tổng doanh thu	25.153.629.146	26.201.697.027	27.249.764.908	28.297.832.789	29.345.900.670	30.393.968.551	31.442.036.433
VAT (10%)	2.515.362.915	2.620.169.703	2.724.976.491	2.829.783.279	2.934.590.067	3.039.396.855	3.144.203.643
Thực thu	22.638.266.231	23.581.527.324	24.524.788.417	25.468.049.510	26.411.310.603	27.354.571.696	28.297.832.790

Năm khai thác	Năm 22	Năm 23	Năm 24	Năm 25	Năm 26	Năm 27	Năm 28
Hệ số trượt giá	3,10	3,20	3,30	3,40	3,50	3,60	3,70
Doanh thu bãi đậu xe khách liên tỉnh	32.490.104.314	33.538.172.195	34.586.240.076	35.634.307.957	36.682.375.838	37.730.443.719	38.778.511.600
Tổng doanh thu	32.490.104.314	33.538.172.195	34.586.240.076	35.634.307.957	36.682.375.838	37.730.443.719	38.778.511.600
VAT (10%)	3.249.010.431	3.353.817.220	3.458.624.008	3.563.430.796	3.668.237.584	3.773.044.372	3.877.851.160
Thực thu	29.241.093.883	30.184.354.976	31.127.616.068	32.070.877.161	33.014.138.254	33.957.399.347	34.900.660.440

Năm khai thác	Năm 29	Năm 30	Năm 31	Năm 32	Năm 33	Năm 34	Năm 35
Hệ số trượt giá	3,80	3,90	4,00	4,10	4,20	4,30	4,40
Doanh thu bãi đậu xe khách liên tỉnh	39.826.579.481	40.874.647.362	41.922.715.243	42.970.783.125	44.018.851.006	45.066.918.887	46.114.986.768
Tổng doanh thu	39.826.579.481	40.874.647.362	41.922.715.243	42.970.783.125	44.018.851.006	45.066.918.887	46.114.986.768
VAT (10%)	3.982.657.948	4.087.464.736	4.192.271.524	4.297.078.313	4.401.885.101	4.506.691.889	4.611.498.677
Thực thu	35.843.921.533	36.787.182.626	37.730.443.719	38.673.704.813	39.616.965.905	40.560.226.998	41.503.488.091

Năm khai thác	Năm 36	Năm 37	Năm 38	Năm 39	Năm 40
Hệ số trượt giá	4,50	4,60	4,70	4,80	4,90
Doanh thu bãi đậu xe khách liên tỉnh	47.163.054.649	48.211.122.530	49.259.190.411	50.307.258.292	51.355.326.173
Tổng doanh thu	47.163.054.649	48.211.122.530	49.259.190.411	50.307.258.292	51.355.326.173
VAT (10%)	4.716.305.465	4.821.112.253	4.925.919.041	5.030.725.829	5.135.532.617
Thực thu	42.446.749.184	43.390.010.277	44.333.271.370	45.276.532.463	46.219.793.556

BẢNG TÍNH CHI PHÍ VẬN HÀNH DỰ ÁN

TT	Nội dung	Các năm hoạt động của dự án						
		Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6	Năm 7
	Tỷ lệ tăng giá	1	1,05	1,10	1,15	1,20	1,25	1,30
1	CHI PHÍ DUY TU VÀ VỆ SINH	91.639.680	96.221.664	100.803.648	105.385.632	109.967.616	114.549.600	119.131.584
	Khu bãi đậu xe liên tỉnh	91.639.680	96.221.664	100.803.648	105.385.632	109.967.616	114.549.600	119.131.584
	Đơn giá	2.000	2.100	2.200	2.300	2.400	2.500	2.600
	Khối lượng	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818
	Số tháng	12	12	12	12	12	12	12
2	CHI PHÍ TIỆN ÍCH	595.657.920	625.440.816	655.223.712	685.006.608	714.789.504	744.572.400	774.355.296
	Số tháng	12	12	12	12	12	12	12
	Khu bãi đậu xe liên tỉnh	595.657.920	625.440.816	655.223.712	685.006.608	714.789.504	744.572.400	774.355.296
	Chi phí điện	549.838.080	577.329.984	604.821.888	632.313.792	659.805.696	687.297.600	714.789.504
	Đơn giá (đồng/m2)	12.000	12.600	13.200	13.800	14.400	15.000	15.600
	Khối lượng	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818
	Chi phí cấp nước	45.819.840	48.110.832	50.401.824	52.692.816	54.983.808	57.274.800	59.565.792
	Đơn giá (đồng/m2)	1.000	1.050	1.100	1.150	1.200	1.250	1.300
	Khối lượng	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818
3	CHI PHÍ LƯƠNG	480.000.000	494.400.000	509.232.000	524.508.960	540.244.229	556.451.556	573.145.102
	Lương tháng (bảng tính)(tăng lương mỗi năm 3%)	480.000.000	494.400.000	509.232.000	524.508.960	540.244.229	556.451.556	573.145.102
	Lương cơ bản (tạm tính = lương tháng/1,5)	320.000.000	329.600.000	339.488.000	349.672.640	360.162.819	370.967.704	382.096.735
4	CHI PHÍ BHYT, BHXH, CPCĐ (19% QUỸ LƯƠNG CƠ BẢN)	60.800.000	62.624.000	64.502.720	66.437.802	68.430.936	70.483.864	72.598.380
5	CHI PHÍ BẢO DƯỠNG DUY TU	120.067.283	126.070.647	132.074.011	138.077.375	144.080.739	150.084.104	156.087.468
a	Các hạng mục xây lắp (1% chi phí XL)	120.067.283	126.070.647	132.074.011	138.077.375	144.080.739	150.084.104	156.087.468
6	QUẢNG CÁO TIẾP THỊ (0,5%DT)	47.163.055	51.879.360	56.595.666	61.311.971	66.028.277	70.744.582	75.460.887
	TỔNG CHI PHÍ VẬN HÀNH	1.395.327.937	1.456.636.487	1.518.431.757	1.580.728.348	1.643.541.300	1.706.886.105	1.770.778.717

TT	Nội dung	Các năm hoạt động của dự án											
		Năm 8	Năm 9	Năm 10	Năm 11	Năm 12	Năm 13	Năm 14					
	Tỷ lệ tăng giá	1,35	1,40	1,45	1,50	1,55	1,60	1,65					
1	CHI PHÍ DUY TU VÀ VỆ SINH	123.713.568	128.295.552	132.877.536	137.459.520	142.041.504	146.623.488	151.205.472					
	Khu bãi đậu xe liên tỉnh	123.713.568	128.295.552	132.877.536	137.459.520	142.041.504	146.623.488	151.205.472					
	Đơn giá	2.700	2.800	2.900	3.000	3.100	3.200	3.300					
	Khối lượng	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818					
	Số tháng	12	12	12	12	12	12	12					
2	CHI PHÍ TIỆN ÍCH	804.138.192	833.921.088	863.703.984	893.486.880	923.269.776	953.052.672	982.835.568					
	Số tháng	12	12	12	12	12	12	12					
	Khu bãi đậu xe liên tỉnh	804.138.192	833.921.088	863.703.984	893.486.880	923.269.776	953.052.672	982.835.568					
	Chi phí điện	742.281.408	769.773.312	797.265.216	824.757.120	852.249.024	879.740.928	907.232.832					
	Đơn giá (đồng/m2)	16.200	16.800	17.400	18.000	18.600	19.200	19.800					
	Khối lượng	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818					
	Chi phí cấp nước	61.856.784	64.147.776	66.438.768	68.729.760	71.020.752	73.311.744	75.602.736					
	Đơn giá (đồng/m2)	1.350	1.400	1.450	1.500	1.550	1.600	1.650					
	Khối lượng	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818					
3	CHI PHÍ LƯƠNG	590.339.455	608.049.639	626.291.128	645.079.862	664.432.258	684.365.226	704.896.182					
	Lương tháng (bảng tính)(tăng lương mỗi năm 3%)	590.339.455	608.049.639	626.291.128	645.079.862	664.432.258	684.365.226	704.896.182					
	Lương cơ bản (tạm tính = lương tháng/1,5)	393.559.637	405.366.426	417.527.419	430.053.241	442.954.839	456.243.484	469.930.788					
4	CHI PHÍ BHYT, BHXH, CPCĐ (19% QUỸ LƯƠNG CƠ BẢN)	74.776.331	77.019.621	79.330.210	81.710.116	84.161.419	86.686.262	89.286.850					
5	CHI PHÍ BẢO DƯỠNG DUY TU	162.090.832	168.094.196	174.097.560	180.100.924	186.104.288	192.107.653	198.111.017					
a	Các hạng mục xây lắp (1% chi phí XL)	162.090.832	168.094.196	174.097.560	180.100.924	186.104.288	192.107.653	198.111.017					
6	QUẢNG CÁO TIẾP THỊ (0,5%DT)	80.177.193	84.893.498	89.609.804	94.326.109	99.042.415	103.758.720	108.475.026					
	TỔNG CHI PHÍ VẬN HÀNH	1.835.235.571	1.900.273.594	1.965.910.222	2.032.163.411	2.099.051.660	2.166.594.020	2.234.810.115					

TT	Nội dung	Các năm hoạt động của dự án									
		Năm 15	Năm 16	Năm 17	Năm 18	Năm 19	Năm 20	Năm 21			
	Tỷ lệ tăng giá	1,70	1,75	1,80	1,85	1,90	1,95	2,00			
1	CHI PHÍ DUY TU VÀ VỆ SINH	155.787.456	160.369.440	164.951.424	169.533.408	174.115.392	178.697.376	183.279.360			
	Khu bãi đậu xe liên tỉnh	155.787.456	160.369.440	164.951.424	169.533.408	174.115.392	178.697.376	183.279.360			
	Đơn giá	3.400	3.500	3.600	3.700	3.800	3.900	4.000			
	Khối lượng	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818			
	Số tháng	12	12	12	12	12	12	12			
2	CHI PHÍ TIỆN ÍCH	1.012.618.464	1.042.401.360	1.072.184.256	1.101.967.152	1.131.750.048	1.161.532.944	1.191.315.840			
	Số tháng	12	12	12	12	12	12	12			
	Khu bãi đậu xe liên tỉnh	1.012.618.464	1.042.401.360	1.072.184.256	1.101.967.152	1.131.750.048	1.161.532.944	1.191.315.840			
	Chi phí điện	934.724.736	962.216.640	989.708.544	1.017.200.448	1.044.692.352	1.072.184.256	1.099.676.160			
	Đơn giá (đồng/m2)	20.400	21.000	21.600	22.200	22.800	23.400	24.000			
	Khối lượng	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818			
	Chi phí cấp nước	77.893.728	80.184.720	82.475.712	84.766.704	87.057.696	89.348.688	91.639.680			
	Đơn giá (đồng/m2)	1.700	1.750	1.800	1.850	1.900	1.950	2.000			
	Khối lượng	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818			
3	CHI PHÍ LƯƠNG	726.043.068	747.824.360	770.259.091	793.366.863	817.167.869	841.682.905	866.933.393			
	Lương tháng (bảng tính)(tăng lương mỗi năm 3%)	726.043.068	747.824.360	770.259.091	793.366.863	817.167.869	841.682.905	866.933.393			
	Lương cơ bản (tạm tính = lương tháng/1,5)	484.028.712	498.549.573	513.506.061	528.911.242	544.778.580	561.121.937	577.955.595			
4	CHI PHÍ BHYT, BHXH, CPCĐ (19% QUỸ LƯƠNG CƠ BẢN)	91.965.455	94.724.419	97.566.151	100.493.136	103.507.930	106.613.168	109.811.563			
5	CHI PHÍ BẢO DƯỠNG DUY TU	204.114.381	210.117.745	216.121.109	222.124.473	228.127.837	234.131.202	240.134.566			
a	Các hạng mục xây lắp (1% chi phí XL)	204.114.381	210.117.745	216.121.109	222.124.473	228.127.837	234.131.202	240.134.566			
6	QUẢNG CÁO TIẾP THỊ (0,5%DT)	113.191.331	117.907.637	122.623.942	127.340.248	132.056.553	136.772.858	141.489.164			
	TỔNG CHI PHÍ VẬN HÀNH	2.303.720.155	2.373.344.960	2.443.705.973	2.514.825.280	2.586.725.630	2.659.430.453	2.732.963.885			

TT	Nội dung	Các năm hoạt động của dự án										
		Năm 22	Năm 23	Năm 24	Năm 25	Năm 26	Năm 27	Năm 28				
	Tỷ lệ tăng giá	2,05	2,10	2,15	2,20	2,25	2,30	2,35				
1	CHI PHÍ DUY TU VÀ VỆ SINH	187.861.344	192.443.328	197.025.312	201.607.296	206.189.280	210.771.264	215.353.248				
	Khu bãi đậu xe liên tỉnh	187.861.344	192.443.328	197.025.312	201.607.296	206.189.280	210.771.264	215.353.248				
	Đơn giá	4.100	4.200	4.300	4.400	4.500	4.600	4.700				
	Khối lượng	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818				
	Số tháng	12	12	12	12	12	12	12				
2	CHI PHÍ TIỀN ÍCH	1.221.098.736	1.250.881.632	1.280.664.528	1.310.447.424	1.340.230.320	1.370.013.216	1.399.796.112				
	Số tháng	12	12	12	12	12	12	12				
	Khu bãi đậu xe liên tỉnh	1.221.098.736	1.250.881.632	1.280.664.528	1.310.447.424	1.340.230.320	1.370.013.216	1.399.796.112				
	Chi phí điện	1.127.168.064	1.154.659.968	1.182.151.872	1.209.643.776	1.237.135.680	1.264.627.584	1.292.119.488				
	Đơn giá (đồng/m2)	24.600	25.200	25.800	26.400	27.000	27.600	28.200				
	Khối lượng	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818				
	Chi phí cấp nước	93.930.672	96.221.664	98.512.656	100.803.648	103.094.640	105.385.632	107.676.624				
	Đơn giá (đồng/m2)	2.050	2.100	2.150	2.200	2.250	2.300	2.350				
	Khối lượng	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818				
3	CHI PHÍ LƯƠNG	892.941.394	919.729.636	947.321.525	975.741.171	1.005.013.406	1.035.163.808	1.066.218.723				
	Lương tháng (bảng tính)(tăng lương mỗi năm 3%)	892.941.394	919.729.636	947.321.525	975.741.171	1.005.013.406	1.035.163.808	1.066.218.723				
	Lương cơ bản (tạm tính = lương tháng/1,5)	595.294.263	613.153.091	631.547.684	650.494.114	670.008.937	690.109.206	710.812.482				
4	CHI PHÍ BHYT, BHXH, CPCĐ (19% QUỸ LƯƠNG CƠ BẢN)	113.105.910	116.499.087	119.994.060	123.593.882	127.301.698	131.120.749	135.054.372				
5	CHI PHÍ BẢO DƯỠNG DUY TU	246.137.930	252.141.294	258.144.658	264.148.022	270.151.386	276.154.750	282.158.115				
a	Các hạng mục xây lắp (1% chi phí XL)	246.137.930	252.141.294	258.144.658	264.148.022	270.151.386	276.154.750	282.158.115				
6	QUẢNG CÁO TIẾP THỊ (0,5%DT)	146.205.469	150.921.775	155.638.080	160.354.386	165.070.691	169.786.997	174.503.302				
	TỔNG CHI PHÍ VẬN HÀNH	2.807.350.784	2.882.616.752	2.958.788.164	3.035.892.181	3.113.956.782	3.193.010.785	3.273.083.871				

TT	Nội dung	Các năm hoạt động của dự án									
		Năm 29	Năm 30	Năm 31	Năm 32	Năm 33	Năm 34	Năm 35			
	Tỷ lệ tăng giá	2,40	2,45	2,50	2,55	2,60	2,65	2,70			
1	CHI PHÍ DUY TU VÀ VỆ SINH	219.935.232	224.517.216	229.099.200	233.681.184	238.263.168	242.845.152	247.427.136			
	Khu bãi đậu xe liên tỉnh	219.935.232	224.517.216	229.099.200	233.681.184	238.263.168	242.845.152	247.427.136			
	Đơn giá	4.800	4.900	5.000	5.100	5.200	5.300	5.400			
	Khối lượng	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818			
	Số tháng	12	12	12	12	12	12	12			
2	CHI PHÍ TIỆN ÍCH	1.429.579.008	1.459.361.904	1.489.144.800	1.518.927.696	1.548.710.592	1.578.493.488	1.608.276.384			
	Số tháng	12	12	12	12	12	12	12			
	Khu bãi đậu xe liên tỉnh	1.429.579.008	1.459.361.904	1.489.144.800	1.518.927.696	1.548.710.592	1.578.493.488	1.608.276.384			
	Chi phí điện	1.319.611.392	1.347.103.296	1.374.595.200	1.402.087.104	1.429.579.008	1.457.070.912	1.484.562.816			
	Đơn giá (đồng/m2)	28.800	29.400	30.000	30.600	31.200	31.800	32.400			
	Khối lượng	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818			
	Chi phí cấp nước	109.967.616	112.258.608	114.549.600	116.840.592	119.131.584	121.422.576	123.713.568			
	Đơn giá (đồng/m2)	2.400	2.450	2.500	2.550	2.600	2.650	2.700			
	Khối lượng	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818			
3	CHI PHÍ LƯƠNG	1.098.205.284	1.131.151.443	1.165.085.986	1.200.038.566	1.236.039.723	1.273.120.914	1.311.314.542			
	Lương tháng (bảng tính)(tăng lương mỗi năm 3%)	1.098.205.284	1.131.151.443	1.165.085.986	1.200.038.566	1.236.039.723	1.273.120.914	1.311.314.542			
	Lương cơ bản (tạm tính = lương tháng/1,5)	732.136.856	754.100.962	776.723.991	800.025.711	824.026.482	848.747.276	874.209.695			
4	CHI PHÍ BHYT, BHXH, CPCĐ (19% QUỸ LƯƠNG CƠ BẢN)	139.106.003	143.279.183	147.577.558	152.004.885	156.565.032	161.261.982	166.099.842			
5	CHI PHÍ BẢO DƯỠNG DUY TU	288.161.479	294.164.843	300.168.207	306.171.571	312.174.935	318.178.299	324.181.664			
a	Các hạng mục xây lắp (1% chi phí XL)	288.161.479	294.164.843	300.168.207	306.171.571	312.174.935	318.178.299	324.181.664			
6	QUẢNG CÁO TIẾP THỊ (0,5%DT)	179.219.608	183.935.913	188.652.219	193.368.524	198.084.830	202.801.135	207.517.440			
	TỔNG CHI PHÍ VẬN HÀNH	3.354.206.613	3.436.410.502	3.519.727.970	3.604.192.426	3.689.838.279	3.776.700.971	3.864.817.008			

TT	Nội dung	Các năm hoạt động của dự án				
		Năm 36	Năm 37	Năm 38	Năm 39	Năm 40
	Tỷ lệ tăng giá	2,75	2,80	2,85	2,90	2,95
1	CHI PHÍ DUY TU VÀ VỆ SINH	252.009.120	256.591.104	261.173.088	265.755.072	270.337.056
	Khu bãi đậu xe liên tỉnh	252.009.120	256.591.104	261.173.088	265.755.072	270.337.056
	Đơn giá	5.500	5.600	5.700	5.800	5.900
	Khối lượng	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818
	Số tháng	12	12	12	12	12
2	CHI PHÍ TIỆN ÍCH	1.638.059.280	1.667.842.176	1.697.625.072	1.727.407.968	1.757.190.864
	Số tháng	12	12	12	12	12
	Khu bãi đậu xe liên tỉnh	1.638.059.280	1.667.842.176	1.697.625.072	1.727.407.968	1.757.190.864
	Chi phí điện	1.512.054.720	1.539.546.624	1.567.038.528	1.594.530.432	1.622.022.336
	Đơn giá (đồng/m2)	33.000	33.600	34.200	34.800	35.400
	Khối lượng	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818
	Chi phí cấp nước	126.004.560	128.295.552	130.586.544	132.877.536	135.168.528
	Đơn giá (đồng/m2)	2.750	2.800	2.850	2.900	2.950
	Khối lượng	3.818	3.818	3.818	3.818	3.818
3	CHI PHÍ LƯƠNG	1.350.653.978	1.391.173.597	1.432.908.805	1.475.896.070	1.520.172.952
	Lương tháng (bảng tính)(tăng lương mỗi năm 3%)	1.350.653.978	1.391.173.597	1.432.908.805	1.475.896.070	1.520.172.952
	Lương cơ bản (tạm tính = lương tháng/1,5)	900.435.985	927.449.065	955.272.537	983.930.713	1.013.448.634
4	CHI PHÍ BHYT, BHXH, CPCĐ (19% QUỸ LƯƠNG CƠ BẢN)	171.082.837	176.215.322	181.501.782	186.946.835	192.555.241
5	CHI PHÍ BẢO DƯỠNG DUY TU	330.185.028	336.188.392	342.191.756	348.195.120	354.198.484
a	Các hạng mục xây lắp (1% chi phí XL)	330.185.028	336.188.392	342.191.756	348.195.120	354.198.484
6	QUẢNG CÁO TIẾP THỊ (0,5%DT)	212.233.746	216.950.051	221.666.357	226.382.662	231.098.968
	TỔNG CHI PHÍ VẬN HÀNH	3.954.223.989	4.044.960.643	4.137.066.860	4.230.583.727	4.325.553.564

BẢNG TÍNH LƯƠNG

Stt	Chức danh	Số lượng	Lương/1 tháng	Tổng
Khu nhà bên và nhà để xe cao tầng				
1	Trưởng phòng	1	10.000.000	10.000.000
2	Nhân viên	5	6.000.000	30.000.000
	Tổng cộng			40.000.000

BẢNG TÍNH CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

TT	Nội dung	Các năm hoạt động của dự án						
		Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6	Năm 7
I	Khấu hao tài sản cố định	341.334.619	341.334.619	341.334.619	341.334.619	341.334.619	341.334.619	341.334.619
1	Phần xây lắp (40 năm)	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200
	Giá trị xây lắp còn lại	5.345.648.000	5.212.006.800	5.078.365.600	4.944.724.400	4.811.083.200	4.677.442.000	4.543.800.800
	Tỷ lệ khấu hao đều	0,025	0,025	0,025	0,025	0,025	0,025	0,025
2	Phần thiết bị (20 năm)	-	-	-	-	-	-	-
	Giá trị thiết bị còn lại	-	-	-	-	-	-	-
	Tỷ lệ khấu hao đều	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05
3	Các khoản trừ dần (10 năm)	207.693.419	207.693.419	207.693.419	207.693.419	207.693.419	207.693.419	207.693.419
	Giá trị tính khấu hao	2.076.934.187	1.869.240.768	1.661.547.350	1.453.853.931	1.246.160.512	1.038.467.094	830.773.675
	Tỷ lệ khấu hao đều	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10
	- Vốn dự phòng	678.264.275						
	- Chi phí khác (QLDA; CPTV; CPK)	1.398.669.912						
II	Chi phí vận hành	1.395.327.937	1.456.636.487	1.518.431.757	1.580.728.348	1.643.541.300	1.706.886.105	1.770.778.717
	Tổng chi phí	1.736.662.556	1.797.971.106	1.859.766.375	1.922.062.967	1.984.875.919	2.048.220.724	2.112.113.336

TT	Nội dung	Các năm hoạt động của dự án										
		Năm 8	Năm 9	Năm 10	Năm 11	Năm 12	Năm 13	Năm 14				
I	Khấu hao tài sản cố định	341.334.619	341.334.619	341.334.619	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200
1	Phần xây lắp (40 năm)	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200
	Giá trị xây lắp còn lại	4.410.159.600	4.276.518.400	4.142.877.200	4.009.236.000	3.875.594.800	3.741.953.600	3.608.312.400				
	Tỷ lệ khấu hao đều	0,025	0,025	0,025	0,025	0,025	0,025	0,025	0,025	0,025	0,025	0,025
2	Phần thiết bị (20 năm)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Giá trị thiết bị còn lại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tỷ lệ khấu hao đều	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05
3	Các khoản trừ dần (10 năm)	207.693.419	207.693.419	207.693.419								
	Giá trị tính khấu hao	623.080.256	415.386.837	207.693.419								
	Tỷ lệ khấu hao đều	0,10	0,10	0,10								
	- Vốn dự phòng											
	- Chi phí khác (QLDA; CPTV; CPK)											
II	Chi phí vận hành	1.835.235.571	1.900.273.594	1.965.910.222	2.032.163.411	2.099.051.660	2.166.594.020	2.234.810.115				
	Tổng chi phí	2.176.570.190	2.241.608.213	2.307.244.840	2.165.804.611	2.232.692.860	2.300.235.220	2.368.451.315				

TT	Nội dung	Các năm hoạt động của dự án									
		Năm 15	Năm 16	Năm 17	Năm 18	Năm 19	Năm 20	Năm 21			
I	Khấu hao tài sản cố định	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200
1	Phần xây lắp (40 năm)	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200
	Giá trị xây lắp còn lại	3.474.671.200	3.341.030.000	3.207.388.800	3.073.747.600	2.940.106.400	2.806.465.200	2.672.824.000			
	Tỷ lệ khấu hao đều	0,025	0,025	0,025	0,025	0,025	0,025	0,025	0,025	0,025	0,025
2	Phần thiết bị (20 năm)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Giá trị thiết bị còn lại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tỷ lệ khấu hao đều	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05
3	Các khoản trừ dần (10 năm)										
	Giá trị tính khấu hao										
	Tỷ lệ khấu hao đều										
	- Vốn dự phòng										
	- Chi phí khác (QLDA; CPTV; CPK)										
II	Chi phí vận hành	2.303.720.155	2.373.344.960	2.443.705.973	2.514.825.280	2.586.725.630	2.659.430.453	2.732.963.885			
	Tổng chi phí	2.437.361.355	2.506.986.160	2.577.347.173	2.648.466.480	2.720.366.830	2.793.071.653	2.866.605.085			

TT	Nội dung	Các năm hoạt động của dự án									
		Năm 22	Năm 23	Năm 24	Năm 25	Năm 26	Năm 27	Năm 28			
I	Khấu hao tài sản cố định	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200
1	Phần xây lắp (40 năm)	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200
	Giá trị xây lắp còn lại	2.539.182.800	2.405.541.600	2.271.900.400	2.138.259.200	2.004.618.000	1.870.976.800	1.737.335.600			
	Tỷ lệ khấu hao đều	0,025	0,025	0,025	0,025	0,025	0,025	0,025	0,025	0,025	0,025
2	Phần thiết bị (20 năm)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Giá trị thiết bị còn lại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tỷ lệ khấu hao đều	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05
3	Các khoản trừ dần (10 năm)										
	Giá trị tính khấu hao										
	Tỷ lệ khấu hao đều										
	- Vốn dự phòng										
	- Chi phí khác (QLDA; CPTV; CPK)										
II	Chi phí vận hành	2.807.350.784	2.882.616.752	2.958.788.164	3.035.892.181	3.113.956.782	3.193.010.785	3.273.083.871			
	Tổng chi phí	2.940.991.984	3.016.257.952	3.092.429.364	3.169.533.381	3.247.597.982	3.326.651.985	3.406.725.071			

TT	Nội dung	Các năm hoạt động của dự án									
		Năm 29	Năm 30	Năm 31	Năm 32	Năm 33	Năm 34	Năm 35			
I	Khấu hao tài sản cố định	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200
1	Phần xây lắp (40 năm)	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200
	Giá trị xây lắp còn lại	1.603.694.400	1.470.053.200	1.336.412.000	1.202.770.800	1.069.129.600	935.488.400	801.847.200			
	Tỷ lệ khấu hao đều	0,025	0,025	0,025	0,025	0,025	0,025	0,025	0,025	0,025	0,025
2	Phần thiết bị (20 năm)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Giá trị thiết bị còn lại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tỷ lệ khấu hao đều	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05
3	Các khoản trừ dần (10 năm)										
	Giá trị tính khấu hao										
	Tỷ lệ khấu hao đều										
	- Vốn dự phòng										
	- Chi phí khác (QLDA; CPTV; CPK)										
II	Chi phí vận hành	3.354.206.613	3.436.410.502	3.519.727.970	3.604.192.426	3.689.838.279	3.776.700.971	3.864.817.008			
	Tổng chi phí	3.487.847.813	3.570.051.702	3.653.369.170	3.737.833.626	3.823.479.479	3.910.342.171	3.998.458.208			

TT	Nội dung	Các năm hoạt động của dự án				
		Năm 36	Năm 37	Năm 38	Năm 39	Năm 40
I	Khấu hao tài sản cố định	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200
1	Phần xây lắp (40 năm)	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200
	Giá trị xây lắp còn lại	668.206.000	534.564.800	400.923.600	267.282.400	133.641.200
	Tỷ lệ khấu hao đều	0,025	0,025	0,025	0,025	0,025
2	Phần thiết bị (20 năm)	-	-	-	-	-
	Giá trị thiết bị còn lại	-	-	-	-	-
	Tỷ lệ khấu hao đều	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05
3	Các khoản trừ dần (10 năm)					
	Giá trị tính khấu hao					
	Tỷ lệ khấu hao đều					
	- Vốn dự phòng					
	- Chi phí khác (QLDA; CPTV; CPK)					
II	Chi phí vận hành	3.954.223.989	4.044.960.643	4.137.066.860	4.230.583.727	4.325.553.564
	Tổng chi phí	4.087.865.189	4.178.601.843	4.270.708.060	4.364.224.927	4.459.194.764

BẢNG DỰ TRÙ LỖ LẠI TRONG THỜI GIAN VẬN HÀNH

STT	KHOẢN MỤC	TKĐT	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6
1	Vốn đầu tư	97.836.723.917						
2	Chi phí của dự án qua các năm (C)	97.836.723.917	1.736.662.556	1.797.971.106	1.859.766.375	1.922.062.967	1.984.875.919	2.048.220.724
3	Doanh thu của dự án qua các năm (B)		9.432.610.930	10.375.872.023	11.319.133.116	12.262.394.209	13.205.655.302	14.148.916.394
4	Lợi nhuận thuần		7.695.948.374	8.577.900.917	9.459.366.740	10.340.331.242	11.220.779.382	12.100.695.671
5	Thuế TNDN (28%)	0,280	2.154.865.545	2.401.812.257	2.648.622.687	2.895.292.748	3.141.818.227	3.388.194.788
6	% Ưu đãi thuế TNDN			0%	0%	0%	0%	0%
7	Ưu đãi thuế TN CN		0	0	0	0	0	0
8	Lợi nhuận sau thuế		5.541.082.829	6.176.088.660	6.810.744.053	7.445.038.494	8.078.961.155	8.712.500.883
9	Chi phí cộng dồn		1.736.662.556	3.534.633.662	5.394.400.037	7.316.463.004	9.301.338.923	11.349.559.647
10	Chi phí bình quân		2.938.666.241	2.938.666.241	2.938.666.241	2.938.666.241	2.938.666.241	2.938.666.241
11	Lợi nhuận cộng dồn		5.541.082.829	11.717.171.489	18.527.915.542	25.972.954.037	34.051.915.192	42.764.416.075
12	Lợi nhuận bình quân		17.919.025.921	17.919.025.921	17.919.025.921	17.919.025.921	17.919.025.921	17.919.025.921
13	Tỷ số thu chi của dự án (BCR)		6,10	6,10	6,10	6,10	6,10	6,10

STT	KHOẢN MỤC	Năm 7	Năm 8	Năm 9	Năm 10	Năm 11	Năm 12	Năm 13
1	Vốn đầu tư							
2	Chi phí của dự án qua các năm (C)	2.112.113.336	2.176.570.190	2.241.608.213	2.307.244.840	2.165.804.611	2.232.692.860	2.300.235.220
3	Doanh thu của dự án qua các năm (B)	15.092.177.487	16.035.438.580	16.978.699.674	17.921.960.767	18.865.221.860	19.808.482.953	20.751.744.046
4	Lợi nhuận thuần	12.980.064.152	13.858.868.390	14.737.091.461	15.614.715.926	16.699.417.248	17.575.790.092	18.451.508.825
5	Thuế TNDN (28%)	3.634.417.962	3.880.483.149	4.126.385.609	4.372.120.459	4.675.836.830	4.921.221.226	5.166.422.471
6	% Ưu đãi thuế TNDN	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
7	Ưu đãi thuế TNCN	0	0	0	0	0	0	0
8	Lợi nhuận sau thuế	9.345.646.189	9.978.385.241	10.610.705.852	11.242.595.467	12.023.580.419	12.654.568.866	13.285.086.354
9	Chi phí cộng dồn	13.461.672.982	15.638.243.172	17.879.851.385	20.187.096.226	22.352.900.837	24.585.593.698	26.885.828.918
10	Chi phí bình quân	2.938.666.241	2.938.666.241	2.938.666.241	2.938.666.241	2.938.666.241	2.938.666.241	2.938.666.241
11	Lợi nhuận cộng dồn	52.110.062.264	62.088.447.505	72.699.153.357	83.941.748.824	95.965.329.243	108.619.898.109	121.904.984.463
12	Lợi nhuận bình quân	17.919.025.921	17.919.025.921	17.919.025.921	17.919.025.921	17.919.025.921	17.919.025.921	17.919.025.921
13	Tỷ số thu chi của dự án (BCR)	6,10	6,10	6,10	6,10	6,10	6,10	6,10

S/TT	KHOẢN MỤC	Năm 14	Năm 15	Năm 16	Năm 17	Năm 18	Năm 19	Năm 20
1	Vốn đầu tư							
2	Chi phí của dự án qua các năm (C)	2.368.451.315	2.437.361.355	2.506.986.160	2.577.347.173	2.648.466.480	2.720.366.830	2.793.071.653
3	Doanh thu của dự án qua các năm (B)	21.695.005.139	22.638.266.231	23.581.527.324	24.524.788.417	25.468.049.510	26.411.310.603	27.354.571.696
4	Lợi nhuận thuần	19.326.553.824	20.200.904.876	21.074.541.164	21.947.441.244	22.819.583.030	23.690.943.773	24.561.500.042
5	Thuế TNDN (28%)	5.411.435.071	5.656.253.365	5.900.871.526	6.145.283.548	6.389.483.248	6.633.464.256	6.877.220.012
6	% Ưu đãi thuế TNDN	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
7	Ưu đãi thuế TNCN	0	0	0	0	0	0	0
8	Lợi nhuận sau thuế	13.915.118.753	14.544.651.511	15.173.669.638	15.802.157.696	16.430.099.781	17.057.479.517	17.684.280.031
9	Chi phí cộng dồn	29.254.280.233	31.691.641.588	34.198.627.748	36.775.974.922	39.424.441.402	42.144.808.232	44.937.879.885
10	Chi phí bình quân	2.938.666.241	2.938.666.241	2.938.666.241	2.938.666.241	2.938.666.241	2.938.666.241	2.938.666.241
11	Lợi nhuận cộng dồn	135.820.103.217	150.364.754.727	165.538.424.365	181.340.582.061	197.770.681.842	214.828.161.359	232.512.441.390
12	Lợi nhuận bình quân	17.919.025.921	17.919.025.921	17.919.025.921	17.919.025.921	17.919.025.921	17.919.025.921	17.919.025.921
13	Tỷ số thu chi của dự án (BCR)	6,10	6,10	6,10	6,10	6,10	6,10	6,10

STT	KHOẢN MỤC	Năm 21	Năm 22	Năm 23	Năm 24	Năm 25	Năm 26	Năm 27
1	Vốn đầu tư							
2	Chi phí của dự án qua các năm (C)	2.866.605.085	2.940.991.984	3.016.257.952	3.092.429.364	3.169.533.381	3.247.597.982	3.326.651.985
3	Doanh thu của dự án qua các năm (B)	28.297.832.790	29.241.093.883	30.184.354.976	31.127.616.068	32.070.877.161	33.014.138.254	33.957.399.347
4	Lợi nhuận thuần	25.431.227.704	26.300.101.899	27.168.097.023	28.035.186.705	28.901.343.781	29.766.540.272	30.630.747.362
5	Thuế TNDN (28%)	7.120.743.757	7.364.028.532	7.607.067.166	7.849.852.277	8.092.376.259	8.334.631.276	8.576.609.261
6	% Ưu đãi thuế TNDN	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
7	Ưu đãi thuế TNCN	0	0	0	0	0	0	0
8	Lợi nhuận sau thuế	18.310.483.947	18.936.073.367	19.561.029.857	20.185.334.427	20.808.967.522	21.431.908.996	22.054.138.101
9	Chi phí cộng dồn	47.804.484.971	50.745.476.954	53.761.734.907	56.854.164.270	60.023.697.651	63.271.295.633	66.597.947.618
10	Chi phí bình quân	2.938.666.241	2.938.666.241	2.938.666.241	2.938.666.241	2.938.666.241	2.938.666.241	2.938.666.241
11	Lợi nhuận cộng dồn	250.822.925.337	269.758.998.704	289.320.028.561	309.505.362.988	330.314.330.510	351.746.239.506	373.800.377.607
12	Lợi nhuận bình quân	17.919.025.921	17.919.025.921	17.919.025.921	17.919.025.921	17.919.025.921	17.919.025.921	17.919.025.921
13	Tỷ số thu chi của dự án (BCR)	6,10	6,10	6,10	6,10	6,10	6,10	6,10

STT	KHOẢN MỤC	Năm 28	Năm 29	Năm 30	Năm 31	Năm 32	Năm 33	Năm 34
1	Vốn đầu tư							
2	Chi phí của dự án qua các năm (C)	3.406.725.071	3.487.847.813	3.570.051.702	3.653.369.170	3.737.833.626	3.823.479.479	3.910.342.171
3	Doanh thu của dự án qua các năm (B)	34.900.660.440	35.843.921.533	36.787.182.626	37.730.443.719	38.673.704.813	39.616.965.905	40.560.226.998
4	Lợi nhuận thuần	31.493.935.369	32.356.073.719	33.217.130.924	34.077.074.549	34.935.871.186	35.793.486.426	36.649.884.827
5	Thuế TNDN (28%)	8.818.301.903	9.059.700.641	9.300.796.659	9.541.580.874	9.782.043.932	10.022.176.199	10.261.967.752
6	% Ưu đãi thuế TNDN	0%	0%	0%	0%	0	0	0
7	Ưu đãi thuế TNCN	0	0	0	0	0	0	0
8	Lợi nhuận sau thuế	22.675.633.466	23.296.373.078	23.916.334.265	24.535.493.675	25.153.827.254	25.771.310.227	26.387.917.075
9	Chi phí cộng dồn	70.004.672.689	73.492.520.502	77.062.572.204	80.715.941.374	84.453.775.000	88.277.254.479	92.187.596.650
10	Chi phí bình quân	2.938.666.241	2.938.666.241	2.938.666.241	2.938.666.241	2.938.666.241	2.938.666.241	2.938.666.241
11	Lợi nhuận cộng dồn	396.476.011.073	419.772.384.151	443.688.718.416	468.224.212.091	493.378.039.345	519.149.349.572	545.537.266.648
12	Lợi nhuận bình quân	17.919.025.921	17.919.025.921	17.919.025.921	17.919.025.921	17.919.025.921	17.919.025.921	17.919.025.921
13	Tỷ số thu chi của dự án (BCR)	6,10	6,10	6,10	6,10	6,10	6,10	6,10

STT	KHOẢN MỤC	Năm 35	Năm 36	Năm 37	Năm 38	Năm 39	Năm 40
1	Vốn đầu tư						
2	Chi phí của dự án qua các năm (C)	3.998.458.208	4.087.865.189	4.178.601.843	4.270.708.060	4.364.224.927	4.459.194.764
3	Doanh thu của dự án qua các năm (B)	41.503.488.091	42.446.749.184	43.390.010.277	44.333.271.370	45.276.532.463	46.219.793.556
4	Lợi nhuận thuần	37.505.029.883	38.358.883.995	39.211.408.434	40.062.563.310	40.912.307.535	41.760.598.791
5	Thuế TNDN (28%)	10.501.408.367	10.740.487.519	10.979.194.362	11.217.517.727	11.455.446.110	11.692.967.662
6	% Ưu đãi thuế TNDN	0	0	0	0	0	0
7	Ưu đãi thuế TNCN	0	0	0	0	0	0
8	Lợi nhuận sau thuế	27.003.621.516	27.618.396.476	28.232.214.072	28.845.045.583	29.456.861.425	30.067.631.130
9	Chi phí cộng dồn	96.186.054.858	100.273.920.047	104.452.521.890	108.723.229.951	113.087.454.878	117.546.649.642
10	Chi phí bình quân	2.938.666.241	2.938.666.241	2.938.666.241	2.938.666.241	2.938.666.241	2.938.666.241
11	Lợi nhuận cộng dồn	572.540.888.164	600.159.284.640	628.391.498.713	657.236.544.295	686.693.405.721	716.761.036.851
12	Lợi nhuận bình quân	17.919.025.921	17.919.025.921	17.919.025.921	17.919.025.921	17.919.025.921	17.919.025.921
13	Tỷ số thu chi của dự án (BCR)	6,10	6,10	6,10	6,10	6,10	6,10

BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ HIỆN TẠI THUẦN NPV

TT	KHOẢN MỤC	2021-2022	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6
	Vốn đầu tư	97.836.723.917						
1	Lợi nhuận sau thuế		5.541.082.829	6.176.088.660	6.810.744.053	7.445.038.494	8.078.961.155	8.712.500.883
2	Khấu hao		341.334.619	341.334.619	341.334.619	341.334.619	341.334.619	341.334.619
3	Dòng tiền thuần	-97.836.723.917	5.882.417.448	6.517.423.279	7.152.078.672	7.786.373.113	8.420.295.774	9.053.835.502
	r		0,100	0,100	0,100	0,100	0,100	0,100
	(1+r)t		1,100	1,210	1,331	1,464	1,611	1,772
	1/(1+r) ^t		0,909	0,826	0,751	0,683	0,621	0,564
4	Giá trị hiện tại thuần NPV	-97.836.723.917	5.347.652.225	5.386.300.231	5.373.462.563	5.318.197.605	5.228.341.193	5.110.654.108
	Cộng dồn dòng tiền thuần chiết khấu	-97.836.723.917	-92.489.071.692	-87.102.771.461	-81.729.308.898	-76.411.111.293	-71.182.770.101	-66.072.115.993

Suất thu lợi nội tại IRR được tính

$$IRR = IRR_1 + (IRR_2 - IRR_1) \times NPW1 / (NPW1 + (NPW2))$$

$$IRR = 0,112$$

$$\text{Năm thu hồi vốn} = 26$$

TT	KHOẢN MỤC	Năm 7	Năm 8	Năm 9	Năm 10	Năm 11	Năm 12	Năm 13
	Vốn đầu tư							
1	Lợi nhuận sau thuế	9.345.646.189	9.978.385.241	10.610.705.852	11.242.595.467	12.023.580.419	12.654.568.866	13.285.086.354
2	Khấu hao	341.334.619	341.334.619	341.334.619	341.334.619	133.641.200	133.641.200	133.641.200
3	Dòng tiền thuần	9.686.980.808	10.319.719.860	10.952.040.471	11.583.930.086	12.157.221.619	12.788.210.066	13.418.727.554
	r	0,100	0,100	0,100	0,100	0,100	0,100	0,100
	(1+r)t	1,949	2,144	2,358	2,594	2,853	3,138	3,452
	1/(1+r) ^t	0,513	0,467	0,424	0,386	0,350	0,319	0,290
4	Giá trị hiện tại thuần NPV	4.970.952.843	4.814.225.476	4.644.734.280	4.466.106.510	4.261.032.012	4.074.717.831	3.886.927.394
	Cộng dồn dòng tiền thuần chiết khấu	-61.101.163.150	-56.286.937.674	-51.642.203.394	-47.176.096.885	-42.915.064.872	-38.840.347.042	-34.953.419.648

TT	KHOẢN MỤC	Năm 14	Năm 15	Năm 16	Năm 17	Năm 18	Năm 19	Năm 20
	Vốn đầu tư							
1	Lợi nhuận sau thuế	13.915.118.753	14.544.651.511	15.173.669.638	15.802.157.696	16.430.099.781	17.057.479.517	17.684.280.031
2	Khấu hao	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200
3	Dòng tiền thuần	14.048.759.953	14.678.292.711	15.307.310.838	15.935.798.896	16.563.740.981	17.191.120.717	17.817.921.231
	r	0,100	0,100	0,100	0,100	0,100	0,100	0,100
	(1+r)t	3,797	4,177	4,595	5,054	5,560	6,116	6,727
	1/(1+r) ^t	0,263	0,239	0,218	0,198	0,180	0,164	0,149
4	Giá trị hiện tại thuần NPV	3.699.477.580	3.513.866.573	3.331.316.829	3.152.812.856	2.979.134.409	2.810.885.608	2.648.520.456
	Cộng dồn dòng tiền thuần chiết khấu	-31.253.942.068	-27.740.075.495	-24.408.758.666	-21.255.945.810	-18.276.811.401	-15.465.925.792	-12.817.405.337

TT	KHOẢN MỤC	Năm 21	Năm 22	Năm 23	Năm 24	Năm 25	Năm 26	Năm 27
	Vốn đầu tư							
1	Lợi nhuận sau thuế	18.310.483.947	18.936.073.367	19.561.029.857	20.185.334.427	20.808.967.522	21.431.908.996	22.054.138.101
2	Khấu hao	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200
3	Dòng tiền thuần	18.444.125.147	19.069.714.567	19.694.671.057	20.318.975.627	20.942.608.722	21.565.550.196	22.187.779.301
	r	0,100	0,100	0,100	0,100	0,100	0,100	0,100
	(1+r)t	7,400	8,140	8,954	9,850	10,835	11,918	13,110
	1/(1+r) ^t	0,135	0,123	0,112	0,102	0,092	0,084	0,076
4	Giá trị hiện tại thuần NPV	2.492.365.161	2.342.637.652	2.199.464.582	2.062.896.151	1.932.918.976	1.809.467.256	1.692.432.428
	Cộng dồn dòng tiền thuần chiết khấu	-10.325.040.175	-7.982.402.523	-5.782.937.941	-3.720.041.790	-1.787.122.814	22.344.442	1.714.776.870

TT	KHOẢN MỤC	Năm 28	Năm 29	Năm 30	Năm 31	Năm 32	Năm 33	Năm 34
	Vốn đầu tư							
1	Lợi nhuận sau thuế	22.675.633.466	23.296.373.078	23.916.334.265	24.535.493.675	25.153.827.254	25.771.310.227	26.387.917.075
2	Khấu hao	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200
3	Dòng tiền thuần	22.809.274.666	23.430.014.278	24.049.975.465	24.669.134.875	25.287.468.454	25.904.951.427	26.521.558.275
	r	0,100	0,100	0,100	0,100	0,100	0,100	0,100
	(1+r)t	14,421	15,863	17,449	19,194	21,114	23,225	25,548
	1/(1+r) ^t	0,069	0,063	0,057	0,052	0,047	0,043	0,039
4	Giá trị hiện tại thuần NPV	1.581.671.505	1.477.014.244	1.378.269.301	1.285.229.483	1.197.676.226	1.115.383.388	1.038.120.440
	Cộng dồn dòng tiền thuần chiết khấu	3.296.448.375	4.773.462.619	6.151.731.920	7.436.961.403	8.634.637.629	9.750.021.017	10.788.141.457

TT	KHOẢN MỤC	Năm 35	Năm 36	Năm 37	Năm 38	Năm 39	Năm 40
	Vốn đầu tư						
1	Lợi nhuận sau thuế	27.003.621.516	27.618.396.476	28.232.214.072	28.845.045.583	29.456.861.425	30.067.631.130
2	Khấu hao	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200
3	Dòng tiền thuần	27.137.262.716	27.752.037.676	28.365.855.272	28.978.686.783	29.590.502.625	30.201.272.330
	r	0,100	0,100	0,100	0,100	0,100	0,100
	$(1+r)^t$	28,102	30,913	34,004	37,404	41,145	45,259
	$1/(1+r)^t$	0,036	0,032	0,029	0,027	0,024	0,022
4	Giá trị hiện tại thuần NPV	965.655.145	897.755.782	834.192.982	774.741.223	719.180.032	667.294.942
	Cộng dồn dòng tiền thuần chiết khấu	11.753.796.602	12.651.552.383	13.485.745.366	14.260.486.588	14.979.666.621	15.646.961.563

T	KHOẢN MỤC	2021-2022	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6
T	Vốn đầu tư	97.836.723.917						
1	Lợi nhuận sau thuế		5.541.082.829	6.176.088.660	6.810.744.053	7.445.038.494	8.078.961.155	8.712.500.883
2	Khấu hao		341.334.619	341.334.619	341.334.619	341.334.619	341.334.619	341.334.619
3	Dòng tiền thuần	97.836.723.917	5.882.417.448	6.517.423.279	7.152.078.672	7.786.373.113	8.420.295.774	9.053.835.502
	$r1$		0,110	0,110	0,110	0,110	0,110	0,110
	$(1+r)t$		1,110	1,232	1,368	1,518	1,685	1,870
	$1/(1+r)^t$		0,901	0,812	0,731	0,659	0,593	0,535
4	Giá trị hiện tại thuần NPV	97.836.723.917	5.299.475.178	5.289.686.940	5.229.538.283	5.129.125.146	4.997.035.710	4.840.550.182
	Cộng dồn dòng tiền thuần chiết khấu	97.836.723.917	92.537.248.739	87.247.561.799	82.018.023.516	76.888.898.370	71.891.862.660	67.051.312.478

T	KHOẢN MỤC	Năm 7	Năm 8	Năm 9	Năm 10	Năm 11	Năm 12	Năm 13
T	Vốn đầu tư							
1	Lợi nhuận sau thuế	9.345.646.189	9.978.385.241	10.610.705.852	11.242.595.467	12.023.580.419	12.654.568.866	13.285.086.354
2	Khấu hao	341.334.619	341.334.619	341.334.619	341.334.619	341.334.619	341.334.619	341.334.619
3	Dòng tiền thuần	9.686.980.808	10.319.719.860	10.952.040.471	11.583.930.086	12.157.221.619	12.788.210.066	13.418.727.554
	$r1$	0,110	0,110	0,110	0,110	0,110	0,110	0,110
	$(1+r)t$	2,076	2,305	2,558	2,839	3,152	3,498	3,883
	$1/(1+r)^t$	0,482	0,434	0,391	0,352	0,317	0,286	0,258
4	Giá trị hiện tại thuần NPV	4.665.815.782	4.477.999.882	4.281.423.918	4.079.680.379	3.857.283.567	3.655.392.498	3.455.513.636
	Cộng dồn dòng tiền thuần chiết khấu	62.385.496.696	57.907.496.814	53.626.072.896	49.546.392.517	45.689.108.950	42.033.716.452	38.578.202.816

T	KHOẢN MỤC	Năm 14	Năm 15	Năm 16	Năm 17	Năm 18	Năm 19	Năm 20
T	Vốn đầu tư							
1	Lợi nhuận sau thuế	13.915.118.753	14.544.651.511	15.173.669.638	15.802.157.696	16.430.099.781	17.057.479.517	17.684.280.031
2	Khấu hao	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200
3	Dòng tiền thuần	14.048.759.953	14.678.292.711	15.307.310.838	15.935.798.896	16.563.740.981	17.191.120.717	17.817.921.231
	r1	0,110	0,110	0,110	0,110	0,110	0,110	0,110
	(1+r)t	4,310	4,785	5,311	5,895	6,544	7,263	8,062
	1/(1+r) ^t	0,232	0,209	0,188	0,170	0,153	0,138	0,124
4	Giá trị hiện tại thuần NPV	3.259.239.604	3.067.826.978	2.882.247.298	2.703.231.261	2.531.306.955	2.366.832.875	2.210.026.386
	Cộng dồn dòng tiền thuần chiết khấu	35.318.963.212	32.251.136.234	29.368.888.936	26.665.657.676	24.134.350.721	21.767.517.845	19.557.491.459

T	KHOẢN MỤC	Năm 21	Năm 22	Năm 23	Năm 24	Năm 25	Năm 26	Năm 27
T	Vốn đầu tư							
1	Lợi nhuận sau thuế	18.310.483.947	18.936.073.367	19.561.029.857	20.185.334.427	20.808.967.522	21.431.908.996	22.054.138.101
2	Khấu hao	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200
3	Dòng tiền thuần	18.444.125.147	19.069.714.567	19.694.671.057	20.318.975.627	20.942.608.722	21.565.550.196	22.187.779.301
	r1	0,110	0,110	0,110	0,110	0,110	0,110	0,110
	(1+r)t	8,949	9,934	11,026	12,239	13,585	15,080	16,739
	1/(1+r) ^t	0,112	0,101	0,091	0,082	0,074	0,066	0,060
4	Giá trị hiện tại thuần NPV	2.060.988.203	1.919.723.403	1.786.159.425	1.660.161.425	1.541.545.362	1.430.089.092	1.325.541.747
	Cộng dồn dòng tiền thuần chiết khấu	17.496.503.256	15.576.779.853	13.790.620.429	12.130.459.004	10.588.913.641	-9.158.824.549	-7.833.282.802

TT	KHOẢN MỤC	Năm 28	Năm 29	Năm 30	Năm 31	Năm 32	Năm 33	Năm 34
	Vốn đầu tư							
1	Lợi nhuận sau thuế	22.675.633.466	23.296.373.078	23.916.334.265	24.535.493.675	25.153.827.254	25.771.310.227	26.387.917.075
2	Khấu hao	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200
3	Dòng tiền thuần	22.809.274.666	23.430.014.278	24.049.975.465	24.669.134.875	25.287.468.454	25.904.951.427	26.521.558.275
	r1	0,110	0,110	0,110	0,110	0,110	0,110	0,110
	(1+r)t	18,580	20,624	22,892	25,410	28,206	31,308	34,752
	1/(1+r) ^t	0,054	0,048	0,044	0,039	0,035	0,032	0,029
4	Giá trị hiện tại thuần NPV	1.227.631.628	1.136.072.817	1.050.570.675	970.826.398	896.540.747	827.417.081	763.163.795
	Cộng dồn dòng tiền thuần chiết khấu	-6.605.651.174	-5.469.578.357	-4.419.007.682	-3.448.181.283	-2.551.640.536	-1.724.223.454	-961.059.660

TT	KHOẢN MỤC	Năm 35	Năm 36	Năm 37	Năm 38	Năm 39	Năm 40
	Vốn đầu tư						
1	Lợi nhuận sau thuế	27.003.621.516	27.618.396.476	28.232.214.072	28.845.045.583	29.456.861.425	30.067.631.130
2	Khấu hao	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200
3	Dòng tiền thuần	27.137.262.716	27.752.037.676	28.365.855.272	28.978.686.783	29.590.502.625	30.201.272.330
	r1	0,110	0,110	0,110	0,110	0,110	0,110
	(1+r)t	38,575	42,818	47,528	52,756	58,559	65,001
	1/(1+r) ^t	0,026	0,023	0,021	0,019	0,017	0,015
4	Giá trị hiện tại thuần NPV	703.496.242	648.138.232	596.823.160	549.294.824	505.307.995	464.628.759
	Cộng dồn dòng tiền thuần chiết khấu	-257.563.418	390.574.814	987.397.974	1.536.692.798	2.042.000.793	2.506.629.552

TT	KHOẢN MỤC	2021-2022	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6
	Vốn đầu tư	97.836.723.917						
1	Lợi nhuận sau thuế		5.541.082.829	6.176.088.660	6.810.744.053	7.445.038.494	8.078.961.155	8.712.500.883
2	Khấu hao		341.334.619	341.334.619	341.334.619	341.334.619	341.334.619	341.334.619
3	Dòng tiền thuần	-97.836.723.917	5.882.417.448	6.517.423.279	7.152.078.672	7.786.373.113	8.420.295.774	9.053.835.502
	r2		0,120	0,120	0,120	0,120	0,120	0,120
	(1+r)t		1,120	1,254	1,405	1,574	1,762	1,974
	1/(1+r) ^t		0,893	0,797	0,712	0,636	0,567	0,507
4	Giá trị hiện tại thuần NPV	-97.836.723.917	5.252.158.436	5.195.649.935	5.090.708.329	4.948.380.878	4.777.901.955	4.586.954.831
	Cộng dồn dòng tiền thuần chiết khấu	-97.836.723.917	-92.584.565.482	-87.388.915.546	-82.298.207.217	-77.349.826.338	-72.571.924.383	-67.984.969.552

TT	KHOẢN MỤC	Năm 7	Năm 8	Năm 9	Năm 10	Năm 11	Năm 12	Năm 13
	Vốn đầu tư							
1	Lợi nhuận sau thuế	9.345.646.189	9.978.385.241	10.610.705.852	11.242.595.467	12.023.580.419	12.654.568.866	13.285.086.354
2	Khấu hao	341.334.619	341.334.619	341.334.619	341.334.619	341.334.619	341.334.619	341.334.619
3	Dòng tiền thuần	9.686.980.808	10.319.719.860	10.952.040.471	11.583.930.086	12.157.221.619	12.788.210.066	13.418.727.554
	r2	0,120	0,120	0,120	0,120	0,120	0,120	0,120
	(1+r)t	2,211	2,476	2,773	3,106	3,479	3,896	4,363
	1/(1+r) ^t	0,452	0,404	0,361	0,322	0,287	0,257	0,229
4	Giá trị hiện tại thuần NPV	4.381.898.167	4.167.961.769	3.949.415.588	3.729.715.462	3.494.910.708	3.282.415.007	3.075.226.020
	Cộng dồn dòng tiền thuần chiết khấu	-63.603.071.385	-59.435.109.616	-55.485.694.028	-51.755.978.566	-48.261.067.858	-44.978.652.851	-41.903.426.831

TT	KHOẢN MỤC	Năm 14	Năm 15	Năm 16	Năm 17	Năm 18	Năm 19	Năm 20
	Vốn đầu tư							
1	Lợi nhuận sau thuế	13.915.118.753	14.544.651.511	15.173.669.638	15.802.157.696	16.430.099.781	17.057.479.517	17.684.280.031
2	Khấu hao	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200
3	Dòng tiền thuần	14.048.759.953	14.678.292.711	15.307.310.838	15.935.798.896	16.563.740.981	17.191.120.717	17.817.921.231
	r2	0,120	0,120	0,120	0,120	0,120	0,120	0,120
	(1+r)t	4,887	5,474	6,130	6,866	7,690	8,613	9,646
	1/(1+r) ^t	0,205	0,183	0,163	0,146	0,130	0,116	0,104
4	Giá trị hiện tại thuần NPV	2.874.654.629	2.681.669.200	2.496.953.982	2.320.958.927	2.153.942.088	1.996.005.618	1.847.126.254
	Cộng dồn dòng tiền thuần chiết khấu	-39.028.772.202	-36.347.103.002	-33.850.149.020	-31.529.190.092	-29.375.248.004	-27.379.242.387	-25.532.116.132

TT	KHOẢN MỤC	Năm 21	Năm 22	Năm 23	Năm 24	Năm 25	Năm 26	Năm 27
	Vốn đầu tư							
1	Lợi nhuận sau thuế	18.310.483.947	18.936.073.367	19.561.029.857	20.185.334.427	20.808.967.522	21.431.908.996	22.054.138.101
2	Khấu hao	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200
3	Dòng tiền thuần	18.444.125.147	19.069.714.567	19.694.671.057	20.318.975.627	20.942.608.722	21.565.550.196	22.187.779.301
	r2	0,120	0,120	0,120	0,120	0,120	0,120	0,120
	(1+r)t	10,804	12,100	13,552	15,179	17,000	19,040	21,325
	1/(1+r) ^t	0,093	0,083	0,074	0,066	0,059	0,053	0,047
4	Giá trị hiện tại thuần NPV	1.707.181.061	1.575.969.085	1.453.229.516	1.338.656.852	1.231.913.493	1.132.640.152	1.040.464.400
	Cộng dồn dòng tiền thuần chiết khấu	-23.824.935.071	-22.248.965.986	-20.795.736.470	-19.457.079.618	-18.225.166.125	-17.092.525.973	-16.052.061.573

TT	KHOẢN MỤC	Năm 28	Năm 29	Năm 30	Năm 31	Năm 32	Năm 33	Năm 34
	Vốn đầu tư							
1	Lợi nhuận sau thuế	22.675.633.466	23.296.373.078	23.916.334.265	24.535.493.675	25.153.827.254	25.771.310.227	26.387.917.075
2	Khấu hao	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200
3	Dòng tiền thuần	22.809.274.666	23.430.014.278	24.049.975.465	24.669.134.875	25.287.468.454	25.904.951.427	26.521.558.275
	r2	0,120	0,120	0,120	0,120	0,120	0,120	0,120
	(1+r)t	23,884	26,750	29,960	33,555	37,582	42,092	47,143
	1/(1+r) ^t	0,042	0,037	0,033	0,030	0,027	0,024	0,021
4	Giá trị hiện tại thuần NPV	955.007.627	875.890.661	802.738.250	735.182.595	672.866.069	615.443.280	562.582.562
	Cộng dồn dòng tiền thuần chiết khấu	-15.097.053.945	-14.221.163.284	-13.418.425.034	-12.683.242.439	-12.010.376.370	-11.394.933.090	-10.832.350.528

TT	KHOẢN MỤC	Năm 35	Năm 36	Năm 37	Năm 38	Năm 39	Năm 40
	Vốn đầu tư						
1	Lợi nhuận sau thuế	27.003.621.516	27.618.396.476	28.232.214.072	28.845.045.583	29.456.861.425	30.067.631.130
2	Khấu hao	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200	133.641.200
3	Dòng tiền thuần	27.137.262.716	27.752.037.676	28.365.855.272	28.978.686.783	29.590.502.625	30.201.272.330
	r2	0,120	0,120	0,120	0,120	0,120	0,120
	(1+r)t	52,800	59,136	66,232	74,180	83,081	93,051
	1/(1+r) ^t	0,019	0,017	0,015	0,013	0,012	0,011
4	Giá trị hiện tại thuần NPV	513.967.012	469.295.144	428.281.233	390.655.407	356.163.539	324.566.979
	Cộng dồn dòng tiền thuần chiết khấu	-10.318.383.516	-9.849.088.372	-9.420.807.139	-9.030.151.732	-8.673.988.193	-8.349.421.215

**TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
TOÀN DỰ ÁN**

BẢNG TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
DỰ ÁN: MỞ RỘNG BẾN XE AN SƯƠNG

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	CHI PHÍ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	CHI PHÍ SAU THUẾ
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Bảng tính	792.136.673.903	79.213.667.390	871.350.341.293
I	Chi phí xây lắp	Gxl	231.748.109.091	23.174.810.909	254.922.920.000
	Chi phí phần xây dựng	Gxd_xd	193.871.745.455	19.387.174.545	213.258.920.000
	Chi phí phần thiết bị	Gxd_tb	37.876.363.636	3.787.636.364	41.664.000.000
III	Chi phí quản lý dự án:	% x Gxl	4.075.290.498		4.075.290.498
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:		9.569.252.364	956.925.236	10.526.177.600
	- Chi phí KSDH	tạm tính	454.545.455	45.454.545	500.000.000
	- Chi phí KSDC	tạm tính	636.363.636	63.636.364	700.000.000
	- Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	% x Gxl	903.354.129	90.335.413	993.689.542
	- Chi phí thiết kế TKBVTC	% x Gxd	3.469.916.500	346.991.650	3.816.908.150
	- Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	% x Gxd	213.452.792	21.345.279	234.798.071
	- Chi phí thẩm tra tổng dự toán	% x Gxd	207.636.639	20.763.664	228.400.303
	- Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ mời thầu thi công xây dựng	% x Gxd	157.036.114	15.703.611	172.739.725
	- Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ mời thầu mua sắm thiết bị	0,248 % x Gtb	93.819.753	9.381.975	103.201.728
	- Chi phí giám sát thi công	1,564 % x Gxd	3.032.735.714	303.273.571	3.336.009.285
	- Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	0,644 % x Gtb	243.961.658	24.396.166	268.357.824
	- Chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi	0,068 % x Gxl	156.429.974	15.642.997	172.072.971
V	Chi phí khác:		3.148.293.931	178.769.346	3.327.063.277
	- Chi phí bảo hiểm của công trình	0,08 % x Gxl	185.398.487	18.539.849	203.938.336
	- Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật	0,0199 % x Gxd	38.580.477		38.580.477
	- Phí thẩm định dự toán xây dựng	0,0190 % x Gxd	36.835.632		36.835.632
	- Phí thẩm định DADT	0,004 % x TMDT	51.605.730		51.605.730
	- Phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xd	0,050 % x Gxd	96.935.873		96.935.873

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	CHI PHÍ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	CHI PHÍ SAU THUẾ
	- Phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu lắp đặt thiết bị	0,050 % x Gtb	18.938.182		18.938.182
	- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,089 % x TMDT	1.117.704.582		1.117.704.582
	- Chi phí kiểm toán độc lập	0,127 % x TMDT	1.602.294.969	160.229.497	1.762.524.466
VI	Chi phí dự phòng		104.067.761.979	10.406.776.198	114.474.538.177
	- Dự phòng cho yếu tố khối lượng	10%x(Ggmbb+Gxl + Qqlda +Gtv + Gk)	104.067.761.979	10.406.776.198	114.474.538.177
	Tổng cộng (1+2+3+4+5)		1.144.745.381.765	113.930.949.079	1.258.676.330.844

CHI PHÍ XÂY DỰNG & GIẢI TỎA ĐỀN BÙ

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ		THÀNH TIỀN	
				Thiết bị	Xây dựng	Thiết bị	Xây dựng
I	Chi phí đền bù						
1	Đất thổ cư	m2	15.054,2		35.000.000		871.350.341.293
2	Đất nghĩa địa	m2	3.832,0		17.500.000		526.896.733.729
3	Đất vườn	m2	7.636,6		28.000.000		67.059.584.293
4	Đất mặt tiền	m2	752,7		80.000.000		213.824.274.488
5	Đất trống	m2	95,8		35.000.000		60.216.769.569
II	Chi phí xây dựng					41.664.000.000	213.258.920.000
1	Khu bến - trung tâm thương mại	m2	30.240,0	1.300.000	6.098.000	39.312.000.000	184.403.520.000
2	Khu tác nghiệp vận tải hành khách	m2	12.475,0		1.400.000		17.465.000.000
3	Khu dịch vụ kỹ thuật	m2	2.100,0	1.120.000	5.424.000	2.352.000.000	11.390.400.000

**BẢNG THỐNG KÊ CÁC KHỐI LƯỢNG ĐỀN BÙ GIẢI TỎA
CÔNG TRÌNH:**

Địa chỉ:...

KHỐI LƯỢNG ĐỀN BÙ

STT	Loại công trình	Phần trăm	Diện tích	Đơn vị
1	Đất thổ cư	55	15.054	m2
2	Đất nghĩa địa	14	3.832	m2
3	Đất vườn	27,9	7.637	m2
4	Đất mặt tiền QL 22	2,75	753	
5	Đất trống	0,35	96	m2
Tổng diện tích giải phóng hết ranh quy hoạch BXAS		100	27.371	m2

KHỐI LƯỢNG XÂY DỰNG

STT	Loại công trình	Diện tích (m2)	Số tầng cao	Diện tích sàn (m2)
1	Khu bến - trung tâm thương mại	5040	6	30.240
2	Khu tác nghiệp vận tải hành khách	12475		12.475
3	Khu dịch vụ kỹ thuật	700	3	2.100

TỔNG MỨC ĐẦU TƯ GD I

BẢNG TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

DỰ ÁN: MỞ RỘNG BẾN XE AN SƯƠNG

PHẦN KỶ ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN I

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	CHI PHÍ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	CHI PHÍ SAU THUẾ
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Bảng tính	90.414.141.730		90.414.141.730
II	Chi phí xây dựng	Gxd	4.859.680.000	485.968.000	5.345.648.000
	Chi phí phần xây dựng	Gxd	4.859.680.000	485.968.000	5.345.648.000
III	Chi phí quản lý dự án:	2,936 % x Gxd tt	142.680.205		142.680.205
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	tạm tính	569.021.962	56.902.196	625.924.158
	- Chi phí KSDH		90.909.091	9.090.909	100.000.000
	- Chi phí KSĐC	tạm tính	181.818.182	18.181.818	200.000.000
	- Chi phí lập BC nghiên cứu khả thi	0,689 % x Gxd tt	33.483.195	3.348.320	36.831.515
	- Chi phí thiết kế TKBVTC	1,370 % x Gxd tt	66.577.616	6.657.762	73.235.378
	- Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	0,170 % x Gxd tt	8.261.456	826.146	9.087.602
	- Chi phí thẩm tra tổng dự toán	0,166 % x Gxd tt	8.067.069	806.707	8.873.776
	- Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ mời thầu thi công xây dựng	0,346 % x Gxd tt	16.814.493	1.681.449	18.495.942
	- Chi phí giám sát thi công	3,203 % x Gxd tt	155.655.550	15.565.555	171.221.105
	- Chi phí thẩm tra BC nghiên cứu khả thi	0,153 % x Gxd tt	7.435.310	743.531	8.178.841
V	Chi phí khác:		594.656.695	35.408.855	630.065.550
	- Chi phí bảo hiểm của công trình	0,25 % x Gxd tt	12.149.200	1.214.920	13.364.120
	- Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật	0,0327 % x Gxd tt	1.589.115	0	1.589.115
	- Phí thẩm định dự toán xây dựng	0,0318 % x Gxd tt	1.545.378		1.545.378
	- Phí thẩm định DADT	0,013 % x TMDT	12.327.427		12.327.427
	- Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xd	0,050 % x Gxd tt	2.429.840		2.429.840
	- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,228 % x TMDT	222.676.384	0	222.676.384
	- Chi phí kiểm toán	0,350 % x TMDT	341.939.350	34.193.935	376.133.285
VI	Chi phí dự phòng		616.603.886	61.660.389	678.264.275

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	CHI PHÍ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	CHI PHÍ SAU THUẾ
	- Dự phòng cho yếu tố khối lượng	$10\% \times (Gxdct + Qqlda + Gtv + Gk)$	616.603.886	61.660.389	678.264.275
	Tổng cộng (1+2+3+4+5)		97.196.784.477	639.939.440	97.836.723.917

CHI PHÍ XÂY DỰNG & GIẢI TỎA ĐỀN BÙ

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ		THÀNH TIỀN	
				Xây dựng		Xây dựng	
I	Chi phí đền bù						
1	Nhà Tôn, nhà gạch (chỉ tính công trình xây dựng, không tính đất)	m2	766,0	790.000		90.414.141.730	
2	Đất thổ cư	m2	766,1	35.000.000		605.171.600	
3	Đất trống	m2	92,8	35.000.000		26.811.750.000	
4	Sân hiên (không tính đất)	m2	44,6	351.000		3.246.950.000	
5	Tường gạch	m2		179.000		15.665.130	0
6	Đất vườn	m2	1.961,7	28.000.000		54.926.480.000	
7	Đất nghĩa địa	m2	274,8	17.500.000		4.808.125.000	
II	Chi phí xây dựng						5.345.648.000
7	Lối đi bộ có mái che	m2		3.000.000			0
8	Bãi xe	m2	3.818,3	1.400.000		5.345.648.000	

TỔNG MỨC ĐẦU TƯ GĐ II

BẢNG TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

DỰ ÁN: MỞ RỘNG BẾN XE AN SƯƠNG

PHẦN KỲ ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN II

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	CHI PHÍ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	CHI PHÍ SAU THUẾ
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Bảng tính	374.971.530.234	37.497.153.023	412.468.683.257
I	Chi phí xây lắp	Gxl	28.370.363.636	2.837.036.364	31.207.400.000
	Chi phí phân xây dựng	Gxd_xd	26.232.181.818	2.623.218.182	28.855.400.000
	Chi phí phân thiết bị	Gxd_tb	2.138.181.818	213.818.182	2.352.000.000
III	Chi phí quản lý dự án:	2,701 % x Gxl	766.255.151		766.255.151
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:		2.246.217.420	224.621.742	2.470.839.162
	- Chi phí KSDH	tạm tính	136.363.636	13.636.364	150.000.000
	- Chi phí KSĐC	tạm tính	227.272.727	22.727.273	250.000.000
	- Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	0,869 % x Gxl	246.396.608	24.639.661	271.036.269
	- Chi phí thiết kế TKBVTC	2,465 % x Gxd	646.570.817	64.657.082	711.227.899
	- Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	0,212 % x Gxd	55.717.154	5.571.715	61.288.869
	- Chi phí thẩm tra tổng dự toán	0,208 % x Gxd	54.562.938	5.456.294	60.019.232
	- Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ mời thầu thi công xây dựng	0,315 % x Gxd	82.526.444	8.252.644	90.779.088
	- Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ mời thầu mua sắm thiết bị	0,367 % x Gtb	7.847.127	784.713	8.631.840
	- Chi phí giám sát thi công	2,766 % x Gxd	725.634.613	72.563.461	798.198.074
	- Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	0,844 % x Gtb	18.046.255	1.804.626	19.850.881
	- Chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi	0,160 % x Gxl	45.279.100	4.527.910	49.807.010
V	Chi phí khác:		1.745.020.634	99.715.911	1.844.736.545
	- Chi phí bảo hiểm của công trình	0,08 % x Gxl	22.696.291	2.269.629	24.965.920
	- Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật	0,0442 % x Gxd	11.594.624		11.594.624
	- Phí thẩm định dự toán xây dựng	0,0428 % x Gxd	11.227.374		11.227.374
	- Phí thẩm định DADT	0,008 % x TMDT	37.517.312		37.517.312
	- Phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xd	0,050 % x Gxd	13.116.091		13.116.091

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	CHI PHÍ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	CHI PHÍ SAU THUẾ
	- Phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu lắp đặt thiết bị	0,050 % x Gtb	1.069.091		1.069.091
	- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,136 % x TMDT	673.337.027		673.337.027
	- Chi phí kiểm toán độc lập	0,197 % x TMDT	974.462.823	97.446.282	1.071.909.106
VI	Chi phí dự phòng		40.809.938.707	4.080.993.871	44.890.932.578
	- Dự phòng cho yếu tố khối lượng	10% x (Ggpm + Gxl + Qqla + Gtv + Gk)	40.809.938.707	4.080.993.871	44.890.932.578
	Tổng cộng (1+2+3+4+5)		448.909.325.782	44.739.520.911	493.648.846.693

CHI PHÍ XÂY DỰNG & GIẢI TỎA ĐỀN BÙ

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ		THÀNH TIỀN	
				Thiết bị	Xây dựng	Thiết bị	Xây dựng
I	Chi phí đền bù						412.468.683.257
1	Đất thổ cư	m2	4.774,0		35.000.000		167.090.811.049
2	Đất nghĩa địa	m2	2.892,1		17.500.000		50.611.564.506
3	Đất vườn	m2	6.171,6		28.000.000		172.805.801.108
4	Nhà tôn, nhà gạch	m2	4.774,0		4.600.000		21.960.506.595
II	Chi phí xây dựng					2.352.000.000	28.855.400.000
2	Khu tác nghiệp vận tải hành khách	m2	12.475,0		1.400.000		17.465.000.000
3	Khu dịch vụ kỹ thuật	m2	2.100,0	1.120.000	5.424.000	2.352.000.000	11.390.400.000

BẢNG THỐNG KÊ CÁC KHỐI LƯỢNG ĐỀN BÙ GIẢI TỎA
CÔNG TRÌNH:
Địa chỉ:...

KHỐI LƯỢNG ĐỀN BÙ

STT	Loại công trình	Phần trăm	Diện tích	Đơn vị
1	Đất thổ cư	35	4.774	m2
2	Đất nghĩa địa	21	2.892	m2
3	Đất vườn	44,6	6.172	m2
4	Nhà tôn, nhà gạch		4.774	m2
	Tổng diện tích đất GPMB GD2		13837,75	m2

KHỐI LƯỢNG XÂY DỰNG

STT	Loại công trình	Diện tích (m2)	Số tầng cao	Diện tích sàn (m2)
2	Khu tác nghiệp vận tải hành khách	12475		12.475
3	Khu dịch vụ kỹ thuật	700	3	2.100

TỔNG MỨC ĐẦU TƯ GĐ III

BẢNG TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
DỰ ÁN: MỞ RỘNG BẾN XE AN SƯƠNG
PHẦN KỲ ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN III

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	CHI PHÍ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	CHI PHÍ SAU THUẾ
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Bảng tính	334.584.661.404	33.458.466.140	368.043.127.544
I	Chi phí xây lắp	Gxd	203.377.745.455	20.337.774.545	223.715.520.000
	Chi phí phần xây dựng	Gxd_xd	167.639.563.636	16.763.956.364	184.403.520.000
	Chi phí phần thiết bị	Gxd_tb	35.738.181.818	3.573.818.182	39.312.000.000
III	Chi phí quản lý dự án:	1,792 % x Gxl	3.644.529.199		3.644.529.199
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:		8.023.434.138	802.343.414	8.825.777.551
	- Chi phí KSDH	tạm tính	136.363.636	13.636.364	150.000.000
	- Chi phí KSDC	tạm tính	227.272.727	22.727.273	250.000.000
	- Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	0,401 % x Gxl	814.934.626	81.493.463	896.428.089
	- Chi phí thiết kế TKBVTC	1,832 % x Gxd	3.070.821.527	307.082.153	3.377.903.680
	- Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	0,119 % x Gxd	199.993.999	19.999.400	219.993.399
	- Chi phí thẩm tra tổng dự toán	0,116 % x Gxd	194.964.813	19.496.481	214.461.294
	- Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ mời thầu thi công xây dựng	0,094 % x Gxd	157.413.550	15.741.355	173.154.905
	- Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ mời thầu mua sắm thiết bị	0,259 % x Gtb	92.704.844	9.270.484	101.975.328
	- Chi phí giám sát thi công	1,643 % x Gxd	2.753.982.751	275.398.275	3.029.381.026
	- Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	0,653 % x Gtb	233.227.375	23.322.738	256.550.113
	- Chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi	0,070 % x Gxl	141.754.289	14.175.429	155.929.718
V	Chi phí khác:		2.333.024.079	131.665.342	2.464.689.421
	- Chi phí bảo hiểm của công trình	0,08 % x Gxl	162.702.196	16.270.220	178.972.416
	- Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật	0,0214 % x Gxd	35.874.867		35.874.867
	- Phí thẩm định dự toán xây dựng	0,0206 % x Gxd	34.533.750		34.533.750
	- Phí thẩm định DADT	0,007 % x TMDT	44.049.035		44.049.035
	- Phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xd	0,050 % x Gxd	83.819.782		83.819.782

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	CHI PHÍ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	CHI PHÍ SAU THUẾ
	- Phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu lắp đặt thiết bị	0,050 % x Gtb	17.869.091		17.869.091
	- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,120 % x TMDT	800.224.131		800.224.131
	- Chi phí kiểm toán độc lập	0,173 % x TMDT	1.153.951.228	115.395.123	1.269.346.351
VI	Chi phí dự phòng		55.196.339.427	5.519.633.943	60.715.973.370
	- Dự phòng cho yếu tố khối lượng	10%(Ggmbb+Gxl + Qqlda +Gtv + Gk)	55.196.339.427	5.519.633.943	60.715.973.370
	Tổng cộng (1+2+3+4+5)		607.159.733.701	60.249.883.385	667.409.617.086

CHI PHÍ XÂY DỰNG & GIẢI TỎA ĐỀN BÙ

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ		THÀNH TIỀN	
				Thiết bị	Xây dựng	Thiết bị	Xây dựng
I	Chi phí đền bù						368.043.127.544
1	Đất thổ cư	m2	2.603,3		35.000.000		91.116.058.619
2	Đất nghĩa địa	m2	-		17.500.000		0
3	Đất vườn	m2	4.575,8		28.000.000		128.122.239.423
4	Đất mặt tiền	m2	1.710,4		80.000.000		136.829.576.083
5	Nhà tôn, nhà gạch	m2	2.603,3		4.600.000		11.975.253.419
II	Chi phí xây dựng					39.312.000.000	184.403.520.000
1	Khu bển - trung tâm thương mại	m2	30.240,0	1.300.000	6.098.000	39.312.000.000	184.403.520.000

**BẢNG THỐNG KÊ CÁC KHỐI LƯỢNG ĐÈN BÙ GIẢI TỎA
CÔNG TRÌNH:**

Địa chỉ:...

KHỐI LƯỢNG ĐÈN BÙ

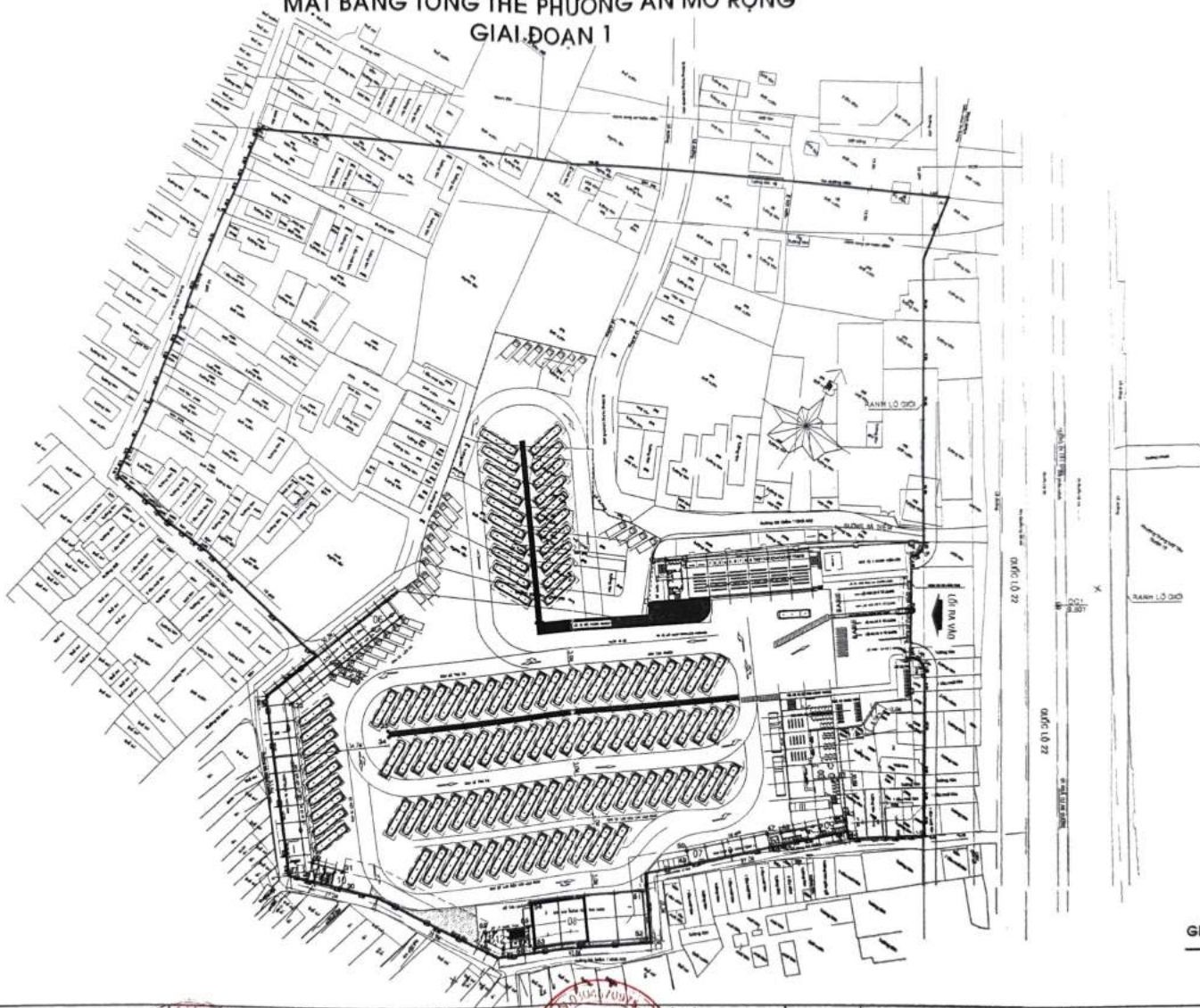
STT	Loại công trình	Phần trăm	Diện tích	Đơn vị
1	Đất thổ cư	29	2.603	m ²
2	Đất nghĩa địa		-	m ²
3	Đất vườn	51,5	4.576	m ²
4	Đất mặt tiền QL 22	19,25	1.710	
5	Nhà tôn, nhà gạch	0,35	2.603	m ²
Tổng diện tích giải phóng hết ranh quy hoạch BXAS		100	8.885	m ²

KHỐI LƯỢNG XÂY DỰNG

STT	Loại công trình	Diện tích (m ²)	Số tầng cao	Diện tích sàn (m ²)
1	Khu bến - trung tâm thương mại	5040	6	30.240

BẢN VẼ

MẶT BẰNG TỔNG THỂ PHƯƠNG ÁN MỞ RỘNG GIAI ĐOẠN 1



GHI CHÚ:
_____ RANH BÊN XE

CÔNG TRÌNH
MỞ RỘNG BÊN XE AN SƯƠNG

ĐỊA ĐIỂM
HUYỆN HỌC MÔN - TP HCM
BƯỚC: ĐỀ XUẤT DỰ ÁN

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊN BÀI VẠN TẠI SÀI GÒN
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊN BÀI VẠN TẠI SÀI GÒN
SAIGON

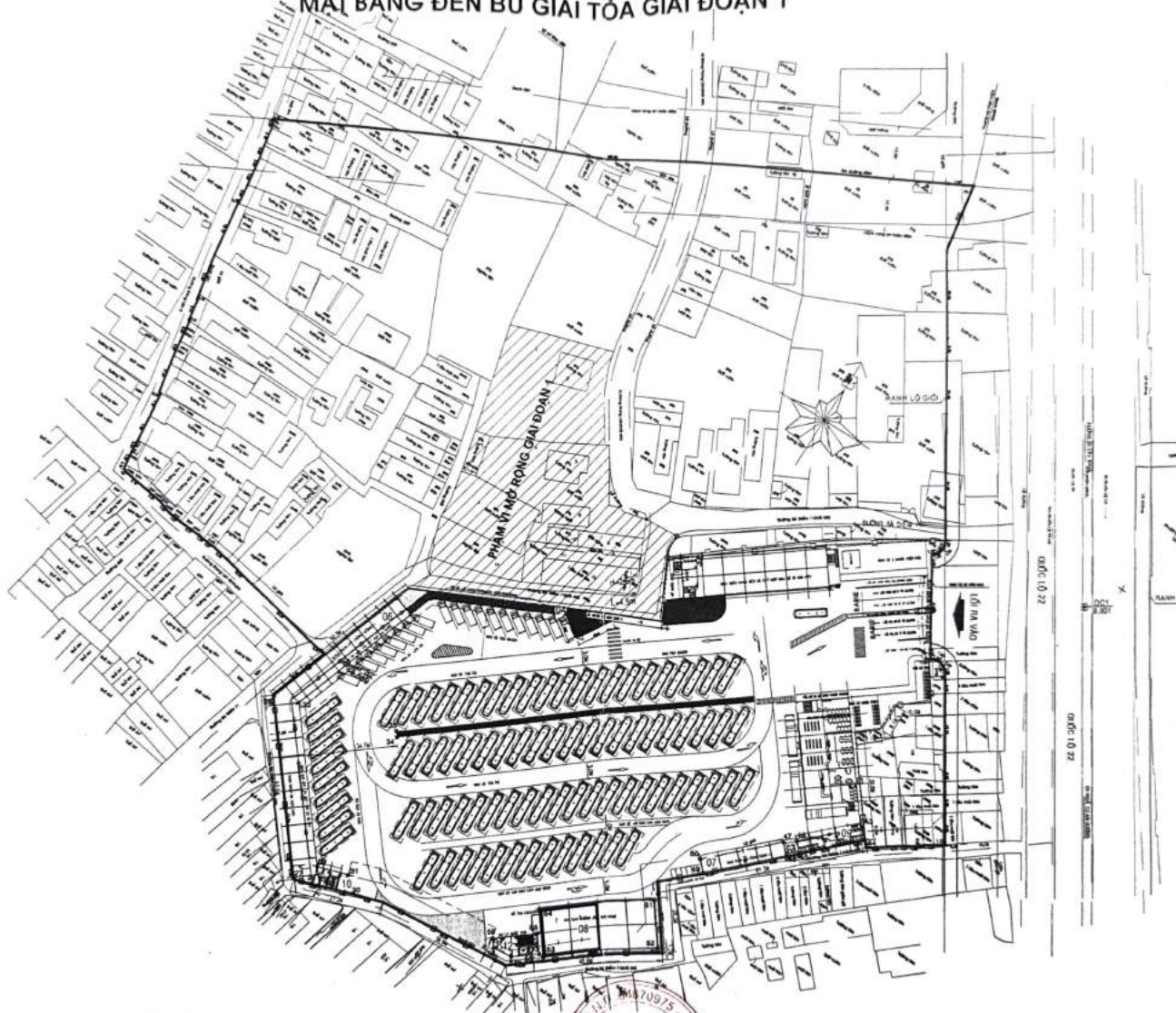


TƯ VẤN THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN AN SƠN
CỐ PHỤ TÙNG GIÁM ĐỐC
AN SƠN
TRẦN MINH NHẬT

THỰC HIỆN	BÔI MINH VŨ	<i>[Signature]</i>
KIỂM TRA	NGUYỄN HỮU HƯƠNG	<i>[Signature]</i>
C.T.T.K	KHƯƠNG VĂN TÙNG	<i>[Signature]</i>

MẶT BẰNG TỔNG THỂ PHƯƠNG ÁN MỞ RỘNG GIAI ĐOẠN 1		
TỶ LỆ BẢN VẼ		KÝ HIỆU
LẦN XUẤT BẢN	01	MÃ HỒ SƠ
		__BCKTKIAS

MẶT BẰNG ĐỀN BÙ GIẢI TỎA GIAI ĐOẠN 1



GHI CHÚ: RANH BẾN XE

CÔNG TRÌNH
MỞ RỘNG BẾN XE AN SƯƠNG
ĐỊA ĐIỂM
HUYỆN HÓC MÔN-TPHCM
BƯỚC: ĐỀ XUẤT DỰ ÁN

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÀI VẠN TÀI SÀI GÒN
BÊN BÀI VẠN TÀI SÀI GÒN
TRẦN KHUÂN

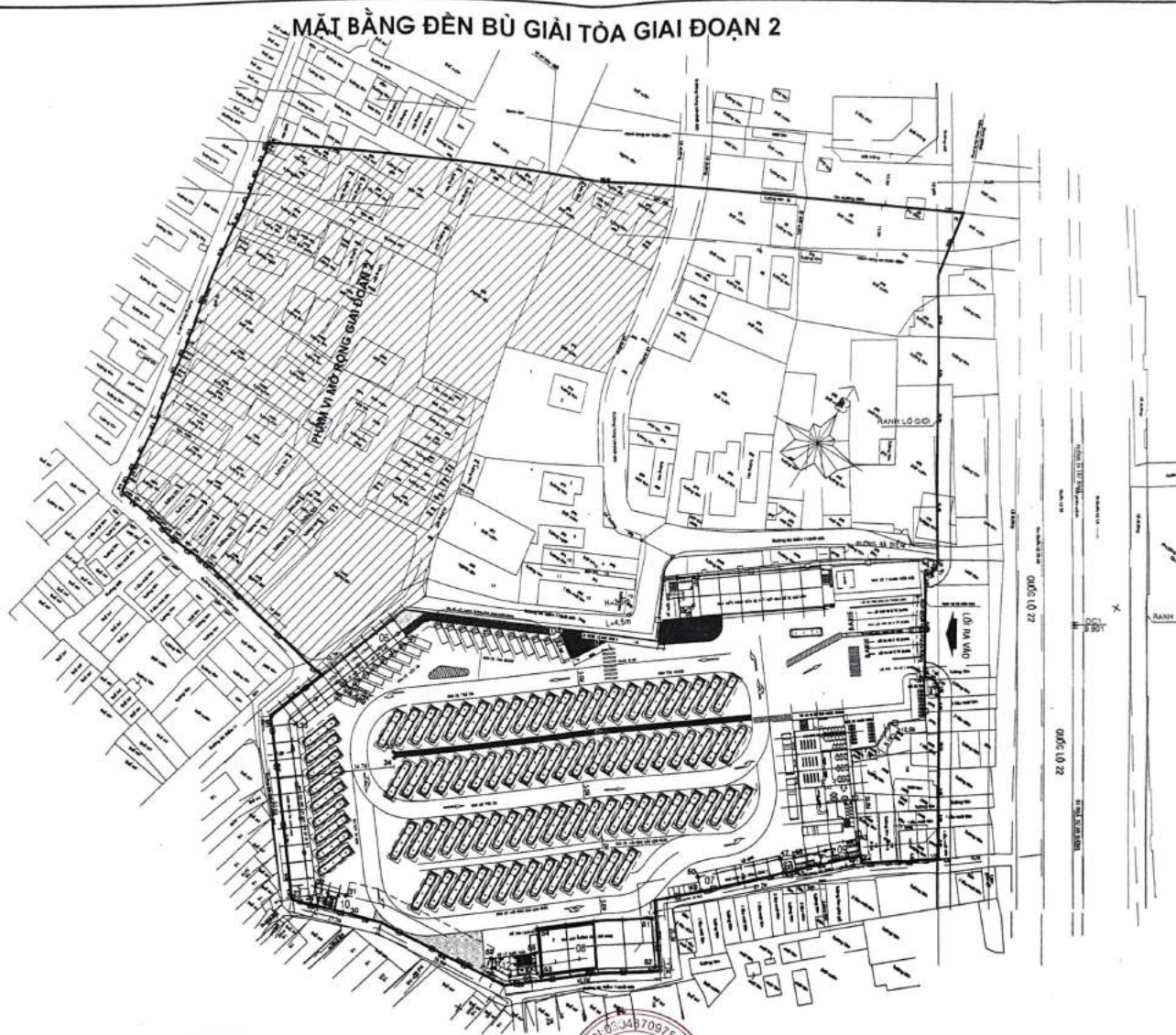


CÔNG TY VẬN THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN AN SƠN
AN SƠN QUẢN ĐỐC
TRẦN MINH NHẬT

THỰC HIỆN	BÙI MINH VŨ	<i>Bui Minh Vu</i>
KIỂM TRA	NGUYỄN HỮU HƯƠNG	<i>Nguyen Huu Huong</i>
C.T.T.K	KHUƠNG VĂN TÙNG	<i>Ke</i>

MẶT BẰNG ĐỀN BÙ GIẢI TỎA GIAI ĐOẠN 1		
TỶ LỆ BẢN VẼ	KỶ HIỆU	
LẦN XUẤT BẢN	01	MÃ SỐ _____/BCKTKT/AS

MẶT BẰNG ĐỀN BÙ GIẢI TỎA GIAI ĐOẠN 2



GHI CHÚ:
 _____ RANH BẾN XE

CÔNG TRÌNH
 MỞ RỘNG BẾN XE AN SƯƠNG
ĐỊA ĐIỂM
 HUYỆN HÓC MÔN-TPHCM
 BƯỚC: ĐỀ XUẤT DỰ ÁN



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÀI VẠN TÀI SÀI GÒN
 CÔNG TY CỔ PHẦN
 BẾN BÀI VẠN TÀI
SAIGON
 Trần Hữu

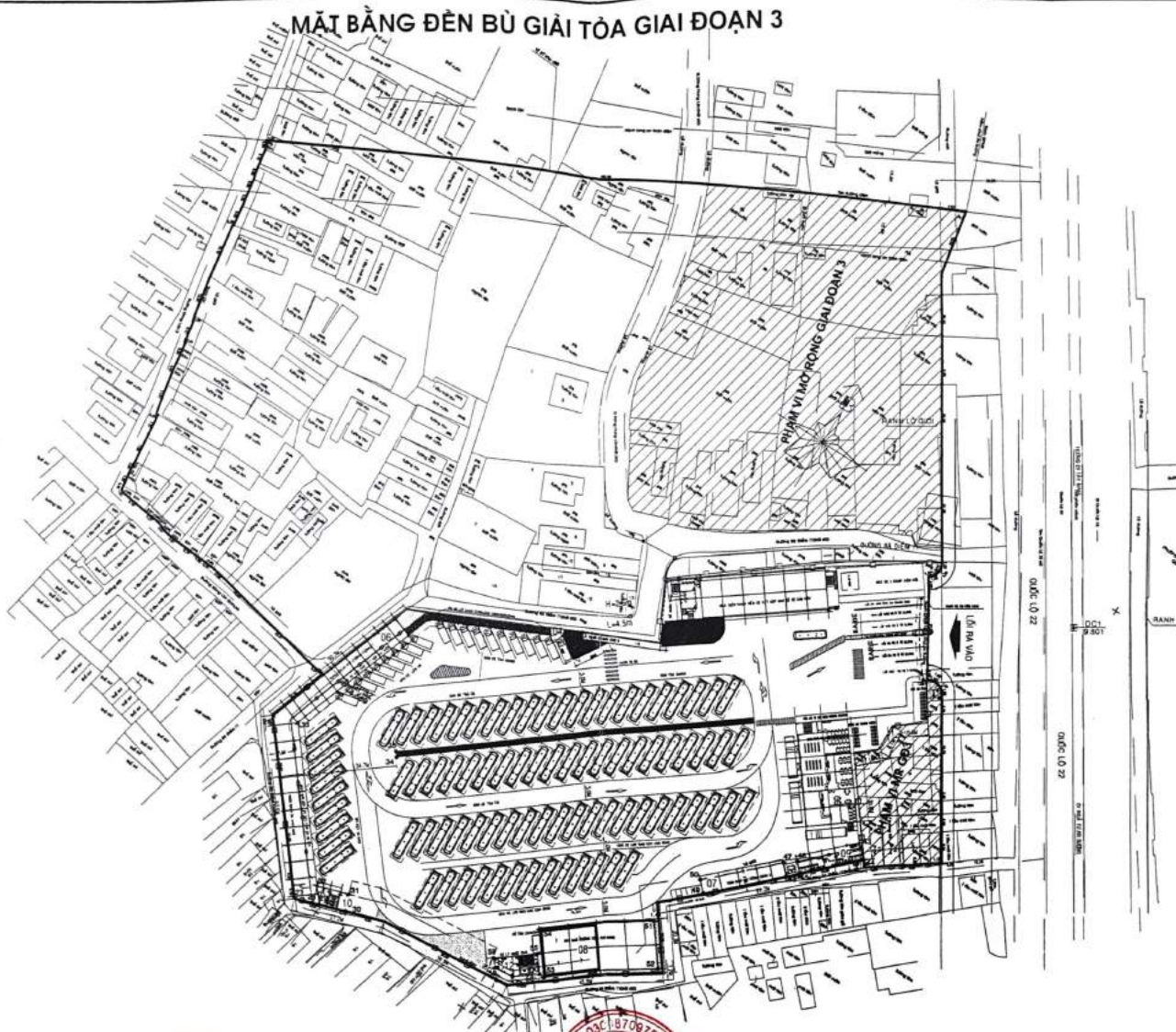


TỰ VẤN THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN AN SƠN
 CÔNG TY CỔ PHẦN
AN SƠN
 TRẦN MINH NHẬT

THỰC HIỆN	BÙI MINH VŨ	<i>[Signature]</i>
KIỂM TRA	NGUYỄN HỮU HƯƠNG	<i>[Signature]</i>
C.T.T.K	KHƯƠNG VĂN TÙNG	<i>[Signature]</i>

MẶT BẰNG ĐỀN BÙ GIẢI TỎA GIAI ĐOẠN 2		
TỶ LỆ BẢN VẼ	KÝ HIỆU	
LẦN XUẤT BẢN	01	MÃ HỒ SƠ: ___/BCKTKIAS

MẶT BẰNG ĐỀN BÙ GIẢI TỎA GIAI ĐOẠN 3



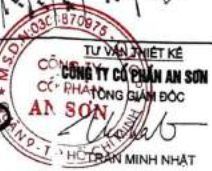
GHI CHÚ:
RANH BẾN XE

CÔNG TRÌNH
MỞ RỘNG BẾN XE AN SƯƠNG
ĐỊA ĐIỂM
HUYỆN HÓC MÔN-TPHCM
BƯỚC: ĐỀ XUẤT DỰ ÁN



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÀI VẬN TẢI SÀI GÒN

AN SƠN



TỰ VẤN THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN AN SƠN
CC-PHÒNG QUẢN LÝ ĐỐC
AN SƠN
HỒ CHÍ MINH

THỰC HIỆN	BÙI MINH VŨ	<i>[Signature]</i>
KIỂM TRA	NGUYỄN HỮU HƯƠNG	<i>[Signature]</i>
C.T.T.K	KHƯƠNG VĂN TÙNG	<i>[Signature]</i>

MẶT BẰNG ĐỀN BÙ GIẢI TỎA GIAI ĐOẠN 3		
TỶ LỆ BẢN VẼ	KÝ HIỆU	
LẦN XUẤT BẢN	01	MÃ HỒ SƠ: <u> </u> /BCKTKTAS

Trần Văn

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN
BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN
(STP.JSC)

Số: 15.../TTTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020, tổng quỹ lương, thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ kế hoạch năm 2021 và một số vấn đề khác.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ vào Nghị quyết số 19/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (Công ty);

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán;

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh thực hiện năm 2020 và kế hoạch nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021;

Căn cứ đề nghị của Ban kiểm soát về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2021.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông các vấn đề sau:

I. Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2020:

1. Trích lập các quỹ

Tổng Doanh thu	:	42.100.359.706 đồng
Lợi nhuận trước thuế:	:	17.944.220.293 đồng
Lợi nhuận sau thuế (LNPP)	:	15.380.246.851 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển (5%)	:	769.012.342 đồng
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi, trong đó:	:	3.261.960.000 đồng
+ Quỹ khen thưởng	:	815.490.000 đồng
+ Quỹ phúc lợi	:	2.446.470.000 đồng
- Quỹ Thương HĐQT, Ban KS, Ban điều hành Công ty	:	152.804.500 đồng
- Chia cổ tức: 20%/VDL	:	10.000.000.000 đồng



Lợi nhuận năm 2020 còn lại sau trích lập quỹ, chia cổ tức	:	1.196.470.009 đồng
Lợi nhuận năm trước còn lại	:	4.193.364.051 đồng
Tổng lợi nhuận còn để lại	:	5.389.834.060 đồng

2. Chia cổ tức năm 2020

+ Chia cổ tức	:	20%/VĐL
+ Chi trả cổ tức bằng tiền	:	10.000.000.000 đồng

Căn cứ theo nghị quyết số 32/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/12/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty đã thực hiện chốt danh sách cổ đông tại ngày 31/12/2020 chi tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền với tỉ lệ 15%/VĐL tương đương 7.500.000.000 đồng.

II. Dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:

Tổng Doanh thu	:	43.785.000.000 đồng
Lợi nhuận trước thuế:	:	17.964.011.037 đồng
Lợi nhuận sau thuế (LNPP)	:	14.271.208.000 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển	:	Trích 5% lợi nhuận phân phối Trích 03 tháng lương bình quân thực hiện của NLD nếu lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn lợi nhuận kế hoạch.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	Trích 1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách nếu lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn lợi nhuận kế hoạch.
- Quỹ thưởng HĐQT, Ban KS, Ban điều hành Công ty	:	
Tỷ lệ chia cổ tức năm 2021	:	Dự kiến 10%-20%/VĐL

III. Dự kiến Tổng quỹ lương năm 2021:

Tổng Doanh thu	:	43.785.000.000 đồng
Lợi nhuận sau thuế (LNPP)	:	14.271.208.000 đồng
Tổng quỹ lương của Công ty	:	14.889.120.000 đồng

- Quỹ lương Người quản lý công ty	:	1.585.440.000 đồng
- Quỹ lương Người lao động	:	13.303.680.000 đồng
- Tổng thù lao thành viên HĐQT, Ban KS	:	530.400.000 đồng

IV. Mức thù lao thành viên HĐQT, Ban KS năm 2021:

Chủ tịch HĐQT	:	9.000.000 đồng/người/tháng
Thành viên Hội đồng quản trị	:	6.400.000 đồng/người/tháng
Thành viên Ban kiểm soát	:	4.800.000 đồng/người/tháng

V. Quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty năm 2021:

Trích 1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người quản lý Công ty chuyển trách nếu lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn lợi nhuận kế hoạch (theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐ-TBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016).

VI. Về lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021: Chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Quang Trung



TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIẾT SÀI GÒN
TINH MỘT TIỀN TIỀN VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN
BẾN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN
(STP.JSC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~16~~.../TT-HDQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Bến bãi Vạn tài Sài Gòn

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021 (“Luật Doanh nghiệp 2020”);

Căn cứ quy định của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“Luật chứng khoán 2019”);

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Bến bãi Vạn tài Sài Gòn.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty như sau:

Căn cứ yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành Công ty, Hội đồng quản trị Công ty đã rà soát Điều lệ hiện hành của Công ty. Trên cơ sở rà soát, Hội đồng quản trị Công ty nhận thấy một số điều khoản của Điều lệ Công ty cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và các yêu cầu về quản trị, điều hành Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua những điểm sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty với các điều khoản kèm theo tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này.

Quý cổ đông xem xét nguyên văn Dự thảo Điều lệ Công ty được đăng trong Website: www.benbaivantaisaigon.com.vn.

Các quy định của Điều lệ Công ty được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT (1b), N.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Quang Trung

**PHỤ LỤC BẢNG SO SÁNH CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIỮA ĐIỀU LỆ NĂM 2020 VÀ NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN**

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ NĂM 2021	ĐIỀU LỆ NĂM 2020	LÝ GIẢI	CƠ SỞ PHÁP LÝ
1	<p>Điều 1. Định nghĩa</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:</p> <p>a. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty, các cổ đông đã thanh toán đủ và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này;</p> <p>b. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;</p> <p>d. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>e. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;</p> <p>f. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác được Hội đồng quản trị phê chuẩn;</p>	<p>Điều 1. Định nghĩa</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:</p> <p>a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán, các cổ đông đã thanh toán đủ và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.</p> <p>c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.</p> <p>d. "Người quản lý doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.</p>	<p>- Bỏ từ "giá trị", thêm "hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty"</p> <p>- Quy định mới</p> <p>- LDN mới</p> <p>- Bổ sung Luật Chứng khoán vì là cty đại chúng</p> <p>- Thuật ngữ hiện hành "đăng ký doanh nghiệp"</p> <p>- Theo quy định mới của LDN</p>	<p>- Điểm K1 Điều 112 LDN; Điểm a, K1 Điều 1 TT 116/2020</p> <p>- Khoản 33 Điều 4 LDN; Điểm b, K1 Điều 1 Điều lệ mẫu TT 116/2020</p> <p>- Điểm d, K1 Điều 1 TT 116/2020</p> <p>- Điểm e, K1 Điều 1 TT 116/2020</p> <p>- Khoản 24 Điều 4 LDN; Điểm h, K1 Điều 1 Điều lệ mẫu TT 116/2020</p>

<p>g. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;</p> <p>h. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>i. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;</p> <p>j. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>k. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một (01) cổ phần của Công ty cổ phần;</p> <p>l. "Sổ giao dịch chứng khoán" là Sổ giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;</p> <p>m. "Cổ phiếu" là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.</p> <p>3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc</p>	<p>e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại các văn bản Luật hiện hành.</p> <p>f. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.</p> <p>g. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>h. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần.</p> <p>i. "Cổ phiếu" là chứng nhận do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp."</p> <p>2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.</p> <p>3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc</p>	<p>- Quy định mới</p> <p>- Sửa đổi theo điều lệ mẫu</p> <p>- Bỏ "bằng nghị quyết"</p> <p>- Quy định mới</p> <p>- Quy định mới là "chứng chỉ"</p> <p>- Thay từ "chương" thành</p>	<p>- Điểm g, K1 Điều 1 Điều lệ mẫu TT 116/2020</p> <p>- Điểm i, K1 Điều 1 Điều lệ mẫu</p> <p>- Điểm n, K1 Điều 1 Điều lệ mẫu TT 116/2020</p> <p>- Điểm o, K1 Điều 1 Điều lệ mẫu TT 116/2020</p> <p>- K1 Điều 121 LDN</p> <p>K3 Điều 1 Điều lệ mẫu</p>
---	---	--	---

	<p>hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.</p> <p>4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.</p>	<p>hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;</p> <p>4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.</p>	“mục”	TT 116/2020
2	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>1. Tên Công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN ○ Tên tiếng Anh: SAIGON TRANSPORTATION PARKING JOINT STOCK COMPANY ○ Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN ○ Tên viết tắt: STP.JSC <p>2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Địa chỉ: 720 đường Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP.HCM. ○ MST: 0301114089 ○ Điện thoại: 028.37161587 ○ Fax: 028.37160891 ○ E-mail: stp@benbaivantaisaigon.com.vn ○ Website: www.benbaivantaisaigon.com.vn <p>4. Các đơn vị trực thuộc:</p>	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>1. Tên Công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN ○ Tên tiếng Anh: SAIGON TRANSPORTATION PARKING JOINT STOCK COMPANY ○ Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN ○ Tên viết tắt: STP.JSC <p>2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Địa chỉ: 720 đường Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP.HCM ○ Điện thoại: 08.37161587 ○ Fax: 08.37160891 ○ E-mail: stp@benbaivantaisaigon.com.vn ○ Website: www.benbaivantaisaigon.com.vn 	<p>- Bổ sung MST, điều chỉnh số điện thoại</p>	

<p>a. CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN – BẾN XE AN SƯƠNG: Địa chỉ: Số 16, ấp Đông Lâm 1, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, TP.HCM.</p> <p>b. CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN- BẾN XE NGÃ TƯ GA: Địa chỉ: 720 đường Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP.HCM</p> <p>5. Người đại diện theo pháp luật của Công ty:</p> <p>a. Số lượng người đại diện theo pháp luật là một (01) người. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty;</p> <p>b. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>c. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh ra nước ngoài thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của</p>	<p>4. Các đơn vị trực thuộc:</p> <p>a. Bến xe An Sương: Địa chỉ: Số 16, ấp Đông Lâm 1, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, TP.HCM.</p> <p>b. Bến xe Ngã Tư Ga: Địa chỉ: 720 đường Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP.HCM</p> <p>5. Người đại diện theo pháp luật của Công ty:</p> <p>a. Số lượng người đại diện theo pháp luật là một người. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>b. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 14 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>c. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh ra nước ngoài thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của</p>	<p>- Điều chỉnh tên đơn trực thuộc theo giấy chứng nhận</p> <p>- Thay “ doanh nghiệp” thành “Công ty” để thống nhất thuật ngữ sử dụng</p> <p>- Bổ sung “người yêu cầu giải quyết việc dân sự”</p>	<p>- K1 Điều 12 LDN</p>
--	---	---	-------------------------

<p>Công ty. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền;</p> <p>d. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty;</p> <p>e. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>6. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị</p>	<p>Công ty. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.</p> <p>d. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>e. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>6. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị</p>	<p>- Theo quy định mới của LDN</p>	<p>- K5 Điều 12 LDN</p>
--	---	------------------------------------	-------------------------

	<p>và trong phạm vi pháp luật cho phép.</p> <p>7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 56 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p> <p>8. Tổ chức Chính trị - Xã hội tại Công ty:</p> <p>a. Tổ chức Chính trị - Xã hội trong Công ty hoạt động theo Điều lệ của tổ chức đó, phù hợp với quy định của Hiến pháp, pháp luật;</p> <p>b. Công ty tôn trọng và tạo mọi điều kiện để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại điểm a khoản 8 Điều này.</p>	<p>và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p> <p>7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 53 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 55 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p> <p>8. Tổ chức Chính trị - Xã hội tại Công ty:</p> <p>a. Tổ chức chính trị - Xã hội trong Công ty hoạt động theo Điều lệ của tổ chức mình, phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>b. Công ty tôn trọng và tạo mọi điều kiện để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này.</p>		
4	<p>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty</p> <p>1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.</p> <p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>- Bổ sung “Hiến pháp” do là tổ chức chính trị - xã hội nên phù hợp theo Hiến pháp –vb có hiệu lực cao nhất</p> <p>- Theo quy định mới - Điều lệ cũ quy định giống TT95/2017</p> <p>Quy định theo ý kiến Tổng Công ty</p>	- Điều 5 TT116/2020
5	<p>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty là</p>	<p>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty là</p>		

<p>50.000.000.000 VNĐ (Năm mươi tỷ đồng).</p> <p>Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 5.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.</p> <p>2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Tất cả cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo loại cổ phần này được quy định tại Điều 11 của Điều lệ này.</p> <p>4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi (20) ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần phổ thông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so</p>	<p>50.000.000.000 VNĐ (Năm mươi tỷ đồng)</p> <p>Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 5.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ.</p> <p>2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Tất cả cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo loại cổ phần này được quy định tại Điều 11 của Điều lệ này</p> <p>4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều</p>	<p>- TT95/2017 và TT116/2020 đều quy định “thay đổi”, Cty có thể để là “tăng” hoặc “thay đổi”</p>	<p>- K2, Điều 6 TT116/2020</p>
--	---	---	--------------------------------

	<p>với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.</p> <p>6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</p> <p>7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>8. Công ty không có cổ đông sáng lập.</p>	<p>kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.</p> <p>6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</p> <p>7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>8. Công ty không có cổ đông sáng lập</p>		
6	<p>Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 của Điều 6.</p> <p>2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu</p>	<p>Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 của Điều 6.</p> <p>2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng nhận cổ</p>	- Quy định mới là “loại cổ phần”	- Điểm b K1, Điều 121 LDN 2020

<p>ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.</p> <p>3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.</p> <p>4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng nhận cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng nhận mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.</p> <p>5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p> <p>6. Người sở hữu chứng nhận cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng nhận và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng nhận này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.</p>	<p>phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.</p> <p>3. Trong thời hạn 15 (<i>mười lăm</i>) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 (<i>hai</i>) tháng (hoặc có thể lâu hơn theo phương án phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.</p> <p>4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng nhận cổ phiếu ghi danh, chứng nhận cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng nhận mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.</p> <p>5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p> <p>6. Người sở hữu chứng nhận cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng nhận và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng nhận này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.</p>	<p>- Theo quy định mới</p>	<p>- K3 Điều 7 TT116/2020</p>
--	--	----------------------------	-------------------------------

	<p>7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng nhận. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng nhận hoặc không chứng nhận) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng nhận và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.</p>	<p>7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng nhận. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng nhận hoặc không chứng nhận) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng nhận và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.</p>		
7	<p>Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng nhận tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.</p>	<p>Điều 7. Chứng nhận chứng khoán khác Chứng nhận trái phiếu hoặc các chứng nhận chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng nhận tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.</p>	<p>- TT 95/2017 và TT116/2020 đều quy định “chứng chỉ”.</p>	<p>- Điều 8 TT116/2020</p>
8	<p>Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần 1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán. 2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải</p>	<p>Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần 1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán.</p>	<p>- TT 95/2017 và TT116/2020</p>	<p>- K1 Điều 127 LDN, K1 Điều 9 TT 116/2020 - K2, 3, 4 Điều 127</p>

	<p>được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo uỷ quyền của họ ký.</p> <p>3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của Công ty. Trường hợp chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.</p> <p>4. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.</p>	<p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.</p>	<p>không quy định ⇒ Đề xuất quy định thêm theo Điều 127 LDN về trường hợp “chuyển nhượng bằng hợp đồng” và “cổ đông là cá nhân chết”</p>	LDN
9	<p>Điều 9. Thu hồi cổ phần</p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.</p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ</p>	<p>Điều 9. Thu hồi cổ phần</p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.</p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ</p>	<p>- Quy định mới</p>	<p>- K1 Điều 10 TT116/2020</p>

<p>phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.</p> <p>6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả</p>	<p>phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 của điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ lãi vay ngân hàng không quá 20% một năm vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.</p> <p>6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể</p>	<p>- Theo quy định mới</p>	<p>- K5 Điều 10 TT116/2020</p>
--	---	----------------------------	--------------------------------

	trong trường hợp có sai sót hoặc bất cần trong việc gửi thông báo.	cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cần trong việc gửi thông báo.		
	<p>Điều 11. Quyền của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện được uỷ quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;</p> <p>d. Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;</p> <p>e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>f. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu</p>	<p>Điều 11. Quyền của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền;</p> <p>b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;</p> <p>d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;</p> <p>e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>f. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin</p>	<p>- Theo quy định mới</p> <p>- Theo quy định mới</p> <p>-Theo quy định mới</p> <p>- Theo quy định mới</p>	<p>-Điểm a K1 Điều 115 LDN, Điểm a K1 Điều 12 TT116/2020</p> <p>- Điểm c K1 Điều 115 LDN, Điểm c K1 Điều 12 TT116/2020</p> <p>- Điểm đ K1 Điều 115 LDN, Điểm đ</p>

<p>sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;</p> <p>g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>h. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỉ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;</p> <p>i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>j. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</p> <p>k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</p> <p>l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>m. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p>	<p>không chính xác;</p> <p>g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p>	<p>-Bổ sung quy định mới</p> <p>-Theo quy định mới</p> <p>- Dẫn chiếu Điều luật mới</p> <p>- Bổ sung quy định mới</p> <p>- Bổ sung quy định mới</p> <p>- Bổ sung quy định mới</p>	<p>K1 Điều 12 TT116/2020 - Điểm e K1 Đ115 LDN, Điểm e K1 Đ.12 TT116</p> <p>- Điểm g K1 Điều 115 LDN, Điểm g K1 Đ.12 T116 -Đ.132 LDN</p> <p>- Điểm i K1 Điều 12 TT116/2020</p> <p>- Điểm k K1 Điều 12 TT116/2020 - Điểm I K1 Điều 12 TT116/2020</p>
---	--	---	--

<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</p> <p>c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc.</p>		<p>- Bổ sung theo quy định mới của LDN và TT 116/2020.</p> <p>- Trước đây LDN 2014 chỉ quy định quyền của nhóm cổ đông 10%, còn thông tư 95/2017 lại gợi ý quy định quyền của nhóm cổ đông [5%].</p> <p>- Tuy nhiên, đến nay LDN đã quy định tách biệt quyền của nhóm cổ đông 5% và 10%. Đề xuất Cty bổ sung như quy định mới để phân biệt quyền của các nhóm cổ đông một cách chi tiết</p>	<p>- K2 Điều 115 LDN, K2 Điều 12 TT 116/2020</p>
---	--	---	--

<p>Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p> <p>e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 2 Điều 24 và khoản 5, Điều 37 Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ Biên bản và các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần</p>	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2, Điều 40 Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Xem xét, trích lục sổ Biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm và các báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ</p>	<p>- Dẫn chiếu Điều luật mới</p> <p>- Bổ sung thêm “quyết định”</p> <p>- Thay đổi “giữa năm” thành “bán niên”</p> <p>- Theo quy định chuẩn của Luật mới</p>	<p>-K5 Điều 115 LDN, K3 Điều 12 TT116</p> <p>- Điểm a K2 Điều 12 TT116/2020</p> <p>- Điểm a K2 Điều 12 TT116/2020</p>
---	---	---	---

<p>của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Người nắm giữ cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ có các quyền tương ứng với từng loại cổ phần</p>	<p>phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</p> <p>g. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật;</p> <p>h. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>i. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này</p> <p>4. Người nắm giữ cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ có các quyền tương ứng với từng loại cổ phần</p>	<p>- Được quy định ở Khoản 1 Điều này theo Điều lệ mới (Quyền chung của các cổ đông)</p>	
--	--	--	--

	ưu đãi đó theo quy định của pháp luật.	ưu đãi đó theo quy định của pháp luật.		
12	<p>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông Cổ đông có nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp 	<p>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông Cổ đông có nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định; 	<p>- Theo quy định mới</p> <p>- Bổ sung quy định mới</p> <p>- Như quy định tại Khoản 1 Điều này Điều lệ cũ (Thay đổi vị trí)</p> <p>- Bổ sung quy định mới</p> <p>- Bổ sung quy định mới</p>	<p>- K1 Điều 119 LDN, K1 Điều 13 TT116/2020</p> <p>- K2 Điều 119 LDN, K2 Điều 13 TT116/2020</p> <p>- K3 Điều 119 LDN, K3 Điều 13 TT116/2020</p> <p>- K4 Điều 119 LDN, K4 Điều 13 TT116/2020</p> <p>- K5 Điều 119 LDN, K5 Điều 13</p>

<p>để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.</p> <p>7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.</p>	<p>3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;</p> <p>4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.</p>	<p>-Quy định mới đã bỏ</p> <p>- Chuyển sang khoản 9 Điều lệ mới</p> <p>- Bổ sung quy định mới</p>	<p>TT116/2020</p> <p>-Điều 13 TT116, Điều 13 TT95</p> <p>-K6 Điều 13 TT116/2020</p>
--	---	---	---

	<p>8. Người nắm giữ cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ có các nghĩa vụ tương ứng với từng loại cổ phần ưu đãi đó theo quy định của pháp luật.</p> <p>9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>6. Người nắm giữ cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ có các nghĩa vụ tương ứng với từng loại cổ phần ưu đãi đó theo quy định của pháp luật.</p>	<p>- Quy định riêng biệt của công ty ⇒ Giữ nguyên</p>	
13	<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán độc lập được</p>	<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>- Theo quy định mới</p> <p>- Theo quy định mới</p>	<p>- K1, K2 Điều 139 LDN, K1 Điều 14 TT116</p> <p>- K2 Điều 14 TT116/2020</p>

<p>chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2, Điều 11 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p>	<p>thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p> <p>c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3, Điều 11 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các</p>	<p>- Quy định mới đã bỏ khoản này</p> <p>- Theo quy định của luật mới</p> <p>- Theo quy định mới</p>	<p>- Điểm a K1 Điều 140 LDN - K3 Điều 14 TT116/2020</p> <p>- Điểm b K1 Điều 140 LDN, Điểm b K3 Điều 14 TT116/2020 - Điểm c K1 Điều 140 LDN, Điểm c K3 Điều 14 TT116/2020</p> <p>- Điểm d K1 Điều 140 LDN, Điểm d K3 Điều 14</p>
---	--	--	---

<p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị như quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 13;</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điểm c khoản 3 Điều 13 có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể</p>	<p>nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c, Khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d, Khoản 3 và Điểm e, Khoản 3, Điều 13.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5, Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d, Khoản 3, Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6, Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể</p>	<p>- Cty không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập</p> <p>- Dẫn chiếu điều luật mới</p> <p>- Theo quy định mới</p>	<p>TT116/2020</p> <p>- K2 Điều 140 LDN, Điểm a K4 Điều 14 TT116/2020</p> <p>- K3 Điều 140 LDN</p> <p>- K4 Điều 140 LDN, Điểm cK4 Điều 14 TT116/2020</p>
---	--	--	---

	<p>đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p> <p>5. Hình thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế quản trị nội bộ, trong đó bao gồm:</p> <p>a. Trực tiếp;</p> <p>b. Trực tuyến;</p> <p>c. Lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>		
14	<p>Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của</p>	<p>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>- Bổ sung hình thức tổ chức theo quy định mới phù hợp với tình hình thực tế và quy chế nội bộ</p>	<p>- Bổ sung theo quy định mới</p> <p>- K2 Điều 138 LDN, K1 Điều 15 TT116/2020</p>

<p>Công ty;</p> <p>e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p> <p>f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;</p>	<p>- Theo quy định mới: Không còn phân chia quyền lợi giữa ĐHĐCĐ thường niên và bất thường</p>	<p>- K3 Điều 139 LDN, K2 Điều 15 TT116/2020</p>
---	---	--	---

<p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;</p> <p>e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và</p>	<p>b. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán;</p> <p>e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;</p>	<p>- Sửa đổi theo quy định mới</p> <p>- Chuyển thành Điểm j</p> <p>- Bổ sung việc chuyển nhượng</p>	<p>- Điểm e K2 Điều 139 LDN, Điểm e K2 Điều 15 TT116/2020</p> <p>- Điểm i K2 Điều 15 TT116/2020</p> <p>- Điểm m K2 Điều 138 LDN, Điểm k K2 Điều 15 TT116/2020</p> <p>- Điểm m K2 Điều 15</p>
---	---	---	--

<p>việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị,</p>	<p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>l. Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;</p> <p>m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;</p> <p>n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1, Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>o. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1, Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p>	<p>theo quy định mới</p> <p>- Quy định mới đã bỏ khoản này</p> <p>- Bỏ từ “giao dịch”</p> <p>- Đổi cách dùng thuật ngữ</p> <p>- Bỏ “đã được kiểm toán”</p> <p>- Đổi từ “phát hành” thành “đã bán”</p> <p>- Dẫn chiếu điều luật mới</p> <p>- Bổ sung theo quy định mới</p> <p>- Bổ sung quy định mới</p>	<p>TT116/2020</p> <p>- Điểm đ K2 Điều 147 LDN, Điểm p K2 Điều 15 TT116/2020</p> <p>- Điểm g K2 Điều 138 LDN,</p> <p>- K4 Điều 293 ND 155/2020 và Điểm s K2 Điều 15 TT116/2020</p> <p>- Điểm l K2 Điều 138</p>
---	--	---	---

	<p>Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây :</p> <p>a. Các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty và quy định của pháp luật.</p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Các hợp đồng quy định tại Khoản 2, Điều 14 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>- Quy định mới đã bỏ khoản này, giữ nguyên như Điều lệ cũ</p> <p>- Thêm từ “cuộc họp”</p>	<p>LDN, Điểm t K2 Điều 15 TT116/2020</p> <p>Điều 15 TT116/2020, K3 Điều 15 TT95/2017</p>
15	<p>Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 15. Các đại diện được ủy quyền</p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa ba (03) người dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy</p>	<p>- Tên Điều theo quy định mới</p> <p>- Theo quy định mới</p>	<p>- K1 Điều 144 LDN, K1 Điều 16 TT116/2020</p>

	<p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo mẫu của Công ty và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p>	<p>quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết của mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông Công ty không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty hoặc theo mẫu khác mà Hội đồng quản trị chấp thuận và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.</p> <p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho</p>	<p>- Theo quy định mới</p> <p>- Quy định mới</p>	<p>- K2 Điều 144 LDN, K2 Điều 16 TT116/2020</p> <p>- K2 Điều 16 TT116/2020</p>
--	--	---	--	--

	<p>3. Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;</p> <p>c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.</p> <p>Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 30, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;</p> <p>c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.</p> <p>Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>đã bỏ khoản này</p>	
16	<p>Điều 16. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được các cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội</p>	<p>Điều 16. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65%</p>	<p>- Bổ sung theo quy định mới</p>	<p>- K1 Điều 17 TT116/2020</p>

<p>đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, Điều 19 và Điều 20 Điều</p>	<p>quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.</p> <p>2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các</p>	<p>- Sửa đổi theo quy định mới</p> <p>- Bổ sung theo mẫu</p>	<p>- K2 Điều 17 TT116/2020</p> <p>- K3 Điều 17 TT116/2020</p>
---	--	--	---

	<p>lệ này.</p> <p>4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.</p>	<p>quy định tại Error! Reference source not found. và Error! Reference source not found. Điều lệ này.</p> <p>4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.</p>		
17	<p>Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p>	<p>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 13 hoặc Điểm c, Khoản 4, Điều 13.</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p>	- Theo quy định mới	-Điểm a K5 Điều 140 LDN, K1 Điều 141 LDN, Điểm a K2 Điều 18 TT116/2020

<p>c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội; d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; f. Thông báo và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp; g. Các công việc khác phục vụ đại hội. 3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng</p>	<p>c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội; d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp; g. Các công việc khác phục vụ đại hội. 3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng</p>	<p>- Bổ sung “đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông” theo quy định mới - Quy định mới thay đổi “10 ngày” thành “21 ngày”.</p>	<p>- K2 Điều 143 LDN, K3 Điều 18 TT116/2020 - K1 Điều 143 LDN, K3 Điều 18 TT116/2020</p>
--	---	---	--

<p>trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ họ và tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, giấy tờ pháp lý cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị liên quan đến khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc</p>	<p>trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</p> <p>e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị liên quan đến Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc</p>	<p>- Quy định mới đã bỏ điểm này</p> <p>- Quy định mới không bao gồm các thông tin này. So với quy định pháp luật và quy định cũ của công ty ⇒ Giữ lại đồng thời thay đổi từ ngữ theo quy định mới</p> <p>- Quy định tổng quát</p> <p>- Sửa đổi, bỏ</p>	<p>- K3 Điều 143 LDN, K3 Điều 18 TT116/2020, K3 Điều 18 TT95/2017</p> <p>- K2 Điều 142 LDN, K4 Điều 18 TT116/2020</p> <p>- Điểm a K3 Điều 142 LDN</p>
---	--	---	---

	<p>nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;</p> <p>c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p> <p>7. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>8. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;</p> <p>c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>7. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p>	<p>sung theo Điều 11 Điều lệ mới</p> <p>- Bổ sung theo quy định mới</p> <p>- Điều lệ mẫu không quy định, vẫn giữ nguyên</p> <p>- Bổ sung theo quy định mới</p>	<p>- K2 Điều 142 LDN, Điểm b K5 Điều 18 TT116/2020</p> <p>- K4 Điều 142 LDN, K6 Điều 18 TT116/2020</p> <p>- K2 Điều 149 LDN</p> <p>- K2 Điều 152 LDN</p>
18	<p>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</p>	<p>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>- Thay đổi từ “ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết” thành “trên 50% tổng số phiếu biểu</p>	<p>- K1 Điều 145 LDN, K1 Điều 19 TT116/2020</p>

<p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p> <p>4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này. Quyết định về vấn đề này được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ</p>	<p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p> <p>4. Theo đề nghị Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này. Quyết định về vấn đề này được thông qua nếu được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng</p>	<p>quyết” theo quy định mới</p> <p>- Theo quy định mới</p> <p>- Theo quy định mới</p> <p>- Thay đổi từ “cho ít nhất 51% tổng số phiếu” thành “trên 50% tổng số cổ phần” theo thuật ngữ</p>	<p>- K2 Điều 145 LDN, K2 Điều 19 TT116/2020</p> <p>- K3 Điều 145 LDN, K3 Điều 19 TT116/2020</p> <p>- K4 Điều 145 LDN</p>
--	---	--	--

	phần có quyền biểu quyết chấp thuận.	số phiếu có quyền biểu quyết chấp thuận.	của quy định mới	
19	<p>Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:</p> <p>a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có</p>	<p>Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham</p>	<p>-Luật mới quy định trình tự trong khoản 1</p> <p>- Thay đổi, bổ sung thuật ngữ theo quy định của luật mới</p> <p>- Bổ sung thuật ngữ theo quy định của luật</p>	<p>-K1 Điều 146 LDN, K1 Điều 20 TT116/2020</p> <p>- K5 Điều 146 LDN, Điểm a K1 Điều 20 TT116/2020</p> <p>- Điểm d K2 Điều 146 LDN</p>

<p>quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</p> <p>d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p> <p>3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải</p>	<p>gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải</p>	<p>mới</p> <p>- Bổ sung theo quy định của luật mới</p> <p>- Theo quy định của luật mới</p> <p>- Bổ sung theo quy định của luật mới</p>	<p>- Điểm a K2 Điều 146 LDN, Điểm a K2 Điều 20 TT116/2020</p> <p>- Điểm b K2 Điều 146 LDN, Điểm b K2 Điều 20 TT116/2020</p> <p>- Điểm c,d K2 Điều 146 LDN, Điểm c,d K2 Điều 20 TT116/2020</p>
--	---	--	---

<p>được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.</p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước</p>	<p>được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p>	<p>- Quy định mới gộp quy định tại K6 và K9 Điều lệ cũ đồng thời bổ sung và thay đổi các thuật ngữ</p> <p>- Bổ sung theo quy định của luật mới</p> <p>- Bổ sung theo quy định của luật mới</p>	<p>- K4 Điều 146 LDN, K4 Điều 20 TT116/2020</p> <p>- K5 Điều 146 LDN, K5 Điều 20 TT116/2020</p> <p>- K6 Điều 146 LDN, K6 Điều 20 TT116/2020</p>
--	--	--	---

<p>đó không thay đổi.</p> <p>7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:</p> <p>a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;</p> <p>b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.</p> <p>8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.</p> <p>9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:</p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p>	<p>- Quy định tại K8 Điều lệ mới</p> <p>- Theo quy định mới</p> <p>- Đã quy định tại K4 Điều này của Điều lệ mới</p>	<p>- K7 Điều 146 LDN, K7 Điều 20 TT116/2020</p>
---	---	--	---

<p>8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</p> <p>9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</p> <p>10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	<p>Khoản 7 Điều lệ cũ: “Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp”</p>	<p>- Theo quy định mới</p> <p>- Bổ sung quy định mới</p> <p>- Bổ sung quy định mới</p>	<p>- K8 Điều 146 LDN, K8 Điều 20 TT116/2020</p> <p>- K9 Điều 146 LDN, K9 Điều 20 TT116/2020</p> <p>- K10 Điều 20 TT116/2020</p>
--	--	--	---

		<p>10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);</p> <p>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p> <p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.</p> <p>12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p>	<p>- Quy định mới đã bỏ 3 điều khoản này</p>	
20	<p>Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về những nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4, 5 Điều này và Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp (nếu có):</p>	<p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có thể thông qua quyết định dưới hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Nghị quyết về những nội dung sau đây bắt buộc phải được thông qua dưới hình thức biểu quyết tại cuộc họp và được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</p>	<p>- Quy định theo Điều lệ cũ đã gộp quy định tại Điều 147, Điều 148 LDN và Điều 21 TT 116/2020.</p>	<p>- K1 Điều 147 LDN, K1 Điều 21 TT116/2020</p>

<p>a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;</p> <p>b) Định hướng phát triển Công ty;</p> <p>c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>d) Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>h) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>i) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.</p> <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1,3,4, 5 Điều này và Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp (nếu có).</p> <p>3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với</p>	<p>a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;</p> <p>b) Định hướng phát triển công ty;</p> <p>c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;</p> <p>d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g) Tổ chức lại, giải thể công ty;</p> <p>h) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>i) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty.</p> <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.</p> <p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng</p>	<p>- Theo quy định mới</p> <p>- Bổ sung theo quy định mới</p>	<p>- K2 Điều 147, K1 Điều 148 LDN, K1 Điều 21 TT116/2020</p> <p>- K2 Điều 148 LDN, K2 Điều 21 TT116/2020</p> <p>- K2 Điều 152 LDN, K3 Điều 21 TT116/2020</p> <p>- K3 Điều 148 LDN</p>
---	---	---	---

<p>tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.</p> <p>5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, trừ trường hợp Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty thì phải được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.</p>	<p>với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</p> <p>4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành;</p>	<p>- Dùng thuật ngữ theo quy định của luật mới</p> <p>-Quy định này để cho phép Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung Điều lệ có thể được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản nhưng phải đặt tỷ lệ trên</p>	<p>- K4 Điều 148 LDN, K8 Điều 22 TT116/2020</p> <p>- K5 Điều 148 LDN</p>
---	---	--	--

	<p>6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.</p>	<p>5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</p>	<p>65%, để việc sửa đổi được kịp thời, không cần chờ đến khi tổ chức ĐHĐCĐ nhưng vẫn thể hiện được tính nhất trí cao</p>	
21	<p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Định hướng phát triển Công ty; Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong 	<p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;</p>		<p>- K1 Điều 149 LDN, K1 Điều 22 TT116/2020</p>

<p>báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>f) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>g) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>h) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo quyết định và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của</p>	<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến;</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p>	<p>- Sử dụng thuật ngữ theo quy định mới</p>	<p>- K2 Điều 149 LDN, K2 Điều 22 TT116/2020</p> <p>- K3 Điều 149 LDN, K3 Điều 22 TT116/2020</p>
---	---	--	---

<p>cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;</p> <p>c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và</p>	<p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:</p> <p>a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử, nội dung phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và</p>	<p>- Theo quy định mới</p>	<p>- K4 Điều 149 LDN, K4 Điều 22 TT116/2020</p>
---	---	----------------------------	---

<p>bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh; Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết; Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu. <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết</p>	<p>bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh; Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; Các quyết định đã được thông qua; Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu. <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các</p>	<p>- Chính sửa, bổ sung theo quy định mới</p>	<p>- K5 Điều 149 LDN, K5 Điều 22 TT116/2020</p>
---	--	---	---

	<p>định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 20 Điều lệ này..</p>	<p>quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;</p> <p>7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;</p> <p>8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>		<p>- K6 Điều 149 LDN, K6 Điều 22 TT116/2020</p> <p>- K7 Điều 149 LDN, K7 Điều 22 TT116/2020</p> <p>- K8 Điều 149 LDN, K8 Điều 22 TT116/2020</p>
22	<p>Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</p>	<p>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</p>		

<p>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký; e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp; f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên</p>	<p>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký; e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp; f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính</p>	<p>- Bổ sung theo quy định mới</p> <p>- Được quy định vào Khoản 3 Điều này theo Điều lệ mới</p> <p>- Bổ sung theo quy định mới</p>	<p>- K1 Điều 150 LDN, K1 Điều 23 TT116/2020</p> <p>- K2, K3 Điều 150 LDN, K2 Điều 23</p>
---	---	--	--

<p>đổi chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p> <p>4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p>	<p>xác của nội dung biên bản.</p> <p>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p> <p>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ</p>	<p>- K5 Điều 150 LDN 2020 quy định khoản này nhưng Điều 23 TT116/2020 lại không quy định. => giữ nguyên - Luật mới đã bỏ 2 khoản này</p>	<p>TT116/2020</p> <p>- K4 Điều 150 LDN, K3 Điều 23 TT116/2020</p> <p>- K6 Điều 150 LDN, K4 Điều 23 TT116/2020</p> <p>- K5 Điều 150 LDN</p>
--	---	---	--

		ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.		
23	<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p>	<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 17 Điều lệ này.</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p> <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>- Theo quy định mới</p> <p>- Quy định mới đã bỏ nội dung này</p>	<p>- Điều 151 LDN, Điều 24 TT116/2020</p>

24	<p>Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ chuyên môn; c. Quá trình công tác; d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có); 	<p>Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ học vấn; c. Trình độ chuyên môn; d. Quá trình công tác; e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty; g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có); h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề 	<p>- Thay đổi, bổ sung theo quy định mới</p> <p>- Quy định mới đã bỏ điểm b,f,h (Điều lệ cũ).</p>	<p>- Điểm a K4 Điều 41 Luật Chứng khoán, K1 Điều 274 NB 155/2020, K1 Điều 25 TT116/2020</p>
----	--	---	---	---

<p>f. Các thông tin khác (nếu có);</p> <p>g. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.</p>	<p>cử ứng viên đó (nếu có);</p> <p>i. Các thông tin khác (nếu có).</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</p>	<p>- Bổ sung theo quy định mới</p> <p>- Giữ nguyên quy định của Khoản 2 Điều này theo Điều lệ cũ (TT95/2017) mà không theo quy định mới (dạng khái quát) của TT116/2020</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung theo quy định mới</p>	<p>- Điểm g K1 Điều 25 TT116/2020</p> <p>- K2 Điều 25 TT95/2017, K2 Điều 25 TT116/2020</p> <p>- K3 Điều 274 NB 155/2020, K3 Điều 25 TT116/2020</p>
---	---	---	--

	4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.		- Bổ sung theo quy định mới	- K4 Điều 25 TT116/2020
25	<p>Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và các trường hợp cụ thể sau đây:</p>	<p>Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành</p>	<p>- Bổ sung theo quy định mới</p> <p>- Bổ sung theo quy định mới.</p> <p>- Đã quy định tại</p>	<p>- K1, K2, K3 Điều 154 LDN, K2 Điều 26 TT116/2020</p> <p>- K3 Điều 26 TT116/2020, K2 Điều 26 TT95/2017</p> <p>- K4 Điều 26 TT116/2020, K1 Điều 160 LDN</p>

	<p>a. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>b. Cổ đông là tổ chức không cử người làm đại diện nữa.</p> <p>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.</p>	<p>viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e. Cổ đông là tổ chức không cử người làm đại diện nữa.</p> <p>f. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</p> <p>h. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.</p>	<p>Điều 160 LDN</p> <p>- Giữ nguyên như Điều lệ cũ</p>	<p>- K5,6 Điều 26 TT116/2020</p>
26	Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị		

<p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh của Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b. Kiểm nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p> <p>e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ</p>	<p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>f. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;</p> <p>h. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p>	<p>- Theo quy định mới</p> <p>Lưu ý: So sánh các điểm theo quy định mới nên thay đổi vị trí các điểm của Điều lệ cũ</p> <p>- Bổ sung theo quy định mới</p> <p>- Theo quy định mới</p> <p>- Bổ sung Điểm e,f,g,h Khoản 2 Điều này theo quy định mới</p>	<p>- K1 Điều 153 LDN, K1 Điều 27 TT116/2020</p> <p>- K2 Điều 153 LDN, K2 Điều 27 TT116/2020</p> <p>- Điểm c K2 Điều 153 LDN, Điểm c K2 Điều 27 TT116/2020</p>
---	--	--	---

<p>35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</p> <p>k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định</p>	<p>c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;</p> <p>d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;</p> <p>i. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định</p>	<p>- Từ Điểm i – p K2 Điều này: sửa đổi theo quy định mới</p>	<p>- Điểm i – p K2 Điều 153 LDN, Điểm i – p K2 Điều 27 TT116/2020</p>
---	---	---	---

<p>thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;</p> <p>q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>thời hạn và thủ tục trả cổ tức;</p> <p>k. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;</p> <p>l. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;</p> <p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</p> <p>g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;</p> <p>o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;</p> <p>p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).</p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của Công ty;</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy</p>	<p>- Quy định mới đã bỏ Điểm b,e,g,o của Điều lệ cũ</p> <p>- Quy định mới</p>	<p>- Điều 153 LDN và Điều 27 TT116/2020 không còn quy định các vấn đề phải được Hội đồng quản trị</p> <p>- Điều 153 LDN, Điều 27 TT116/2020</p>
---	--	---	---

		<p>định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;</p> <p>d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p> <p>f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá mười (10) tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;</p> <p>j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</p> <p>k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của</p>	<p>phê chuẩn, chỉ quy định quyền hạn và nghĩa vụ như K2 Điều này (ở trên)</p>	
--	--	--	---	--

	<p>3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	<p>mình.</p> <p>4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>	<p>- Sửa đổi bổ sung theo quy định mới</p>	<p>- K3 Điều 27 TT116/2020</p>
27	<p>Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công</p>	<p>Điều 27. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</p> <p>2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa</p>	<p>- Bổ sung theo quy định mới</p> <p>- K2, K3, K4 sửa đổi theo quy định mới</p>	<p>- K1 Điều 163 LDN, K1 Điều 28 TT116/2020</p> <p>- Điểm a K2 Điều 163 LDN, K2 Điều 28 TT116/2020</p> <p>- K3 Điều 163 LDN,</p>

<p>ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị .</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những</p>	<p>hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p>	<p>- Quy định mới và cũ giống nhau</p> <p>- Bổ sung theo quy định mới</p>	<p>Điều 298 NĐ 155/2020, K3 Điều 28 TT116/2020</p> <p>- K4 Điều 28 TT116/2020</p> <p>- Điểm a K2 Điều 163 LDN, K5 Điều 28 TT116/2020</p> <p>- K6 Điều 28 TT116/2020</p>
--	---	---	---

	trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.			
28	<p>Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p> <p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm</p>	<p>Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p>	<p>- Sửa đổi theo quy định mới</p> <p>- Luật mới quy định quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo hướng liệt kê</p> <p>- Sửa đổi theo quy định mới</p> <p>- Bổ sung theo quy định mới</p>	<p>- K1, K2 Điều 156 LDN, K1 K2 Điều 29 TT116/2020</p> <p>- K3 Điều 156 LDN, K3 Điều 29 TT116/2020</p> <p>- K4 Điều 29 TT116/2020</p> <p>- K4 Điều 156 LDN, K5</p>

	<p>vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>			<p>Điều 29 TT116/2020</p>
29	<p>Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>- K1, K2 sửa đổi bổ sung theo quy định mới.</p>	<p>- K1 K2 Điều 157 LDN, K1 K2 Điều 30 TT116/2020</p>

<p>2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:</p> <p>a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Các trường hợp khác (nếu có).</p> <p>4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công</p>	<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm [(05) ngày làm việc] trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:</p> <p>a. Ban kiểm soát;</p> <p>b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;</p> <p>c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Các trường hợp khác (nếu có).</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều</p>	<p>- Sửa đổi theo quy định mới</p> <p>- Bổ sung theo quy định mới</p> <p>- Sửa đổi theo quy định mới</p>	<p>- K3 Điều 157 LDN, K3 Điều 30 TT116/2020</p> <p>- K4 Điều 157 LDN, K4 Điều 30 TT116/2020</p> <p>- K5 Điều 157 LDN, K5 Điều 30 TT116/2020</p>
--	--	--	---

	<p>ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu</p>	<p>11 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p> <p>6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p> <p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất [năm (05)] ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.</p>	<p>- Luật mới đã bỏ K5, K6 Điều lệ cũ</p> <p>- Sửa đổi theo quy định mới</p> <p>- Điều lệ cũ quy định “Ban kiểm</p>	<p>K5 Điều 157 LDN, Điều 29 TT116/2020</p> <p>- K6 Điều 157 LDN, K6 Điều 30 TT116/2020</p> <p>- K7 Điều 157 LDN, K7</p>
--	---	---	---	---

<p>tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 12 Điều này; Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện 	<p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p>soát” gộp chung trong các điều khoản với HĐQT. Điều lệ mới tách riêng “</p> <p>- Sửa đổi theo quy định mới</p> <p>- Bổ sung theo quy định mới. Trong đó quy định điểm c về “Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến”</p>	<p>Điều 30 TT116/2020</p> <p>- K8 Điều 157 LDN, K8 Điều 30 TT116/2020</p> <p>- K9 Điều 157 LDN, K9 Điều 30 TT116/2020</p>
---	--	---	---

<p>khác.</p> <p>10. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p> <p>11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất</p>	<p>9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p> <p>10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	<p>- Quy định mới gọn hơn quy định cũ</p>	<p>- K10 Điều 157 LDN, K10 Điều 30 TT116/2020</p>
--	--	---	---

<p>cả những người dự họp.</p> <p>12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>13. Biểu quyết:</p> <p>a. Trừ quy định tại điểm b khoản 13 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c. Theo quy định tại điểm d khoản 13 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của</p>	<p>chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</p> <p>11. Biểu quyết</p> <p>a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của</p>	<p>- Bổ sung theo quy định mới</p>	<p>- K11 Điều 157 LDN, K11 Điều 30 TT116/2020</p>
---	--	------------------------------------	---

<p>thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 42 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;</p> <p>e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>14. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.</p> <p>15. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>16. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng</p>	<p>thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 33 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;</p> <p>e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.</p> <p>13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</p> <p>14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng</p>	<p>- Sửa đổi theo quy định mới</p> <p>- TT 116/2020</p>	<p>- K12 Điều 157 LDN, K12 Điều 30 TT116/2020</p>
--	---	---	---

	<p>văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp .</p> <p>17. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.</p>	<p>văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</p> <p>15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.</p>	<p>đã bỏ khoản 14, 15 Điều lệ cũ. Đề xuất giữ nguyên</p>	
30	<p>Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp</p>	<p>Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và</p>	<p>- Bỏ “thành viên độc lập HĐQT”</p> <p>- Sửa đổi theo quy định mới</p>	<p>- K1 Điều 31 TT116/2020</p>

	<p>của tiểu ban.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p>	<p>biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.</p>	<p>- Sửa đổi theo quy định mới</p>	<p>- K2 Điều 31 TT116/2020</p>
31	<p>Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>3. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có hiểu biết về pháp luật;</p> <p>b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</p> <p>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý</p>	<p>Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có hiểu biết về pháp luật;</p> <p>b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</p> <p>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý</p>	<p>- Sửa đổi K1, bổ sung K2 theo quy định mới</p> <p>- Quy định mới không còn quy định về tiêu chuẩn và bãi nhiệm của Người phụ trách quản trị công ty (K2, K3 Điều lệ cũ). Công ty giữ lại</p>	<p>- K1 Điều 281 NB 155/2020, K1 Điều 32 TT 116/2020</p> <p>- K2, K3 Điều 32 TT95/2017</p>

	<p>Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>5. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;</p> <p>h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;</p> <p>g. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này</p>	<p>- Bổ sung theo quy định mới</p>	<p>- Điểm h K3 Điều 281 NB 155/2020, Điểm h K3 Điều 32 TT 116/2020</p>
33	<p>Điều 33. Người điều hành Công ty</p> <p>1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng</p>	<p>Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp</p>	<p>- Bổ sung theo</p>	<p>- K1 Điều 34</p>

	<p>giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo phê chuẩn của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	<p>1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.</p>	<p>quy định mới</p> <p>- Không thay đổi</p> <p>- Bổ sung theo quy định mới</p> <p>- Sửa đổi theo quy định mới</p>	<p>TT116/2020</p> <p>- K2 Điều 34 TT116/2020</p> <p>- K3 Điều 34 TT116/2020</p> <p>- K4 Điều 34 TT116/2020</p>
34	<p>Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một (01) thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc.</p>	<p>Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một (01) thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu</p>		

<p>2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p> <p>3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm, trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác (được nêu trong hợp đồng) và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải có các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;</p> <p>c. Có trình độ Đại học;</p> <p>d. Tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.</p> <p>4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng</p>	<p>trong báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm, trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác (được nêu trong hợp đồng) và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải có các điều kiện và tiêu chuẩn sau đây:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.</p> <p>c. Có trình độ Đại học.</p> <p>3. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>b. Tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất</p>	<p>- Bổ sung theo quy định mới</p> <p>- “Tiêu chuẩn, điều kiện của Tổng Giám đốc” luật quy định do Điều lệ công ty quy định</p> <p>Theo kiến nghị của Tcty</p> <p>- Sửa đổi bổ sung theo quy định mới</p> <p>- Luật mới</p>	<p>- K2 Điều 162 LDN, K2 Điều 35 TT116/2020</p> <p>- K2 Điều 162 LDN, K3 Điều 35 TT116/2020</p> <p>- Điểm a K5 Điều 162 LDN</p> <p>- Điểm b K5 Điều 162 LDN</p> <p>- K3 Điều 162</p>
---	--	---	--

<p>có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Các hợp đồng có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</p> <p>e. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>f. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng</p>	<p>kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất; thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Các hợp đồng có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyết định mức lương, trợ cấp, lợi ích khác cho các chức danh do Tổng Giám đốc bổ nhiệm và người lao động trong công ty.</p> <p>i. Tuyển dụng lao động, thay mặt Công ty ký kết hợp đồng lao động trong thẩm quyền và phù hợp với qui định của pháp luật và Điều lệ</p>	<p>không quy định, giữ nguyên quyền “ký kết hợp đồng có giá trị dưới 35%” như Điều lệ cũ</p> <p>- Sửa đổi theo quy định mới</p> <p>- Bổ sung theo quy định mới</p> <p>- Sửa đổi theo quy định mới</p> <p>- Sửa đổi theo quy định mới</p>	<p>LDN, K4 Điều 35 TT116/2020</p> <p>- Điểm b, c K3 Điều 162 LDN, Điểm b, c K4 Điều 35 TT116/2020</p> <p>- Điểm d K3 Điều 162 LDN, Điểm d K4 Điều 35 TT116/2020</p> <p>- Điểm đ K3 Điều 162 LDN, Điểm đ</p>
---	---	--	---

	<p>giám đốc; h. Tuyển dụng lao động;</p> <p>i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; j. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>công ty. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.</p> <p>c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý; e. Cuộc họp định kỳ quý 1, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm. f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua; g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn,</p>	<p>- Bổ sung theo quy định mới</p> <p>- Quy định mới đã bỏ Điểm c, e, f, g K3 Điều này</p>	<p>K4 Điều 35 TT116/2020</p> <p>- Điểm e, g K3 Điều 162 LDN, Điểm e, g K4 Điều 35 TT116/2020</p> <p>- Điểm h, i K3 Điều 162 LDN, Điểm d, i K4 Điều 35 TT116/2020</p>
--	---	---	--	--

	<p>5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có từ hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.</p>	<p>hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.</p> <p>4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.</p>	<p>- Quy định mới giống quy định cũ</p>	<p>- K5 Điều 35 TT116/2020</p>
36	<p>Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố trước khi Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 40. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 40 Điều lệ này.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi</p>	<p>- Sửa đổi quy chiếu phù hợp: Quy định việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát tương tự thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>- Sửa đổi theo quy định mới</p>	<p>- K1 Điều 36 TT116/2020</p> <p>- K2 Điều 36 TT116/2020</p>

	biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.	tiên hành đề cử.		
37	<p>Điều 37. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.</p> <p>4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc</p>	<p>Điều 40. Kiểm soát viên</p> <p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các Kiểm soát viên;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>- Mẫu điều lệ mới quy định “Ban kiểm soát” thêm các điều khoản mới và thay đổi thứ tự, tên gọi các điều. Trong đó, bao gồm quy định cũ và sửa đổi, bổ sung theo quy định mới</p>	<p>- K1 Điều 168 LDN, K1 Điều 37 TT116/2020</p> <p>- K1, K2 Điều 169 LDN, K2 Điều 37 TT116/2020</p> <p>- K1 Điều 174 LDN, K3 Điều 37 TT116/2020</p> <p>- K2 Điều 174 LDN, K4 Điều 37</p>

<p>được phân công;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 35% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 35% đến dưới 65% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p>	<p>2. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 35% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 35% đến dưới 65% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p> <p>3. Các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>4. Kiểm soát viên không còn tư cách Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Kiểm soát viên đó không còn đủ tư cách làm Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên;</p> <p>b. Kiểm soát viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;</p>	<p>- Giữ lại K2 Điều lệ cũ trở thành K5</p>	<p>TT116/2020</p>
---	---	---	-------------------

		<p>c. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các Kiểm soát viên khác có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Kiểm soát viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép Kiểm soát viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e. Kiểm soát viên đó bị cách chức Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>		
38	<p>Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát</p> <p>1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau</p>	<p>“Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các Kiểm soát viên;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản</p>	- Được quy định xen kẽ tại Điều 40 của Điều lệ cũ	- K2 Điều 168 LDN, Điều 38 TT 116/2020

	<p>khí đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông”</p>		
39	<p>Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p> <p>Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết. 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình. 3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác. 4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông. 5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm 	<p>Điều 41. Ban kiểm soát</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập; b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết; d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị; e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc; f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty; 	<p>- Luật mới quy định các quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát tại Điều 170 LDN và bổ sung các quyền, nghĩa vụ khác tại Điều 39 TT116/2020 khác quy định cũ</p>	<p>- Điều 170 LDN, Điều 39 TT116/2020</p>

	<p>dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;</p> <p>h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.</p> <p>2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.</p> <p>Mức thù lao của các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát</p>		
40	<p>Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần</p>		- Bổ sung điều này theo quy	- Điều 289 NDD155/202

	<p>trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p>		định mới	0, Điều 40 TT 116/2020
41	<p>Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban</p>		- Bổ sung điều này theo quy định mới	- Điều 172 LDN, Điều 41 TT 116/2020

	kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.			
42	<p>Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty</p> <p>Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ</p>	<p>Điều 36. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</p> <p>Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử</p>	<p>- Luật mới không quy định thành một điều khoản</p> <p>- Quy định cũ và mới giống nhau</p> <p>- Sửa đổi theo quy định mới</p>	<p>- Trước Điều 47 TT 116/2020</p> <p>- K1 Điều 291 NB 155/2020, K1 Điều 47 TT116/2020</p> <p>- K2 Điều 291 NB 155/2020, K2 Điều 47 TT116/2020</p>

<p>lợi ích của Công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích</p>	<p>dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p> <p>4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p>	<p>- Sửa đổi, bổ sung theo quy định mới</p> <p>- Luật mới đã bỏ khoản này</p> <p>- Bổ sung theo quy định mới</p>	<p>- K3 Điều 291 NB 155/2020, K3 Điều 47 TT116/2020</p> <p>- Điều 291 NB 155/2020, Điều 47 TT116/2020</p> <p>- K4 Điều 291 NB</p>
---	--	--	---

	<p>cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p>	<p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên</p>	<p>- Được quy định ở cuối cùng của Điều này (Điều 37 Điều lệ cũ)</p> <p>- Sửa đổi bổ sung theo quy định mới</p>	<p>155/2020, K4 Điều 47 TT116/2020</p> <p>- K5 Điều 291 NB 155/2020, K5 Điều 47 TT116/2020</p> <p>- K6 Điều 47 TT116/2020</p>
--	---	--	---	---

	<p>b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) trở lên trên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p>	<p>quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>- TT116/2020 đã bỏ loại HĐ tại Điểm c này</p> <p>- Đã được quy định tại K5 Điều này theo Điều lệ mới</p>	
43	<p>Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều</p>	<p>Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác</p>		

<p>hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p>	<p>vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p>	<p>- Bỏ cụm từ “với sự cẩn cán và năng lực chuyên môn” theo quy định mới</p> <p>- Sửa đổi và lược bớt câu từ theo quy định mới</p> <p>- Luật mới đã bỏ quy định này so với luật cũ nhưng đề xuất giữ lại</p>	<p>- K1 Điều 48 TT 116/2020</p> <p>- K2 Điều 48 TT 116/2020</p> <p>- Điều 48 TT 116/2020, K3 Điều 41 TT 95/2017</p>
--	---	--	---

	<p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p> <p>4. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	<p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p> <p>4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên</p>	- Sửa đổi theo quy định mới	- K3 Điều 48 TT 116/2020
44	<p>Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác,</p>	<p>Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Khoản 2, Điều 24 và Khoản 2, Điều 40 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</p>	- Sửa đổi bổ sung theo quy định mới	- K1 Điều 49 TT116/2020

	<p>trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p> <p>2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>4. Công ty sẽ phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.</p> <p>5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty</p>	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.</p> <p>4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty.</p>	<p>- Bổ sung theo quy định mới</p> <p>- Sửa đổi thuật ngữ theo quy định mới</p> <p>- Sửa đổi thuật ngữ, bổ sung nội dung theo quy định mới</p> <p>- Giữ nguyên</p>	<p>- K2 Điều 49 TT116/2020</p> <p>- K3 Điều 49 TT116/2020</p> <p>- K4 Điều 49 TT116/2020</p>
45	<p>Điều 45. Công nhân viên và công đoàn</p> <p>1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội</p>	<p>Điều 43. Công nhân viên và công đoàn</p> <p>Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội</p>	<p>- Luật mới quy định tách biệt nội</p>	<p>- Điều 50 TT116/2020</p>

	<p>đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.</p> <p>2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p>	<p>đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý khác và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p>	<p>dung của Điều lệ cũ thành 2 khoản</p>	
46	<p>Điều 46. Phân phối lợi nhuận</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.</p> <p>2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.</p> <p>4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p> <p>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền</p>	<p>Điều 44. Phân phối lợi nhuận</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.</p> <p>2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.</p> <p>3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</p> <p>4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p> <p>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền</p>	<p>- Bổ sung theo quy định mới</p> <p>- Quy định mới đã bỏ K2, K3 này (giữ khoản 2 điều lệ cũ trở thành khoản 3)</p>	<p>- K2 Điều 51 TT116/2020</p> <p>- K2 K3 Điều 44 TT 95/2017</p>

<p>khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.</p> <p>6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.</p> <p>7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p>	<p>khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.</p> <p>6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.</p> <p>7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p>	<p>- Bổ sung thuật ngữ theo quy định mới</p> <p>- Điều 51 TT116/2020 và Điều 44 TT97/2017 đều không quy định khoản này. Đề xuất giữ nguyên</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung theo quy định mới</p>	<p>- K4 Điều 51 TT116/2020</p> <p>- K5 Điều 51 TT116/2020</p>
---	--	--	---

	8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.		- Bổ sung theo quy định mới	- K6 Điều 51 TT116/2020
47	<p>Điều 47. Tài khoản ngân hàng</p> <p>1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.</p> <p>2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.</p>	<p>Điều 46. Tài khoản ngân hàng</p> <p>1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.</p> <p>2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.</p>	- Bổ sung theo quy định mới	- K1 Điều 52 TT116/2020
48	<p>Điều 48. Năm tài chính</p> <p>Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày Một (01) tháng Một (01) hằng năm và kết thúc vào ngày Ba mươi một (31) tháng Mười Hai (12) hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày Ba mươi một (31) tháng Mười Hai (12) của năm đó.</p>	<p>Điều 47. Năm tài khóa</p> <p>Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.</p>	- Sửa đổi theo quy định mới, ngắn gọn dễ hiểu hơn	- Điều 53 TT116/2020
50	<p>Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý</p> <p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ</p>	<p>Điều 49. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý</p> <p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 51 của Điều lệ này, và trong</p>	- Sửa đổi theo quy định mới	- K1 Điều 55 TT116/2020

<p>quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</p> <p>3. Công ty phải lập các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>	<p>thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán (đối với Công ty niêm yết và đăng ký giao dịch) và cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.</p> <p>3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.</p> <p>4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài</p>	<p>- Sửa đổi theo quy định mới</p> <p>- Sửa đổi thuật ngữ theo quy định. “Báo cáo sáu tháng” thành “báo cáo bán niên” - Quy định mới đã bỏ khoản này</p>	<p>- K2 Điều 55 TT116/2020</p> <p>- K3 Điều 55 TT116/2020</p>
--	--	--	---

		chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.		
51	Điều 51. Báo cáo thường niên Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Điều 50. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.	- TT 116/2020 và TT 95/2017 đều quy định “Báo cáo thường niên”. Nội dung điều khoản tương tự nên công ty xem xét theo quy định mới hoặc giữ nguyên như Điều lệ cũ hoặc bổ sung thêm điều khoản mới	- Điều 56 TT116/2020, Điều 49 TT 95/2017
52	Điều 52. Kiểm toán 1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.	Điều 51. Kiểm toán 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính. 2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc	- Sửa đổi theo quy định mới - Quy định này trùng với K1	- K1 Điều 57 TT116/2020

	<p>2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p> <p>3. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p>	<p>lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.</p> <p>4. Bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.</p> <p>5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.</p>	<p>theo Điều lệ cũ và mẫu mới đã bỏ</p> <p>- Quy định mới đã bỏ khoản này</p> <p>- Sửa đổi theo quy định mới</p> <p>- Điều lệ mẫu quy định “Kiểm toán viên độc lập”. Điều lệ cũ đã bỏ từ “độc lập” nên cũng bỏ trong Điều lệ mới</p>	<p>- K2 Điều 57 TT116/2020</p> <p>- K3 Điều 57 TT116/2020</p>
53	<p>Điều 53. Dấu của Doanh nghiệp</p> <p>1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p> <p>2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</p>	<p>Điều 52. Con dấu</p> <p>1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.</p>	<p>- Sửa đổi bổ sung theo quy định mới</p>	<p>- Điều 43 LDN, Điều 58 TT 116/2020</p>

	3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.		
54	<p>Điều 54. Giải thể công ty</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;</p> <p>b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	<p>Điều 53. Chấm dứt hoạt động</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;</p> <p>b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.</p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	- Sửa đổi, bổ sung theo quy định mới	- Điều 59 TT 116/2020
55	<p>Điều 55. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông</p> <p>Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:</p> <p>1. Các thành viên Hội đồng quản trị không</p>	<p>Điều 54. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông</p> <p>Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:</p> <p>1. Các thành viên Hội đồng quản trị không</p>	TT95/2017 và TT116/2020 đều không quy định Điều này. Là quy định riêng của công ty nên giữ nguyên	

	<p>thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.</p> <p>2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều nhóm cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.</p>	<p>thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.</p> <p>2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều nhóm cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.</p>		
56	<p>Điều 56. Gia hạn hoạt động</p> <p>1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.</p>	<p>Điều 55. Gia hạn hoạt động</p> <p>1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>- TT116/2020 và TT95/2017 không quy định “thêm một thời gian”. Đề xuất giữ nguyên</p> <p>- Sửa đổi từ ngữ theo mẫu mới.</p> <p>TT116/2020 và TT95/2017 đều quy định tỷ lệ 65%, Điều lệ cũ quy định 51% nên giữ nguyên</p>	<p>- Điều 60 TT 116/2020</p>
57	<p>Điều 57. Thanh lý</p> <p>1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm</p>	<p>Điều 56. Thanh lý</p> <p>1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm</p>		<p>- Điều 61 TT 116/2020</p>

<p>ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p> <p>2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.</p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Các chi phí thanh lý; b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; c. Nợ thuế; d. Các khoản vay (nếu có); e. Các khoản nợ khác của Công ty; f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước. 	<p>ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p> <p>2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.</p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Các chi phí thanh lý; b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên; c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước; d. Các khoản vay (nếu có); e. Các khoản nợ khác của Công ty; f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước. 	<p>- Sửa đổi thuật ngữ, bổ sung theo quy định mới</p>	<p>- K5 Điều 208 LDN, K 3 Điều 61 TT 116/2020</p>
--	---	---	---

59	<p>Điều 59. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ</p> <p>1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.</p> <p>2. Trường hợp pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định của pháp luật đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty</p>	<p>Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ</p> <p>1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.</p> <p>2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.</p>	- Sửa đổi theo quy định mới	- Điều 63 TT 116/2020
60	<p>Điều 60. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm XXI Chương, 60 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn nhất trí thông qua ngày tháng năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty, trong đó:</p> <p>a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;</p> <p>b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;</p> <p>d. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức</p>	<p>Điều 59. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm XXI Chương 60 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn nhất trí thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2020 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này .</p> <p>2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <p>a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương</p> <p>b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố</p> <p>c. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức</p>	- Mẫu mới không quy định liệt kê như mẫu cũ, Công ty cân nhắc thay đổi hoặc giữ nguyên.	- Điều 64 TT 116/2020

	<p>của Công ty.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.</p>	<p>của Công ty</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.</p>		
--	---	--	--	--

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN**

**ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN**

Ban hành theo Nghị quyết số /NQ-ĐHĐCĐ ngày tháng năm 2021 của Đại hội
đồng cổ đông thường niên 2021 Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn

TP Hồ Chí Minh, tháng ____ năm 2021

MỤC LỤC

	Trang
PHẦN MỞ ĐẦU	5
CHƯƠNG I	
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Định nghĩa	5
CHƯƠNG II	
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời hạn hoạt động và người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
CHƯƠNG III	
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	8
CHƯƠNG IV	
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	8
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	8
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	9
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	10
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	10
Điều 9. Thu hồi cổ phần	10
CHƯƠNG V	
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	11
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty	11
CHƯƠNG VI	
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	11
Điều 11. Quyền của cổ đông	11
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	13
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 16. Thay đổi các quyền	18
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	22
Điều 21. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị định của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	26

	CHƯƠNG VII	26
	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Điều 24.	Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 25.	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 26.	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	28
Điều 27.	Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 28.	Chủ tịch Hội đồng quản trị	30
Điều 29.	Cuộc họp của Hội đồng quản trị	30
Điều 30.	Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	33
Điều 31.	Người phụ trách quản trị Công ty	33
	CHƯƠNG VIII	34
	TỔNG GIÁM ĐỐC, THƯ KÝ CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	
Điều 32.	Tổ chức bộ máy quản lý	34
Điều 33.	Người điều hành Công ty	35
Điều 34.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	35
Điều 35.	Thư ký Công ty	36
	CHƯƠNG IX	36
	BAN KIỂM SOÁT	
Điều 36.	Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát	36
Điều 37.	Thành viên Ban kiểm soát	37
Điều 38.	Trưởng Ban kiểm soát	37
Điều 39.	Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	38
Điều 40.	Cuộc họp của Ban kiểm soát	38
Điều 41.	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát	39
	CHƯƠNG X	39
	TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	
Điều 42.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	39
Điều 43.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	40
	CHƯƠNG XI	41
	QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	
Điều 44.	Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	41
	CHƯƠNG XII	42
	CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	
Điều 45.	Công nhân viên và công đoàn	42
	CHƯƠNG XIII	42
	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	
Điều 46.	Phân phối lợi nhuận	42
	CHƯƠNG XIV	43
	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	
Điều 47.	Tài khoản ngân hàng	43
Điều 48.	Năm tài chính	43

Điều 49.	Hệ thống kế toán	43
CHƯƠNG XV		
	BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	43
Điều 50.	Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	43
Điều 51.	Báo cáo thường niên	44
CHƯƠNG XVI		
	KIỂM TOÁN CÔNG TY	44
Điều 52.	Kiểm toán	44
CHƯƠNG XVII		
	DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	44
Điều 53.	Dấu của Doanh nghiệp	44
CHƯƠNG XVIII		
	GIẢI THỂ CÔNG TY	45
Điều 54.	Giải thể Công ty	45
Điều 55.	Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông	45
Điều 56.	Gia hạn hoạt động	45
Điều 57.	Thanh lý	45
CHƯƠNG XIX		
	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	46
Điều 58.	Giải quyết tranh chấp nội bộ	46
CHƯƠNG XX		
	BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	47
Điều 59.	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	47
CHƯƠNG XXI		
	NGÀY HIỆU LỰC	47
Điều 60.	Ngày hiệu lực	47

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày ____ tháng ____ năm 2021

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty, các cổ đông đã thanh toán đủ và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này;
 - b. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
 - d. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - e. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
 - f. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác được Hội đồng quản trị phê chuẩn;
 - g. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;
 - h. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - i. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - j. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - k. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một (01) cổ phần của Công ty cổ phần;
 - l. "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;
 - m. "Cổ phiếu" là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời hạn hoạt động của Công ty và người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Tên Công ty

○ Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN**

○ Tên tiếng Anh: **SAIGON TRANSPORTATION PARKING
JOINT STOCK COMPANY**

○ Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN**

○ Tên viết tắt: **STP.JSC**

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

○ Địa chỉ: 720 đường Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP.HCM.

○ MST: 0301114089

○ Điện thoại: 028.37161587

○ Fax: 028.37160891

○ E-mail: stp@benbaivantaisaigon.com.vn

○ Website: www.benbaivantaisaigon.com.vn

4. Các đơn vị trực thuộc:

a. CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN – BẾN XE AN SƯỞNG:

Địa chỉ: Số 16, ấp Đông Tân 1, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, TP.HCM.

b. CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN - BẾN XE NGÃ TƯ GA:

Địa chỉ: 720 đường Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP.HCM

5. Người đại diện theo pháp luật của Công ty:

a. Số lượng người đại diện theo pháp luật là một (01) người. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty;

b. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

c. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh ra nước ngoài thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền;

d. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty;

e. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

6. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.

7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 56 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

8. Tổ chức Chính trị - Xã hội tại Công ty:

a. Tổ chức Chính trị - Xã hội trong Công ty hoạt động theo Điều lệ của tổ chức đó, phù hợp với quy định của Hiến pháp, pháp luật;

b. Công ty tôn trọng và tạo mọi điều kiện để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại điểm a khoản 8 Điều này.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Quản lý và thực hiện các dịch vụ cung ứng đối với phương tiện vận tải hàng hóa lưu đậu tại bến xe;
- Tổ chức vận chuyển hành khách liên tỉnh qua bến xe và các phương tiện vận tải hành khách lưu đậu tại bến;
- Tham gia vận tải hành khách liên tỉnh theo hợp đồng kinh tế;
- Tổ chức cung ứng dịch vụ về bến bãi trên địa bàn thành phố để phục vụ lưu đậu đối với tất cả các phương tiện vận tải;
- Trung chuyển hàng hóa trong thành phố và vận chuyển hàng hóa đường bộ liên tỉnh bằng hợp đồng kinh tế;
- Kinh doanh kho chứa hàng hóa;
- Môi giới vận chuyển hàng hóa;
- Dạy nghề;
- Các lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là xây dựng và giữ vững thương hiệu; đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển ổn định, lâu dài, vững chắc, tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 VNĐ (Năm mươi tỷ đồng).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 5.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Tất cả cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo loại cổ phần này được quy định tại Điều 11 của Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi (20) ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần phổ thông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. Công ty không có cổ đông sáng lập.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 của Điều 6.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng nhận cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng nhận mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

6. Người sở hữu chứng nhận cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng nhận và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng nhận này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng nhận. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng nhận hoặc không chứng nhận) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng nhận và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng nhận tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo uỷ quyền của họ ký.

3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của Công ty. Trường hợp chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

4. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí

liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát;
- d. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
- d. Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỉ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;

j. Được đòi xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 2 Điều 24 và khoản 5 Điều 37 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ Biên bản và các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Người nắm giữ cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ có các quyền tương ứng với từng loại cổ phần ưu đãi đó theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

8. Người nắm giữ cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ có các nghĩa vụ tương ứng với từng loại cổ phần ưu đãi đó theo quy định của pháp luật.

9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán độc lập được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông

liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị như quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 13;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều 13 có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

5. Hình thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế quản trị nội bộ, trong đó bao gồm:

- a. Trực tiếp;
- b. Trực tuyến;
- c. Lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
- 2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây :

a. Các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo mẫu của công ty và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được các cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, Điều 19 và Điều 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

- e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f. Thông báo và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả cổ đông có quyền dự họp;
- g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ họ và tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, giấy tờ pháp lý cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị liên quan đến khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không sở hữu 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

8. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này. Quyết định về vấn đề này được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận.

Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về những nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4, 5 Điều này và Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp (nếu có):

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b. Định hướng phát triển Công ty;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- h. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- i. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, 3, 4, 5 Điều này và Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp (nếu có).

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục

triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, trừ trường hợp sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty thì phải được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; trừ các trường hợp sau đây:

- a. Định hướng phát triển Công ty;
- b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- f. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- g. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- h. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo quyết định và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 20 Điều lệ này..

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;

d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có);

f. Các thông tin khác (nếu có);

g. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và các trường hợp cụ thể sau đây:

a. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

- b. Cổ đông là tổ chức không cử người làm đại diện nữa;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh của Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong

việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 12 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

13. Biểu quyết:

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 13 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 13 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 42 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

14. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

15. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

16. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

17. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

5. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC, THƯ KÝ CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo phê chuẩn của Hội đồng quản trị.

2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm khẩn cấp để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một (01) thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm, trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác (được nêu trong hợp đồng) và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải có các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;

c. Có trình độ Đại học;

d. Tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Các hợp đồng có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

c. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- d. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- e. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- f. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- g. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- h. Tuyển dụng lao động;
- i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- j. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có từ hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 35. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý.

Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- 1. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- 2. Tham dự và lập biên bản các cuộc họp;
- 3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- 4. Đảm bảo Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với pháp luật;
- 5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IX

BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về

quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 35% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 35% đến dưới 65% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty sẽ phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

CHƯƠNG XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày Một (01) tháng Một (01) hằng năm và kết thúc vào ngày Ba mươi một (31) tháng Mười Hai (12) hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày Ba mươi một (31) tháng Mười Hai (12) của năm đó.

Điều 49. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp

luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của Doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII

GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều nhóm cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 56. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 57. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty

kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản vay (nếu có);

e. Các khoản nợ khác của Công ty;

f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phát sinh theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a. Cổ đông với Công ty; hoặc

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không

được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định của pháp luật đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XXI Chương 60 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn nhất trí thông qua ngày tháng năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty, trong đó:

- a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
- b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
- d. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Chữ ký người đại diện theo pháp luật của Công ty

Người đại diện theo pháp luật

Số: 47./TTr - HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v **Miễn nhiệm Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2016 – 2021), thông qua danh sách ứng viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Nhiệm kỳ IV (2021-2026).**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021 (“Luật Doanh nghiệp 2020”);

Căn cứ Nghị quyết số: 20/NQ-HĐTV ngày 18/3/2021 của Tổng Công ty Cơ khí giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH Một thành viên về phương án nhân sự Hội đồng tại Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (Công ty);

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông về phương án nhân sự Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ IV (2021-2026) như sau:

1. Thông qua việc miễn nhiệm Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ V (2016 – 2021).

1.1. Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III (2016 – 2021), gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Ngô Quang Trung	Chủ tịch HĐQT
2.	Ông Nguyễn Tấn Lực	Thành viên HĐQT
3.	Ông Nguyễn Xuân Điền	Thành viên HĐQT
4.	Ông Trần Hiếu	Thành viên HĐQT
5.	Bà Lê Thúy Hằng	Thành viên HĐQT

1.2. Ban Kiểm soát nhiệm kỳ III (2016 – 2021), gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Bà Lê Thị Thanh Thuận	Trưởng Ban
2.	Bà Nguyễn Thị Bạch Huệ	Thành viên
3.	Ông Võ Văn Đức	Thành viên

2. Thông qua danh sách ứng viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ IV (2021 – 2026), như sau:

2.1. Danh sách ứng viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2021 – 2026):

STT	Họ và tên	
1.	Ông Ngô Quang Trung	<i>Đính kèm Sơ yếu lý lịch</i>
2.	Ông Nguyễn Xuân Điền	<i>Đính kèm Sơ yếu lý lịch</i>
3.	Ông Trần Hiếu	<i>Đính kèm Sơ yếu lý lịch</i>
4.	Bà Lê Thuý Hằng	<i>Đính kèm Sơ yếu lý lịch</i>
5.	Bà Phan Thị Trang	<i>Đính kèm Sơ yếu lý lịch</i>

2.2. Danh sách ứng viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ IV (2021 – 2026):

STT	Họ và tên	
1.	Bà Lê Thị Thanh Thuận	<i>Đính kèm Sơ yếu lý lịch</i>
2.	Bà Nguyễn Vũ Anh Thư	<i>Đính kèm Sơ yếu lý lịch</i>
3.	Ông Võ Văn Đức	<i>Đính kèm Sơ yếu lý lịch</i>

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Quang Trung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

—o0o—

TP.Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2021

ĐƠN ĐỀ CỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2021 – 2026

(Áp dụng cho cổ đông)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn

- Họ tên cổ đông: **NGÔ QUANG TRUNG**
- Hộ chiếu số: B4623888. Nơi cấp: Cục QLXNC TP.HCM. Ngày cấp: 27/09/2010.
- Địa chỉ thường trú: 42 Tân Canh, P.1, Q. Tân Bình, TP.HCM.
- Số lượng cổ phần sở hữu (Tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021): 266.974 cổ phần chiếm tỷ lệ 5,34%

Đề nghị Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn cho tôi đề cử:

1. Bà: PHAN THỊ TRANG

CMND số: 025967170. Ngày cấp: 14/11/2014. Nơi cấp: CA. TP.HCM.

Địa chỉ thường trú: 98A Thân Nhân Trung, P.13, Q. Tân Bình, Tp.HCM.

Trình độ học vấn: Đại Học Chuyên ngành: Kế Toán

Hiện đang sở hữu: 0 cổ phần.

(Bằng chữ: không cổ phần).

và đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

(Bằng chữ: không cổ phần).

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Xin trân trọng cảm ơn!

....., ngày .. tháng .. năm ..

Người đề cử

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---o0o---

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2021

ĐƠN ĐỀ CỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2021 – 2026

(Áp dụng cho cổ đông)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn

- Họ tên cổ đông: Ngô Quang Hiến
- CMND số: 024467714 Ngày cấp: 16/10/2014 Nơi cấp: CA TPHCM
- Số lượng cổ phần sở hữu (Tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021): 719.712 cổ phần chiếm tỷ lệ 14,39%

Đề nghị Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn cho tôi đề cử:

1. Bà: PHAN THỊ TRANG

CMND số: 025967170. Ngày cấp: 14/11/2014. Nơi cấp: CA. TP.HCM.

Địa chỉ thường trú: 98A Thân Nhân Trung, P.13, Q. Tân Bình, Tp.HCM.

Trình độ học vấn: Đại Học Chuyên ngành: Kế Toán

Hiện đang sở hữu: 0 cổ phần.

(Bằng chữ: không cổ phần).

và đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

(Bằng chữ: không cổ phần).

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Xin trân trọng cảm ơn!

....., ngày .. tháng ... năm ..

Người đề cử

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

—o0o—

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2021

ĐƠN ĐỀ CỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2021 – 2026

(Áp dụng cho cổ đông)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn

- Họ tên cổ đông: **Mai Hồng Quỳnh**
- CMND số: 022766045 Ngày cấp: 20/9/2019 Nơi cấp: CA TPHCM
- Số lượng cổ phần sở hữu (Tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021): 500.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 10%

Đề nghị Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn cho tôi đề cử:

1. Bà: PHAN THỊ TRANG

CMND số: 025967170. Ngày cấp: 14/11/2014. Nơi cấp: CA. TP.HCM.

Địa chỉ thường trú: 98A Thân Nhân Trung, P.13, Q. Tân Bình, Tp.HCM.

Trình độ học vấn: Đại Học Chuyên ngành: Kế Toán

Hiện đang sở hữu: 0 cổ phần.

(Bằng chữ: không cổ phần).

và đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

(Bằng chữ: không cổ phần).

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Xin trân trọng cảm ơn!

....., ngày...~~05~~ tháng ...~~5~~ năm ...~~2021~~

Người đề cử

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

MAI HONG QUYNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

—o0o—

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2021

ĐƠN ĐỀ CỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2021 – 2026

(Áp dụng cho cổ đông)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn

- Họ tên cổ đông: **Phan Kim Mỹ**
- CMND số: 025022622 Ngày cấp: 29/09/2011 Nơi cấp: CA TPHCM
- Số lượng cổ phần sở hữu (Tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021): **250.000** cổ phần chiếm tỷ lệ **5%**

Đề nghị Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn cho tôi đề cử:

1. Ông NGÔ QUANG TRUNG

Hộ chiếu số: B4623888. Nơi cấp: Cục QLXNC TP.HCM. Ngày cấp: 27/09/2010.

Địa chỉ thường trú: 42 Tân Canh, P.1, Q. Tân Bình, TP.HCM.

Trình độ học vấn: Đại học. Chuyên ngành: Cử Nhân Tài Chính.

Hiện đang sở hữu: 266.974 cổ phần.

(Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi sáu ngàn chín trăm bảy mươi bốn cổ phần).

và đại diện sở hữu: 0 cổ phần

của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Xin trân trọng cảm ơn!

....., ngày...⁰⁵... tháng ..⁵... năm ..²⁰²¹

Người đề cử

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phan Kim Mỹ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

—o0o—

TP.Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2021

ĐƠN ĐỀ CỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2021 – 2026

(Áp dụng cho cổ đông)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn

- Họ tên cổ đông: **Mai Hồng Quỳnh**
- CMND số: 022766045 Ngày cấp: 20/9/2019 Nơi cấp: CA TPHCM
- Số lượng cổ phần sở hữu (Tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021): 500.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 10%

Đề nghị Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn cho tôi đề cử:

1. Ông NGÔ QUANG TRUNG

Hộ chiếu số: B4623888. Nơi cấp: Cục QLXNC TP.HCM. Ngày cấp: 27/09/2010.

Địa chỉ thường trú: 42 Tân Canh, P.1, Q. Tân Bình, TP.HCM.

Trình độ học vấn: Đại học. Chuyên ngành: Cử Nhân Tài Chính.

Hiện đang sở hữu: 266.974 cổ phần.

(Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi sáu ngàn chín trăm bảy mươi bốn cổ phần).

và đại diện sở hữu: 0 cổ phần

của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Xin trân trọng cảm ơn!

....., ngày ..5.. tháng ..5... năm ..2021

Người đề cử

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Maithmalee

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---o0o---

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2021

ĐƠN ĐỀ CỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2021 – 2026

(Áp dụng cho cổ đông)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn

- Họ tên cổ đông: **Nguyễn Hương Giang**
- CMND số: 030173003879 Ngày cấp: 19/03/2018 Nơi cấp: CA TPHCM
- Số lượng cổ phần sở hữu (Tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021): 250.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 5%

Đề nghị Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn cho tôi đề cử:

1. Ông NGÔ QUANG TRUNG

Hộ chiếu số: B4623888. Nơi cấp: Cục QLXNC TP.HCM. Ngày cấp: 27/09/2010.

Địa chỉ thường trú: 42 Tân Canh, P.1, Q. Tân Bình, TP.HCM.

Trình độ học vấn: Đại học. Chuyên ngành: Cử Nhân Tài Chính.

Hiện đang sở hữu: 266.974 cổ phần.

(Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi sáu ngàn chín trăm bảy mươi bốn cổ phần).

và đại diện sở hữu: 0 cổ phần

của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Xin trân trọng cảm ơn!

....., ngày... tháng ... năm ...2021

Người đề cử

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Hương Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

--o0o--

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2021

ĐƠN ĐỀ CỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2021 – 2026

(Áp dụng cho cổ đông)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn

- Họ tên cổ đông: Ngô Quang Hiến
- CMND số: 024467714 Ngày cấp: 16/10/2014 Nơi cấp: CA TPHCM
- Số lượng cổ phần sở hữu (Tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021): 719.712 cổ phần chiếm tỷ lệ 14,39%

Đề nghị Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn cho tôi đề cử:

1. Ông NGÔ QUANG TRUNG

Hộ chiếu số: B4623888. Nơi cấp: Cục QLXNC TP.HCM. Ngày cấp: 27/09/2010.

Địa chỉ thường trú: 42 Tân Canh, P.1, Q. Tân Bình, TP.HCM.

Trình độ học vấn: Đại học. Chuyên ngành: Cử Nhân Tài Chính.

Hiện đang sở hữu: 266.974 cổ phần.

(Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi sáu ngàn chín trăm bảy mươi bốn cổ phần).

và đại diện sở hữu: 0 cổ phần

của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Xin trân trọng cảm ơn!

....., ngày *05* tháng *5* năm *2021*

Người đề cử

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---o0o---

ĐƠN ĐỀ CỬ

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VIÊN NHIỆM KỲ 2021 – 2026

(Áp dụng cho cổ đông)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn

- Họ tên cổ đông: Ngô Quang Hiến
- CMND số: 024467714 Ngày cấp: 16/10/2014 Nơi cấp: CA TPHCM
- Số lượng cổ phần sở hữu (Tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021): 719.712 cổ phần chiếm tỷ lệ 14,39%

Đề nghị Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn cho tôi đề cử:

Ông: VÕ VĂN ĐỨC

CMND số: 022617807 Ngày cấp: 22/8/2011 Nơi cấp: CA. TP HCM

Địa chỉ thường trú: 359/1/9E Lê Văn Sỹ, P.13, Q3, Tp.HCM

Trình độ học vấn: Đại học Chuyên ngành: Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Hiện đang sở hữu: 0 cổ phần

(Bằng chữ: Không)

và đại diện sở hữu: 0 cổ phần

(Bằng chữ: Không)

của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.

Làm ứng cử viên Kiểm soát viên của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Xin trân trọng cảm ơn!

....., ngày ..*05* tháng ..*5*... năm *2021*

Người đề cử

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---o0o---

ĐƠN ĐỀ CỬ

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VIÊN NHIỆM KỲ 2021 – 2026

(Áp dụng cho cổ đông)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn

- Họ tên cổ đông: **Mai Hồng Quỳnh**
- CMND số: 022766045 Ngày cấp: 20/9/2019 Nơi cấp: CA TPHCM
- Số lượng cổ phần sở hữu (Tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021): 500.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 10%

Đề nghị Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn cho tôi đề cử:

Ông: VÕ VĂN ĐỨC

CMND số: 022617807 Ngày cấp: 22/8/2011 Nơi cấp: CA. TP HCM

Địa chỉ thường trú: 359/1/9E Lê Văn Sỹ, P.13, Q3, Tp.HCM

Trình độ học vấn: Đại học Chuyên ngành: Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Hiện đang sở hữu: 0 cổ phần

(Bằng chữ: Không)

và đại diện sở hữu: 0 cổ phần

(Bằng chữ: Không)

của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.

Làm ứng cử viên Kiểm soát viên của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Xin trân trọng cảm ơn!

....., ngày... tháng ... năm 2021

Người đề cử

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

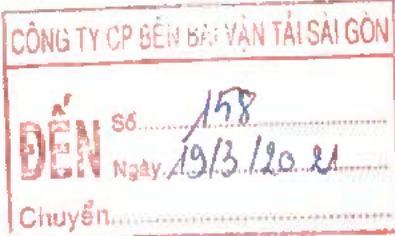
Ma Hồng Quỳnh

Số: 20 /QĐ-HĐTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Cử lại Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty
tại Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn



HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Căn cứ Quyết định số 2988/QĐ-UBND ngày 07/7/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con;

Căn cứ Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 13/4/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Điều lệ Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

Căn cứ Quy định số 05-QĐ/ĐU ngày 20/02/2019 của Đảng ủy Tổng Công ty về công tác cán bộ;

Căn cứ Quy chế số 13/QC-SC ngày 12/10/2016 của Tổng Công ty về hoạt động của người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH Một thành viên đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Thông báo số 57-TB/TV ngày 17/03/2021 của Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng Công ty về công tác cán bộ tại Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thành viên Tổng Công ty số 06/BB-HĐTV ngày 17/03/2021;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Tổng Công ty tại Tờ trình số 80NB/TTr-SC ngày 12/03/2021 về việc có ý kiến đối với nội dung thỉnh thị của người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1

Cử lại ông Trần Hiếu, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn làm Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn và đề cử để bầu tham gia Hội đồng quản trị, giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2021-2026.

Điều 2

Giao Giám đốc Nhân sự Tổng Công ty và Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn liên hệ với đơn vị để thực hiện thủ tục đề cử, bầu nhân sự theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 3

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tổng Giám đốc Tổng Công ty, Kế toán trưởng, Giám đốc Nhân sự Tổng Công ty, Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn và ông Trần Hiếu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT TCT;
- KSV TCT;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT (01b).H.10.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN HỒNG ANH

ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH
TỔNG CÔNG TY
CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
(SAMCO)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22 /QĐ-HĐTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Cử lại Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty
tại Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Căn cứ Quyết định số 2988/QĐ-UBND ngày 07/7/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con;

Căn cứ Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 13/4/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Điều lệ Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

Căn cứ Quy định số 05-QĐ/ĐU ngày 20/02/2019 của Đảng ủy Tổng Công ty về công tác cán bộ;

Căn cứ Quy chế số 13/QC-SC ngày 12/10/2016 của Tổng Công ty về hoạt động của người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH Một thành viên đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Thông báo số 56-TB/TV ngày 17/03/2021 của Ban thường vụ Đảng ủy Tổng Công ty về công tác cán bộ tại Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thành viên Tổng Công ty số 06/BB-HĐTV ngày 17/03/2021;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Tổng Công ty tại Tờ trình số 80NB/TTr-SC ngày 12/03/2021 về việc có ý kiến đối với nội dung thỉnh thị của người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1

Cử lại bà Lê Thúy Hằng, Trưởng phòng Phát triển thị trường và chăm sóc khách hàng Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn làm Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn và đề cử để bầu tham gia Hội đồng quản trị, giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2021-2026.

Điều 2

Giao Giám đốc Nhân sự Tổng Công ty và Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn liên hệ với đơn vị để thực hiện thủ tục đề cử, bầu nhân sự theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 3

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tổng Giám đốc Tổng Công ty, Kế toán trưởng, Giám đốc Nhân sự Tổng Công ty, Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn và bà Lê Thúy Hằng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /..

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT TCT;
- KSV TCT;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT (01b).H.10.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**

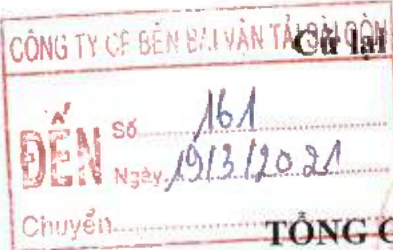


NGUYỄN HỒNG ANH

Số: 23 /QĐ-HĐTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH



Cử lại Người đại diện Tổng Công ty tham gia Ban Kiểm soát
Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Căn cứ Quyết định số 2988/QĐ-UBND ngày 07/7/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con;

Căn cứ Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 13/4/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Điều lệ Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

Căn cứ Quy định số 05-QĐ/ĐU ngày 20/02/2019 của Đảng ủy Tổng Công ty về công tác cán bộ;

Căn cứ Thông báo số 57-TB/TV ngày 17/03/2021 của Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng Công ty về công tác cán bộ tại Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thành viên Tổng Công ty số 06/BB-HĐTV ngày 17/03/2021;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Tổng Công ty tại Tờ trình số 80NB/TTr-SC ngày 12/03/2021 về việc có ý kiến đối với nội dung thỉnh thị của người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1

Cử lại bà Lê Thị Thanh Thuận, Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn làm Người đại diện Tổng Công ty để cử tham gia Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn và bầu giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2021-2026.

Điều 2

Giao Giám đốc Nhân sự Tổng Công ty và Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn liên hệ với đơn vị để thực hiện

thủ tục đề cử, bầu nhân sự theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 3

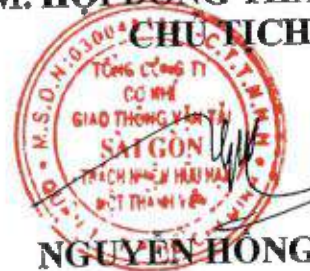
Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tổng Giám đốc Tổng Công ty, Kế toán trưởng, Giám đốc Nhân sự Tổng Công ty, Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn và bà Lê Thị Thanh Thuận chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐTV TCT;
- KSV TCT;
- Lưu: VT, Thư ký HĐTV (01b).H.10.

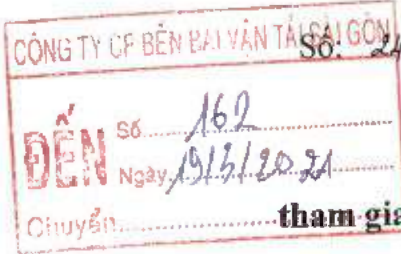
TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



NGUYỄN HỒNG ANH

ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH
TỔNG CÔNG TY
CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
(SAMCO)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



/QĐ-HĐTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Cử Người đại diện Tổng Công ty

Chuyển tham gia Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Bến Bã Vận tải Sài Gòn

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Căn cứ Quyết định số 2988/QĐ-UBND ngày 07/7/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con thành Công ty TNHH Một thành viên, hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con;

Căn cứ Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 13/4/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Điều lệ Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH Một thành viên;

Căn cứ Quy định số 05-QĐ/ĐU ngày 20/02/2019 của Đảng ủy Tổng Công ty về công tác cán bộ;

Căn cứ Thông báo số 57-TB/TV ngày 17/03/2021 của Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng Công ty về công tác cán bộ tại Công ty cổ phần Bến Bã Vận tải Sài Gòn;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thành viên Tổng Công ty số 06/BB-HĐTV ngày 17/03/2021;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Tổng Công ty tại Tờ trình số 80NB/TTr-SC ngày 12/03/2021 về việc có ý kiến đối với nội dung thỉnh thị của người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại Công ty cổ phần Bến Bã Vận tải Sài Gòn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1

Cử bà Nguyễn Vũ Anh Thư, Chuyên viên Kế toán Tổng Công ty làm Người đại diện Tổng Công ty để cử tham gia Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Bến Bã Vận tải Sài Gòn và bầu giữ chức vụ Kiểm soát viên Công ty nhiệm kỳ 2021 - 2026 thay cho bà Nguyễn Thị Bạch Huệ.

Điều 2

Giao Giám đốc Nhân sự Tổng Công ty và Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn liên hệ với đơn vị để thực hiện thủ tục đề cử, bầu nhân sự theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 3

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tổng Giám đốc Tổng Công ty, Kế toán trưởng, Giám đốc Nhân sự Tổng Công ty, Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn và bà Nguyễn Vũ Anh Thư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT TCT;
- KSV TCT;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT (01b).H.10.

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



NGUYỄN HỒNG ANH

ỦY BAN NHÂN DÂN TP HỒ CHÍ MINH
TỔNG CÔNG TY
CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
(SAMCO)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21 /QĐ-HĐTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN	
ĐẾN	Số: 159
	Ngày: 19/3/2021
Chuyển:	

QUYẾT ĐỊNH

Cử lại Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty
tại Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Căn cứ Quyết định số 2988/QĐ-UBND ngày 07/7/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con;

Căn cứ Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 13/4/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Điều lệ Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

Căn cứ Quy định số 05-QĐ/ĐU ngày 20/02/2019 của Đảng ủy Tổng Công ty về công tác cán bộ;

Căn cứ Quy chế số 13/QC-SC ngày 12/10/2016 của Tổng Công ty về hoạt động của người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH Một thành viên đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Thông báo số 57-TB/TV ngày 17/03/2021 của Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng Công ty về công tác cán bộ tại Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thành viên Tổng Công ty số 06/BB-HĐTV ngày 17/03/2021;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Tổng Công ty tại Tờ trình số 80NB/TTr-SC ngày 12/03/2021 về việc có ý kiến đối với nội dung thỉnh thị của người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1

Cử lại ông Nguyễn Xuân Điền, Phó Chánh Văn phòng Tổng Công ty làm Người đại diện phần vốn không chuyên trách của Tổng Công ty tại Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn và đề cử để bầu tham gia Hội đồng quản trị, giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2021-2026.

Điều 2

Giao Giám đốc Nhân sự Tổng Công ty và Người đại diện phân vốn của Tổng Công ty tại Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn liên hệ với đơn vị để thực hiện thủ tục đề cử, bầu nhân sự theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 3

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tổng Giám đốc Tổng Công ty, Kế toán trưởng, Giám đốc Nhân sự Tổng Công ty, Người đại diện phân vốn của Tổng Công ty tại Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn và ông Nguyễn Xuân Điền chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐTV TCT;
- KSV TCT;
- Lưu: VT, Thư ký HĐTV (01b).H.10.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN HỒNG ANH